

THERAVĀDA

Duyên Hệ
Trong
Đời Sống Bình Nhật



Paṭṭhāna in Daily Life

Tác giả: **U Hla Myint**

Người dịch: **Pháp Triêu**

PL: 2560

DL: 2016



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Duyên Hệ
Trong
Đời Sống Bình Nhật

(Paṭṭhāna in Daily Life)

Nguyên Tác Tiếng Anh của U Hla Myint

Bản Dịch Tiếng Việt của Pháp Triều

Hôi Hương

Trần Thị Quế Anh

Lời Người Dịch

Chương 8 của luận thư *Abhidhammatthasaṅgaha* do Ācariya Anuruddha biên soạn, cũng như của tài liệu *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* do Bhikkhu Bodhi làm chủ biên, bàn về Giáo Lý Duyên Khởi (*Paṭicca-samuppāda*) và Giáo Lý Duyên Hệ (*Paṭṭhāna*). Khi đề cập đến phần này, cả ngài Sayadaw U Silānanda và ngài Dr. Rewata Dhamma đều đã có dự tính sẽ viết sách hoặc thuyết giảng rộng và chi tiết hơn về các mối quan hệ nhân duyên. Thật là một điều không may mắn cho chúng ta khi ngài Dr. Rewata Dhamma đã qua đời trước khi thực hiện được ước muốn đó của mình. Riêng về phần ngài Sayadaw U Silānanda, với một loạt những bài giảng chi tiết về Giáo Lý Duyên Khởi (*Paṭicca-samuppāda*) tại Như Lai Thiền Viện, San Jose, California, ngài đã hoàn thành được một nửa dự tính của mình.¹ Nhưng ngài cũng đã qua đời trước khi ước nguyện của mình được thực hiện viên mãn. Để tưởng niệm công ơn của ngài và với thiện ý giúp ngài hoàn thành ước nguyện của mình, các Phật tử tại Như Lai Thiền Viện đã thỉnh U Hla Myint soạn thảo một tài liệu về Giáo Lý Duyên Hệ (*Paṭṭhāna*). Từ đó đã dẫn đến sự ra đời của tiểu luận *Paṭṭhāna in Daily Life*.

¹ Độc giả có thể tìm đọc *Dependent Origination (Paṭicca-samuppāda)* do U Hla Myint biên soạn hoặc *Mười Hai Nhân Duyên (Paṭicca-samuppāda)* do Thiện Anh Phạm Phú Luyện soạn dịch để học hỏi thêm về Lý Duyên Khởi (*Paṭicca-samuppāda*) từ những bài giảng đó.

Tác phẩm *Paṭṭhāna in Daily Life* giảng về 24 mối quan hệ nhân duyên của Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) với thiên hướng ứng dụng thực tiễn. Ở từng mối quan hệ nhân duyên, sau khi trình bày nội dung của nó và các chi tiết mang tính chuyên môn, tác giả đã phân tích sự vận hành của mối quan hệ này trong các hoạt động hằng ngày của chúng ta cũng như thông qua các tích truyện được trích dẫn từ Kinh Điển Pāli. Chúng tôi nhận thấy điều này vô cùng hữu ích cho hàng học Phật chúng ta, bởi thông qua việc nghiên cứu tài liệu này, ngoài việc nâng cao kiến thức về Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna), chúng ta còn có cơ hội thấu hiểu rõ hơn về các giáo lý khác được trình bày trong Kinh Điển Pāli và lại học được cách thực hành quán niệm trên các hoạt động của chính mình trong đời sống bình nhật thông qua Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna). Đó là lý do tại sao chúng tôi đã quyết định chuyển ngữ tác phẩm này sang tiếng Việt nhằm mang lại lợi ích cho quý độc giả.

Chúng tôi đã cố gắng tôn trọng nguyên tác trong quá trình chuyển ngữ. Dưới đây là một vài chia sẻ chúng tôi muốn gửi đến cùng độc giả trong quá trình biên dịch:

1. Nguyên tác có trích dẫn khá nhiều Pāli, đặc biệt là phần chánh văn của các mối quan hệ nhân duyên. Chúng tôi đã có kiểm tra lại các trích dẫn này với các nguồn đáng tin cậy như www.tipitaka.org và Digital Pali Reader (DPR) và đã phát hiện khá nhiều lỗi. Chúng tôi đã mạo phép chỉnh sửa lại các trích dẫn cho đúng với các nguồn đáng tin cậy này.

2. Nguyên tác cũng có một vài lỗi chi pháp, chúng tôi cũng đã mạo phép chỉnh sửa và có ghi chú phía dưới những nơi tương ứng.

3. Với sự nhiệt tâm giúp đỡ của đạo hữu Thiện Tuệ, chúng tôi đã thực hiện Bảng Liệt kê Thuật Ngữ Pāli-Việt bao gồm các thuật ngữ Pāli được dùng trong nguyên tác. Độc giả có thể tham khảo tại phần cuối sách.

Phước thiện này đã không thể được thành tựu viên mãn nếu không nhờ vào sự động viên, hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tâm của rất nhiều đạo hữu. Chúng tôi xin đặc biệt tri ân Sayadaw Dr. Nodhiñāṇa tại JTBMU đã tận tâm giải đáp những thắc mắc của chúng tôi trong quá trình biên dịch. Đạo hữu Thiện Tuệ đóng vai trò chính yếu trong việc đọc kỹ bản thảo, góp ý chỉnh sửa lời văn, và thực hiện Bảng Liệt kê Thuật Ngữ Pāli-Việt. Đạo hữu cũng là người trình bày bản thảo và là người đại diện chúng tôi liên hệ với nhà xuất bản và nhà in. Các đạo hữu Tâm Lan, Tuệ Phương, Tâm Hiền và Vũ Thị Châu Giang đã dành rất nhiều thời gian và công sức kêu gọi hùn phước và giúp lưu hành ấn phẩm đến tay độc giả. Chị Nguyễn Thị Hồng Nga đã dành thời gian quý báu xem qua bản thảo. Chúng tôi vô cùng tri ân sự quan tâm và hỗ trợ quý báu của tất cả các đạo hữu. Chúng tôi cũng nhân dịp này gửi lời cảm ơn chân thành đến Tu nữ Phước Thủy và các Phật tử tại chùa Bửu Quang, Thủ Đức đã giúp chúng tôi dâng sách đến các tự viện cũng như phân phát sách đến các Phật tử tại Việt Nam. Chúng tôi cũng xin ghi nhận và tán dương công đức của tất cả các đạo hữu trong nước và hải ngoại đã đóng góp tịnh tài hùn phước in ấn và vận chuyển tác phẩm

đến tay độc giả. Nguyên cầu hồng ân Tam Bảo hộ trì cho các đạo hữu thân tâm thường an lạc và vững bước trên đường tu học.

Dầu cẩn thận đến mức nào, chúng tôi vẫn khó có thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình biên dịch. Kính mong các bậc tôn túc trưởng thượng và độc giả lượng tình bỏ qua và chỉ bảo, chúng tôi sẽ tiếp nhận bằng sự tri ân.

Chúng tôi xin chia đều phần phước phát sanh từ việc thiện này đến thầy tổ, gia quyến và tất cả chúng sanh trong tam giới, đặc biệt là cô thân mẫu của chúng tôi. Mong cầu phước thiện này hãy hộ trì cho tất cả luôn được an vui, có trí tuệ và tu hành tinh tấn chóng đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Pháp Thí Thắng Mọi Thí (Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ Jīnāti). Chúng tôi nguyện cầu do phước thiện này, quả vị Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddho) sẽ trở thành hiện thực cho chúng tôi trong ngày vị lai.

JTBMU, ngày 22 tháng 09 năm 2016

Pháp Triều

Tiêu Sử Tác Giả

U Hla Myint đã từng là một tu sĩ người Miến Điện có pháp danh *Venerable Vaṇṇita* trong vòng 22 năm. Trong thời gian còn là tu sĩ, *Venerable Vaṇṇita* đã là vị trợ giảng hướng dẫn thiền của trung tâm Mahasi tại Miến Điện. Sau khi quay lại với đời sống thế tục, ông vẫn tiếp tục là một học trò gần gũi và đã trợ giúp ngài Sayadaw U Paṇḍita trong việc giảng dạy và dịch thuật. Là một tiến sĩ về cả Phật học và ngôn ngữ Pāḷi từ Mahā-gandayone, một trong những viện nghiên cứu Pāḷi có uy tín và danh tiếng nhất tại Miến Điện, ông đã là tác giả và dịch giả của nhiều sách Phật học, đặc biệt là về Thắng Pháp (*Abhidhamma*) và thiền Minh sát (*Vipassanā*). Ông cũng đã từng là giáo sư Phật học của trường đại học Antioch tại Bodhi Gaya, Ấn Độ trong nhiều năm. Ông hiện tại làm việc rất gần gũi với Như Lai Thiền Viện tại San Jose, California.

Mục Lục

Lời Người Dịch	v
Tiểu Sử Tác Giả	ix
Mục Lục	x
Lời Nói Đầu	xx
Giới Thiệu	1
Ý Nghĩa Của “Paṭṭhāna”	1
Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp (Abhidhamma)	10
Tâm (Citta)	10
Ba Loại Tâm	10
Lộ Trình Tâm Ngũ Môn.....	16
Lộ Trình Tâm Ý Môn	17
Tâm Sở (Cetasika)	18
Mười Ba Tâm Sở Tợ Tha.....	18
Mười Bốn Tâm Sở Bất Thiện	20
Hai Mươi Lăm Tâm Sở Thiện.....	21
Sắc Pháp (Rūpa).....	23
Tám Sắc Bất Ly	24
Các Vật Vô Tri	24
Thân Xác Hữu Tình	25
Ý Nghĩa Của Kamma.....	26
Sắc Pháp Do Nghiệp (Kamma) Tạo.....	27
Sắc Pháp Do Tâm Tạo.....	28
Sắc Pháp Do Nhiệt Lượng Tạo	30
Sắc Pháp Do Dưỡng Tố Tạo.....	31
Níp-bàn (Nibbāna).....	33
Định Nghĩa Níp-bàn (Nibbāna).....	33

Khởi Thủy Và Tận Cùng Của Thế Gian	35
Khái Niệm Hay Chế Định (Paññatti)	36
Hình Thức Chế Định (Saṅghāna Paññatti)...	37
Nhân Chế Định (Puggala Paññatti)	38
Thời Gian Chế Định (Kāla Paññatti)	39
Hai Loại Sự Thật (Sacca).....	39
Nhân Duyên (Hetu-paccayo)	41
Sáu Nhân.....	41
Các Nhân Trong Đời Sống Bình Nhật	43
Các Nhân Của Bố Thí (Dāna)	43
Các Nhân Của Trì Giới (Sīla).....	45
Các Nhân Của Tham Thiền (Bhāvanā).....	47
Các Nhân Của Thiền Chỉ Tĩnh (Samatha)	47
Các Nhân Của Thiền Minh Sát (Vipassanā) 48	
Các Nhân Trong Các Tích Truyện.....	50
Các Hiện Tượng Danh Pháp Có Liên Quan	51
Các Hiện Tượng Sắc Pháp Có Liên Quan	51
Nhân Sân	52
Sự Khác Nhau	53
Nhân Trong Bài Thuyết Giảng Của Đức Phật..	54
Cảnh Duyên (Ārammaṇa-paccayo)	56
Bảy Loại Thức Giới So Với Sáu Loại Cảnh	57
Nghĩa Đen Của Thuật Ngữ Ārammaṇa.....	58
Cảnh Sắc	59
Cảnh Thinh.....	60
Cảnh Khí.....	61
Cảnh Vị	62
Cảnh Xúc	63
Cảnh Pháp	63

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Các Hành Động Bố Thí (Dāna).....	64
Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Việc Trì Hành Giới (Sīla).....	65
Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Thiền Chi Tịnh (Samatha).....	66
Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Của Thiền Minh Sát (Vipassanā)	67
Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Tích Truyện ...	68
Trưởng Duyên (Adhipati-paccayo)	70
Dục Trưởng	71
Bất Thiện Dục Trưởng.....	72
Thiện Dục Trưởng	74
Cân Trưởng	75
Câu Chuyện Của Mahā-janako	77
Tâm Trưởng	79
Tám Thặng Trầm Của Cuộc Đời	81
Thẩm Trưởng	83
Trí Văn.....	84
Trí Tư.....	85
Trí Tu.....	86
Một Loại Trưởng Duyên Khác: Cảnh Trưởng Duyên (Ārammañādhīpati)	87
Níp-bàn (Nibbāna).....	89
Vô Giá Duyên (Anantara-paccayo)	91
Ba Thuật Ngữ.....	93
Pháp Đi Trước Duyên Cho Những Pháp Theo Sau ..	94
Dòng Chảy Tiềm Thức (Bhavaṅga-santati)	95

Lộ Tâm Ngũ Môn (Pañca-dvāra-vīthi)	96
Lộ Tâm Ý Môn (Mano-dvāra-vīthi)	98
Những Ý Nghĩ Nhưng Không Có Người Suy Nghĩ....	99
Hàng Tỷ Sát-na Tâm	100
Làm Thế Nào Để Trở Nên Trưởng Thành, Chín Chắn	101
Sáu Loại Di Sản Tinh Thần	101
Bảy Loại Tiềm Miên (Anusaya)	102
Mười Loại Ba-la-mật (Pāramī)	105
Chủ Tâm, Khuynh Hướng Và Cơ Tánh	107
Sự Thảo Luận Dựa Trên Quan Điểm Khoa Học	108
Năm Loại Duyên Khác Được Bao Gồm Trong Loại Duyên Đây.....	110
Câu Sanh Duyên (Sahajāta-paccayo)	112
Câu Sanh Duyên Có Nghĩa Là Gì.....	114
Ngũ Uẩn	116
Hành Uẩn	116
89 Loại Tâm	117
Hỗ Tương Duyên (Aññamañña-paccayo).....	124
Y Chi Duyên (Nissaya-paccayo)	125
Cận Y Duyên (Upanissaya-paccayo).....	127
Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya).....	130
Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala) (Pakatūpanissaya-1).....	130
Bố Thí Và Trì Giới (Dāna, Sīla)	130
Tham Thiền (Bhāvanā)	131

Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala)	133
(Pakatūpanissaya-2)	133
Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata)	135
(Pakatūpanissaya-3)	135
Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala)	136
(Pakatūpanissaya-4)	136
Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala)	137
(Pakatūpanissaya-5)	137
Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata)	138
(Pakatūpanissaya-6)	138
Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata)	141
(Pakatūpanissaya-7)	141
Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala)	142
(Pakatūpanissaya-8)	142
Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala)	144
(Pakatūpanissaya-9)	144
Tiên Sanh Duyên (Purejāta-paccayo)	146
Ba Thời Điểm	148
Phần 1	148
Phần 2	149
Phần 3	150
Phần 4	151
Hậu Sanh Duyên (Pacchājāta-paccayo)	152
Ba Yếu Tố	152
Bốn Nhân Tạo Ra Sắc Pháp	153
Đơn Nhân Và Đa Nhân	154
Ba Tầng Hay Ba Cõi	155
Phương Cách Duyên	155

Trùng Dụng Duyên (Āsevana-paccayo)..... 156
 Tâm Thức Đầy Đủ Mà Được Gọi Là “Đồng Lực”
 (Javana) 157
 Ba Yếu Tố Của Trùng Dụng Duyên.....158

Nghiệp Duyên (Kamma-paccayo) 159
 Nghiệp (Kamma) Là Gì.....160
 Nghiệp (Kamma) Mang Lại Cho Chúng Ta Tài Sản Và
 Sức Khỏe Như Thế Nào..... 162
 Nghiệp (Kamma) Và Sự Tái Sinh.....164
 Các Sự Phân Loại Nghiệp (Kamma)166
 Bốn Chức Năng Của Nghiệp (Kamma)168
 Bốn Loại Nghiệp (Kamma) Theo Thứ Cấp Về
 Hiệu Lực169
 Nghiệp (Kamma) Có Thể Được Chuyển Đổi 172
 Phần Dành Cho Việc Nghiên Cứu Thêm 174

Dị Thực Duyên (Vipāka-paccayo) 177
Vật Thực Duyên (Āhāra-paccayo)..... 178
 Sắc Vật Thực178
 Danh Vật Thực 179

Quyền Duyên (Indriya-paccayo)..... 181
 Năm Giác Quan.....182
 Sắc Mạng Quyền183
 Danh Quyền183

Thiền-Na Duyên (Jhāna-paccayo) 185
 Thiền (Jhāna).....185
 Ba Dạng Ấn Tượng (Nimitta) Của Thiền185
 Sơ Thiền186
 Nhị Thiền.....187
 Tam Thiền187

Tứ Thiên 187

Đồ Đạo Duyên (Magga-paccayo)..... 189

Đạo Và Các Yếu Tố Của Nó (Tức Là Các Chi Đạo) ..189

Ba Giai Đoạn Của Đạo 191

 Căn Bản Đạo..... 191

 Chuẩn Đạo Hay Tiền Đạo (Vipassanā)194

 Làm Thế Nào Để Phát Triển Chuẩn Đạo (Hay Tiền Đạo).....194

 Sự Trải Nghiệm Thiền Minh Sát (Vipassanā).196

 Các Yếu Tố Của Chuẩn Đạo (Hay Tiền Đạo) ..198

 Thánh Đạo (Chánh Đạo)199

Tương Ứng Duyên (Sampayutta-paccayo) 200

 Lý Giải Của Ngài Ledi Sayadaw 200

Bất Tương Ứng Duyên (Vippayutta-paccayo) 202

 Vật Chất Duyên Tâm Trí..... 203

 Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên..... 203

 Tiền Sanh Bất Tương Ứng Duyên..... 203

 Tâm Trí Duyên Vật Chất..... 204

 Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên..... 204

 Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên 204

 Hãy Nhớ Rằng Tâm Và Vật Chất Là Có Liên Hệ Lẫn Nhau..... 204

 Hành Thiền 206

 Thiền Niệm 32 Thể Trước Của Cơ Thể..... 206

 Thiền Niệm Sự Chết..... 206

 Thiền Niệm Hơi Thở Ra Vào 207

 Thiền Minh Sát (Vipassanā) 208

 Vượt Lên Trên Hạnh Phúc.....210

Hai Cặp Duyên Cuối Cùng (Chi Dành Cho Nghiên Cứu Chuyên Sâu) 211

Hiện Hữu Duyên Và Bất Ly Duyên..... 211
 Vô Hữu Duyên Và Lý Khứ Duyên213
 Những Duyên Khác Nhau Đi Cùng Nhau Tại Thời Điểm Khác Nhau.....214

Kết Luận 216

Sự Ảnh Hưởng Thứ Ba Hay Thế Lực Thứ Ba.....216
 Khoa Học Ứng Hộ Chánh Niệm 217
 Giáo Lý Của Đức Phật Rất Cụ Thể Và Rõ Ràng.....218
 Bốn Sự Thật Cao Thượng (Tứ Diệu Đế).....219
 Vượt Ra Ngoài Hay Vượt Lên Trên Quy Luật Nhân Duyên 220

Phụ Lục

Phụ Lục 1222

89 Tâm 222
 12 Tâm Bất Thiện..... 222
 Tám Tâm Tham..... 222
 Hai Tâm Sân..... 222
 Hai Tâm Si..... 223
 18 Tâm Vô Nhân 223
 Bảy Tâm Quả Bất Thiện 223
 Tám Tâm Quả Thiện Vô Nhân 223
 Ba Tâm Duy Tác Vô Nhân..... 224
 24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới 224
 Tám Tâm Đại Thiện 224
 Tám Tâm Đại Quả 224
 Tám Tâm Đại Duy Tác 224

27 Tâm Đáo Đại	225
Năm Tâm Thiện Sắc Giới	225
Năm Tâm Quả Sắc Giới	225
Năm Tâm Duy Tác Sắc Giới	225
Bốn Tâm Thiện Vô Sắc	225
Bốn Tâm Quả Vô Sắc	226
Bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc	226
8 Tâm Siêu Thế	226
Bốn Tâm Thiện Siêu Thế	226
Bốn Tâm Quả Siêu Thế	226
Phụ Lục 2	227
12 Bất Thiện (Akusala)	227
21 Thiện (Kusala)	227
36 Quả (Vipāka)	227
20 Duy Tác (Kriyā)	228
Phụ Lục 3	229
Bảng Liệt Kê Thuật Ngữ Pāli – Việt	229
A	229
B	231
C	232
D	232
E	233
G	234
H	234
I	234
J	234
K	235
L	236
M	236
N	238
O	238
P	239

R	240
S	241
T	243
U	244
V	245
Y	246
Tài Liệu Tham Khảo	247
Phương Danh Thích Chủ	248
Địa Chỉ Phân Phối	250

Lời Nói Đầu

(Được chuyển ngữ từ nguyên tác tiếng Anh)

Giáo lý của Đức Phật được phân loại thành ba chủ đề hay ba đề tài mà được biết đến là Tam Tạng (ti-pitaka): tạng Luật (Vinaya), tạng Kinh (Suttanta) và tạng Thắng Pháp (Abhidhamma). Chính cái tên gọi Thắng Pháp (Abhidhamma) đã chỉ ra rằng phần giáo lý này được tôn giữ ở vị trí cao và tôn thờ như là giáo lý cao thượng và sâu sắc hơn hai phần giáo lý còn lại kia.

Tạng Thắng Pháp có bảy bộ sách: Pháp Tụ (Dhammasangani), Phân Tích (Vibhanga), Chất Ngữ (Dhātu-kathā), Ngữ Tông (Kathā-vatthu), Nhân Chế Định (Puggala-paññatti), Song Đối (Yamaka) và Duyên Hệ (Paṭṭhāna). Trong số chúng, bộ Duyên Hệ (Paṭṭhāna), mà bao gồm năm phần đồ sộ với tất cả 2.640 trang trong ấn bản Miến ngữ, được xem là sâu nhất và rộng nhất. Nội dung được đề cập đến trong cuốn “Duyên Hệ Trong Đời Sống Bình Nhật” (Paṭṭhāna in Daily Life) này được tìm thấy chỉ trong mười trang đầu tiên của bộ sách trên. Như vậy, các bạn có thể tưởng tượng ra được rằng chúng ta cần phải đi sâu hơn rất nhiều mới có thể đạt được sự hiểu biết đầy đủ và trọn vẹn về Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna). Tuy nhiên, cuốn sách này có mục đích cung cấp cho độc giả một chút hương vị về Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna), giống như lấy một giọt nước biển ra khỏi đại dương mênh mông.

Cuốn sách này được thiết kế để giúp cho các bạn hiểu được các loại duyên trong Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) trong đời sống bình nhật, nhưng những cố gắng đã được thực hiện để giữ cho tất cả nội dung của nó được hòa hợp với kinh văn nguyên thủy. Các trích dẫn

Pāli được trình bày trong sách này chỉ để dành cho những ai muốn tham khảo phần nguyên văn. Tuy nhiên, đối với độc giả nói chung, những phần này có thể được bỏ qua. Phần kiến thức cơ bản về Thắng Pháp (Abhidhamma) được giới thiệu ở đây sẽ rất là hữu ích cho sự thấu hiểu của các bạn về Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna). Thêm vào đó, một niềm tin đúng đắn vào sự hiện hữu của việc tái sinh sẽ là một nhu cầu hay một đòi hỏi mang tính nền tảng (cần phải có) để có thể cảm nhận được giá trị của Thắng Pháp (Abhidhamma) cũng như những lời giảng dạy khác của Đức Phật. Đó là vì cuối cùng thì tất cả giáo lý đều được kết nối với khái niệm tái sinh theo cách này hoặc theo cách khác.

Nguyện cầu cho các bạn được khỏe mạnh, hạnh phúc và an vui.

U Hla Myint

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Giới Thiệu

Ý Nghĩa Của “Paṭṭhāna”

Thuật ngữ “Paṭṭhāna” được cấu thành bởi tiền tố “pa” và danh từ “thana” mà có nghĩa đen là “những điều kiện khác nhau”. Ví dụ, để cho hoa hồng trước nhà của chúng ta được khoe sắc và ngát hương thì ngoài cấu trúc di truyền cơ bản của nó, vô số các điều kiện cần phải góp phần vào như là đất tốt, lượng nước vừa đủ, ánh nắng mặt trời, không khí, sự yêu thích hoa hồng của chúng ta và vân vân. Trừ phi chúng ta yêu thích hoa hồng, chúng ta sẽ chẳng màng chọn trồng hoa hồng trước nhà của mình đâu. Hoa hồng không thể mọc lên một cách tốt đẹp nếu nó nhận được quá nhiều hoặc quá ít phân bón, nước, ánh sáng mặt trời và vân vân. Hơn nữa, phụ thuộc vào thiên hướng di truyền, hoa hồng này có thể khác với hoa hồng khác về màu sắc, kích cỡ, vân vân, mặc dầu chúng đã được chăm sóc và vun bồi dưới cùng những điều kiện như nhau. Lực tự nhiên mạnh mẽ này được gọi là Thường Cận Y Duyên (pakatūpanissaya). Cũng theo cách đó, mọi vật trong thế gian đều được định đặt bởi vô số những nguyên nhân và điều kiện. Giáo lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) bàn luận về những điều kiện có năng lực này và đặc biệt là về những điều kiện cần thiết cho những hiện tượng mang tính nhận thức và mối quan hệ của chúng với việc cảm nhận lầm lạc của chúng ta về cái “tôi” và cái “của tôi”.

Chúng ta hãy lấy sự yêu thích hoa hồng của chúng ta làm ví dụ vậy:

1. Chúng ta thường thường thích hoa hồng do bởi hương sắc của nó. Như vậy, sự làm mê hoặc bởi sắc và hương của nó, mà được gọi là những cảnh giác quan (*ārammaṇa*), là những điều kiện gần tạo nên sự cuốn hút của nó đối với chúng ta. Năng lực làm mê mẩn này của một cảnh giác quan được gọi là “Cảnh Duyên” (*Ārammaṇa-paccayo*).

2. Cũng có những điều kiện xa dẫn đến việc chúng ta yêu thích hoa hồng hay khiến cho chúng ta yêu thích hoa hồng. Theo Thắng Pháp (*Abhidhamma*), chúng ta đã phải yêu thích hoa hồng vào một lúc nào đó trước đây trong kiếp sống này (*ārammaṇānusaya*: cảnh tiềm miên). Chúng ta cũng được cho là đã bị dính mắc vào những đối tượng mê hoặc như vậy trong những kiếp sống quá khứ (*santānānusaya*: vô gián tiềm miên). Cả hai trạng thái tinh thần liên quan đến sự yêu thích này là vô thường và đã biến mất vào những lúc đó. Nhưng chúng đã để lại ở sau một dạng năng lượng ngủ ngầm trong tâm ý của chúng ta giống như là một dấu ấn trong ký ức của chúng ta. Khi các điều kiện thích hợp hội đủ hay thuận duyên, dạng yêu thích ngủ ngầm này trong chúng ta được kích hoạt lên và thúc đẩy ý định trồng hoa hồng trước nhà của chúng ta. Năng lực mang tính bản năng của các hiện tượng danh sắc như vậy được gọi là “Thường Cận Y Duyên” (*Pakatūpanissaya-paccayo*).

3. Ở thời điểm hiện tại, khi trạng thái tâm lý yêu thích của chúng ta xuất hiện, nó lặp lại sáu hay bảy lần một cách liên tục trong tiến trình tâm lộ theo quy luật tâm thức (*citta-niyāma*). Và loại tiến trình tâm lộ này cũng có thể được lặp lại vô số lần trong chuỗi diễn tiến của những tâm thức được kết nối với sự yêu thích.

Sự lặp lại với cường độ lớn và nhiều như vậy làm cho sự yêu thích của chúng ta trở nên mạnh đến mức nó có thể kích hoạt chân tay và cơ thể của chúng ta khiến chúng ta đi trồng hoa hồng trước nhà của mình. Điều này theo nhiều phương diện thì tương tự như một loạt các điện tích cung cấp năng lượng cho một cỗ máy.

Trong trường hợp này, những sát-na tâm đi trước¹ góp phần vào hay hỗ trợ thêm vào cho những sát-na tâm đi sau² một cách liên tục. Năng lực của dòng chảy liên tục không ngừng nghỉ này của tâm thức được gọi là Trùng Dụng Duyên (*āsevana-paccayo*), Vô Gian Duyên (*anantara-paccayo*) và Đẳng Vô Gian Duyên (*samanantara-paccayo*). Năng lực này thật ra thuộc vào những trạng thái tinh thần đã biến mất trước thời điểm của những pháp được duyên lên. Do đó, nó cũng còn được gọi là Vô Hữu Duyên (*natthi-paccayo*) và Lý Khứ Duyên (*vigata-paccayo*).

4. Thậm chí chỉ một trạng thái tinh thần riêng lẻ như sự yêu thích thôi cũng đòi hỏi những điều kiện cụ thể để trở nên mạnh mẽ. Giống như những trạng thái

¹ Từ “sát-na tâm” là chỉ cho những đơn vị tâm thức riêng biệt mà tạo lập nên những lộ trình tâm thức của chúng ta, chứ không phải là một khoảng thời gian của tâm thức. Thời gian, địa điểm, sự hình thành, vân vân, là những khái niệm mà sự biểu hiện của chúng phụ thuộc vào danh và sắc, tức là tâm thức và vật chất. Ngoài danh và sắc ra, những thứ đó không được tìm thấy ở đâu cả cũng như không thể được nói là hiện ra hay biến mất dưới bất cứ dạng nào.

² Theo Thắng Pháp (*Abhidhamma*), trong vòng một vài giây đồng hồ, có hàng triệu lộ trình tâm thức sanh lên với mỗi lộ tâm bao gồm từ mười đến mười bảy sát-na tâm. Để chỉ cho những sát-na tâm riêng lẻ như vậy, hai thuật ngữ *citta* và *viññāna* sẽ được dùng và được xem là đồng nghĩa với nhau trong tài liệu này.

tinh thần khác, trạng thái yêu thích của chúng ta không bao giờ sanh lên một mình đơn độc mà nó luôn luôn được đi kèm theo với nhiều trạng thái tinh thần khác, hỗ trợ lẫn nhau bởi năng lực hỗ tương và việc cùng tồn tại với nhau. Chúng ta hãy hình dung những sợi chỉ riêng lẻ: chúng rất mảnh mai và yếu đuối, nhưng chúng trở nên rất mạnh mẽ khi được bện lại với nhau thành một sợi dây thừng. Cũng theo cách đó, sự yêu thích của chúng ta trở nên rất mạnh mẽ do năng lực của việc cùng tồn tại và sự hỗ tương với tâm thức và những trạng thái tinh thần khác đi cùng với nó. Năng lực hỗ tương của những trạng thái tinh thần này được đề cập đến hay được nhắc đến dưới một vài tên gọi: Câu Sanh Duyên (sahajāta-paccayo), Hỗ Tương Duyên (aññamañña-paccayo), Y Chi Duyên (nissaya-paccayo), Tương Ứng Duyên (sampayutta-paccayo), Hiện Hữu Duyên (atthi-paccayo), Bất Ly Duyên (avigata-paccayo).

5. Còn có nhiều điều kiện khác nữa cần thiết cho sự yêu thích trở nên thậm chí mạnh mẽ hơn. Trong số những tâm sở tương ưng với sự yêu thích, si hoạt động như là nhân tố gốc rễ của sự yêu thích, tức là nhân duyên (hetu-paccayo), vì loại yêu thích này có gốc rễ trong cái cảm giác mê lừa của hương sắc; dục, cần, và tâm thì hoạt động như là những yếu tố chiếm ưu thế, tức là trưởng duyên (adhipati-paccayo); tâm sở tư¹ thì hoạt động như là nhân tố làm việc của nó, tức là nghiệp duyên (kamma-paccayo); xúc, tâm sở tư², và tâm hoạt động như là những dưỡng tố của nó, tức là vật thực duyên (āhāra-

¹ ND: Ở đây, tác giả dùng từ “volition” để chỉ cho tâm sở tư (cetanā).

² ND: Ở đây, tác giả dùng từ “intention” để chỉ cho tâm sở tư (cetanā).

paccayo); danh mạng quyền, tâm, thọ, cần và định (nhất tâm) hoạt động như là những yếu tố quyền, tức là quyền duyên (indriya-paccayo); tâm, tứ¹, hỷ, lạc, định hoạt động như là những chi thiên hay là những yếu tố của thiên, tức là thiên na duyên (jhāna-paccayo); và tà kiến, tà tư duy, vân vân, hoạt động như là những chi đạo hay là những yếu tố của đạo, tức là đồ đạo duyên (maggapaccayo). Với những điều kiện này làm việc cùng với nhau, sự yêu thích hoa hồng của chúng ta trở nên đủ mạnh để kích hoạt việc trồng hoa hồng trước nhà của chúng ta.

6. Điểm cuối cùng nhưng không thiếu phần quan trọng là vai trò của các vật giác quan mà các trạng thái tinh thần tương ứng với sự yêu thích phụ thuộc vào. Tất cả những trạng thái tinh thần của chúng ta thực hiện được những chức năng của chúng đều phụ thuộc vào những vật giác quan tương ứng của chúng, như là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và trái tim². Giống như năng lượng

¹ ND: Ở đây, tác giả chỉ dùng một từ “attention”, nhưng chúng tôi chuyển ngữ là “tâm, tứ” vì sau này, tác giả sẽ dùng “initial attention” để chỉ cho tâm (vitakka) và dùng “sustained attention” để chỉ cho tứ (vicāra). Lưu ý rằng ở một vài nơi khác trong nguyên tác, tác giả cũng có dùng “attention” để chỉ cho tác ý (manasi-kāra) và cũng có dùng “attention” để chỉ cho một mình “tâm” khi bàn về chánh tư duy (sammā-saṅkappa).

² Mắt có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong con mắt, nơi mà các hình ảnh phản chiếu lên giúp chúng ta thấy được. Tai có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong lỗ tai, nơi mà âm thanh tác động lên và rồi chúng ta nghe được. Mũi có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong lỗ mũi. Lưỡi có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong lưỡi, và thân có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong toàn bộ cơ thể ngoại trừ đầu móng tay móng chân và phần phía bên ngoài của lông tóc.

điện tử hoạt động ở trong một thiết bị điện tử, sự yêu thích hoa hồng của chúng ta xảy ra và thực hiện chức năng của nó trong tim của chúng ta. Sự phụ thuộc như vậy vào năng lực của các hiện tượng vật chất được gọi là Vật Tiền Sanh Y Chi Duyên (vatthu-purejāta nissaya-paccayo).

Như vậy, sự yêu thích hoa hồng của chúng ta không được tạo ra bởi một ai cả, không do bởi một người nào hay thần thánh nào. Nó cũng không phải là một vật thể hay một ai mà có thể được ghi nhận là “tôi” hay “của tôi”, vì giống như những thứ khác trên trái đất này, nó là sản phẩm của các điều kiện. Nó không tồn tại ở một nơi chốn cụ thể nào, mà chỉ được hiện hữu khi các điều kiện thích hợp hội đủ, tương tự như việc một ngọn lửa xuất hiện khi que diêm được cọ xát vào một bề mặt thích ứng. Một ví dụ khác được đưa ra trong Pāli là việc âm nhạc xuất hiện khi các nhạc cụ được chơi. Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) dạy cho chúng ta sự duyên khởi của các hiện tượng danh sắc. Đó là ý nghĩa của thuật ngữ Paṭṭhāna.

Về sắc ý vật (hadayavatthu) thì Đức Phật đã không giải thích nó là cái gì. Theo các Sớ Giải, nó chỉ là phần máu trong trái tim, chứ không phải toàn bộ trái tim. Nói chính xác hơn, nó là phần vật chất sanh lên trong máu ở trong trái tim. Nó được gọi là sắc ý vật vì nó hoạt động như là nền tảng hay nơi nương cho những suy nghĩ của chúng ta (theo Giáo Lý Duyên Khởi của Sayadaw U Silānanda).

Ở đây, Kinh Điển Pāli chỉ tuyên bố một cách chung chung rằng tâm thức phụ thuộc vào bất kỳ sắc pháp nào mà nó nương vào khi sanh lên. Tuy nhiên, các Sớ Giải thì lại đồng nhất chọn trái tim làm nơi nương của tâm thức của chúng ta. Tuy nhiên, trong thời hiện đại với sự thành công của việc ghép tim và sự hiểu biết sâu rộng hơn về những chức năng của não bộ, một vài học giả Pāli, tức là chỉ đến ngôn ngữ Pāli nguyên thủy, lại muốn lấy bộ não làm nơi nương cho tâm thức của chúng ta thay vì là trái tim.

Có 24 Duyên Hay 24 Điều Kiện:

1. Hetu-paccayo: Nhân duyên
2. Ārammaṇa-paccayo: Cảnh duyên
3. Adhipati-paccayo: Trưởng duyên (sahajāta, ārammaṇa)
4. Anantara-paccayo: Vô gián duyên
5. Samanantara-paccayo: Đẳng vô gián duyên
6. Sahajāta-paccayo: Câu sanh duyên
7. Aññamañña-paccayo: Hối tương duyên
8. Nissaya-paccayo: Y chỉ duyên (sahajāta, purejāta)
9. Upanissaya-paccayo: Cận y duyên (ārammaṇa, anantara, pakatupa¹)
10. Purejāta-paccayo: Tiền sanh duyên (vatthu, ārammaṇa)
11. Pacchājāta-paccayo: Hậu sanh duyên
12. Āsevana-paccayo: Trùng dụng duyên
13. Kamma-paccayo: Nghiệp duyên (sahajāta, nānākkhaṇika)
14. Vipāka-paccayo: Dị thực duyên

¹ ND: Chúng tôi có tra cứu “pakatupa” và không rõ sự thành lập của thuật ngữ này. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, ở đây tác giả muốn đề cập đến “pakati”, tức là “mang tính tự nhiên” vốn thường được dịch là “thường” như trong “thường cận y duyên (pakatūpanissaya paccayo)”.

15. Āhāra-paccayo: Vật thực duyên (sahajāta, kabaḷikāra)
 16. Indriya-paccayo: Quyền duyên (sahajāta, rūpajīvita, vatthu-purejāta)
 17. Jhāna-paccayo: Thiên na duyên
 18. Magga-paccayo: Đồ đạo duyên
 19. Sampayutta-paccayo: Tương ứng duyên
 20. Vippayutta-paccayo: Bất tương ứng duyên (sahajāta, pacchājāta, vatthu-purejāta)
 21. Atthi-paccayo: Hiện hữu duyên (sahajāta, ārammaṇa, vatthu-purejāta)
 22. Natthi-paccayo: Vô hữu duyên
 23. Vigata-paccayo: Lý khứ duyên
 24. Avigata-paccayo: Bất ly duyên
- Ghi chú: Những thuật ngữ Pāli trong ngoặc chỉ dành cho việc nghiên cứu chuyên sâu.

Ba Yếu Tố Cần Được Nghiên Cứu Một Cách Kỹ Lưỡng: Để hiểu được Giáo Lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) một cách thấu đáo hơn, chúng ta cần phải xem xét kỹ lưỡng ba yếu tố có liên quan đến mỗi một trong số 24 duyên. Trong trường hợp của mỗi quan hệ giữa hoa hồng và sự yêu thích của chúng ta đối với nó thì hương sắc xinh đẹp của hoa hồng là những Yếu Tố Làm Duyên (paccaya); sự yêu thích của chúng ta và những trạng thái tinh thần tương ứng với sự yêu thích đó là những Yếu Tố Được Duyên (paccayuppanna); cảnh duyên là Chế Độ Duyên hay Phương Thức Duyên (paccaya-satti). Ở đây, “duyên” có nghĩa là sản sinh ra (janaka), và hỗ trợ (upatthambhaka) hay duy trì (anupālaka) kết quả hay

hiệu quả để nó được tiếp tục sanh lên. Chúng ta nên hiểu ý nghĩa đúng đắn của những yếu tố này ở trong bối cảnh như vậy.

Các Pháp Có Liên Quan: Các pháp có liên quan trong 24 duyên thì có ba loại:

1. Danh pháp (nāma) (Níp-bàn (Nibbāna) ở một khía cạnh cũng được xem hay được tính là danh pháp (nāma))

2. Sắc pháp (rūpa)

3. Các khái niệm hay pháp chế định (paññatti) như là thời gian, địa điểm, chế độ, cách thức, hình dáng và vân vân.

Để hiểu được chính xác những pháp này là gì, chúng ta cần phải có một chút ít kiến thức cơ bản về Thắng Pháp (Abhidhamma) trước khi nghiên cứu 24 loại duyên này.

Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp (Abhidhamma)

Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), có bốn pháp chân đế (paramattha): tâm (citta), tâm sở (cetasika), sắc pháp (rūpa), và Níp-bàn (Nibbāna). Ngoài bốn pháp này ra, mọi thứ khác là những ảo giác không có thực chất hay những thứ được chế định hay những khái niệm (paññatti).

Tâm (Citta)

Ba Loại Tâm

Theo giáo lý của Đức Phật, các hiện tượng nhận thức tạo lập nên tâm (citta) và các tâm sở (cetasika), mà được gọi chung là tâm thức hay danh pháp (nāma). Tâm thì chỉ có một khi nói về sự trải nghiệm hay nhận thức các đối tượng giác quan, nhưng nó lại được phân loại ra thành 89 do bởi các tâm sở sanh lên cùng với nó. Tuy nhiên, nói một cách cơ bản chung chung thì nó có thể được chia ra làm ba loại như sau:

1. **Tiêm Thức:** Loại tâm thức thứ nhất được gọi là tâm bẩm sinh, vốn là kết quả của nghiệp (kamma)¹ quá khứ. Loại tâm bẩm sinh này phân định chúng ta là thông minh hay khờ dại, tốt bụng hay tàn bạo. Nói một cách khác, nó đại diện cho cả tính di truyền và nhân cách của chúng ta. Giống như dòng chảy của một dòng sông, tâm

¹ Nghiệp (kamma) là một loại di sản tinh thần được để lại dưới dạng ngũ ngầm do bởi những hành động có chủ ý mà chúng ta đã thực hiện trong quá khứ. Nó luôn luôn mang lại cho chúng ta kết quả tương ứng của nó khi các điều kiện thích hợp được hội đủ. Loại duyên thứ mười ba ở dưới sẽ trình bày thêm chi tiết về nghiệp.

bẩm sinh này sanh lên và diệt đi từng mỗi sát-na xuyên suốt toàn bộ đời sống của mỗi người ngoại trừ những khoảng thời gian của những lộ tâm năng động. Theo nghĩa đen, tâm bẩm sinh này được biết đến bởi ba tên gọi: “tâm tục sinh” (paṭisandhi) tại thời điểm đầu tiên của một kiếp sống, và “tâm tử” (cuti) tại thời điểm cuối cùng, và “tâm hữu phần” (bhavaṅga) trong khoảng giữa của một kiếp sống khi mà không có tâm năng động. Không có thuật ngữ tương đương cho từ này; khái niệm gần nhất có lẽ là “tiềm thức”¹. Dòng chảy không gián đoạn của tâm bẩm sinh hay của tiềm thức diễn ra khi chúng ta ở trong bụng mẹ, khi chúng ta ngủ say hoặc khi chúng ta bất tỉnh.

Khi các đối tượng giác quan tác động vào dòng chảy của tiềm thức này thì nó làm sanh lên ý nghĩ thiện hay bất thiện tùy thuộc vào sự tác ý (manasi-kāra) của chúng ta. Nói một cách khác, những suy nghĩ của chúng ta xen vào hay đi vào dòng chảy của tâm thức thông qua tâm bẩm sinh hay tiềm thức của chúng ta, mà được gọi là “ý môn” (mano-dvāra)² do bởi nguyên nhân đó. Đức Phật đã có nói về tâm bẩm sinh hay tiềm thức này như sau:

*Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ. Tañca
āgantukehi upakkilesehi upakiliṭṭhaṃ³.*

¹ Do đó, hai thuật ngữ “tâm bẩm sinh” và “tiềm thức” sẽ được dùng là những từ đồng nghĩa.

² Mano-dvāraṃ pana bhavaṅganti pavuccati. (Abhidhammattha-saṅgaha 47)

³ ND: Phần Pāli trích dẫn trong nguyên tác có nhiều lỗi chính tả. Chúng tôi đã tra cứu và chỉnh sửa cho đúng theo như trong Aṅguttaranikāya – Ekakanipātapāli – Paṇihitacchavaggo – 49.

Này các Tỳ kheo, tâm ý là sáng chói, nhưng bị ô nhiễm với những phiền não tạm thời.

(Aṅguttara-nikāya)

Có mười chín loại tiềm thức như sau (ND: được phân chia thành bốn nhóm):

a. Tiềm thức của súc sanh, các loại ma quỷ và chúng sanh ở địa ngục được gọi là santīraṇa¹ mà là quả của nghiệp (kamma) bất thiện.

b. Tiềm thức của người nhân loại mà bị khuyết tật bẩm sinh cũng được gọi là santīraṇa mà là quả của nghiệp (kamma) thiện nhưng với chất lượng kém vì nó được thực hiện thiếu trí tuệ và được đi theo trước và sau bởi những trạng thái tinh thần bất thiện.

c. Tiềm thức của những người nhân loại và thiên chúng không bị khuyết tật là một trong tám tâm đại quả. Tám tâm này là quả của nghiệp (kamma) thiện quá khứ với chất lượng tốt.

d. Tiềm thức của các Phạm thiên (Brahma)² là một trong chín tâm quả thiên (năm quả sắc giới và bốn quả vô sắc). Những tâm này là quả của sự chứng đắc thiên từ kiếp sống kế trước.

2. Tâm Giác Quan: Loại tâm thứ hai được gọi là tâm giác quan, chủ yếu là bao gồm năm tâm có liên quan

¹ Santīraṇa được dịch sát theo nghĩa đen là “tâm quan sát”, tức là một trong mười tám tâm vô nhân.

² Ma quỷ (peta trong tiếng Pāli), thiên nhân (Deva) và Phạm thiên (Brahma) là những chúng sanh mà chúng ta không thể nhìn thấy được bằng mắt trần trừ phi họ muốn cho chúng ta thấy. Tuy nhiên, đã có nhiều nghiên cứu khoa học chỉ ra khả năng tồn tại của những chúng sanh mà chúng ta không nhìn thấy được như ma quỷ.

tới các giác quan: thấy, nghe, ngửi, nếm và đụng. Mỗi loại lại được chia ra làm hai: thiện và bất thiện.

Khi một cảnh sắc tác động vào nhãn môn của chúng ta, sát-na đương thời của tiềm thức diệt đi (atīta-bhavaṅga); sát-na tiềm thức thứ hai rung động (bhavaṅga-calana); sát-na tiềm thức thứ ba ngắt dòng chảy của tiềm thức (bhavaṅg'upaccheda); và tiếp theo sau đó, sự chú ý trọn vẹn của chúng ta được hướng về cảnh sắc (pañca-dvārāvajjana). Rồi tâm nhãn thức (cakkhu-viññāṇa¹) sanh lên, và theo sau đó lần lượt là tâm tiếp thâu (sampaṭicchana), tâm quan sát (santīraṇa), và tâm đoán định (vutṭhabbana). Cùng tiến trình này cũng xảy ra khi âm thanh, mùi khí, vị chất và sự đụng chạm tác động vào nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn và thân môn của chúng ta một cách tương ứng. Những tâm giác quan này (ngoại trừ tâm hướng ngũ môn (pañca-dvārāvajjana) và tâm đoán định (vutṭhabbana)) được liên kết với nghiệp (kamma) quá khứ của chúng ta. Chúng ta trải nghiệm các đối tượng được khao khát là do kết quả của nghiệp tốt; chúng ta trải nghiệm các đối tượng không được khao khát là do kết quả của nghiệp xấu. Như vậy, thông qua những tâm giác quan, chúng ta chỉ đơn giản trải nghiệm những đối tượng (giác quan) tại thời điểm hiện hữu của chúng theo một phương cách thụ động mà không có một phản ứng thiện (kusala) hay bất thiện (akusala) nào cũng như với cảm giác hạnh phúc (somanassa) hay bất mãn (domanassa) nào.

3. Tâm Năng Động: Loại tâm thứ ba là tâm năng động hoàn toàn, được biết đến là đồng lực (javana). Đây thật ra là cái chúng ta gọi là những “suy nghĩ” có liên hệ

¹ ND: Trong nguyên tác tiếng Anh ghi là viññāṇa

tới các phản ứng thiện (kusala) hay bất thiện (akusala), và có liên quan với cảm giác hạnh phúc (somanassa), bất mãn (domanassa) hay trung tính (upekkhā). Loại tâm năng động này có đủ sức mạnh để lại phía sau dạng ngủ ngâm cái năng lượng tinh thần (viññāṇa-satti) chứa đựng trong nó. Nó bao gồm hai loại: đồng lực ngũ môn (pañca-dvārika-javana) và đồng lực ý môn (mano-dvārika-javana).

Ở trên, chúng ta đã miêu tả tám sát-na tâm, bắt đầu với tâm tiềm thức đầu tiên và kết thúc với tâm đoán định (vutṭhabbana), sanh lên khi một trong năm cảnh giác quan đi vào môn tương ứng của nó. Đồng lực (javana) ngũ môn xảy ra ngay lập tức sau tâm đoán định (vutṭhabbana) này. Đồng lực (javana) ý môn sanh lên khi bất kỳ loại cảnh giác quan nào bao gồm các đối tượng chung chung hay các đối tượng mang tính tinh thần (cảnh pháp (dhammārammaṇa)¹) xuất hiện tại ý môn (tức là tâm tiềm thức). Các đồng lực (javana) của cả hai loại (đồng lực ngũ môn và đồng lực ý môn) lặp lại sáu hay bảy lần, và được đi theo sau bởi hai sát-na tâm na cảnh (tadārammaṇa) nếu cảnh giác quan đó đủ rõ ràng hay đủ mạnh để chiếm toàn bộ sự chú ý (atimahanta-ārammaṇa). Những đồng lực (javana) này được phân chia thành 55 loại như sau:

a. Tám tâm có nhân tham, làm động lực cho những hành động bất thiện như trộm cướp, tà dâm và sử dụng các chất say, vôn vôn.

¹ “Các đối tượng chung chung” hay “các đối tượng mang tính tinh thần” (các cảnh ý môn) là các đối tượng mà chỉ có thể đi vào thông qua tiềm thức của chúng ta, chứ không phải thông qua năm giác quan. Chúng bao gồm tất cả các hiện tượng danh, sắc và khái niệm, ngoại trừ những cảnh ngũ môn hiện tại.

b. Hai tâm có nhân sân, làm động lực cho những hành động bất thiện như giết chóc, tra tấn, làm đau đớn, nói xấu người khác, si nhục, vân vân.

c. Hai tâm có nhân si, làm khởi sanh lên tất cả những hành động vô thức bao gồm tán gẫu, mơ tưởng viễn vông, phóng dật và suy nghĩ vô định.

d. Tâm tiểu sinh (hasituppāda), thuộc về vị A-la-hán (Arahatta), tức là bậc đã giác ngộ hoàn toàn.

e. Mười sáu tâm thiện (tám đại thiện và tám đại duy tác), làm động lực cho những hành động tốt như bố thí, trì giới, làm việc tình nguyện, tham thiền và vân vân.

f. Mười tám tâm thiền (Jhāna), tức là các tâm có liên quan đến sự tập trung cao độ (hay các yếu tố thiền). Chúng là: mười tám tâm sắc giới (năm thiện, năm duy tác) và tám tâm vô sắc (bốn thiện, bốn duy tác).

g. Tám tâm Siêu thế (bốn Đạo và bốn Quả), tức là các tâm có liên quan đến trí tuệ bậc cao, hay nói cách khác là có liên quan đến Bát Thánh Đạo.

Ghi chú: Độc giả hãy xem sự liệt kê những tâm được nêu ở trên trong phần Phụ Lục 1. Trong số bảy loại đồng lực (javana) được nhắc đến ở trên, năm loại đầu tiên là những đồng lực thông thường bao gồm những trạng thái tinh thần như suy nghĩ, lên kế hoạch, mơ tưởng viễn vông, phân tích, suy diễn, hạnh phúc, bất hạnh và vân vân. Hai loại sau cùng (thiền (jhāna) và siêu thế) là những tâm có định và tuệ bậc cao, một cách tương ứng, được tu luyện một cách chuyên sâu, sẽ được giải thích chi tiết trong phần duyên hệ (paṭṭhāna), tức là loại duyên thứ mười bảy và thứ mười tám.

Lộ Trình Tâm Ngũ Môn

Để có được sự hiểu biết rõ ràng hơn về những điều được đề cập đến ở trên, chúng ta cần phải hiểu hai loại lộ trình tâm (vīthi), tức là lộ tâm ngũ môn (pañca-dvārika vīthi) và lộ tâm ý môn (mano-dvārika vīthi), vốn thường chen vào dòng chảy của tiềm thức. Khi các cảnh ngũ môn tác động vào các môn giác quan tương ứng của chúng, lộ tâm ngũ môn (pañca-dvārika vīthi) diễn ra với các sát-na tâm theo trình tự như sau:

1. Tâm hữu phần vừa qua (atīta-bhavaṅga)
2. Tâm hữu phần rúng động (bhavaṅga-calana)
3. Tâm hữu phần dứt dòng (bhavaṅg'upaccheda)
4. Tâm hướng ngũ môn (pañca-dvār'āvajjana)
5. Tâm nhãn thức (cakkhu-viññāṇa) (tâm nhĩ thức, tâm tỷ thức, vân vân)
6. Tâm tiếp thấu (sampaṭicchana)
7. Tâm quan sát (santīraṇa)
8. Tâm đoán định (vutṭhabbana)
9. Bảy sát-na tâm đồng lực (javana), tức là tâm năng động, được đi kèm theo bởi các tâm sở (cetasika) thiện hay bất thiện tùy thuộc vào trạng thái hay xu hướng tinh thần của người đó
10. Hai sát-na tâm na cảnh (tadārammaṇa).

Trong lộ tâm này, những sát-na tâm từ 1 cho đến 3 là những tâm tiềm thức, từ 4 cho đến 7 là những tâm giác quan, và những tâm còn lại được xem là những tâm đầy đủ hoàn toàn, tức là những tâm năng động. Thật ra, chỉ có loại thứ 9 (bao gồm bảy sát-na tâm) là tâm đầy đủ

hoàn toàn thật sự vì nó liên quan đến phản ứng tinh thân mang tính thiện (kusala) hay bất thiện (akusala), và cảm thọ hạnh phúc (somanassa), bất mãn (domanassa) hay trung tính (upekkhā), và do đó, đủ mạnh để lưu lại phía sau năng lượng tinh thần ở dạng tiềm ẩn. Tuy nhiên, những sát-na tâm trong mục 8 và 10 lại được bao gồm vào những tâm đầy đủ hoàn toàn hay những tâm năng động chỉ vì chúng đi ngay theo trước và ngay theo sau đồng lực (javana), tức là tâm đầy đủ hoàn toàn hay tâm năng động. Tuy nhiên, sát-na tâm trong mục 5 lại không được bao gồm trong tâm đầy đủ hoàn toàn hay tâm năng động vì nó đi trước và chỉ góp phần vào những tâm giác quan mà không góp phần vào những tâm đầy đủ hoàn toàn.

Chú Giải: “Kiểm định, tiếp nhận, điều tra, xác định và ghi nhận” là những hoạt động mà thông thường chiếm thời gian và cần năng lượng. Tuy vậy, trong trường hợp của lộ trình tâm (vīthi), những thuật ngữ này thật ra lại chỉ đến những sát-na tâm cụ thể đang ứng xử với đối tượng giác quan theo những phương thức đặc biệt. Những sát-na tâm như vậy thì rất ngắn ngủi đến mức hàng tỷ sát-na tâm có thể sanh lên trong vòng một giây. Như vậy, những thuật ngữ này nên được diễn giải là những loại chức năng nhất định mang tính tinh thân thay vì là ý nghĩa thật sự của chúng trong ngôn ngữ bình nhật.

Lộ Trình Tâm Ý Môn

Khi một đối tượng chung chung (xin hãy xem chú thích ở trước) tác động vào ý môn (tức là dòng hữu phần), lộ tâm ý môn (mano-dvārika vīthi) sanh lên như sau:

1. Tâm hữu phần rúng động (bhavaṅga-calana)

2. Tâm hữu phần dứt dòng (bhavaṅ'upaccheda)
3. Tâm hướng ý môn (mano-dvār'āvajjana)
4. Bảy sát-na đồng lực (javana), tức là tâm năng động, có thể được kết hợp với các tâm sở (cetasika) thiện hay bất thiện tùy thuộc vào trạng thái hay xu hướng tinh thần của người đó
5. Hai sát-na tâm na cảnh (tadārammaṇa).

Lưu ý: Trong lộ tâm này, hai sát-na tâm đầu tiên là những tâm tiềm thức, và những sát-na tâm còn lại được xem là những tâm đầy đủ hoàn toàn, tức là những tâm năng động, với cùng nguyên nhân được đề cập đến ở trên. Không có tâm giác quan nào.

Tâm Sở (Cetasika)

Loại pháp chân đế thứ hai là các trạng thái tinh thần mà được gọi là tâm sở (cetasika). Những tâm sở (cetasika) phân chia tâm thành nhiều thể loại giống như nước được phân loại thành nhiều thể loại tùy thuộc vào việc nó được pha trộn với thuốc nhuộm màu đỏ, xanh hay tím. Thật ra, tâm và các tâm sở của nó xảy ra cùng với nhau và diệt đi cùng một lúc, trải nghiệm cùng những cảnh giác quan và phụ thuộc vào cùng những vật giác quan. Cho nên, để hiểu được sự phân loại của tâm thức, chúng ta cần phải hiểu những loại tâm sở khác nhau. Có 52 tâm sở: mười bốn bất thiện, 25 thiện và mười ba tợ tha.

Mười Ba Tâm Sở Tợ Tha

Có mười ba tâm sở phổ biến hay có chung cho bất kỳ tâm thiện hay tâm bất thiện nào. Trong số chúng, bảy tâm sở đầu tiên là chung cho tất cả các tâm và sáu tâm

sở còn lại thì chỉ dành cho những tâm cụ thể trong trường hợp cụ thể.

a) Bảy tâm sở biến hành: xúc (phassa), thọ (vedanā), tưởng (saññā), tư (cetanā), nhất tâm (ekaggatā), mạng quyền (jīvitindriya), tác ý (manasikāra). Bảy tâm sở này đi cùng với mỗi một sát-na tâm cho đâu nó là thiện, bất thiện hay vô ký.

b) Sáu tâm sở biệt cảnh: tầm (vitakka), tứ (vicāra), thẳng giải (adhimokkha), cần (vīriya), hỷ (pīti), dục (chanda). Sáu tâm sở này đi cùng với một vài sát-na tâm một cách chọn lựa và tùy tình huống.

Một vài trong số mười ba tâm sở tự tha đóng vai trò rất quan trọng do bởi năng lực của những đặc tính riêng của chúng:

- Xúc (phassa) là tâm sở giúp tâm ý tiếp xúc với các cảnh giác quan theo phương cách sinh động đến mức nó dường như đụng chạm vào cảnh giác quan đó.

- Thọ (vedanā) là tâm sở giúp tâm ý trải nghiệm hương vị của các cảnh giác quan, cho đâu nó là đáng hài lòng, không đáng hài lòng hay trung bình.

- Tưởng (saññā) là tâm sở giúp tâm ý ghi nhận các cảnh giác quan. Tâm sở này được mô tả bởi cái mà chúng ta gọi là trí nhớ hay tri thức.

- Tư (cetanā) là tâm sở có trách nhiệm cho những hành động tốt hay xấu của chúng ta, mà được gọi là nghiệp (kamma).

- Nhất tâm (ekaggatā) là tâm sở giúp tâm ý tập trung vào các cảnh giác quan. Tâm sở nhất tâm này hỗ trợ cho kiến thức hay sự hiểu biết của chúng ta và nó còn

hoạt động như là nhân tố thiết yếu cho sự chứng nhập thiền (jhāna).

- Mạng quyền (jīvitindriya) là tâm sở giữ cho các tâm sở của chúng ta sống còn.

- Tác ý (manasi-kāra) là tâm sở hoạt động như là sự chú ý hay sự lưu tâm đến các cảnh giác quan.

- Tâm (vitakka) và tứ (vicāra) là hai tâm sở hướng tâm ý về các cảnh giác quan và giữ nó ở trên các cảnh giác quan. Hai tâm sở này cùng với hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā) hoạt động như là những nhân tố của sự chứng nhập thiền (jhāna).

- Cần (vīriya) và dục (chanda) là hai tâm sở làm tăng sinh lực cho tâm ý. Chúng thuộc vào nhóm bốn pháp như ý, tức là bốn pháp làm nên sự thành tựu (iddhi-pāda). Chúng là dục (chanda), cần (vīriya), tâm (citta) và thẩm (vīmaṃsa).

Mười Bốn Tâm Sở Bất Thiện

Có mười bốn tâm sở bất thiện. Trong số chúng, bốn tâm sở đầu tiên là phổ biến cho tất cả các tâm bất thiện, và mười tâm sở còn lại thì được liên kết với những tâm bất thiện cụ thể trong trường hợp cụ thể.

a) Bốn tâm sở bất thiện biến hành: si (moha), vô tà (ahirika¹), vô úy (anottappa), phóng dật (uddhacca).

b) Mười tâm sở bất thiện còn lại: tham (lobha), tà kiến (ditṭhi), ngã mạn (māna), sân (dosa), tật (issā), lận (macchariya), hối (kukkucca), hôn trầm và thụy miên (thina và middha), hoài nghi (vicikicchā).

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là ahīrika.

Bốn tâm sở bất thiện biến hành luôn luôn có liên quan trong mọi loại nghiệp bất thiện. Chúng biểu hiện dưới dạng của các hành vi vô tâm hay bất cần, các lời nói không có giá trị, si mê, ảo tưởng, sự lú lẫn, những suy nghĩ vẩn vơ, và vân vân. Cùng với bốn tâm sở bất thiện biến hành này, tham (lobha) (được mô tả bởi sự thèm muốn, tính ích kỷ, sự khao khát các dục trần, tà kiến hay ngã mạn) đóng vai trò chính trong việc trộm cướp, lừa gạt, cưỡng hiếp, tà dâm và vân vân. Cùng với sự có mặt của bốn tâm sở bất thiện biến hành này, sân (dosa) (được biểu hiện ra như sự giận dữ, sân hận, ác tâm, tính ganh tỵ, sự ghen tỵ, tính phân biệt chia rẽ hay sự hối tiếc) hoạt động trong việc sát sanh, làm tổn thương, nói sau lưng, phi báng, nói xấu người khác, và vân vân.

Hai Mươi Lăm Tâm Sở Thiện

Có 25 tâm sở thiện. Trong số chúng, mười chín tâm sở đầu tiên là phổ biến hay có chung cho mọi tâm ý thiện, và sáu tâm sở sau cùng thì chỉ liên kết với những loại tâm ý thiện cụ thể trong trường hợp đặc biệt.

a) Mười chín tâm sở thiện¹ biến hành: tín (saddhā), niệm (sati), từ (hiri²), úy (ottappa), vô tham (alobha), vô sân (adosa), hành xả (tatra-majjhataṭṭā), tĩnh tánh (kāya-passaddhi), tĩnh tâm (citta-passaddhi), khinh tánh (kāya-lahutā), khinh tâm (citta-lahutā), nhu tánh (kāya-mudutā), nhu tâm (citta-mudutā), thích tánh (kāya-kammaññatā), thích tâm (citta-kammaññatā), thuần tánh (kāya-pāguññatā), thuần tâm (citta-

¹ ND: Xin lưu ý “thiện” ở đây có nghĩa là tịnh hảo.

² ND: Trong nguyên tác ghi là “hiri”.

pāguññatā), chánh tánh (kāyujukatā) và chánh tâm (cittujukatā).

b) Sáu tâm sở thiện biệt cảnh: Ba giới phần như là chánh ngữ (sammā-vācā), chánh nghiệp (sammā-kammanta), chánh mạng (sammā-ājīva); hai vô lượng phần như là bi mẫn (karunā) và tùy hỷ (muditā); và trí tuệ (paññā).

Mười chín tâm sở thiện biến hành, tức là phổ biến hay có chung cho mọi tâm ý thiện, luôn luôn có liên quan trong tất cả các hoạt động thiện như là bố thí (dāna), trì giới (sīla) và tham thiền (bhāvanā) và vân vân. Ví dụ, bố thí (dāna) cần tất cả mười chín tâm sở, như niềm tin (saddhā) vào những thành quả của việc bố thí, sự ghi nhận (sati) về giá trị của sự bố thí (dāna), lương tâm đạo đức (hiri¹, ottappa), sự không ích kỷ (alobha), lòng từ (adosa), sự ổn định tinh thần (tatra-majjhattatā) và vân vân. Điều này cũng đúng với những thiện nghiệp còn lại, như trì giới (sīla), tham thiền (bhāvanā), và vân vân.

Cùng với mười chín tâm sở này, có thêm sáu tâm sở khác liên kết với một vài tâm ý thiện cụ thể: ba tâm sở giới phần, tức là ba sự kiên tránh (virati²), đóng vai trò chính yếu trong các hành vi đạo đức, lòng bi mẫn (karunā) đóng vai trò trong việc giúp đỡ những người khác đang cần sự hỗ trợ hoặc đang gặp khó khăn, lòng tùy hỷ (muditā) đóng vai trò trong việc hoan hỷ với những thiện pháp được thực hiện bởi những người khác, và trí tuệ (paññā) tự biểu hiện chính mình trong việc suy

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là “hiri”.

² ND: Trong nguyên tác ghi là “virati”.

tư, thấu hiểu và trải nghiệm sự hiểu biết sâu sắc và sự giác ngộ.

Sắc Pháp (Rūpa)

Loại pháp chân đế thứ ba là sắc pháp. Nhiều người trong chúng ta cho rằng những thứ vật chất là các thể rắn hữu hình. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), thật ra một đối tượng vật chất có thể được chia chẻ nhỏ liên tục cho đến khi không còn gì khác ngoài năng lượng. Do đó, không có gì là rắn chắc trong thế gian này. Ở đây, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi rằng: Nếu không có gì là rắn chắc thì tại sao chúng ta không thể đi xuyên tường hay xuyên núi theo như cách chúng ta đi trong không khí? Nó là như vậy vì đó là cách thức các giác quan của chúng ta trải nghiệm yếu tố đất, chứ không phải vì bản chất vốn có của chúng là rắn chắc. Đó là lý do tại sao có những loại tia vật chất nhất định có thể đi xuyên qua tường hoặc núi.

Tuy nhiên, những yếu tố vật chất này biến diệt nhanh đến mức chúng không có thời gian để lão hóa hay để thay đổi vị trí. Mọi vật dường như có vẻ tồn tại lâu dài là vì chúng bị thay thế một cách liên tục với những vật chất mới, giống như nước trong một dòng sông hay vật liệu cháy trong một cây đèn cầy. Mọi vật dường như có vẻ di chuyển là vì những thành phần vật chất mới mề liên tục thay thế cho chúng thì sanh lên tại những vị trí xa hơn từng chút một. Và mọi vật dường như có vẻ lão hóa là vì những thành phần vật chất thay thế cho chúng bị suy thoái cả về số lượng cũng như về chất lượng theo thời gian. Chính vì những sự thay thế có tính liên tục và ở một quy mô rộng lớn như vậy mà chúng ta nhầm lẫn cho chúng là một cái gì đó rắn chắc hay tồn tại lâu dài, một cái gì đó có già cõi hay di chuyển. Thật ra, già hay trẻ, đẹp hay xấu, di chuyển hay đứng yên, tất cả đều là

một ảo giác. Chúng giống y hệt với ngọn lửa của cây đèn cây, luôn luôn biến đổi và bị thay thế một cách liên tục với những thành phần mới. Đó là lý do tại sao điều sau đây được ghi nhận:

“Cái gì chưa được sanh lên thì sanh lên. Cái gì được sanh lên thì biến hoại. Tất cả các pháp hữu vi thì luôn luôn mới mẻ như âm thanh từ một chiếc hạc cầm.”
(Abhidhammattha Saṅgaha Bhāsātika)

Tám Sắc Bất Ly

Có tám sắc pháp cơ bản tạo lập nên cơ thể của chúng ta và tất cả vạn vật trong vũ trụ này. Tám sắc pháp này luôn luôn đi cùng với nhau, cho nên chúng được gọi là những sắc pháp bất ly (avinibbhoga). Nghiệp (kamma), tâm ý, thời tiết và dưỡng tố tạo ra tám sắc pháp này một cách không ngừng nghỉ và rất nhiều đến mức cơ thể của chúng ta dường như là rắn chắc và tồn tại lâu dài. Tám sắc bất ly bao gồm:

1. Yếu tố đất (pathavī)
2. Yếu tố lửa (tejo)
3. Yếu tố nước (āpo)
4. Yếu tố gió (vāyo)
5. Màu sắc (vaṇṇa)
6. Khí mùi (gandha)
7. Vị chất (rasa)
8. Dưỡng tố (oja).

Các Vật Vô Tri

Các vật vô tri (anindriya-baddha-rūpa) thì được sinh ra từ thời tiết mà được gọi là “utu” trong Pāli, tức là

yếu tố lửa hay nhiệt lượng theo nghĩa chân đế. Do đó, có vẻ hợp lý khi cho rằng các vật vô tri được sinh ra từ mặt trời và bị biến thể thành nhiều loại vật chất như chúng ta thấy trong đời sống hằng ngày, hay thành những thành tố vật lý mới được phát hiện ra gần đây như các hạt neutron, proton và electron. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), các vật vô tri được tạo lập ra bởi tám sắc bất ly mà vốn được sinh ra bởi thời tiết hay yếu tố lửa. Nếu chúng ta đụng vào một trái táo chẳng hạn, chúng ta có thể trải nghiệm được cảm giác cứng hay mềm (yếu tố đất), lạnh hay ấm (yếu tố lửa), sự vững chắc hay sự kết dính (yếu tố nước), sự căng hay sức ép (yếu tố gió). Chúng ta cũng có thể trải nghiệm màu sắc, khí mùi, vị chất và dưỡng tố thông qua các giác quan của chúng ta. Tám sắc bất ly này, tạo lập nên trái táo, sanh lên và diệt đi từng mỗi một thời điểm. Nhưng trái táo thì dường như bền vững là do bởi sự thay thế một cách liên tục và ở một quy mô rộng lớn của tám sắc bất ly mới mẻ giống như ánh sáng của một ngọn đèn cây hay dòng chảy của một con sông.

Việc nhìn thấy được bức tranh toàn diện về tiến trình rộng lớn như vậy của các hiện tượng sắc pháp thông quan hay bằng các giác quan của chúng ta là một điều không thể nào thực hiện được. Tuy nhiên, tuệ minh sát (Vipassanā) có thể giúp chúng ta xuyên thấu vào nó ở một mức độ nào đó.

Thân Xác Hữu Tình

Thân xác hữu tình thì phức tạp hơn nhiều so với thế giới vô tri vì nó không chỉ được sanh ra từ yếu tố lửa hay từ mặt trời mà còn được sanh ra từ nghiệp (kamma), tâm (citta) và dưỡng tố (āhāra). Trong bào thai của mẹ, như tất cả chúng ta đã biết, cơ thể của chúng ta được bắt

đầu từ sự kết hợp của trứng của mẹ và tinh trùng của cha. Sự kết hợp đó được gọi là “kalala” trong Pāli và được cho là được tạo lập nên bởi 30 sắc pháp cùng với tâm và các tâm sở của nó. Ngay từ thời điểm đó, chúng ta đã bắt đầu cuộc hành trình dài lâu của chính mình trong đời sống hiện tại này. Sau đó, phôi thai của chúng ta được chuyển hóa thành “abbuda” (bong bóng) trong tuần thứ nhất, và rồi thành “pesi” (vật chất nhỏ bé) trong tuần thứ hai, và “ghana” (vật chất nhỏ bé rắn chắc) trong tuần thứ ba, và rồi là “pasākha” (chân tay và đầu) cùng với lông tóc và móng trong tuần thứ tư. Sau mười một tuần, các giác quan của chúng ta, như mắt, tai, vân vân, bắt đầu hình thành. Như vậy, là một phôi thai ở tại thời điểm khởi đầu đó trong kiếp sống, cơ thể của chúng ta được tạo lập chỉ do bởi các sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo. Nói một cách chính xác, kalala và tất cả các giác quan của chúng ta chỉ là do nghiệp (kamma) tạo.

Ý Nghĩa Của Kamma

Kamma có nghĩa đen là nghiệp hay hành động. Nhưng Đức Phật đã dạy nghiệp (kamma) có nghĩa là sự chú ý hay tâm sở tư, tức là yếu tố chịu trách nhiệm cho mọi hành động chúng ta thực hiện. Ví dụ, khi một chiếc xe tông vào một ai đó, người tài xế phải chịu trách nhiệm chứ không phải là chiếc xe mặc dầu thật ra chiếc xe là cái đụng người đó. Cũng theo cách này, chúng ta lấy sự chú ý, tức là tâm sở tư, làm nghiệp (kamma) thay vì chính hành động đó. Tùy thuộc vào sự chú ý của mình, hành động của chúng ta được phân loại thành thiện hay bất thiện. Những sự chú ý thật ra sanh lên và diệt đi cùng với những hành động của chúng ta. Tuy nhiên, chúng để lại phía sau một dạng năng lượng tinh thần tiềm ẩn (kamma-satti) trong tiến trình tâm thức của chúng ta

giống như tiềm năng tạo ra lửa trong que diêm. Nó sẽ mang đến cho chúng ta những kết quả thích ứng khi các điều kiện thuận lợi (cho nó) được hội đủ. Đây là cái chúng ta gọi là nghiệp (kamma).

Sắc Pháp Do Nghiệp (Kamma) Tạo

Thân xác của chúng ta bị ảnh hưởng không chỉ bởi di truyền và môi trường, mà còn bởi một yếu tố gì khác nữa. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể thấy nhiều điểm khác nhau thậm chí giữa cặp song sinh giống hệt được sinh ra và nuôi dưỡng trong cùng huyết thống và trong cùng một môi trường. Mặc dầu họ có dáng vẻ bên ngoài và những đặc tính tương tự nhau, nhưng một người có thể là thông minh hơn, mạnh khỏe hơn hoặc may mắn hơn người còn lại. Hơn nữa, có những điểm cần phải suy ngẫm: tại sao chúng ta được sinh ra vào dòng dõi và trong môi trường cụ thể này, tại sao lại không phải vào dòng dõi khác và trong môi trường khác; tại sao chúng ta được sinh ra là nam hay nữ, tại sao lại không ngược lại; tại sao một vài trong số chúng ta được sinh ra với một tài năng hay khả năng đặc biệt, trong khi những người khác lại không được như vậy; tại sao một vài trong số chúng ta có những cơ hội để thành công trong cuộc sống, trong khi những người khác lại không giống như vậy. Đây là những điểm để suy ngẫm vốn nằm ngoài yếu tố di truyền và môi trường sống của chúng ta.

Theo giáo lý của Đức Phật, chính nghiệp (kamma) tạo nên sự khác nhau giữa chúng ta ở tất cả mọi khía cạnh. Nếu chúng ta đã làm nghiệp (kamma) thiện như bố thí, trì hành giới luật trong một kiếp sống quá khứ, chúng ta sẽ được sanh vào một gia đình có địa vị xã hội cao sang trong kiếp hiện tại, và cũng có được một thân xác mạnh khỏe và đẹp đẽ, đôi mắt tinh sáng và đẹp, cái

mũi thính tốt và đẹp, và vân vân. Chúng ta sẽ là khác đi nếu chúng ta đã thực hiện những nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, vân vân. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), nghiệp (kamma) của chúng ta trực tiếp tạo ra nhiều hiện tượng vật chất của chúng ta, tức là những sắc pháp (như được đề cập đến ở dưới), một cách không ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời kể từ ngay điểm khởi đầu của đời sống, tức là lúc hình thành của bào thai.

1. Tám sắc bất ly (avinibbhoga)
2. Sắc giao giới (ākāsa)
3. Thần kinh thị giác (cakkhu-pasāda)¹
4. Thần kinh thính giác (sota-pasāda)
5. Thần kinh khứu giác (ghāna-pasāda)
6. Thần kinh vị giác (jihvā-pasāda)
7. Thần kinh xúc giác (kāya-pasāda)
8. Sắc tố nữ (itthi-bhāva)
9. Sắc tố nam (puṃ-bhāva)
10. Sắc ý vật (hadaya-vatthu)
11. Sắc mạng quyền (jīvitindriya)

Sắc Pháp Do Tâm Tạo

Một điều hiển nhiên là tâm ý của chúng ta ảnh hưởng đến thân xác vật lý của chúng ta theo cách này hoặc cách khác. Luôn luôn có tâm ý theo sau mọi hành động của chúng ta như việc đánh văn bản, đi bộ, mỉm

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là cakkhus-pasāda

cười và vân vân. Tâm ý luôn luôn đóng vai trò chủ đạo trong những thay đổi hóa học trong thân xác của chúng ta. Ví dụ, khi chúng ta giận dữ thì có những thay đổi mang tính vật chất sanh lên trong thân xác của chúng ta làm cho mặt của chúng ta đỏ lên, làm cho tim của chúng ta đập nhanh hơn và vân vân. Khi chúng ta có hứng thú hoặc lo lắng, bàn chân của chúng ta trở nên lạnh. Khi chúng ta nghĩ về những việc không vui, nước mắt chảy ra; khi chúng ta nghĩ về thức ăn ngon, nước bọt chảy ra; khi chúng ta nghĩ về tình dục, những thay đổi khác về sinh lý diễn ra. Các trạng thái tinh thần tốt đẹp luôn luôn làm sanh khởi những hóa chất lành mạnh làm cho đời sống của chúng ta được trường thọ và khỏe mạnh, trong khi những trạng thái tinh thần không tốt đẹp thì ngược lại. Cho nên, tâm ý của chúng ta đang sản sinh ra những vật chất hay những hóa chất sau đây trong cơ thể của chúng ta một cách không ngừng nghỉ trong suốt đời sống bắt đầu từ sát-na tâm thứ hai khi chúng ta chỉ là một phôi thai trong bụng mẹ:

1. Tám sắc bất ly (avinibbhoga)¹
2. Sắc giao giới (ākāsa)
3. Các oai nghi (iriyāpatha), tức là đi, đứng, nằm, ngồi
4. Thân biểu tri (kāya-viññatti)
5. Ngữ biểu tri (vacī-viññatti)
6. Cung cách cười (hasana)
7. Âm thanh (sadda)

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là avinibbhaga.

8. Sắc khinh (lahutā¹)
9. Sắc nhu (mudutā)
10. Sắc thích nghiệp (kammaññatā)

Sắc Pháp Do Nhiệt Lượng Tạo

Như đã được nhắc đến ở trước, thời tiết (utu) là yếu tố lửa hay nhiệt lượng theo nghĩa chân đế. Nếu chúng ta có thể điều khiển hay thu xếp để có được thời tiết thuận lợi, chúng ta có thể sống thọ hơn và sống một cách lành mạnh hơn. Dĩ nhiên, chúng ta biết rằng mặt trời ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta nhiều như thế nào. Nếu không phải do mặt trời, chúng ta và mọi thứ khác trên trái đất sẽ không thể hiện hữu và tồn tại trong vũ trụ này. Đây là sự thật không thể phủ nhận hay bàn cãi được. Cho nên, thời tiết hay nhiệt lượng sản sinh ra các loại sắc pháp sau trong thân xác của chúng ta một cách không ngừng nghỉ cả cuộc đời bắt đầu từ sát-na tâm tục sinh:

1. Tám sắc bất ly (avinibbhoga)
2. Sắc giao giới (ākāsa)
3. Âm thanh (sadda)
4. Sắc khinh (lahutā²)
5. Sắc nhu (mudutā)
6. Sắc thích nghiệp (kammaññatā)

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là lahutatā.

² ND: Trong nguyên tác ghi là lahutatā.

Sắc Pháp Do Dưỡng Tố Tạo

Tinh chất của thực phẩm được gọi là oja trong Pāli, thường vốn chỉ đến các vitamin và các khoáng chất ở trong thực phẩm mà chúng ta dùng. Phụ thân của tôi chỉ cao có năm foot bốn inch¹. Tuy nhiên, ông đã nói là ông cao hơn nhiều so với hầu hết mọi lính Nhật mà ông đã gặp trong Thế Chiến Thứ Hai. Ông kể cho tôi nghe rằng ông đã từng gọi họ là “thấp lùn”. Ngày nay, tính trung bình thì nhiều người Nhật cao bằng người Tây phương. Điều hiển nhiên là do chính dưỡng tố tạo nên sự khác biệt to lớn về thân xác. Dưỡng tố (oja) tạo ra những sắc pháp sau đây trong suốt đời sống của chúng ta một cách không ngừng nghỉ kể từ lúc chúng ta bắt đầu làm một phôi thai tiếp nhận dưỡng tố từ thân mẫu của mình. Sau đây là những sắc pháp do dưỡng tố tạo:

1. Tám sắc bất ly (avinibbhoga)
2. Sắc giao giới (ākāsa)
3. Sắc khinh (lahutā²)
4. Sắc nhu (mudutā)
5. Sắc thích nghiệp (kammaññatā)

Dưới đây là những câu hỏi được đặt ra bởi các thành viên của thánh chúng trong dịp tôi thuyết giảng về Thắng Pháp (Abhidhamma) tại trường đại học Antioch, Ohio vào năm 2007.

Câu hỏi: Các học giả Phật giáo luôn luôn đặt nặng vào việc xem tứ đại là căn bản hay tối hậu của thế giới.

¹ ND: Khoảng 1,63 m

² ND: Trong nguyên tác ghi là lahutatā.

Thật ra, chúng ta đã khám phá ra hơn một trăm nguyên tố (hóa học). Ngài có thể giải thích điều đó không?

Trả lời: Như được nhắc đến ở trên, vũ trụ của chúng ta được tạo thành bởi yếu tố lửa (utu-ja). Nếu không có mặt trời, hành tinh này thậm chí đã không thể hiện hữu. Với sự thật này, chúng ta có thể giả định rằng yếu tố lửa đã biến thể hay chuyển đổi (các thành tố nền tảng hay cơ bản) thành hơn một trăm nguyên tố mà chúng ta đã khám phá ra ngày nay, hay cả hàng triệu thứ mà chúng ta có thể thấy ngày nay.

Hơn nữa, Đức Phật đã giảng dạy tùy thuộc vào căn cơ và tầm mức trí tuệ của thính chúng (āsayā-nusaya). Nói một cách khác, Ngài đã giảng dạy theo phương cách thích ứng sao cho giáo lý của Ngài được thính chúng thời đó nhận thức và thấu hiểu được. Sự kiện sau đây minh chứng cho điều này:

Một ngày nọ, Trưởng lão Moggalāna bạch với Đức Phật rằng: “Con đã thấy rất nhiều những vong nhân hay những ma đói (peta) đầy trên núi Gijjakuta.” Và Đức Phật đã giảng dạy rằng Ngài cũng đã thấy chúng, nhưng đã không tiết lộ sự việc này vì lúc đó chưa phải là thời điểm đúng cho mọi người nhìn nhận sự việc ấy. Với sự kiện này, Đức Phật hiển nhiên đã giới hạn sự chỉ dạy của mình sao cho tương hợp với khả năng tiếp nhận của thính chúng thời đó.

Câu hỏi: Thậm chí một vài giả thuyết của Einstein cũng trở nên lung lay dựa trên những thí nghiệm khoa học gần đây. Thắng Pháp (Abhidhamma) của Đức Phật thì như thế nào?

Trả lời: Tôi không ở trong cương vị có thể đưa ra một nhìn nhận hay một thẩm định nào về Thắng Pháp (Abhidhamma) của Đức Phật. Tuy nhiên, các bạn có

quyền đồng ý hoặc không đồng ý với Đức Phật về giáo lý của Ngài nếu các bạn muốn.

Níp-bàn (Nibbāna)

Định Nghĩa Níp-bàn (Nibbāna)

Loại pháp chân đế cuối cùng là Níp-bàn (Nibbāna), được định nghĩa theo nghĩa đen là sự tẩy trừ hay sự nhổ tận gốc rễ tham ái hay sự dính mắc (vānato nikkhantaṃ nibbānaṃ). Đó là lý do tại sao trong bài thuyết giảng đầu tiên của mình, chính Đức Phật đã miêu tả Níp-bàn, tức là Diệt Đế (nirodha-sacca) như sau:

“Tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho¹, cāgo, paṇiṇissaggo, mutti, anālayo” (Suttanta Mahāvagga, trang 247)

“Diệt Đế (Nibbāna) là sự dập tắt hoàn toàn tham ái, sự từ bỏ nó, sự tẩy trừ nó, sự giải thoát khỏi nó hay sự tách rời khỏi nó.”

Để làm rõ thêm điểm này, tôi sẽ thuật lại một sự kiện. Trong một tai nạn xe hơi ở Miến Điện, một phụ nữ đã khóc than trong sự đau đớn trên thân xác của người chồng đã chết đang nằm úp mặt xuống đường. Tuy nhiên, khi cảnh sát đến và lật ngửa xác chết lên thì bà ta lại bật cười vì bà nhận ra rằng xác chết đó không phải là chồng bà mà lại là người đồng nghiệp của ông. Thật ra, điều đã làm cho bà ta có cảm giác đau đớn thì không phải là việc một người đã bị giết chết, mà là do bà ta đã dính mắc vào người đó nhiều như thế nào. Nếu người

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là “asesa-nirodho”. Chúng tôi đã tra cứu trong DPR và ghi nhận rất nhiều trích dẫn trong Chánh Tạng như được trình bày ở trên.

đồng nghiệp đó là một ai khác mà bà ta có dính mắc vào thì bà ta chắc đã có cảm giác đau khổ tột cùng. Mặt khác, nếu bà ta không dính mắc vào chồng mình thì bà ta đã không đau khổ nhiều như vậy. Cho nên, sự dính mắc hay sự ham muốn tạo ra sự đau khổ hay sự buồn rầu của chúng ta. Sự dính mắc càng sâu đậm thì sự đau khổ càng trở nên nghiêm trọng; sự dính mắc càng yếu đi thì sự đau khổ càng được giảm thiểu; không có dính mắc thì không có đau khổ. Đây là nghĩa đen của Níp-bàn (Nibbāna).

Hơn nữa, sự dính mắc hay sự ham muốn là cái tạo nên đời sống của chúng ta. Việc nó là hạnh phúc hay phiền muộn thì lại phụ thuộc vào nghiệp (kamma) của chúng ta là tốt hay xấu như thế nào. Ví dụ, việc ham muốn lá xanh trên những cây cao có thể là dạng năng lượng mang tính di truyền tạo nên cổ dài cho loài hươu cao cổ. Việc ham muốn có sự che chở có lẽ là động lực tạo nên cái mai cứng cho loài rùa. Trong Đại Chiến Thế Giới Lần Thứ Hai, một phi cơ chiến đấu của Anh quốc đã bị bắn rơi xuống một vùng ở hạ phần Miến Điện. Hai phi công đã bị giết chết và đã tái sinh làm hai chị em sinh đôi tại một ngôi làng kế cận. Họ đã có thể thuật lại kiếp sống quá khứ của mình một cách sinh động đến mức không ai có thể chối bỏ được họ. Tại cuộc phỏng vấn với một nhà nghiên cứu người Mỹ, khi được hỏi tại sao họ lại tái sinh làm nữ, họ đã trả lời rằng có lẽ là do họ đã luôn luôn nghĩ về vợ của mình khi họ xa nhà. Câu trả lời của họ chỉ định rằng sự dính mắc tạo lập nên đời sống của chúng ta theo cách thức mà chúng ta ước muốn về nó. Đó là lý do tại sao trong Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭicca-samuppāda) có dạy rằng: “Phụ thuộc vào sự dính mắc, sự tục sinh sanh lên.” Nhưng chính nghiệp (kamma) của chúng ta lại xác định chất lượng của đời sống đó.

Hiển nhiên không ai trên trái đất này muốn chết cả. Điều đó có nghĩa là mọi người trên trái đất này đều dính mắc vào sự sống. Do đó chẳng có gì lạ trong việc tại sao chúng ta lại cứ tiếp tục tái sanh. Nếu không có sự dính mắc vào đời sống hay vào bất kỳ một cái gì khác trong cuộc sống thì sẽ không còn tái sanh nữa, không còn tuổi già nữa, không còn bệnh hoạn nữa và không còn chết nữa. Như vậy, sự chấm dứt dính mắc hay sự chấm dứt tham ái dẫn đến sự chấm dứt đau khổ. Điều đó chính là ý nghĩa của Níp-bàn (Nibbāna) theo như bài giảng đầu tiên của Đức Phật. Ở đây, có câu hỏi được đặt ra như sau: “Nếu sự chấm dứt tham ái là sự chấm dứt đau khổ thì tại sao Đức Phật vẫn bị đau lưng chẳng hạn, sau khi Ngài đã hoàn toàn tẩy trừ tham ái?” Câu trả lời là như sau: “Ngài vẫn bị đau lưng vì Ngài vẫn còn thân xác vật lý vốn là di sản của những tham ái trong những kiếp sống quá khứ của Ngài. Đó là lý do tại sao lại loại Níp-bàn (Nibbāna) này được gọi là Hữu Dư Níp-bàn (sa-upādisesa nibbāna), tức là loại Níp-bàn vẫn còn những pháp dư sót. Mặc dầu vẫn còn đau đớn thân xác, nhưng Đức Phật đã không trải nghiệm bất kỳ sự đau đớn tinh thần nào mà vốn có thể được gây ra bởi sự đau đớn thân xác đó.

Còn nhiều câu hỏi chung chung khác về Níp-bàn (Nibbāna), chẳng hạn như: Níp-bàn (Nibbāna) ở đâu? Làm sao chúng ta có thể đến đó được? Câu chuyện sau đây có thể cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi này:

Khởi Thủy Và Tận Cùng Của Thế Gian

Vào một thuở nọ, có một ẩn sĩ thể hiện thần thông để cố gắng đến được nơi tận cùng của vũ trụ. Ông ta có thể bay xuyên suốt vũ trụ với tốc độ của mũi tên xuyên qua cái bóng của cây thốt nốt. Ông ta đã di chuyển ở tốc

độ siêu phàm như vậy hết cả cuộc đời của mình. Tuy nhiên, ông đã không bao giờ đến được nơi tận cùng của vũ trụ. Sau khi chết, ông ta đã tái sinh làm một thiên nhân có thần lực tên là Rohitassa. Một ngày nọ, vị thiên nhân này đã viếng thăm Đức Phật và bạch hỏi rằng: “Nơi tận cùng của thế giới là ở đâu và làm sao chúng ta có thể đến đó được?” Đức Phật đã ban cho ông một câu trả lời có tính cách khai sáng như sau:

“Ta nói rằng, trong chính cái thân xác tri giác và tinh thức dài một trượng này có cả thế giới, nguồn gốc của thế giới và sự tận cùng của thế giới.” (Aṅguttara-1, 356)

Như được đề cập đến ở trên, chính sự dính mắc hay tham ái khiến cho chúng ta tục sinh, lão hóa và chết đi hết kiếp này đến kiếp khác. Chính vòng luân hồi liên tục này (saṃsāra) là thế gian (loka). Chúng ta có thể đạt đến sự kết thúc của nó (tức là Níp-bàn (Nibbāna)) khi chúng ta hoàn toàn giác ngộ, tức là không còn chỗ cho tham ái và tục sinh. Tuy nhiên, nó không phải là sự hủy diệt của bất kỳ một cá nhân nào. Nó cũng không phải là một dạng tái sinh đặc biệt vào một cõi thiên giới, nơi mà hạnh phúc vĩnh cửu tồn tại như được đề xướng hay được chủ trương bởi một vài chủ thuyết. Trong thực tế, nó chỉ giống như là thức dậy từ một giấc mơ. Mọi thứ tốt hay xấu, an lạc hay bất toại nguyện trong một giấc mơ sẽ trở thành chẳng là gì cả một khi chúng ta thức giấc. Níp-bàn (Nibbāna) là sự thức dậy khỏi một cảm giác mê mờ hay lầm lạc như vậy về cuộc sống.

Khái Niệm Hay Chế Định (Paññatti)

Như đã được bàn đến, theo Thắng Pháp (Abhidhamma) thì chỉ có bốn pháp chân đế: tâm (citta), tâm sở (cetasika), sắc pháp (rūpa) và Níp-bàn

(Nibbāna). Ngoài bốn pháp này ra, tất cả mọi thứ khác là những ảo tưởng không có thực chất hay chỉ là những pháp chế định (paññatti). Paññatti thông thường được dịch là “khái niệm”; tuy nhiên, nó được định nghĩa một cách sát nghĩa là “một cái gì đó làm cho chúng ta chấp nhận và tin vào” (paññāpeti paññāpiyate vā paññatti). Như vậy, nó nên được dịch đúng nghĩa là “chế định” thay vì “khái niệm”. Ví dụ, có sự khác biệt to lớn giữa tờ giấy tiền một đồng và tờ giấy tiền một trăm đồng mặc dầu cả hai đều được chế tạo bởi cùng vật liệu theo nghĩa tuyệt đối. Chúng ta bị định đặt vào việc tin rằng những tờ giấy này là tiền bạc, việc này làm cho chúng ta thậm chí sẽ hy sinh cả thân mạng của mình để sở hữu chúng. Đó là ý nghĩa của thuật ngữ “paññatti”.

Có vô số loại chế định (paññatti) được nhắc đến trong Thắng Pháp (Abhidhamma), chẳng hạn như hình thức chế định (saṅghāna-paññatti), thời gian chế định (kāla-paññatti), nhân chế định (puggala paññatti), địa phận chế định (desa-paññatti), hư không chế định (ākāsa-paññatti)¹ và vân vân.

Hình Thức Chế Định (Saṅghāna Paññatti)

Cùng vật liệu có thể có những chức năng khác nhau hoặc tạo ra những hiệu quả khác nhau tùy thuộc vào hình dáng hay mẫu mã thiết kế của chúng. Ví dụ, sắt

¹ ND: Trong nguyên tác tiếng Anh ghi là “ākāra-paññatti”. Chúng tôi không rõ đây có phải là lỗi biên tập không. Chúng tôi không tìm thấy “ākāra-paññatti” được đề cập đến ở đâu cả trong các tài liệu Abhidhamma mà chúng tôi đã tra cứu. Tuy nhiên, “ākāsa-paññatti” thì lại có đề cập đến, nên chúng tôi mạn phép thay thế “ākāra-paññatti” bằng “ākāsa-paññatti” ở đây.

thép có thể chế thành nhiều loại vật thể khác nhau từ đồ chơi cho đến phi cơ (saṅṭhāna-paññatti) tùy theo cách nó được tạo hình hay được thiết kế. Điều này cho thấy chế định (paññatti) đóng vai trò quan trọng như thế nào trong cuộc sống của chúng ta.

Ví dụ, cách đây khoảng bốn thập kỷ, Marilyn Monroe đã cực kỳ được hâm mộ trong nam giới. Hình thể của cô ta đã rúng động thế giới của đàn ông. Và điều được ghi nhận là cách cô ta nói và đi rất là gợi cảm. Thậm chí tổng thống Hoa Kỳ (John F. Kennedy) lúc bấy giờ cũng được cho là đã có mối quan hệ với cô ta. Hình thể hay cung cách của cô ta đã có năng lực như vậy mặc dầu cơ thể của cô ta được tạo thành bởi cùng loại xương và cơ thịt như mọi phụ nữ khác trên thế giới. Hình thể hay cung cách thì không phải là cái thật sự tồn tại, nhưng nó làm cho chúng ta tin rằng cái này thì đẹp hơn cái kia. Chúng ta đang sống trong một thế giới giả định. Sự ảo tưởng này luôn luôn làm cho chúng ta rồ dại. Do đó, Đức Phật đã nói:

“Sống dưới cảm giác hư ảo (về sự thường hằng, khoái lạc, bản ngã và vẻ đẹp) người chưa giác ngộ sẽ trở nên rồ dại. Khi nhận thức ra nó một cách rõ ràng, chúng ta có thể thoát khỏi sự nô lệ cho cái chết.” (Vipallāsa Sutta Aṅguttara 1, 361)¹

Nhân Chế Định (Puggala Paññatti)

Một loại chế định khác là về con người. Về loại chế định này, vua Milinda đã hỏi ngài Nāgasena rằng ngài thật sự là ai. Ngài Nāgasena đã trả lời rằng Nāgasena chỉ

¹ ND: Độc giả hãy tham khảo Kinh Tường Điền Đào, Tăng Chi Bộ do Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch Việt.

là tên gọi hay là khái niệm về con người. Thật ra, không có người nào cả theo nghĩa tuyệt đối. Rồi nhà vua đã hỏi: “Vậy thì ai dâng cúng y phục, vật thực, trú xứ và thuốc men đến ngài, và ai tiếp nhận và sử dụng chúng.” Ngài Nāgasena đã trả lời rằng dựa trên sự kết hợp của 32 bộ phận (ND: thể trước) của cơ thể hay (chính xác hơn là) năm uẩn, cái tên gọi hay cái khái niệm Nāgasena sanh lên. Ngài kết thúc câu trả lời dài của mình bằng việc nhắc đến câu kệ Pāli có nghĩa như sau:

“Giống như việc khái niệm về một cỗ xe ngựa sanh lên dựa trên sự kết hợp của những mảnh rời rạc, cũng vậy khái niệm về con người sanh lên dựa vào tiến trình liên tục của các uẩn.” (Milinda-pañhā 24-26)

Thời Gian Chế Định (Kāla Paññatti)

Giống với hình thể và con người, thời gian cũng là một khái niệm mà không thật sự tồn tại theo nghĩa tuyệt đối. Nói một cách khác, thời gian chỉ là một phương hướng hay một chiều của danh và sắc, không có gì khác hơn. Nếu không có danh và sắc, nó không thể được tìm thấy cũng như không thể được nói là xuất hiện hay biến mất ở trong bất kỳ dạng nào. Điều này cũng được dùng để giải thích cho vô số những loại khái niệm còn lại, như địa phận, chiều hướng, tên gọi (danh), chủng tộc, đẳng cấp, vẻ đẹp và sự xấu xí, và vân vân.

Hai Loại Sự Thật (Sacca)

Như đã được nhắc đi nhắc lại, các khái niệm hay các pháp chế định (paññatti) thì không phải là những thứ thật sự tồn tại theo nghĩa tuyệt đối. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng không quan trọng. Thật ra, các khái niệm (paññatti) và các pháp chân đế (paramattha) là không thể tách rời nhau được giống như

một cái gì đó và kích thước của nó. Cho nên, nếu chúng ta chú trọng quá nhiều vào những pháp chân đế, nó thậm chí sẽ là khó khăn cho chúng ta phân biệt giữa công đức và điều đáng chê trách. Như Pakudha Kaccāyana¹ đã nói, ví dụ như, chẳng có tội lỗi gì cả khi cắt cổ một người bằng một thanh gươm vì việc làm đó chỉ là đặt thanh gươm vào các yếu tố (tạo thành nên một con người). Tuy nhiên ở mặt khác, nếu chúng ta chỉ quan tâm hay chú ý đến những pháp chế định, chúng ta sẽ giống như là một con nai khát nước nhầm lẫn ảo ảnh với nước và cứ đi theo cái ảo ảnh đó một cách vô vọng.

Do đó, để tránh những cực đoan (ati-dhāvana) này, chúng ta phải chấp nhận cả hai loại sự thật một cách thích hợp: tục đế (sammuti-sacca) và chân đế (paramattha-sacca). Chúng ta cần phải có cảm nhận về sự thật chế định để chúng ta có thể biết rõ những sự khác biệt, chẳng hạn như giữa mẹ của mình và bạn gái của mình, giữa công đức và điều sai trái, và vân vân. Ở mặt khác, chúng ta lại cần phải nỗ lực để nhìn thấy được sự thật tối hậu vượt lên trên cảm giác mê lầm về sự thường hằng, về sự khoái lạc và về bản ngã để chúng ta có thể tỉnh thức từ sự mê mờ.

¹ Pakudha Kaccāyana là người sáng lập ra một giáo phái trong thời của Đức Phật. Ông dạy tín đồ của mình rằng có bảy yếu tố là những pháp tối hậu không thể chuyển đổi được của thế gian: đất, nước, lửa, gió, sự khoái lạc, sự bất toại nguyện và linh hồn. Ông ta đã nói rằng cắt cổ một người bằng một thanh gươm chỉ là tương đương với việc đặt thanh gươm vào trong những yếu tố này. (Sīlakkhandha-vagga, trang 53)

Nhân Duyên (Hetu-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 1)

Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ,
taṃsamuṭṭhānānañca¹ rūpānaṃ hetu-paccayena
paccayo

Phân Chuyên Ngữ

Các nhân làm điều kiện (duyên) cho tâm hữu nhân và các tâm sở và sắc pháp do nhân tạo thông qua lực của nhân duyên.

Sáu Nhân

“Nhân” ở đây ám chỉ đến những tâm sở làm nhân cho tâm và những tâm sở sanh lên cùng với chúng, giống hệt như cách các gốc rễ thật đối với một cội cây. Có sáu nhân:

1. Tham (Lobha): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như tham lam, ích kỷ, khao khát, ham muốn, dính mắc, tình yêu đôi lứa và vân vân.

2. Sân (Dosa): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như ác cảm, giận dữ, thù hận (ở dạng chủ động), lo lắng, lo âu, hối hận, hối tiếc, thất vọng, ai oán (ở dạng thụ động).

¹ ND: Trong nguyên tác tiếng Anh ghi là “taṃsamamuṭṭhānānañca”. Chúng tôi đã tra cứu các tài liệu khác (tipitaka.org và Digital Pāli Reader (DPR)) và đã chỉnh sửa lại cho đúng. Những phần Pāli Trích Dẫn tiếp theo sau cũng có rất nhiều sai sót; chúng tôi sẽ trích dẫn trực tiếp từ DPR và sẽ không ghi chú những lỗi sai sót trong nguyên tác như ở đây nữa.

3. Si (Moha): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như sự ngu đần, si mê, ảo giác, lú lẫn.

4. Vô tham (Alobha): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như không tham lam, tức là đặc tính có trong và dẫn đến sự không ích kỷ, sự rộng lượng và sự dứt bỏ.

5. Vô sân (Adosa): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như không thù hận, tức là chỉ đến lòng khoan dung, tình thương không có điều kiện.

6. Vô si (Amoha): tâm sở này bao gồm những trạng thái tinh thần như vô si, tức là đặc tính có trong và dẫn đến sự hiểu biết, trí tuệ, năng lực suy quán, trí thức phổ biến, trí tuệ minh sát và sự giác ngộ.

Trong số sáu nhân này, ba nhân đầu tiên được xem là bất thiện (akusala) vì chúng không trong sạch, có lẫn lỗi (sāvajja) và cho ra những quả đau khổ (dukkha-vipāka). Ba nhân cuối cùng là thiện (kusala) vì chúng trong sạch, không có lẫn (anavajja) và mang lại những quả an lạc (sukha-vipāka). Tuy nhiên, những nhân thiện mà thuộc vào một vị A-la-hán (Arahat) thì được gọi là “duy tác” (kriyā) chứ không phải “thiện” (kusala) vì chúng không thể mang lại bất kỳ quả nào. Thêm nữa, những nhân mà có được hay được tạo ra từ nghiệp (kamma) thiện hay bất thiện thì được gọi là nhân quả (vipāka).

Ba Yếu Tố Chung

a) Yếu tố làm duyên (paccaya): bao gồm sáu tâm sở được nhắc đến ở trên.

b) Yếu tố được/bị duyên (paccayuppanna): bao gồm các tâm hữu nhân, những tâm sở sanh lên cùng với chúng và các sắc pháp do chúng tạo ra.

c) Chế độ hay phương thức duyên (paccaya-satti): Nhân Duyên, tức là nguồn lực mà thông qua đó các yếu tố trong phần a) làm điều kiện hay làm duyên cho các yếu tố trong phần b).

Các Nhân Trong Đời Sống Bình Nhật

Ba tâm sở thiện như là vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha) làm nhân hay là gốc rễ cho những việc công đức như bố thí (dāna), trì giới (sīla) và tham thiền (bhāvanā). Ba nhân tham (lobha), sân (dosa) và si (moha) là các nhân hay gốc rễ cho những việc tội lỗi như sát sanh, trộm cướp và vân vân.

Các Nhân Của Bố Thí (Dāna)

Chúng ta thực hiện viên mãn việc bố thí khi chúng ta không ích kỷ (alobha), có hảo ý (adosa) và sáng suốt hay khôn ngoan (amoha). Nếu chúng ta quá dính mắc vào những vật sở hữu của mình, và trở nên ích kỷ và bủn xỉn, chúng ta không thể thực hiện hoàn mãn được việc bố thí (dāna). Nếu chúng ta ghét một ai đó, chúng ta sẽ không bố thí, ban tặng hay dâng cúng người đó bất cứ cái gì. Nếu chúng ta không khôn ngoan, chúng ta có thể ban tặng một cái gì đó vô ích hay độc hại. Việc bố thí đòi hỏi ít nhất hai nhân thiện: vô tham và vô sân. Do đó, nếu chúng ta bỏ ra một triệu đô-la Mỹ làm từ thiện chỉ để có danh tiếng và lợi lộc thì điều đó không được gọi là bố thí (dāna). Mặt khác, nếu chúng ta trả thuế cho chính phủ với chủ ý giúp đỡ mang lại phúc lợi cho mọi người thì điều đó có thể được xem là bố thí (dāna).

Có những hành động bố thí (dāna) được thực hiện với chỉ hai nhân, tức là vô tham và vô sân, chứ không có

vô si. Những hành động này được gọi là bố thí (dāna) với chất lượng nghèo nàn (dvi-hetuka omaka). Có những lúc chúng ta ban tặng một cái gì đó cho một ai đó chỉ là do lịch sự hay chỉ là do hảo tâm mà không bận tâm chú ý đến hay nhận ra được những kết quả của việc làm đó. Ví dụ, thậm chí với ý định tốt là giúp đỡ làm giảm nhẹ nỗi đau đớn của một ai đó, chúng ta có thể vô ý cho người đó uống sai thuốc. Loại bố thí (dāna) này chỉ có hai nhân và được gọi là thiện bất tương ưng trí hay thiện ly trí (ñāṇa-vippayutta-kusala).

Ba Yếu Tố

Tại thời điểm bố thí (dāna), các trạng thái tinh thần của chúng ta được tạo thành hay được tạo lập bởi ba yếu tố của nhân duyên như sau:

a) Các pháp làm duyên: hai hay ba nhân thiện.

b) Các pháp được duyên: tâm (một trong tám tâm đại thiện hoặc các tâm đại duy tác nếu người thực hiện là bậc Thánh A-la-hán¹) và các tâm sở đi cùng với chúng, và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ hay phương thức duyên: các yếu tố trong phần a) làm điều kiện hay làm duyên cho các yếu tố trong phần b) do bởi nguồn lực Nhân Duyên.

¹ Bậc A-la-hán là bậc đã giác ngộ hoàn toàn. Các hành động thiện của các ngài như bố thí, trì giới, vân vân, không cho quả vì các ngài không còn tái sanh. Đó là lý do tại sao các trạng thái tinh thần thiện của các ngài được gọi là Duy Tác (kriyā) chứ không phải Thiện (kusala).

Các Nhân Của Trì Giới (Sīla)

Giới hạnh theo nghĩa tuyệt đối bao gồm ba loại ngăn tránh (virati): chánh ngữ (sammā-vācā), tức là ngăn tránh khỏi bốn loại tà ngữ¹; chánh nghiệp (sammā-kammanta), tức là ngăn tránh khỏi ba loại tà nghiệp²; và chánh mạng (sammā-ājīva), tức là mưu sinh mà không phạm vào bốn tà ngữ và ba tà nghiệp. Như vậy, ba tâm sở này cùng với tâm và các tâm sở cùng sanh lên được gọi chung là giới (sīla).

Để giữ cho giới hạnh hay đạo đức của chúng ta được trong sạch, chúng ta cần sự can đảm để chống lại những khêu gợi hay gợi mời của các dục lạc, để có thể hy sinh quyền lợi và danh tiếng cá nhân, và để có thể đối mặt với những khó khăn và thử thách. Sự can đảm có tính đạo đức như vậy phát sinh ra từ ba nhân thiện: vô tham, vô sân và vô si. Nếu chúng ta tham lam, thật khó để chúng ta có thể kiềm chế bản thân để không thực hành hay tiếp tay vào những hành động bất hợp pháp như trộm cướp, mua bán thuốc phiện hay thậm chí mua bán con người. Nếu chúng ta tàn nhẫn hay không có lòng từ, chúng ta dễ dàng sát sanh, sát hại và chửi rủa người khác. Nếu chúng ta không khôn ngoan, chúng ta sẽ không biết cách trở nên thành công trong cuộc sống và chúng ta cũng sẽ không hiểu được những lợi ích của giới hạnh. Kết quả là chúng ta sẽ mắc nhiều lỗi lầm cũng như có những hành vi đạo đức không thích đáng. Do đó, nếu không có những nhân thiện thì không thể có những hành động đạo đức được.

¹ Bốn loại tà ngữ: nói dối, nói đâm thọc hay nói chia rẽ, nói độc ác hay phi báng, và nói vô ích

² Ba loại tà nghiệp: sát sanh, trộm cướp và tà dâm

Để thành công trong cuộc sống, chúng ta cần thỏa mãn hai điều kiện: tạo ra những nỗ lực thông minh (payoga) và kích hoạt món quả bẩm sinh của chính mình (kusala kamma) bằng cách thực hiện những việc thiện. Một vài trong số chúng ta có lẽ đã được dạy bảo rằng cơ hội ngàn vàng chỉ đến một lần trong đời, và do đó phải cố gắng bắt giữ nó bằng mọi phương tiện có thể. Thật ra, có vô số cơ hội xuất hiện trong tâm với của chúng ta. Bằng cách hành động một cách khôn khéo (payoga) và thực hiện những việc thiện (kusala kamma) để kích hoạt nghiệp tốt trong quá khứ của mình, chúng ta sẽ có thể bắt giữ được những cơ hội tốt đẹp này tại bất kỳ lúc nào.

Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy như sau trong Kinh Buối Sáng Tốt Lành (Pubbaṇha Sutta):

“Những vì sao may mắn, những lời chúc tụng may mắn, ngày may mắn, giờ giấc may mắn, các thời điểm may mắn và những sự danh dự may mắn luôn luôn xảy ra cho người làm thiện, làm tốt.” (Aṅguttara-1, 298)

Như vậy, chính dũng khí đạo đức làm cho chúng ta có thể chống lại những sự cám dỗ mạnh mẽ của các dục lạc và ngăn tránh khỏi việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối và sử dụng các chất say. Dũng khí đạo đức như vậy sanh lên từ ba nhân thiện: vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha). Tuy nhiên, cũng như trong trường hợp của bố thí (dāna), có những lúc chúng ta trì hành giới hạnh (sīla) mà không có trí tuệ. Loại giới hạnh (sīla) này chỉ có hai nhân: vô tham (alobha) và vô sân (adosa).

Tại thời điểm trì hành giới hạnh (sīla), các trạng thái tinh thần của chúng ta được tạo thành hay được tạo lập bởi ba yếu tố của nhân duyên như sau:

a) Các pháp làm duyên: hai hay ba nhân thiện.

b) Các pháp được duyên: tâm (một trong tám tâm đại thiện hoặc các tâm đại duy tác nếu người thực hiện là bậc Thánh A-la-hán) và các tâm sở đi cùng với chúng, và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ hay phương thức duyên: các yếu tố trong phần a) làm điều kiện hay làm duyên cho các yếu tố trong phần b) do bởi nguồn lực Nhân Duyên.

Các Nhân Của Tham Thiên (Bhāvanā)

Có hai loại thiền. Đó là thiền chỉ tịnh (samatha) và thiền minh sát (vipassanā).

Các Nhân Của Thiền Chỉ Tịnh (Samatha)

Thiền chỉ tịnh được dùng để phát triển định bằng cách tập trung tâm ý của chúng ta vào chỉ một đối tượng chẳng hạn như hơi thở ra vào, hay vào một trong bốn loại màu sắc, hay vào các đề mục hoàn tịnh như một cái đĩa bằng đất sét (pathavī-kasiṇa) và vân vân. Khi tâm ý của chúng ta hoàn toàn tập trung vào đề mục thiền, sự an bình tự nhiên khởi phát - đó kết quả của việc làm lắng dịu đi những phiền não tinh thần như ái dục, sự giận dữ, sự buồn bã, lo lắng, lo âu và vân vân. Bằng cách thực hành thiền chỉ tịnh (samatha), chúng ta có thể chứng đạt được những tầng định nhất định mà được gọi là thiền (jhāna). Điều quan trọng hơn là định góp phần trực tiếp vào sự hiểu biết và trí tuệ của chúng ta. Nếu tâm ý của chúng ta phóng dật và không ổn định, chúng ta không thể học bất kỳ điều gì một cách có hiệu quả được. Nếu tâm ý của chúng ta ổn định và an bình, chúng ta có thể trở nên thông minh hơn và khôn ngoan hơn.

Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy:

“Này các tỳ-kheo, một tu sĩ với định hay có định (thì) hiểu biết được các pháp một cách đúng đắn.” (Saṃyutta-3, 302)

Việc thực hành thiền chỉ tịnh (samatha) chỉ là thiện thông thường (tức là thuộc vào một trong tám tâm đại thiện), nhưng thiền (jhāna) chứng đạt được thông qua việc thực hành đó thì lại là một loại thiện đặc biệt, siêu việt hơn những việc thiện thông thường như bố thí và trì hành giới hạnh. Thiền (jhāna) trong nghĩa thật của nó là định ở mức độ cao. Hiển nhiên loại định như vậy không thể xảy ra nếu tâm ý của chúng ta bị ô nhiễm với tham lam, ái luyến, giận dữ, thù hận, ganh ghét và vân vân. Cho nên, điều rõ ràng là định chỉ có thể sanh lên khi tâm ý của chúng ta trong sạch không có các triền cái như vậy. Nói một cách khác, thiền (jhāna) chỉ có thể xảy ra khi nó tương ứng với ba nhân thiện. Cơ bản thì có năm tầng thiền (jhāna) và tất cả chúng đều đòi hỏi ba nhân thiện. Tuy nhiên, trước khi thiền (jhāna) được chứng đạt, sự thực hành thiền có thể được thực hiện mà không cần trí tuệ, và do đó, nó có thể chỉ là với hai nhân, tức là không có nhân vô si (amoha). Dầu là cách nào đi nữa thì thiền (jhāna) luôn có ba nhân thiện làm điều kiện hay làm duyên cho tâm thiền và các tâm sở liên quan, và các sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Nhân Duyên.

Các Nhân Của Thiền Minh Sát (Vipassanā)

Vipassanā có nghĩa đen là thấy phi thường hay thấy siêu phàm. Theo giáo lý của Đức Phật, chỉ có tồn tại dòng chảy của các hiện tượng danh và sắc trong vũ trụ này mà không có gì khác hơn. Ví dụ, khi chúng ta sinh

ra, chúng ta chỉ cân nặng khoảng một vài cân Anh¹. Bây giờ, chúng ta có thể là nặng hơn một trăm cân Anh một chút. Những sự thay đổi như vậy không diễn ra ngay lập tức hay một cách đột ngột, mà lại dần dần từng thời điểm một. Điều này cũng đúng cho tâm ý của chúng ta, tức là đang thay đổi từng mỗi thời điểm. Hơn thế nữa, theo nghĩa tuyệt đối, không có cái gì là rắn chắc cả. Một vật thể có thể được phân chia liên tục cho đến khi không còn gì là rắn chắc cả ngoại trừ những yếu tố vật chất ở dưới dạng năng lượng, thay đổi nhanh đến mức chúng thậm chí không có thời gian di chuyển từ điểm này đến điểm kia. Trong dòng chảy như vậy, cho rằng một ai hay một thứ gì là di chuyển hay đứng yên, là đẹp hay xấu, là thỏa mãn hay bất toại nguyện thì chỉ được xem là một ảo giác hay là cái nhìn thấy tầm thường thấp kém. Mặt khác, nhìn thấy dòng chảy của tâm ý và thể xác vượt trên ảo giác lại là sự nhìn thấy phi thường mà được gọi là trí tuệ minh sát (*Vipassanā*).

Để đạt được cái nhìn sâu sắc như vậy, tâm ý của chúng ta phải được tẩy rửa sạch các phiền não thông qua định. Do đó, điều hiển nhiên là trí tuệ minh sát (*vipassanā*) đòi hỏi ba nhân thiện. Nhưng trước khi chúng đắc trí tuệ minh sát, sự thực hành thiền minh sát (*vipassanā*) có thể được thực hiện với chỉ hai nhân mà không cần trí tuệ. Dĩ nhiên, các tuệ minh sát và sự giác ngộ, tức là đạo quả (*magga-phala*), phải bao gồm ba nhân thiện. Như vậy, trong trường hợp của trí tuệ minh sát (*vipassanā*) hay sự giác ngộ đạo quả (*magga-phala*), ba nhân thiện làm điều kiện hay làm duyên cho tâm và các tâm sở sanh lên cùng với chúng cũng như các sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Nhân Duyên.

¹ ND: 1 cân Anh bằng khoảng 0.45 kg

Các Nhân Trong Các Tích Truyện

Một ngày nọ, trong khi Đức Phật đang ngồi dưới một cội cây trong một khu rừng nhỏ trên đường từ Vārāṇasī đến Uruvela thì có 30 thanh niên đến gặp Ngài bạch hỏi một chuyện. Họ đang tận hưởng thú vui cùng với vợ trong khu vực gần đó. Tuy nhiên, một người trong số họ không có vợ và đã có mang theo một cô vũ nữ. Cô này đã bỏ trốn cùng với tất cả những vật quý giá của họ. Do đó, trong lúc vô vọng tìm kiếm cô ta trong rừng, họ đã đi ngang qua Đức Phật trong khi Ngài đang ngồi dưới một cội cây. Họ đã đến gần Ngài với hy vọng sẽ tìm được một chút thông tin gì đó về cô gái. Họ đã hỏi Đức Phật xem Ngài có thấy cô gái nào đi ngang qua không. Thay vì trả lời câu hỏi của họ, Đức Phật đã đặt ra một câu hỏi có tính khai sáng cho họ như sau:

“Các thiện gia nam tử, các người nghĩ cái nào thì xứng đáng để tìm kiếm hơn: người phụ nữ đó hay chính bản thân các người?” (Vinaya Mahāvagga 30)

Câu hỏi được Đức Phật đưa ra với mục đích để cho họ suy ngẫm. Ý của Đức Phật là chúng ta thiếu hiểu biết về việc chúng ta thật sự là gì, hay cái gì đang xảy ra cho chúng ta. Như được đề cập đến ở trên, chúng ta đã và đang biến đổi không ngừng nghỉ và bất tận từ một phôi thai rất nhỏ bé cho đến khi chúng ta trở thành như chúng ta hiện nay. Nhưng chúng ta mê muội hay thiếu hiểu biết về việc chúng ta trở thành như chúng ta hiện nay như thế nào. Chúng ta luôn luôn nghĩ rằng chúng ta là cùng một người từ ngày chúng ta sinh ra cho đến hiện nay. Chúng ta có thể bị/được so sánh với một con nai đã lầm lẫn một ảo ảnh với nước và theo đuổi nó một cách vô vọng. Do đó, chúng ta cần phải tìm ra sự thật về việc chúng ta thật sự là gì. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã

khuyên dạy những người thanh niên đó nên tìm thầy chính họ thay vì tìm kiếm người phụ nữ đó. Sau khi lắng nghe thêm lời thuyết giảng của Đức Phật, họ đã trở nên giác ngộ.

Các Hiện Tượng Danh Pháp Có Liên Quan

Ở đây, nguyên nhân của vấn đề đối với những nam tử này là sự khao khát dục lạc hay tình dục (lobha), mà có gốc rễ ở trong ảo giác (tức là si mê). Điều không thể chối cãi là chúng ta có thể trải nghiệm hạnh phúc hay sự hài lòng (somanassa-vedanā) trong đời sống. Nhưng chúng ta có thể trải nghiệm hạnh phúc hay sự hài lòng như vậy chỉ dưới cái ảo giác hay lầm lạc của chính mình cũng như cách chúng ta có thể tận hưởng hay thích thú một bộ phim điện ảnh chỉ khi chúng ta không nghĩ về cách chúng đã được tạo ra tại Hollywood như thế nào. Cái mà chúng ta gọi là sự hài lòng có thể được so sánh với việc gãi một vết ngứa. Hạnh phúc thật sự xảy ra khi sự ngứa không còn dư sót một chút nào cả. Như vậy, sự khao khát dục lạc hay tình dục của chúng ta luôn luôn có gốc rễ trong ảo giác hay sự si mê. Trong câu chuyện về những nam tử này, ảo giác hay sự si mê (moha) của họ là nguồn gốc hay nhân của sự khao khát dục lạc hay tình dục (lobha) của họ cũng như tâm và các tâm sở sanh lên cùng, bao gồm vô tâm (ahirika), vô úy (anottappa), phóng dật (uddhacca), tà kiến (diṭṭhi), ngã mạn (māna) cùng với mười ba tâm sở tợ tha (xin hãy xem phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thăng Pháp).

Các Hiện Tượng Sắc Pháp Có Liên Quan

Hơn nữa, sự khao khát dục lạc và ảo giác là các gốc rễ hay nhân cho các sắc pháp, tức là các hiện tượng vật chất (những thay đổi hóa chất) liên quan đến tình dục

trong thân xác của những nam tử này, bao gồm oai nghi hay tư thế (iriyāpatha), thân biểu tri (kāya-viññatti), ngữ biểu tri (vacī-viññatti), sự cười (hasana), âm giọng của họ (sadda), sắc khinh (lahutā), sắc nhu (mudutā), sắc thích nghiệp (kammaññatā) cùng với tám sắc bất ly (avinibbhoga).

Tại thời điểm tận hưởng dục lạc, 30 hoàng tử được tạo lập nên bởi ba yếu tố trong nhân duyên như sau:

a) Các pháp làm duyên (paccaya): khao khát tình dục (lobha) và si mê (moha).

b) Các pháp được duyên (paccayuppanna): tâm (một trong tám tâm tham), các tâm sở sanh lên cùng và các sắc pháp được tạo ra từ đó.

c) Chế độ duyên (paccaya-satti): Các yếu tố trong phần a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong phần b) do bởi năng lực của Nhân Duyên.

Nhân Sân

Khi các nam tử phát hiện ra rằng người phụ nữ đó đã lấy đi những vật quý giá của họ, họ trở nên giận dữ với cô ta. Trong trường hợp này, sân (dosa) và si (moha) là các nhân của những tâm, các tâm sở và sắc pháp đi cùng của chúng.

Tại thời điểm giận dữ, 30 vị hoàng tử đã được tạo lập bởi ba yếu tố trong nhân duyên như sau:

a) Các pháp làm duyên: sân (dosa) và si (moha).

b) Các pháp được duyên:

i. Danh (nāma): một trong hai tâm sân và các tâm sở sanh lên cùng như tật đố (issā), xan lạn (macchariya), hối hận

(kukkucca), hôn trầm và thụy miên (thina-middha) cùng với bốn si phần (tức là bốn tâm sở có chung cho tất cả các tâm bất thiện) và mười hai tâm sở tợ tha (trừ hỷ (pīti)).

ii. Sắc (rūpa): được tạo ra từ những tâm sở này có các sắc pháp (hay những sự thay đổi hóa chất) liên quan đến sự giận dữ, bao gồm oai nghi (iriyāpatha), thân biểu tri (kāya-viññatti), ngữ biểu tri (vacī-viññatti), âm giọng (sadda), sắc khinh (lahutā), sắc nhu (mudutā), sắc thích nghiệp (kammaññatā) cùng với tám sắc bất ly (avinibbhoga).

c) Chế độ duyên: các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) do bởi năng lực của Nhân Duyên.

Sự Khác Nhau

Tất cả các loại sắc pháp do tâm tạo nói chung là giống nhau về số lượng, nhưng lại khác nhau về chất lượng và hiệu quả chúng tác động lên chúng ta. Ví dụ, những cử chỉ, nét mặt, giọng nói của chúng ta sẽ là không dịu dàng êm ái với nhau nếu chúng được sinh ra bởi sân (dosa); sẽ là khêu gợi và quyến rũ nếu chúng được sinh ra bởi tham (lobha); sẽ là dịu dàng và an bình nếu chúng được sinh ra bởi một tâm thiện dẫn dắt bởi lòng từ, lòng bi mẫn và trí tuệ. Và hơn nữa, những trạng thái tinh thần tiêu cực như giận dữ, hận thù, lo âu, ganh tỵ, vân vân, có những hiệu quả không tốt lên cơ thể của chúng ta, chẳng hạn như chúng can thiệp vào hệ thống tiêu hóa, sự tuần hoàn máu, quá trình chuyển hóa trong cơ thể của chúng ta và vân vân. Những trạng thái tinh

thần tốt đẹp sẽ sản sinh ra những sắc pháp hay vật chất lành mạnh và những hoạt động cơ thể tốt đẹp và có tổ chức. Cũng theo cách đó, có sự khác nhau giữa sắc pháp hay vật chất được sản sinh ra bởi nghiệp (kamma) tốt và xấu, bởi thời tiết tốt và xấu, và bởi thực phẩm tốt và xấu.

Nhân Trong Bài Thuyết Giảng Của Đức Phật

Thông qua sự không ích kỷ hay vô tham (alobha), tâm từ hay vô sân (adosa) và trí tuệ hay vô si (amoha), Đức Phật đã khuyên dạy những nam tử này hãy đi tìm chính mình thay vì đi tìm cô gái. Ví dụ, giả sử chúng ta biết cách kiếm được một triệu đô-la Mỹ từ thị trường chứng khoán. Điều này được xem là kiến thức hay sự hiểu biết. Chúng ta có thể chỉ dạy điều này cho một người thân của mình, chứ không cho một người mà chúng ta ghét bỏ, hoặc nếu chúng ta quá ích kỷ, chúng ta thậm chí có thể chẳng chỉ dạy điều này cho một ai cả. Như vậy, vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha) có liên quan trong việc ban tặng lời khuyên dạy tốt đẹp đến người khác. Đức Phật thì ngập tràn với sự tuyệt đối không ích kỷ (alobha), tình thương yêu vô điều kiện (adosa) và trí tuệ hoàn hảo (amoha). Ba yếu tố này làm nhân của tâm thức của chúng, các tâm sở và các sắc pháp sanh lên cùng mà đã diễn ra trong Đức Phật khi Ngài ban tặng lời khuyên dạy tuyệt diệu đó đến cho những nam tử này.

Tại thời điểm ban huấn từ của mình đến cho các hoàng tử, Đức Phật được tạo lập bởi ba yếu tố trong nhân duyên như sau:

a) Các pháp làm duyên: vô tham hay sự không ích kỷ (alobha), vô sân hay tâm từ (adosa) và vô si hay trí tuệ (amoha).

b) Các pháp được duyên:

i. Danh (nāma): tâm đại duy tác (mahā-kriyā) thứ nhất, các tâm sở đi cùng với nó như từ, bi và trí tuệ cùng với mười chín tâm sở tịnh hảo biến hành và mười ba tâm sở tợ tha.

ii. Sắc (rūpa): được tạo ra bởi các trạng thái tinh thần được đề cập đến ở trên, các sắc pháp (hay những thay đổi hóa học) bao gồm các oai nghi (iriyāpatha), thân biểu tri (kāya-viññatti), ngữ biểu tri (vacī-viññatti), giọng nói (sadda), nụ cười (hasana), sắc khinh (lahutā), sắc nhu (mudutā), sắc thích nghiệp (kammaññatā) cùng với tám sắc bất ly (avinibbhoga).

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong phần a) làm duyên hay là điều kiện cho các yếu tố trong phần b) do bởi năng lực của Nhân Duyên.

Chú thích: Từ đây trở đi, trong những loại duyên tiếp theo, các tâm, các tâm sở và các sắc pháp sẽ được nhắc đến một cách chung chung, thay vì một cách cụ thể như được trình bày ở đây, đơn giản là vì những độc giả không chuyên sâu thì không cần thiết phải học đến mức chi tiết như vậy.

Cảnh Duyên (Ārammaṇa-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 1-2)

1. Rūpāyatanam cakkhu-viññāṇa-dhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānam ārammaṇa-
paccayena paccayo. (saddāyatanam sota-viññāṇa-
dhātuyā; gandhāyatanam ghāna-viññāṇa-dhātuyā;
rasāyatanam jivhā-viññāṇa-dhātuyā;
phoṭṭhabbāyatanam kāya-viññāṇa-dhātuyā)

2. Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam
rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam mano-dhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānam
ārammaṇapaccayena paccayo.

3. Sabbe dhammā mano-viññāṇa-dhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānam ārammaṇa-
paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Sắc xứ làm duyên hay điều kiện cho nhãn thức giới và các trạng thái tinh thần đi cùng với nó do bởi năng lực của Mê Duyên (tức là Cảnh Duyên). (Thính xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ làm duyên hay điều kiện cho nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức một cách tương ứng)

2. Năm xứ đầu tiên (như được nhắc đến ở trên) làm duyên hay điều kiện cho ý giới và các trạng thái tinh thần đi cùng với nó do bởi năng lực của Mê Duyên (tức là Cảnh Duyên).

3. Tất cả các pháp làm duyên hay điều kiện cho ý thức giới và các trạng thái tinh thần đi cùng của nó do bởi năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Bảy Loại Thức Giới So Với Sáu Loại Cảnh

Trong loại duyên này, tâm ý của chúng ta được phân loại thành bảy loại thức giới:

1. Nhãn thức giới
2. Nhĩ thức giới
3. Tỷ thức giới
4. Thiệt thức giới
5. Thân thức giới
6. Ý giới
7. Ý thức giới

Trong số chúng, mỗi một trong năm giới đầu tiên có hai loại: quả thiện và quả bất thiện. Giới thứ sáu, tức là ý giới (mano-dhātu), chỉ cho hai loại tâm: hướng ngũ môn (pañca-dvārāvajjana) và tiếp thân (sampaṭicchana), sanh lên ngay trước và ngay sau ngũ song thức trong lộ tâm ngũ môn. Giới thứ bảy, tức là ý thức giới (mano-viññāṇa-dhātu), chỉ cho tất cả những tâm còn lại¹.

Trong bảy thức giới này, giới thứ nhất nhận thức các cảnh sắc, giới thứ hai nhận thức âm thanh, giới thứ ba nhận thức khí mùi, giới thứ tư nhận thức vị chất, giới

¹ Ý thức giới chỉ cho một trong 76 tâm (tức là 89 tâm trừ ngũ song thức, hai tâm tiếp thân và tâm hướng ngũ môn).

thứ năm nhận thức cảnh đụng chạm, giới thứ sáu nhận thức tất cả năm cảnh giác quan, và giới thứ bảy chỉ chuyên nhận thức các cảnh ý môn (dhammārammaṇa) cùng với các hình ảnh mang tính tinh thần của các đối tượng ngũ môn thật sự¹. Các đối tượng ý môn là những đối tượng có thể đi vào hay hiện đến chỉ thông qua tiềm thức của chúng ta, chứ không phải thông qua năm giác quan. Chúng bao gồm mọi loại danh pháp, sắc pháp và chế định, ngoại trừ các cảnh ngũ môn hiện tại vốn được bắt bởi sáu giới đầu tiên. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể suy nghĩ, cảm nhận và trải nghiệm nhiều hiện tượng thông qua giới thứ bảy hơn là thông qua sáu giới kia.

Nghĩa Đen Của Thuật Ngữ Ārammaṇa

Thuật ngữ “ārammaṇa” (ā + ramu + ña) có nghĩa đen là một cái gì đó thú vị hay tuyệt diệu. Đó là lý do tại sao Đức Phật có một lần đã nói với du sĩ Māgaṇḍiyo rằng:

“Cakkhum kho Māgaṇḍiya, rūpa-rāmaṃ, rūpa-rataṃ, rūpa-sammuditaṃ.” (Majjhima-pannāsa 171)

Có nghĩa là: “Này Māgaṇḍiya, con mắt tận hưởng cảnh sắc, thỏa thích trong nó, và hạnh phúc với nó.”

Như Đức Phật đã dạy, mắt của chúng ta luôn luôn tận hưởng cảnh sắc cho đâu nó là tốt hay xấu, là thỏa mãn hay bất toại nguyện. Mặc dầu cảnh sắc có là ghê tởm hay khiếp sợ, chúng ta vẫn không thể cưỡng lại việc nhìn nó, thậm chí còn muốn nhìn nhiều hơn nữa nếu nó

¹ Các hình ảnh mang tính tinh thần của những đối tượng ngũ môn thường được bắt bởi những lộ tâm ý môn nối đuôi (tadanuvattaka-mano-dvārika-vīthi).

là êm dịu hay hấp dẫn. Đó là lý do tại sao các tiểu thuyết và phim ảnh ly kỳ với các nhân vật bị sát hại trong đó thì không bao giờ là không hợp thời hay lạc hậu trên thế giới. Việc này cũng đúng với những đối tượng giác quan còn lại, chẳng hạn như âm thanh ngọt ngào hay chất chua, khí mùi thơm ngát hay hôi thối, vị chất ngọt ngào hay chua chát, sự đụng chạm êm ái hay thô cứng, các đối tượng tinh thần (cảnh pháp) thỏa mãn hay bất toại nguyện.

Ở đây, “mắt” thật ra là chỉ đến tâm có liên quan đến con mắt và các tâm sở của nó, “tai” là chỉ đến tâm có liên quan đến lỗ tai và các tâm sở của nó, và vân vân. Cho nên, các giác quan của chúng ta (hay các tâm giác quan và các tâm sở của chúng) luôn luôn bị quyến rũ hay bị mê hoặc bởi những đối tượng như cảnh sắc, âm thanh, vân vân; những đối tượng này do đó mà được gọi là “*ārammaṇa*”. Đối với đoạn văn này, thuật ngữ “*ārammaṇa paccayo*” ở đây được dịch là “Mê Duyên” mặc dầu nó thường được dịch là “Cảnh Duyên”.

Cảnh Sắc

Nếu chúng ta đui mù, việc không thấy gì cả là hiển nhiên được chấp nhận. Tuy nhiên, nếu chúng ta có mắt thì trong lúc tỉnh thức, chúng ta rất khó giữ mắt của mình nhắm lại hoặc chống lại việc nhìn các vật xung quanh. Nếu chúng ta bị giam trong một căn phòng không có cửa sổ, sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ bị trầm cảm cho dầu chúng ta có được chiêu đãi tốt như thế nào. Một quang cảnh êm dịu và tốt đẹp hơn luôn luôn làm cho chúng ta hạnh phúc hơn và khỏe mạnh hơn, trong khi một quang cảnh tẻ hại thường làm cho chúng ta cảm thấy buồn và trầm cảm. Do đó, để thỏa mãn mắt của mình, chúng ta sử dụng rất nhiều tiền vào việc tham

quan du lịch những nơi đẹp đẽ và ngắm nhìn những danh nhân xinh đẹp, vào việc trang hoàng nhà cửa, vườn tược và thậm chí cùng với việc làm đẹp chính mình bằng mọi phương cách có thể. Đặc biệt, người khác giới thì luôn là đối tượng thú vị nhất cho mắt của chúng ta. Giống như là bị hút vào nam châm, mắt của chúng ta luôn luôn bị thu hút bởi hình ảnh của người khác giới. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy:

“Ta không thể tìm thấy một cảnh sắc nào lại có sự ảnh hưởng lớn mạnh lên tâm ý của một người nam hơn là hình ảnh của một người nữ. Ta không thể tìm thấy một cảnh sắc nào lại có sự ảnh hưởng lớn mạnh lên tâm ý của một người nữ hơn là hình ảnh của một người nam.” (Aṅguttara-1, 1)

Thật khó để chúng ta cưỡng lại việc nhìn ngó các vật thể và mọi người xung quanh chúng ta thậm chí nếu chúng có là không êm dịu hay không thú vị. Đây là cách một cảnh sắc làm duyên hay điều kiện cho mắt của chúng ta (tâm và các tâm sở liên quan đến mắt) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên). Ở đây, cảnh sắc là pháp làm duyên (paccaya); tâm và các tâm sở là các pháp được duyên (paccayuppanna); và cách thức chúng liên hệ với nhau là chế độ hay phương thức duyên (paccaya-satti).

Cảnh Thính

Như Đức Phật đã dạy, tai của chúng ta (tâm có liên quan đến lỗ tai và các tâm sở) luôn luôn bị cuốn hút bởi âm thanh. Hiển nhiên, những loại âm nhạc và âm thanh khác nhau sẽ gây ra những cảm giác và cảm xúc khác nhau trong chúng ta. Một vài loại có thể làm cho chúng ta hạnh phúc và những loại khác làm cho chúng ta buồn chán. Nhưng cả hai đều làm mê hoặc tai của chúng ta.

Thậm chí nếu chúng ta không hiểu được nội dung của âm thanh đó, giai điệu của nó vẫn có thể tạo ra cảm xúc trong chúng ta, như sự phấn khích, hạnh phúc, buồn rầu và vân vân. Nó vẫn rất khó cho chúng ta cưỡng lại việc lắng nghe các sự việc và mọi người xung quanh chúng ta thậm chí nếu chúng hay họ là không êm dịu hay không vui vẻ. Tai của chúng ta thậm chí thích thú sự gào thét đau đớn, sự la hét đầy thù hận và những âm thanh u sầu. Cho nên, tai của chúng ta luôn luôn khao khát âm thanh hay giọng nói, cho dầu nó là êm dịu hay khó chịu. Chẳng ngạc nhiên tại sao ngành công nghiệp âm nhạc tiếp tục đang nở rộ với việc cố gắng làm thỏa mãn tai của chúng ta. Trong số những âm thanh, loại mê hoặc nhất dĩ nhiên là loại âm thanh của người khác phái. Đây là lý do tại sao Đức Phật đã dạy:

“Ta không thể tìm thấy một âm thanh nào lại có sự ảnh hưởng lớn mạnh lên tâm ý của một người nam hơn là giọng nói của một người nữ. Ta không thể tìm thấy một âm thanh nào lại có sự ảnh hưởng lớn mạnh lên tâm ý của một người nữ hơn là giọng nói của một người nam.”

Đây là cách âm thanh làm duyên hay là điều kiện cho tai (tâm liên quan đến tai và các tâm sở) do bởi năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Cảnh Khí

Bất kỳ loại khí mùi nào, thơm hay thối, đều ảnh hưởng đến mũi của chúng ta (tâm liên quan đến mũi và các tâm sở). Ngày nay, nhiều loại nước thơm đã được sản xuất theo nhiều cách rất phức tạp và tinh tế. Điều được ghi nhận là có một vài loại nước thơm được chế biến để kích thích sự khao khát tình dục của chúng ta. Vào thời Đức Phật, có lúc Ngài đã bị tảo bón rất trầm

trọng, lương y Jivaka đã dâng đến Ngài ba nhánh hoa loa kèn đã được chế biến với thuốc để Ngài ngửi. Điều được ghi nhận lại là mùi hương của mỗi nhánh hoa loa kèn đã làm cho Đức Phật phải đi tiêu mười lần (Vinaya-Mahāvagga 390). Như vậy, những loại khí mùi khác nhau có những hiệu quả khác nhau và có thể gây ra nhiều loại cảm giác và cảm xúc. Điều được ghi nhận là mùi của con trẻ có thể giữ cho người mẹ khỏe mạnh và hạnh phúc. Dĩ nhiên, mùi hương mê mẩn nhất đối với chúng ta là mùi hương của người khác giới. Mũi của chúng ta (tâm liên quan đến mũi và các tâm sở) luôn luôn bị làm mê mẩn bởi khí mùi, cho dầu nó là thơm hay thối. Đây là cách mũi của chúng ta (tâm liên quan đến mũi và các tâm sở) được duyên bởi khí mùi như thế nào.

Cảnh Vị

Chúng ta sử dụng nhiều tiền vào hương vị hơn là vào chất dinh dưỡng, nhiều dịch vụ ẩm thực đã sử dụng điều này để làm giàu trong nháy mắt. Chúng ta thèm khát những hương vị ngon ngọt nhiều đến mức thật khó cho chúng ta theo sát một chế độ kiêng cử dinh dưỡng. Chẳng lạ gì có nhiều người bị giết chết bởi chính sự khao khát về hương vị không thỏa mãn được của chính mình, giống như một con kiến bị thu hút bởi mật, dẫn đến việc chìm ngập vào nó mà chết. Đức Phật đã dạy rằng hương vị tuyệt diệu nhất đối với chúng ta là từ thực phẩm được chế biến hay được nấu nướng bởi những người khác phái. Do đó, lưỡi của chúng ta (tâm liên quan đến lưỡi và các tâm sở) luôn luôn bị cuốn hút bởi hương vị, cho dầu nó là ngọt, chua hay đắng. Thật khó cho chúng ta kiềm chế hay cưỡng lại việc tận hưởng một hương vị. Đây là cách tâm liên quan đến lưỡi và các tâm sở được duyên lên bởi vị chất như thế nào.

Cảnh Xúc

Sự đụng chạm, cho dầu là êm dịu hay khó chịu, đều có thể được trải nghiệm hầu như mọi lúc trong cơ thể của chúng ta. Tối thiểu thì luôn đang có sự đụng chạm giữa y phục và chân tay của chúng ta. Gối, nệm và thảm được làm cho mềm mại và êm dịu để đụng chạm. Một vài nguyên cứu khoa học chỉ ra rằng sự đụng chạm giữa con người có những năng lực chữa bệnh. Trong số các giác quan, sự đụng chạm có lẽ là tuyệt diệu nhất cho chúng ta, đặc biệt là khi nó có liên quan đến tình dục. Chúng ta luôn luôn yếu đuối đối với sự đụng chạm của người khác phái. Cho nên, Đức Phật đã dạy rằng, sự đụng chạm của người khác phái quyến rũ chúng ta hơn bất kỳ sự đụng chạm nào khác. Nói tóm lại, thân xác của chúng ta luôn luôn khao khát sự đụng chạm. Đây là cách cơ thể của chúng ta (tâm liên quan đến thân xác và các tâm sở) được duyên bởi sự đụng chạm, tức là cảnh xúc, như thế nào.

Cảnh Pháp

Như đã được nhắc đến ở trên, chỉ thông qua yếu tố tinh thần thứ bảy (tức là ý thức giới), chúng ta mới có thể nhận thức được cảnh pháp, tức là đối tượng của tâm ý, bao gồm tất cả các hiện tượng tinh thần, vật chất, khái niệm, quá khứ, hiện tại, vị lai hay bất cứ pháp nào (ngoại trừ năm cảnh ngũ hiện tại). Ý thức giới này bao gồm hai loại tâm ý: tiềm thức và tâm đầy đủ, tức là đồng lực (javana). Tuy nhiên, tiềm thức (tức là tâm bầm sinh) của chúng ta chỉ bắt một trong sáu cảnh giác quan mà chúng ta đã bắt tại thời điểm cận tử trong kiếp sống trước, chứ không phải đối tượng nào khác của kiếp sống hiện tại. Tuy nhiên, với tâm đầy đủ (javana), chúng ta có thể trải

nghiệm một cái gì đó thật hay nghĩ về một cái gì đó ảo trong kiếp sống hiện tại này. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể tạo ra hầu như bất cứ thứ gì từ trí tưởng tượng của mình (tức là các cảnh pháp). Ví dụ, chúng ta thiết kế các tòa nhà chọc trời, các tên lửa hay các vệ tinh trên các bản vẽ trước khi chúng ta bắt tay vào xây dựng hay chế tạo chúng. Chính năng lực giàu tưởng tượng và sáng tạo này của tâm ý đã giúp chúng ta trở thành giống loài hay chủng loại hùng mạnh nhất trên hành tinh này. Đây là cách các cảnh pháp quyến rũ hay làm mê hoặc ý thức giới thông qua hay do bởi năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên) như thế nào.

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Các Hành Động Bố Thí (Dāna)

Như đã được nhắc đến ở trên, bố thí (dāna) được thực hiện chính yếu với một chủ ý rộng lượng (dāna-cetanā) cùng với tâm¹ và các tâm sở đi cùng với nó. Có hai nhân tố cần thiết cho việc thực hiện sự bố thí (dāna): một ai đó làm gợi lên sự rộng lượng của chúng ta, và chúng ta phải có vật sở hữu gì đó để bố thí. Cho nên, hai yếu tố này là các đối tượng làm duyên hay điều kiện cho hành động bố thí thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên) như sau:

a) Pháp làm duyên: Sáu đối tượng giác quan mà có liên quan đến các đặc tính có thể cảm nhận được của đối tượng nhận thí và có liên quan đến vật thí.

¹ Bố thí (dāna) được thực hiện với một trong tám tâm đại thiện (hoặc một trong tám tâm Đại Duy Tác nếu người thực hiện việc bố thí là một vị A-la-hán).

b) Pháp được duyên: Chủ ý rộng lượng của người thí, tâm (một trong tám tâm đại thiện hay đại duy tác) và các tâm sở đi cùng của nó.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Việc Trì Hành Giới (Sīla)

Thề nguyện sẽ kiêng tránh khỏi các nghiệp bất thiện như sát sanh, vâng vâng, thì được gọi là giới thọ trì (samādāna-sīla) khi mà không có điều gì đặc biệt hay cụ thể để kiêng tránh. Việc kiêng tránh thật sự khỏi các nghiệp bất thiện được gọi là giới kiêng tránh (virati sīla). Như vậy, một việc gì đó mà chúng ta kiêng tránh (không làm) thì có thể thực hiện chức năng của một cảnh duyên cho việc trì hành giới như sau:

a) Pháp làm duyên: Sáu đối tượng giác quan mà thuộc vào các nghiệp bất thiện.

b) Pháp được duyên: Sự kiêng tránh (virati) hay chủ ý (cetanā), tâm (một trong tám tâm đại thiện hoặc đại duy tác) và các tâm sở đi cùng với nó.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Thiên Chỉ Tĩnh (Samatha)

Định là một điều kiện tiên quyết cho bất kỳ sự hiểu biết nào và bất kỳ loại trí tuệ nào. Chẳng hạn như để học hỏi được một điều gì đó trong lớp học, chúng ta nên tập trung vào những gì vị thầy đang giảng dạy. Để có được sự hiểu biết sâu xa, chúng ta thậm chí cần đến sự tập trung mạnh hơn. Chúng ta có thể phát triển sự tập trung cao độ bằng cách chú tâm vào một đối tượng hay đề mục thiên như hơi thở ra vào, đất, nước, lửa, không gian hay một trong bốn loại màu sắc (xanh, vàng, đỏ và trắng) và vân vân. Khi tâm ý của chúng ta được tập trung một cách hoàn toàn trên một trong những đề mục thiên này, chúng ta chứng đạt được một tầng mức tập trung nhất định mà được gọi là thiên (jhāna). Ở đây, hơi thở ra vào, đất, nước, lửa, vân vân, là chỉ đến các dạng mang tính khái niệm hay mang tính chế định của chúng, chứ không phải các yếu tố thật của gió, vân vân. Các đề mục chế định (paññatti) như vậy là các cảnh pháp (tức là các đối tượng của ý môn); chúng tạo lập nên điều kiện hay duyên cho thiên chỉ tịnh với cực điểm của nó là sự chứng đạt các tầng thiên (jhāna) như sau:

a) Pháp làm duyên: Dạng chế định của các đề mục thiên (các đối tượng của ý môn)¹.

¹ Các đề mục thiên như đất, nước, lửa, gió, vân vân, là những đối tượng chỉ để tập trung vào trong trường hợp của thiên chỉ tịnh (samatha), chứ không phải để nhận thức hay nhìn nhận các đặc tính của chúng như trong trường hợp của thiên minh sát (vipassanā). Tuy nhiên, thiên (jhāna) vô sắc thứ hai và thứ tư bất tâm thiên thứ nhất và thứ ba làm đề mục của chúng một cách tương ứng.

b) Pháp được duyên: Thiên chỉ tịnh mà được tạo lập bởi một trong tám tâm đại thiện hoặc đại duy tác, hoặc tâm thiên (jhāna) và các tâm sở của nó ở tầng mức thiên (jhāna).

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Của Thiên Minh Sát (Vipassanā)

Để phát triển tuệ minh sát, chúng ta phải quan sát thân tâm của chính mình để rồi chúng ta có thể trải nghiệm các hiện tượng danh sắc vượt lên trên ảo tưởng. Ví dụ, chúng ta có thể cho rằng một ai đó đẹp hay xấu. Theo nghĩa chân đế, đó thật ra là một ảo tưởng vì mọi người đều được tạo thành bởi xương và thịt, hay nói một cách chính xác hơn, là bởi các hiện tượng danh sắc sanh lên và diệt đi từng mỗi thời điểm, nhưng lại dường như là tồn tại lâu dài do bởi tính liên tục của những sự thay thế. Cho nên, thấy ai đó là đẹp hay xấu là một ảo tưởng, trong khi thấy ai đó là các hiện tượng danh sắc thì lại là cái nhìn sâu sắc, minh sát. Các hiện tượng danh và sắc khi làm các đối tượng giác quan thì tạo lập nên điều kiện hay làm duyên cho thiên minh sát (vipassanā) như sau:

a) Pháp làm duyên: Sáu cảnh giác quan mà tạo lập nên các hiện tượng danh và sắc

b) Pháp được duyên: Các tuệ minh sát (Vipassanā) mà được tạo lập nên bởi một trong tám tâm đại thiện hay đại duy tác và các tâm sở của chúng

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Bằng cách quán tưởng trên các hiện tượng danh sắc ở bên trong chính mình, tâm ý của chúng ta sẽ phát triển thông qua các giai đoạn tiếp nối của các tuệ minh sát (*vipassanā*) đưa đến sự chứng ngộ đạo quả (*magga-phala*) và trải nghiệm Níp-bàn (*Nibbāna*). Như vậy, sự chứng ngộ đạo quả (*magga-phala*) được duyên bởi đối tượng hay cảnh duy nhất của nó, đó là Níp-bàn (*Nibbāna*), như sau:

a) Pháp làm duyên: Níp-bàn (*Nibbāna*) (cảnh hay đối tượng của tâm ý)

b) Pháp được duyên: Những sự giác ngộ đạo quả (*magga-phala*) (tám tâm siêu thế)

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Các Đối Tượng Hay Các Cảnh Trong Tích Truyện

Một đối tượng giác quan có thể gây ra những trạng thái tinh thần khác nhau, thiện hoặc bất thiện, tùy thuộc vào tư tưởng của chúng ta hay chính là cách tư duy (*manasi-kāra*) của chúng ta. Ví dụ, hình ảnh của Đức Phật rực sáng trong hào quang của Ngài là tuyệt diệu đối với hầu hết mọi người, nhưng lại là khó chịu đối với hoàng hậu *Māgaṇḍiyā*. Nguyên do là vì bà đã một lần bị Đức Phật làm bẽ mặt khi bà được giới thiệu đến Ngài với tư cách là một người có tiền năng làm vợ của Ngài. Cha của bà rất giỏi trong việc đọc tính cách và tướng số của

mọi người. Khi nhìn vào dấu chân của Đức Phật để lại, ông đã biết rằng Đức Phật là một người siêu phàm trên thế gian này, nhưng vợ của ông thậm chí còn biết nhiều hơn. Bà đã nói rằng Đức Phật là một vị Thánh, một người đã hoàn toàn giác ngộ và đã tẩy trừ sự khao khát dục trần cũng như sự khao khát tình dục. Tuy nhiên, ông đã không nghe lời vợ, và vẫn giới thiệu con gái của mình đến Đức Phật với ý muốn cô ta được làm vợ của Ngài. Rồi, Đức Phật đã cố tình nói rằng Ngài không muốn đụng cô gái đầu chỉ bằng chân của Ngài, vì cô ta (cũng như mọi người khác trên thế gian) chứa đầy những thứ ghê tởm.

Sau khi nghe xong bài thuyết giảng của Đức Phật, ông Bà-la-môn và vợ đã giác ngộ. Tuy nhiên, người con gái của họ quá bẽ mặt đến mức cô ta đã căm hận quyết định sẽ trả thù Đức Phật nếu hoặc khi cô ta được gả cho một người có quyền lực. Sau này, bà đã trở thành một trong ba vị hoàng hậu chính cung của vua Utena tại vương quốc Kosambi. Khi Đức Phật viếng thăm vương quốc của bà, bà đã lén lút thông đồng ra lệnh cho mọi người chửi rủa Đức Phật với mục đích đuổi Đức Phật và chư Tăng ra khỏi vương quốc. Trong sự việc này, phước thiện được vun bồi bởi người cha Bà-la-môn và việc tội lỗi được thực hiện ra bởi người con gái là được tạo ra do bởi bài pháp thuyết giảng của Đức Phật (nói một cách cụ thể hơn, do bởi những cảnh pháp vốn là những ý tưởng Ngài muốn truyền đạt) thông qua năng lực của Mê Duyên (Cảnh Duyên).

Trưởng Duyên (Adhipati-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 2)

Chandā (vīriyā, cittā, vīmaṃsā) dhipati chanda (vīriya, citta, vīmaṃsa) sampayuttakā-ṇaṃ dhammāṇaṃ taṃsamuṭṭhānāṇaṃ rūpāraṃ adhipati-paccayena paccayo.

Phần Chuyên Ngữ

Dục (cần, tâm, thẩm) trưởng làm duyên hay điều kiện cho tâm, các tâm sở đi cùng với nó và các sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

a) Pháp làm duyên: Dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng và thẩm trưởng.

b) Pháp được duyên: Các tâm và các tâm sở đi cùng¹ và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

¹ Các tâm trưởng bao gồm 52 loại, được gọi là sādhipati javana (tức là trong 55 đồng lực (javana), chúng ta trừ đi hai tâm si và tâm tiểu sinh), các tâm sở của chúng là 50 (tức là 52 trừ dục và hoài nghi), và tất cả các loại sắc pháp do tâm tạo.

ND: Phần ghi chú ở trên được dịch thẳng từ nguyên tác tiếng Anh. Chúng tôi xin đọc giả lưu ý là, ở đây tác giả chỉ đề cập đến trường hợp của “dục”. Trong trường hợp của “cần” và “thẩm”, chúng ta phải thay thế “dục” với “cần” hoặc “thẩm” một cách tương ứng. Đọc giả có thể đọc thêm trong phần 8.7 của cuốn Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, tập 3.

Dục Trưởng

Trong phụ số giải (Mūlatīkā-3, 169) có nói rằng: “Đối với người có dục (tức là sự khao khát) mạnh thì không có gì là không thể thành tựu được.” Ví dụ, ai cũng có khao khát được trở thành giàu có, nhưng nhiều người trong số chúng ta lại rất nghèo. Tại sao? Đơn giản là vì sự khao khát trở thành người giàu có của chúng ta chưa đủ mạnh. Thật ra, chúng ta hầu hết nghĩ về việc tận hưởng cuộc sống như thế nào hơn là việc kiếm tiền như thế nào. Khi chúng ta có tiền dư thừa, chúng ta hầu như thường nghĩ về nơi nào chúng ta có thể đi du lịch thay vì nơi nào để đầu tư tiền của mình. Nếu chúng ta đủ khôn ngoan và có lòng tốt, chúng ta có lẽ nghĩ đến chuyện dâng tặng cho từ thiện. Như vậy, điều rất hiển nhiên là chúng ta thật sự không có lòng khao khát đủ mạnh để trở thành giàu có mặc dầu chúng ta có thể ước ao là được trở thành như vậy. Chỉ ước muốn thôi chẳng đưa chúng ta đến đâu cả. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy:

“Cái gì không được mong đợi thì lại có thể xảy ra; cái gì được mong đợi thì lại có thể không được như ý muốn.

Tài sản không thể được tạo ra do bởi sự mong chờ của mình.” (Jātaka-2, 160)

Nếu sự khao khát được trở nên giàu có của chúng ta là chiếm ưu thế, chúng ta sẽ chắc chắn tìm phương cách và phương tiện để được như vậy; chúng ta sẽ tạo nên các cơ hội để kiếm tiền; chúng ta sẽ chỉ quan tâm về tiền hơn là những thứ khác. Cho nên, sẽ không có nguyên nhân nào mà chúng ta lại không thể giàu lên được. Cũng theo cách này, nếu chúng ta có sự khao khát

mạnh mẽ là được có giáo dục, chúng ta chắc chắn sẽ trở thành người có giáo dục; nếu chúng ta có sự khao khát trở thành có quyền lực, chúng ta sẽ trở nên có quyền lực; nếu chúng ta có sự khao khát chứng đạt được sự giác ngộ, chúng ta sẽ trở nên giác ngộ. Còn sự khao khát muốn trẻ lại của những người lớn tuổi hay sự khao khát muốn sống lâu hơn của những người có bệnh trầm kha thì sao? Nếu khao khát của họ là cực mạnh thì chắc chắn nó sẽ được viên mãn trong chốc lát. Đó là lý do tại sao chúng ta tái sinh lại sau khi chết.

Bất Thiện Dục Trưởng

Trong thời của Đức Phật, vua Kosala có một người con trai tên là Viḍaḍūbha; mẹ của hoàng tử này là hoàng hậu Vāsabhakhattiyā thuộc dòng dõi thấp kém vì bà là con của vua Mahānāmo và thứ thiếp. Một ngày nọ, hoàng tử Viḍaḍūbha viếng thăm Sāvatti, tức là vương quốc của những thân quyến của mẹ ông. Các hoàng tử và các công chúa trẻ tuổi đã không chào hỏi bằng cách cố ý đi đến những nơi khác. Mặc dầu hoàng tử Viḍaḍūbha được đón tiếp tại đó, nhưng ông buộc phải chào hỏi tất cả mọi người ông gặp gỡ vì tất cả họ đều lớn tuổi hơn ông. Trên đường trở về, ông nhận ra là mình đã để quên một vật và đã quay lại Sāvatti để lấy nó. Khi đến nơi, ông đã thấy một người đang rửa cái ghế mà ông đã ngồi bằng sữa¹ và phàn nàn rằng nó đã được dùng bởi con

¹ Một phong tục có liên quan đến giai cấp tại Ấn Độ rằng chiếc ghế sẽ được rửa bằng sữa nếu nó được sử dụng bởi một người thuộc giai cấp thấp. Tại Ấn Độ, bò được xem là vật thiêng liêng và sữa là một cái gì đó như nước thánh mà có thể rửa đi thứ nhơ bẩn như vậy. Dr. B.R. Ambedkar (1891-1956) đã là thành viên có học vấn cao (Ph.D., Columbia University) và nổi bật về chính trị đầu

traí của một người phục dịch. Nghe được điều này, ông cảm thấy bị sỉ nhục đến mức một khao khát mãnh liệt muốn trả thù họ đã sanh lên trong ông.

Một ngày nọ, vua Kosala đến viếng thăm Đức Phật; ông đã đi cùng với một đội quan quân lớn, dẫn đầu là Dīga-kārāyana, vị chủ tướng quân đội trong vương quốc Kosala. Với lòng tôn kính, vua Kosala đã đi một mình vào tịnh thất của Đức Phật, để lại toàn bộ vương miện và hoàng phục cho tướng quân Dīga-kārāyana, vốn là cháu của người tướng quân đã qua đời Bandhula. Người tướng quân đã qua đời này đã dũng cảm và có quyền lực đến mức nhà vua đã cho sát hại ông vì ông đã bị nghi ngờ là muốn ám sát nhà vua. Thấy được đây là cơ hội để trả thù nhà vua, tướng quân Dīga-kārāyana đã bỏ mặc nhà vua ở lại một mình trong tịnh thất của Đức Phật, quay trở lại hoàng cung và trao toàn bộ vương miện và hoàng phục cho hoàng tử Viḍaḍūbha. Như vậy, hoàng tử Viḍaḍūbha bây giờ đã trở thành một vị vua có quyền lực tại nơi mà đã một lần là vương quốc của cha của ông. Tóm gọn câu chuyện lại, một ngày vua Viḍaḍūbha dẫn một đạo quân hùng mạnh đến Sāvatti, nơi mà cái ghế ngai của ông đã một lần bị rửa sạch bằng sữa, và đã tàn sát hàng ngàn người của dòng tộc Khattiya. Sự khao khát mạnh mẽ của ông, mặc dầu là độc ác, bây giờ đã được thực hiện hoàn mãn. (Dhammapada-1, 220)

Ở đây, tâm sân của ông và các tâm sở của nó đã được duyên bởi cái khao khát mạnh mẽ của ông muốn trả thù những người đã làm nhục ông với sự phân biệt

tiên thuộc giai cấp hạ liệt trong nền văn hóa Hindu. Theo như trong bộ phim tài liệu về tiểu sử của ông, chiếc ghế ông ngồi trong quốc hội đã được rửa sạch với sữa ngay sau khi ông rời bỏ quốc hội.

giai cấp quá cực đoan. Như vậy, loại duyên này có ba yếu tố như sau:

a) Pháp làm duyên: Dục (chanda) trường bất thiện.

b) Pháp được duyên: Một trong hai tâm sân (Xem Phụ lục 1), các tâm sở của nó và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Thiện Dục Trưởng

Trong lịch sử Phật giáo, có một trưởng giả giàu có và rất nổi tiếng có tên gọi là Anātha-piṇḍika, vì ông giàu có và rất độ lượng. Ông đã xây dựng một ngôi tự viện rất nổi tiếng đặc biệt dành riêng cho Đức Phật, nơi mà Ngài đã trải qua mười chín mùa an cư. Hơn nữa, trưởng giả đã dâng cúng thực phẩm đến 2000 tu sĩ mỗi ngày. Tuy nhiên, có một lần, ông đã bị cạn kiệt tài sản do nhiều nguyên nhân khác nhau và đã không thể cúng dường (dāna) ở quy mô lớn như trước. Ông chỉ có thể dâng cúng cơm tấm và cà-ri đậu lên men đến Đức Phật và chư Tăng. Là một trong những người rộng lượng nhất trên thế giới, ông luôn luôn có một khao khát mạnh mẽ được thực hành việc bố thí cúng dường (dāna) trên quy mô rộng lớn như ông đã làm lúc trước. Cái khao khát tốt đẹp mạnh mẽ này của ông đã kích hoạt lòng từ ái của một thiên nhân; vị đó đã giúp ông đạt lại được tài sản mà ông đã thất thoát (Dhammapada-2, 7). Điều hiển nhiên là một khao khát hay một ước muốn thiện thì dễ dàng được thực hiện hoàn mãn bằng cách này hay bằng cách khác mà không cần nhiều nỗ lực, đặc biệt nếu chúng ta có đức hạnh tốt. Đức Phật đã dạy rằng: “Do bởi đức

hạnh tốt đẹp, ước muốn của những người với sự trong sạch sẽ được hoàn mãn.¹”

Ghi chú: Như trong trường hợp của hoàng tử Viḍaḍūbha, sự khao khát bất thiện, nếu đủ mạnh, sẽ giúp chúng ta hoàn thành mục đích bất thiện của chúng ta; tuy nhiên, chúng ta phải trả giá cho điều đó thậm chí ngay trong đời sống này, chứ không cần đợi đến kiếp sống kế tiếp.

Trong trường hợp của trưởng giả Anāthapiṇḍika, ba yếu tố của Trưởng Duyên là như sau:

a) Pháp làm duyên: Thiện dục (chanda) trưởng.

b) Pháp được duyên: Một trong tám tâm đại thiện (mahā-kusala), và các tâm sở đi cùng của nó và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Cần Trưởng

Có một câu nói như sau: “Đối với người nỗ lực tinh cần thì không có gì là không thể đạt được.” Nói chung, sự nỗ lực tinh cần luôn luôn mang lại thành công cho chúng ta. Nhưng điều này có lẽ không hẳn chính xác cho một người lao động làm việc trong một mỏ than chẳng hạn mặc dầu ông ta có thể là làm việc chăm chỉ, cần cù hơn rất nhiều người trong chúng ta. Như vậy thì tại sao mặc dầu họ nhiệt tâm cố gắng trong công việc của họ,

¹ Ijjhati bhikkhave sīlavato ceto-paṇidhi, visuddhattā

nhưng họ lại vẫn không thể trở nên thành công? Chúng ta có thể nói theo một cách rằng, với sự tinh cần nỗ lực của mình, họ đã hoàn thành được một mục đích, đó là việc nhận được lương hằng ngày của họ.

Cách đây khoảng sáu thập niên, Miến Điện lúc đó bao gồm nhiều vương quốc nhỏ. Vào những ngày đó, ai cũng có thể trở thành vua của một vương quốc bất kỳ lúc nào nếu ông ta có thể sát hại được vị vua đương nhiệm. Một ngày nọ, một vị vua đã bị lạc khỏi đoàn tùy tùng ở rừng trong lúc đang đi săn nai. Khi mặt trời lặn, ông tình cờ đi ngang qua một ruộng trồng dưa leo. Một mối và đói khát, nhà vua đã ngắt và ăn một vài trái dưa leo mà không xin phép người chủ ruộng. Do đó, người nông dân đã đánh đập ông cho đến chết tại nơi đó. Theo phong tục thuở ấy, người nông dân đã được đề cử lên làm vua. Ông ta đã từ chối bởi vì ông ta nói rằng ông không thể rời bỏ những trái dưa leo của mình; điều này tương tự như việc những chú cún nhỏ đang bú sữa từ mẹ. Người nông dân hiển nhiên đã nỗ lực hết mình để cho ruộng dưa của ông ta ra trái nhiều. Và kết quả là những nỗ lực của ông đã giúp ông đạt được mục tiêu chính của ông, tức là trồng dưa leo.

Đề ra một mục tiêu hay một mục đích cao thượng là vấn đề của việc sở hữu trí tuệ. Nếu chúng ta nỗ lực đúng đắn hài hòa với mục đích đúng đắn thì không có lý do tại sao chúng ta lại không thể trở nên thành công trong cuộc sống. Có nhiều người thành công trên thế giới đã từng là vô gia cư hoặc thậm chí là người nghiện ngập. Tuy nhiên, chúng ta phải biết đích nào là đúng cho mình và rồi nỗ lực tinh cần theo cách thích hợp. Đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ trở nên thành công trong cuộc sống thậm chí nếu trước đây chúng ta có đã từng làm việc trong một mỏ than. Kinh điển Pāli có dạy, sự

tình cần khôn khéo (payoga) là điều kiện tiên quyết cho tài sản và sức khỏe trong đời sống nhân loại.

Câu Chuyện Của Mahā-janako

Thậm chí nếu chúng ta ở trong một tình huống tuyệt vọng, Đức Phật cũng đã dạy chúng ta không nên đầu hàng mà phải tiếp tục nỗ lực cố gắng một cách dũng mãnh. Trong một câu chuyện bốn sanh (Jātaka), Bồ-tát (tiên thân của Đức Phật) có tên là Mahā-janako đang du hành xuyên đại dương giữa Kāla-campa và Suvaṇṇa-bhūmi¹. Mục đích chuyến du hành của ngài là kiếm đủ tiền để chống lại cậu của ngài, tức là vua Pola-janako, người đã sát hại cha của ngài, tức là vua Ariṭṭha-janako, và chiếm đoạt toàn bộ vương quốc. Bồ-tát (Bodhisatva) đã du hành trên một con tàu ngập đầy với vài trăm người và hàng tấn hàng hóa mà họ mang theo cho chuyến đi ngàn dặm trên đại dương. Bất hạnh thay, sau một tuần, con tàu đã bị hư. Một vài người trên tàu đã chạy tới chạy lui la hét trong nỗi sợ hãi, còn những người khác thì cầu nguyện Thượng đế cứu giúp. Mahā-janako đã không cầu nguyện, ngài đã giữ bình tĩnh và xem mình cần phải làm gì. Trước hết, ngài đã ăn no bụng với bơ và đường trong lúc con tàu bắt đầu chìm. Rồi, ngài đắm ướn áo quần của mình trong đầu để nó sẽ giúp ngài nổi lên dễ dàng trên mặt nước. Khi con tàu chìm, ngài trèo lên đỉnh của cột buồm, và nhảy ra thật xa khỏi những người ở bên dưới mà đã bị cá mập tấn công ngay lập tức.

Như vậy, thậm chí trong tình huống tuyệt vọng và thảm khốc như vậy, Mahā-janako đã không đầu hàng;

¹ Nó được cho là giữa Calcutta India và Malaysia mà trong lịch sử Phật giáo được biết đến là Suvaṇṇa-bhūmi.

ngài vẫn chỉ tiếp tục bơi trên biển trong suốt một tuần. Đến một lúc, vị nữ thần (devī) hộ trì đại dương đã không thể bỏ lơ ngài được nữa, đã hiện ra gặp ngài và hỏi rằng: “Ai là người đang bơi ở đại dương như vậy trong khi không thấy được bờ bên kia? Nhà người đang thực hiện một hành động kiên cường như vậy với mục đích gì?” Mahā-janako đã trả lời như sau: “Hiểu được quy luật của thế gian và lợi ích của sự nỗ lực cố gắng, tôi đang ráng sức giữa biển rộng mênh mông thật sự là tôi không thể thấy được ven bờ.”

Tóm lược lại câu chuyện dài này, vị nữ thần (devī) đã nhặt ngài lên khỏi đại dương và mang ngài đến thành phố Mithila, nơi mà cậu của ngài, tức là vua Pola-janako, đã băng hà ngay chính vào ngày đó. Rồi ngài đã trở thành vua của vương quốc nơi mà trước đây đã từng là vương quốc của cha ngài (Mahājanaka Jātaka 160). Về ý nghĩa đạo đức của câu chuyện này, Đức Phật đã dạy như sau:

“Āsīsetheva puriso, na nibbindeyya paṇḍito.

Passāmi vohaṃ attānaṃ yathā icchīm, tathā ahūti.”

“Hãy luôn hy vọng, và đừng bao giờ đầu hàng.

Ta đã thấy chính mình đạt được cái mà ta đã ước muốn.”

Như vậy, ở đây sự nỗ lực kiên cường của Mahā-janako hiển nhiên đã là điều kiện dưỡng dưỡng cho sự thành công của ngài. Nói một cách chính xác hơn, tâm có liên quan với cần và các tâm sở của nó cùng với các sắc pháp do tâm tạo là những yếu tố giúp ngài thành công. Như vậy, ba yếu tố (của Trưởng Duyên) là như sau:

a) Pháp làm duyên: Cần trường.

b) Pháp được duyên: Tâm (một trong tám tâm đại thiện), các tâm sở đi cùng với nó, và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Tâm Trưởng

Có một câu nói như sau: “Đối với người có một tâm ý mạnh thì không có gì là không thể chứng đạt được.” Ví dụ, chúng ta có thể tốt nghiệp chỉ nếu tâm ý của chúng ta mạnh và đủ vững để chống lại những sự cám dỗ và khó khăn trong suốt những năm tháng ở học đường. Với một tâm ý yếu và không vững chãi, chúng ta sẽ chẳng đi đến đâu cả. Chúng ta không biết cách giải quyết các vấn đề phát sinh trong đời sống bình nhật hay không biết làm sao để nâng cao chất lượng của cuộc sống. Như vậy, một tâm ý mạnh và vững chãi thì cần thiết cho thành công. Một tâm ý mạnh, đâu là thiện hay bất thiện, có thể tạo hình nên cuộc sống và thế giới của chúng ta.

Có một câu chuyện bốn sanh (Jātaka aṭṭhakathā-1, 419) minh họa việc một tâm ý mạnh mẽ và vững chãi là điều kiện cần thiết cho chúng ta chống lại những cám dỗ và để đạt đến đích của mình. Sáu hoàng tử được triệu tập đến hoàng thành. Họ cần phải vượt qua một sa mạc nơi mà những kẻ ăn thịt người đang sinh sống. Khi họ đến vùng sa mạc, họ được chào đón và phục vụ giải trí bởi những kẻ ăn thịt người đang giả dạng thành những cô gái xinh đẹp. Một trong số các hoàng tử không thể chống lại sự cám dỗ và đã ở lại đó. Những vị hoàng tử còn lại tiếp tục cuộc du hành, và đã được phục vụ giải trí

với những đục trần êm dịu khác nhau như những âm thanh ngọt ngào tại trại nghỉ thứ hai; những hương thơm tại trại nghỉ thứ ba; thức ăn thượng vị tại trại nghỉ thứ tư; và sự đụng chạm êm dịu tại trại nghỉ thứ năm. Mỗi hoàng tử đều trở thành nạn nhân của thứ quyến rũ mà tâm ý của họ cảm thấy yếu đuối, ngoại trừ một vị hoàng tử đã có thể chống cự lại được và đã đến được hoàng thành. Kết quả là vị hoàng tử này được trao tặng vương miện làm vua. Do đó, một tâm ý mạnh mẽ và vững chãi là điều kiện hay làm duyên cho các tâm sở đi cùng và các sắc pháp do tâm tạo mà đã giúp cho vị hoàng tử đó thành công. Như vậy, các yếu tố của Trưởng Duyên là như sau:

a) Pháp làm duyên: Tâm trưởng của vị hoàng tử mà đã thành công. (Đây đã có thể là một trong tám tâm tham hay một trong tám tâm đại thiện, tùy thuộc vào tư tưởng và quan điểm của vị đó.)

b) Pháp được duyên: Các tâm sở đi cùng với nó và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Như vậy, một thứ gì đó làm mê mẩn tâm ý của chúng ta cũng là thứ mà chúng ta rất dễ dàng trở thành nạn nhân của nó. Chỉ có một tâm ý mạnh mẽ và vững chãi mới có thể giúp chúng ta giữ vững phương hướng đến đích bằng cách chống lại những sự cám dỗ. Trong trường hợp như vậy, chúng ta giống như là một cây đinh được đóng thẳng vào gỗ.

Tám Thăng Trầm Của Cuộc Đời

Hơn nữa, có tám sự thăng trầm của cuộc đời mà tất cả chúng ta cần phải đối mặt: được và mất, có nhiều bạn hữu và sự cô đơn, danh tiếng và tai tiếng, hạnh phúc và sự buồn rầu. Trong số tám loại này, chúng ta luôn luôn tìm kiếm bốn điều an lạc trong khi chúng ta lại cố gắng hết sức để tránh bỏ bốn điều bất toại nguyện. Tuy nhiên, nếu chúng ta đạt được một cái gì đó thì một lúc nào đó trong tương lai chúng ta sẽ mất nó, chậm nhất là vào lúc chúng ta qua đời. Điều này cũng đúng đối với danh vọng, sự nổi tiếng và hạnh phúc, vì tất cả chúng đều chịu ảnh hưởng bởi sự vô thường. Như vậy, trong khi chúng ta đang theo đuổi bốn điều an lạc thì chúng ta lại bị theo đuổi bởi bốn điều bất toại nguyện. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy:

“Tám sự thăng trầm và loài người theo đuổi lẫn nhau.” (Aṭṭhaṅguttara-3, 7)

Chỉ có một tâm ý vững mạnh mới có thể chống lại được những thăng trầm của cuộc đời. Người với tâm ý yếu không thể vượt qua được những thăng trầm để đạt đến đích của họ. Họ thậm chí có thể quên đi đích của mình là gì. Do đó, đích của họ sẽ mờ dần đi hoặc họ và sự thành công dần dần cách xa nhau. Ví dụ, nhiều sinh viên trẻ tuổi vào đại học với mục đích nhận được bằng cấp. Một vài trong số họ không thể hoàn thành mục đích của mình do bởi sự thiếu hụt tài chánh, do bởi sự cô đơn hay do bởi sự thiếu vắng bạn bè mà đôi lúc làm cho họ bị trầm cảm. Điều này thật ra là một vấn đề của tâm ý. Nếu tâm ý của chúng ta đủ mạnh, chúng ta có thể tìm cách vượt qua được những khó khăn này. Luôn luôn có những sự lựa chọn cho những ai có tâm ý mạnh mẽ và khôn khéo. Mặc dầu được hỗ trợ tài chính một cách tốt đẹp,

một vài sinh viên lại tiêu phí tiền cho thú vui chơi sa đọa thay vì nỗ lực cố gắng học hành. Cuối cùng, họ rời đại học mà không đạt được một cái gì cả. Cho nên, điều hiển nhiên là một tâm ý vững mạnh thì cần thiết cho sự thành công của chúng ta.

Mặt khác, có những người thành công lại cuối cùng trở thành những người thất bại. Ví dụ, một cậu bé từ một làng mạc hẻo lánh tại Miến Điện đã trở thành một ca sĩ thành công nhất vào thời của cậu. Trước đó, cậu đã đơn giản và khiêm tốn, nhưng sau khi thành công, cậu lại trở thành một người nghiện ngập và trụy lạc. Cuối cùng, cậu đã mất đi hết danh vọng và chết đi bởi ung thư phổi do rượu bia quá mức. Rõ ràng, sự thành công của cậu đã hủy hoại đời sống của cậu do tâm ý của cậu đã không đủ mạnh để chống lại những thăng trầm của cuộc đời. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy như sau:

“Các cây chuối, các cây tre và các cây lau sậy bị giết chết bởi quả của chúng. Một người với tâm ý yếu kém bị giết chết bởi sự thành công của mình giống như một con assatari (một giống ngựa) bị giết chết bởi đứa con đang ở trong thai bào của nó.” (Cūlavagga 346)

Hằng ngày, những thăng trầm của cuộc đời đang thử thách tâm ý của chúng ta. Chỉ khi nào tâm ý của chúng ta là khôn khéo và mạnh mẽ, chúng ta mới có thể bảo vệ được đời sống của mình và ngăn ngừa không cho mục tiêu của chúng ta bị hủy hoại. Đó là lý do tại sao một tâm ý mạnh mẽ được Đức Phật đề cao là phước lành quý giá nhất:

“Một tâm ý vững chãi, không lo sầu, hoàn thiện và định tĩnh trước các thăng trầm của cuộc đời, đây là phước lành quý giá nhất trên thế gian.” (Maṅgala Sutta)

Như vậy, một tâm ý mạnh mẽ luôn luôn có liên quan đến thành tích và sự chứng đạt của chúng ta. Dưới đây là ba yếu tố nói chung:

a) Pháp làm duyên: Các tâm trường¹.

b) Pháp được duyên: Các tâm sở đi cùng của nó và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Thâm Trường

Có một câu nói như sau: “Đối với người có một trí tuệ mạnh mẽ thì không có gì là không thể chứng đạt được.” Có ba loại trí tuệ được nhắc đến trong kinh điển Pāli:

1. Trí văn (suta-maya ñāṇa): kiến thức hay trí tuệ có được từ sự học hành, nghiên cứu và truy cứu.

2. Trí tư (cintā-maya ñāṇa): kiến thức hay trí tuệ có được từ sự phân tích và suy tư.

3. Trí tu (bhāvanā-maya ñāṇa): kiến thức hay trí tuệ có được từ sự phát triển tâm linh.

¹ Tùy thuộc vào tình huống, nó có thể là một trong 52 tâm trường, tức là bao gồm tám tâm tham, hai tâm sân, tám tâm đại thiện, tám tâm đại duy tác, mười tâm sắc giới (năm thiện và năm duy tác), tám tâm vô sắc (bốn tâm thiện và bốn tâm duy tác) và tám tâm siêu thế.

Trí Văn

Khoa học kỹ thuật là loại kiến thức chúng ta có được từ việc nghiên cứu vô số các vấn đề và thực hiện vô số các việc tìm kiếm. Với sự giúp đỡ của loại kiến thức này, chúng ta có thể định hình lại cuộc sống của chúng ta hay thậm chí cả hành tinh của chúng ta. Loại kiến thức này giúp chúng ta trở thành loài hùng mạnh nhất trên trái đất. Mọi loài động vật phải sống dưới ân huệ của chúng ta cho đến khi chúng là những động vật to lớn như voi hay cá voi, hay những động vật nguy hiểm như sư tử hay cá mập. Chúng ta thậm chí có thể nói rộng tầm với của chúng ta ra ngoài hành tinh của chúng ta đến mặt trăng và sao Hỏa. Chúng ta đã đạt được những thứ mà ông cha của chúng ta đã không thể tưởng tượng hay hình dung ra được. Cho nên, nếu chúng ta có kiến thức hay sự hiểu biết tốt đẹp về khoa học kỹ thuật, hầu như không có gì là chúng ta không thể đạt được. Loại trí trưởng này được tạo thành bởi ba yếu tố như sau:

a) Pháp làm duyên: Trí trưởng về khoa học kỹ thuật (suta-maya ñāṇa).

b) Pháp được duyên: Tâm (một trong bốn tâm đại thiện hợp trí hay bốn tâm duy tác hợp trí) và các tâm sở đi cùng của nó cùng với các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Trí Tư

Tuy nhiên, không phải khoa học kỹ thuật mà là năng lực tư duy của chúng ta là cái làm cho chúng ta có thể phân biệt được giữa đúng và sai, tốt và xấu, hay thiện và bất thiện. Chúng ta đã tạo lập nên một xã hội văn minh với hiến pháp và luật lệ để giúp chúng ta không bị suy đồi. Thông qua năng lực tư duy này, chúng ta quyết định đúng, lựa chọn đúng thời gian, địa điểm và con người. Do đó, rõ ràng không phải là khoa học kỹ thuật mà là chính năng lực tư duy này (cintā-maya) đã giúp chúng ta thiết lập nên xã hội văn minh. Có bom hydrogen thì dĩ nhiên là hùng mạnh, nhưng năng lực suy đoán hay nghị luận của chúng ta thì thậm chí có năng lực hơn vì nó có thể giúp chúng ta tạo nên tình huống đôi bên cùng có lợi cho xã hội loài người. Như vậy, nếu chúng ta có năng lực tư duy (cintā-maya) thì hầu như không có gì là chúng ta không thể hoàn thành được.

Ở đây, ba yếu tố của loại trí này sẽ là như sau:

a) Pháp làm duyên: Trí trưởng về năng lực tư duy (cintā-maya nāṇa).

b) Pháp được duyên: Tâm (một trong bốn tâm đại thiện hợp trí hay bốn tâm duy tác hợp trí) và các tâm sở đi cùng của nó cùng với các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Trí Tu

Loại trí tuệ siêu việt nhất là thấy được sự thật vượt lên trên những ảo giác và các pháp chế định. Ví dụ, Einstein và Washington không còn tồn tại ở đâu nữa trên thế gian này. Tất cả chúng ta đang sống hiện tại trên trái đất này, sẽ không còn nữa trong vòng 100 năm tới. Tất cả chúng ta chỉ là những vật thể như trong giấc mơ. Và cũng vậy, chúng ta chỉ là những vị khách trên thế gian này giống như là côn trùng xuất hiện theo mùa và rồi biến mất sau một khoảng thời gian ngắn ngủi. Theo nghĩa tuyệt đối, chúng ta chết đi và sinh ra trong từng thời điểm vì tất cả hiện tượng danh sắc – những thứ mà chúng ta đánh đồng với cái mà chúng ta cho hay nghĩ là bản thân chúng ta – đang sanh lên và diệt đi tại từng thời điểm. Điều không thể chối cãi và vốn là kiến thức phổ thông là hành tinh của chúng ta sẽ biến mất một ngày nào đó. Cho nên, những cái mà chúng ta gọi là những thành đạt hay những thành tựu trên trái đất này thì chỉ là những chế định (paññatti); cho rằng một cái gì đó là của mình thì chỉ là si mê (moha); nghĩ rằng mình hay một ai đó là đẹp hay xấu thì chỉ là ảo tưởng (vipallāsa). Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy trong Kinh Tưởng Diên Đảo (Vipallāsa Sutta) rằng:

“Một người sẽ trở nên điên dại với các ảo giác được tạo ra bởi khái niệm sai lầm, suy nghĩ sai lầm và sự tín ngưỡng sai lầm. Khi nhìn thấy được các sự vật một cách đúng đắn, người đó có thể thoát khỏi sự trói buộc của tứ thân.” (Aṅguttara Nikāya)

Như vậy, chúng ta cần loại hiểu biết hay trí tuệ mà có thể giúp chúng ta thấy được sự thật vượt lên trên những ảo tưởng và những chế định. Dĩ nhiên, chính trí

tuệ minh sát (vipassanā) và sự giác ngộ đạo quả (magga-phala) có thể làm cho chúng ta thấy được chân lý hay sự thật. Những loại trí tuệ này được gọi là trí tu (bhāvanā-maya) vì chúng phải được phát triển thông qua việc thực hành thiền minh sát (vipassanā). Điều này sẽ được giải thích chi tiết trong phần Đờ Đạo (Magga) Duyên.

a) Pháp làm duyên: Những sự giác ngộ đạo quả (magga-phala).

b) Pháp được duyên: Tâm (tám tâm siêu thế) và các tâm sở đi cùng của nó và các sắc pháp do tâm tạo.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Một Loại Trưởng Duyên Khác: Cảnh Trưởng Duyên (Ārammañāhipati)

Có một loại Trưởng Duyên khác thuộc vào Cảnh Duyên. Đôi lúc, các đối tượng giác quan (hình ảnh, âm thanh, vân vân) có nhiều năng lực đến mức chúng có thể ảnh hưởng đến các tâm và các tâm sở của chúng ta thông qua năng lực của Cảnh Trưởng Duyên (Ārammañāhipati). Đối với loại duyên này, kinh tạng Pāli có ghi nhận như sau:

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 2)

Yaṃ yaṃ dhammaṃ gaṛuṃ katvā ye ye dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā; te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ adhipati-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

Bất kỳ tâm và các tâm sở nào sanh lên thông qua việc chú trọng đến một pháp cụ thể, thì những đối tượng giác quan đó làm duyên hay là điều kiện cho những tâm và những tâm sở đó do bởi năng lực của Trưởng Duyên.

Ba yếu tố nói chung là như sau:

a) Pháp làm duyên: Sáu đối tượng giác quan chiếm ưu thế¹.

b) Pháp được duyên: Các tâm và các tâm sở của chúng².

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Đôi lúc, tâm ý của chúng ta bị ảnh hưởng trầm trọng bởi những cảnh dục trần, đặc biệt là khi có liên quan đến tình cảm đôi lứa. Trong lịch sử Anh quốc, Hoàng tử Edward VIII (1894-1972) đã yêu say đắm một góa phụ người Mỹ có tên là Wallis Simpson. Ông đã bị chế ngự bởi tình yêu dành cho bà đến mức ông đã từ bỏ vương miện của mình theo như hiến pháp hoàng gia để có thể được cưới bà. Rõ ràng là tâm ý của vị hoàng tử đã bị ảnh hưởng rất mạnh bởi các đối tượng dục trần tạo

¹ Sáu cảnh giác quan chiếm ưu thế là chỉ cho các cảnh giác quan làm say mê hay làm quyến rũ, bao gồm mười tám sắc pháp được khao khát (piya-rūpa sāta rūpa), 84 tâm (tức là trừ hai tâm sân, hai tâm si và tâm thân thức thọ khổ), 47 tâm sở (tức là trừ năm tâm sở: sân, tật, lặn, hối và hoài nghi), và Níp-bàn (Nibbāna).

² Tám tâm tham, tám tâm đại thiện, bốn tâm đại duy tác hợp trí, tám tâm siêu thế; 45 tâm sở (loại trừ sân, tật, lặn, hối, nghi và hai vô lượng phần).

lập nên người góa phụ này. Trong trường hợp này, các yếu tố của duyên này sẽ là như sau:

a) Pháp làm duyên: Sáu đối tượng dục trần tạo nên người đàn bà đó.

b) Pháp được duyên: Một trong tám tâm tham và các tâm sở mà thuộc vào vị hoàng tử.

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Níp-bàn (Nibbāna)

Ở bên thiện, Níp-bàn (Nibbāna) là cảnh giác quan¹ chiếm ưu thế nhất (của sự trải nghiệm đạo quả (magga-phala)) trong số những pháp khác (còn lại). Sự yên tĩnh và an lạc độc nhất của nó thì không thể miêu tả được. Chúng ta chỉ có thể ước chừng hay đoán chừng nó tĩnh lặng như thế nào bằng cách so sánh nó với trạng thái ngủ sâu, tức là một trạng thái an vui và hạnh phúc hơn rất nhiều so với cái mà chúng ta có thể thụ hưởng thông qua các giác quan tinh thức của mình. Chúng ta không thể trải nghiệm Níp-bàn (Nibbāna) thông qua các giác quan bình thường của mình được. Điều này giải thích cho việc tại sao Níp-bàn (Nibbāna) lại an lạc. Giống như là bóng tối và ánh sáng, tức là như hai thái cực, đặc tính

¹ Chúng ta không thể thật sự trải nghiệm Níp-bàn (Nibbāna) thông qua các giác quan thông thường của mình. Chỉ thông qua những tâm đạo quả (magga-phala) chúng ta mới có thể trải nghiệm được nó tại thời điểm duy nhất khi mà dòng chảy của các pháp danh sắc ngừng lại. Để chỉ cho thời điểm đó, chúng ta dùng thuật ngữ “cảnh của sự chứng ngộ đạo quả (magga-phala)” mặc dầu nó thật ra không phải là đối tượng của các giác quan của chúng ta.

của Níp-bàn (Nibbāna) thì đối ngược hoàn toàn với các pháp danh sắc vốn sanh lên và diệt đi tùy thuộc vào vô số nhân duyên hay điều kiện.

Đức Phật rõ ràng là muốn an trú vào Níp-bàn (Nibbāna) hơn mặc dầu Ngài đã trải qua 45 năm hoằng pháp. Ngài đã tận dụng mọi cơ hội có thể để an trú vào Níp-bàn cho dầu đó chỉ là những khoảng thời gian ngắn ngủi chẳng hạn như trong lúc hội chúng thính pháp của Ngài đang ca tụng và tri ân Ngài bằng cách tán thán “Lành thay! Lành thay! Lành thay!” Cho nên, Níp-bàn (Nibbāna) là cảnh có thế lực hay có tầm ảnh hưởng nhiều nhất đối với các bậc thượng nhân. Trong trường hợp này, ba yếu tố của Trưởng Duyên sẽ là như sau:

a) Pháp làm duyên: Níp-bàn (Nibbāna).

b) Pháp được duyên: Sự giác ngộ đạo quả (magga-phala) (tức là tám tâm siêu thế).

c) Chế độ duyên: Các yếu tố trong a) làm duyên hay điều kiện cho các yếu tố trong b) thông qua năng lực của Trưởng Duyên.

Vô Giác Duyệt (Anantara-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 2-3)

1. Cakkhu-viññāṇa-dhātu (sota-, ghāna-, jivhā-, kāya-) taṃsampayuttakā ca dhammā mano-dhātuyā taṃsampayuttakā-nañca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

2. Mano-dhātu taṃsampayuttakā ca dhammā mano-viññāṇa-dhātuyā taṃsampayuttakā-nañca dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

3. Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

4. Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

5. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

6. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

7. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

8. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantara-paccayena paccayo.

9. Purimā purimā abyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ
anantara-paccayena paccayo.

10. Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye
dhammā uppajjanti citta-cetasikā dhammā; te te
dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ anantara-paccayena
paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Nhân (nhĩ, tử, thiệt, thân) thức và các tâm sở của nó làm duyên hay là điều kiện cho tâm đi theo sau và các tâm sở của nó thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

2. Tâm và các tâm sở của nó làm duyên hay là điều kiện cho tâm đi theo sau và các tâm sở của nó thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

3. Các pháp thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp thiện đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

4. Các pháp thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp vô ký đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

5. Các pháp bất thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp bất thiện đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

6. Các pháp bất thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp vô ký đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

7. Các pháp vô ký đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp vô ký đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

8. Các pháp vô ký đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp thiện đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

9. Các pháp vô ký đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp bất thiện đi theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

10. Ngay lập tức sau bất kỳ pháp đi trước nào, sẽ có sự sanh lên bất kỳ của các pháp, các tâm và các tâm sở đi theo sau; các pháp đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp đi sau đó thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

Ba Thuật Ngữ

Ở đây, chúng ta nên học ba thuật ngữ được sử dụng lặp đi lặp lại trong giáo lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna): thiện (kusala), bất thiện (akusala) và vô ký (abyākata)¹.

1. **Thiện (kusala):** Thiện (kusala) là chỉ cho các tâm thiện, tức là các tâm được kết hợp với các tâm sở thiện như vô tham, vô sân, vô si, bi mẫn và vân vân. Chúng luôn luôn dẫn đến những hành động thiện như các hành động bố thí (dāna), trì giới (sīla), tham thiền (bhāvanā), cung kính (apacāyana), phục vụ (veyyāvacca²) và vân vân. Rõ ràng, chúng là tinh khiết hay vô tội (anavajja) và lợi ích cho cả bản thân và những người khác, tức là cho quả hạnh phúc (sukha-vipāka).

¹ Có mười hai tâm bất thiện, 21 tâm thiện, 36 tâm quả và 20 tâm duy tác. Xin hãy xem sự liệt kê trong Phụ Lục 1.

² ND: Trong nguyên tác ghi là “veyyāvajja”. Chúng tôi không rõ đây có phải là biến thể của “veyyāvacca” không.

Chúng được gọi là thiện (kusala) do hai nguyên nhân này.

2. Bất thiện (akusala): Bất thiện (akusala) là chỉ cho những tâm bất thiện, tức là các tâm được kết hợp với các trạng thái tinh thần bất thiện như tính ích kỷ, tham, sự giận dữ, sân hận, ganh tỵ, ngã mạn, tính kiêu ngạo, sự phân biệt chia rẽ, ác tâm, sự lú lẫn, si mê và vẩn vẩn. Chúng luôn luôn dẫn đến những hành động bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vẩn vẩn. Rõ ràng, chúng là vô đạo đức (sāvajja) và nguy hại cho cả bản thân và những người khác, tức là cho quả đau khổ (dukkha-vipāka). Do đó, chúng được gọi là bất thiện (akusala).

3. Vô ký (abyākata): Vô ký (abyākata) là chỉ cho các pháp không thể xác định được là thiện hay bất thiện. Có bốn loại: các tâm quả (vipāka), các tâm duy tác (kriyā), các sắc pháp (rūpa) và Níp-bàn (Nibbāna). Các tâm duy tác thì thuộc vào các vị A-la-hán (Arahat) và luôn luôn đi cùng với những hành động thiện được thực hiện bởi một vị A-la-hán (Arahat). Rõ ràng, những cái này là thiện, nhưng được gọi là duy tác vì chúng không mang lại kết quả gì cả cho vị A-la-hán (Arahat), tức là người mà không còn tái sanh nữa.

Pháp Đi Trước Duyên Cho Những Pháp Theo Sau

Theo loại duyên này, những sát-na tâm đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những sát-na tâm theo sau thông qua năng lực của Vô Giác Duyên. Chính sự kiện này giải thích việc những dạng năng lượng tinh thần tiềm ẩn có thể được gửi truyền từ những sát-na tâm đi trước đến những sát-na tâm theo sau, từ kiếp này sang

kiếp khác. Trước khi chúng bàn luận về chúng, chúng ta sẽ ôn lại ba loại tiến trình tâm thức (vīthi):

1. Dòng chảy tiềm thức (bhavaṅga-santati).
2. Lộ ngũ môn (pañca-dvāra-vīthi).
3. Lộ ý môn (mano-dvāra-vīthi).

Dòng Chảy Tiềm Thức (Bhavaṅga-santati)

Như đã được nhắc đến trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp, tâm bấmsinh của chúng ta có ba tên gọi: “tâm tục sinh” (paṭisandhi) tại thời điểm đầu tiên của đời sống, “tâm tử” (cuti) tại thời điểm cuối cùng, và “tâm hữu phần” (bhavaṅga) ở giữa hai thời điểm đó. Tâm bấmsinh này có lẽ là gần nhất với cái mà chúng ta gọi là “tiềm thức” vì nó không bao giờ đủ năng động để trải nghiệm các cảnh giác quan hiện tại. Hơn nữa, nó là một phần của cái mà chúng ta gọi là “đời sống” vì nó đại diện cho huyết thống của chúng ta như là một hạt giống bé tí tẹo chứa đựng tiềm năng trở sanh ra một cây đại thụ. Như vậy, nó không thể được/bị định hình lại cũng như không thể được miêu tả là thiện (kusala) hay bất thiện (akusala), và do đó, được xếp loại là một pháp vô ký (abyākata). Tâm tiềm thức này trôi chảy một cách liên tục suốt cuộc đời của chúng ta kể từ thời điểm chúng ta thụ thai. Nó có thể được so sánh như là một người chủ nhà, trong khi tâm giác quan và tâm đầy đủ (tức là tâm đồng lực) có thể được so sánh với một người khách viếng thăm. Dòng chảy không ngắt quãng của nó rõ ràng hay hiển nhiên nhất khi chúng ta ở trong thai bào của mẹ, trong khi ngủ say, hay trong một trạng thái nào đó như trạng thái bất tỉnh. Trong suốt dòng chảy liên tục của nó, những sát-na đi trước làm duyên

hay là điều kiện cho những sát-na theo sau. Do đó, nó được nói là: những tâm vô ký đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những tâm theo sau (vô ký (abyākata) duyên cho vô ký (abyākata)).

Lộ Tâm Ngũ Môn (Pañca-dvāra-vīthi)

Lộ tâm ngũ môn có năm loại: lộ nhãn, lộ nhĩ, lộ tỷ, lộ thiệt và lộ thân. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), các giác quan¹ của chúng ta bắt đầu xuất hiện và phát triển mạnh mẽ kể từ tuần thứ mười một trong bụng mẹ. Khi các đối tượng giác quan² tác động lên các giác quan của chúng ta, các tiến trình tâm thức liên quan đến các giác quan xảy ra ngay lập tức. Ví dụ, khi một cảnh sắc tác động lên nhãn môn thu hút sự chú ý³ của chúng ta, thì tâm nhãn thức sanh lên với những sát-na tâm theo sau như sau:

1. Hữu phần vừa qua, là pháp vô ký (abyākata).
2. Hữu phần rung động, là pháp vô ký (abyākata).
3. Hữu phần dứt dòng, là pháp vô ký (abyākata).

¹ Có sáu bộ phận giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và trái tim.

² Sáu cảnh giác quan: cảnh sắc, âm thanh, khí mùi, vị chất, sự đụng chạm và các đối tượng của tâm ý (các cảnh pháp).

³ Sự chú ý là một trong các tâm sở, được gọi là tác ý (manasi-kāra). Tuy nhiên, ở đây trong trường hợp của lộ tâm ngũ môn, nhóm từ “việc thu hút sự chú ý” (manasi-kāra) chỉ đến sát-na tâm gọi là “tâm hướng ngũ môn” (pañca-dvārā-vajjana). Trong trường hợp của lộ tâm ý môn, nhóm từ này sẽ chỉ cho “tâm hướng ý môn” (mano-dvārā-vajjana). Hơn nữa, trong trường hợp của Tạng Kinh (Suttanta), yoniso manasi-kāra và ayoniso manasi-kāra là tương ứng chỉ cho quan điểm hay thái độ thiện và bất thiện. Như vậy, có bốn loại manasi-kāra.

4. Hướng ngũ môn, là pháp vô ký (abyākata).
5. Nhãn thức (nhĩ, tỷ, vân vân), là pháp vô ký (abyākata).
6. Tâm tiếp thân, là pháp vô ký (abyākata).
7. Tâm quan sát, là pháp vô ký (abyākata).
8. Tâm đoán định, là pháp vô ký (abyākata).
9. Bảy sát-na đồng lực (javana), có thể được kết hợp với các tâm sở thiện (kusala), duy tác (kriyā-byākata) hay bất thiện (akusala) tùy thuộc sự tư duy hay quan điểm của chúng ta.
10. Hai sát-na na cảnh, là pháp vô ký (abyākata).

Trong lộ tâm này, các sát-na tâm từ 1 cho đến 8 được gọi là các pháp vô ký (abyākata) vì chúng không thể được xác định là thiện (kusala) hay bất thiện (akusala). Mục thứ 9 thì bao gồm bảy sát-na tâm có thể là thiện (hay vô ký (abyākata) cho vị A-la-hán (Arahat)) hay bất thiện tùy thuộc vào tư duy hay quan điểm của chúng ta. Hai sát-na na cảnh thì cũng là vô ký (abyākata). Như vậy, theo tiến trình của các sát-na nối tiếp nhau thì pháp vô ký (abyākata) đi trước là duyên hay điều kiện cho pháp vô ký (abyākata), pháp thiện (kusala) hay pháp bất thiện (akusala) theo sau. Ở trong bảy sát-na tâm đầy đủ hay đồng lực (thiện (kusala) hay bất thiện (akusala)), pháp thiện (kusala) và pháp bất thiện (akusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho pháp thiện (kusala) và pháp bất thiện (akusala) theo sau, một cách tương ứng. Lại nữa, sát-na thiện (kusala) hay bất thiện (akusala) cuối là duyên hay điều kiện cho những tâm na cảnh (mà là vô ký (abyākata)) và vân vân. Đây là sự giải thích được thực hiện dựa vào trích dẫn

Pāli. Tuy nhiên, nói một cách vắn tắt thì ba yếu tố của loại duyên này sẽ là như sau:

- a) Pháp làm duyên: Các sát-na tâm đi trước.
- b) Pháp được duyên: Các sát-na tâm theo sau.
- c) Chế độ duyên: Vô giác duyên.

Lộ Tâm Ý Môn (Mano-dvāra-vīthi)

Những lộ tâm ngũ môn được nhắc đến ở trên luôn luôn được đi theo sau bởi một vài loại lộ tâm ý môn nối đuôi nhớ lại những ký ức quá khứ về người hay vật mà chúng ta hiện đang thấy, nghe và vân vân (tadanuvattika-manodvāra-vīthi). Cũng có những loại lộ tâm ý môn khác xảy ra khi một cảnh ý môn¹ bắt sự chú ý của chúng ta bằng cách tác động lên dòng tiềm thức của chúng ta. Cả hai loại lộ tâm ý môn được tạo thành bởi các sát-na tâm kế liền nhau như sau:

1. Hữu phần rung động, là pháp vô ký (abyākata)
2. Hữu phần dứt dòng, là pháp vô ký (abyākata)
3. Hướng ý môn, là pháp vô ký (abyākata)
4. Tâm đồng lực (javana) mà thường lặp lại bảy lần, trải nghiệm cảnh giác quan một cách đầy đủ. Nó có thể là thiện (kusala) hay bất thiện (akusala) tùy thuộc vào cách thức suy nghĩ của chúng ta.
5. Lộ tâm kết thúc với hai tâm na cảnh.

¹ Cảnh ý môn chỉ cho tất cả những đối tượng mà chỉ có thể tiếp xúc với tâm tiềm thức (được gọi là ý môn) chứ không phải với năm giác quan. Cảnh ý môn này bao gồm tất cả các danh pháp và sắc pháp, các khái niệm và Níp-bàn (Nibbāna), ngoại trừ những cảnh giác quan hiện tại.

Hàng triệu những lộ tâm như vậy xảy ra và diệt đi trong vòng một giây khắc. Như vậy, một ý nghĩ có liên quan đến cả hàng triệu những lộ tâm này. Ở đây trong lộ tâm được nhắc đến ở trên, các sát-na 1 đến 3 là các pháp vô ký (abyākata), và các sát-na trong mục thứ 4 có thể là thiện (kusala) (hay vô ký (abyākata) đối với vị A-la-hán (Arahat)) hay bất thiện (akusala). Như vậy, pháp vô ký (abyākata) (hay thiện (kusala) hay bất thiện (akusala)) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho pháp vô ký (abyākata) (hay thiện (kusala) hay bất thiện (akusala)) thông qua năng lực của Vô Giác Duyên.

Những Ý Nghĩ Nhưng Không Có Người Suy Nghĩ

Chúng ta luôn giả định rằng có một ai đó đang suy nghĩ. Tuy nhiên, theo Thắng Pháp (Abhidhamma), không có người suy nghĩ, mà chỉ có một chuỗi những ý nghĩ. Nó giống như là một dòng sông. Chúng ta nghĩ và nói rằng con sông có nước, nhưng thật ra chính nước đó là con sông đó hay nói cách khác là không có sông mà chỉ có nước. Ý nghĩ là một tiến trình bao gồm những sát-na tâm trôi chảy liên tục như dòng nước của con sông. Ngoài việc đó ra, không có người suy nghĩ nào cả. Một lộ tâm này sanh lên ngay sau một lộ tâm khác một cách liên tục và dày đặc đến mức dường như là có “tôi” hay “của tôi”. Chúng có cường độ dày đặc hay mật độ cao (ghana) theo bốn cách thức:

1. Santati-ghana: Mật độ của những lộ tâm khác nhau, sanh lên với lộ tâm này theo sau lộ tâm kia mà không có sự ngắt quãng ở giữa.

2. Samūha-ghana: Mật độ của những sát-na tâm khác nhau, vốn được thay thế một cách không ngừng

nghi bởi những sát-na tâm mới tại từng mỗi thời điểm mà không có sự ngắt quãng ở giữa.

3. Kicca-ghana: Mật độ của các phân sự hay những chức năng tinh thần khác nhau được thể hiện ra một cách liên tục do bởi những sát-na tâm khác nhau mà không có sự ngắt quãng ở giữa. Ví dụ, chỉ một lộ tâm nhãn môn bao gồm nhiều sát-na tâm khác nhau với những chức năng khác nhau như hướng tâm đến cảnh sắc (*āvajjana-kicca*), nhìn thấy nó (*dassana-kicca*), tiếp nhận nó (*sampaticchana*), quan sát nó (*santīraṇa*), nhận định nó (*vuṭṭhabbana*), trải nghiệm nó một cách đầy đủ hoàn toàn (*javana*), và ghi nhận nó (*tadārammaṇa*).

4. Ārammaṇa-ghana: Mật độ của những cảnh giác quan như cảnh sắc, âm thanh, các khí mùi, vân vân, đang tác động một cách liên tục lên các giác quan của chúng ta mà không có sự ngắt quãng ở giữa.

Hàng Tỷ Sát-na Tâm

Theo cách này, tiến trình của những ý nghĩ của chúng ta, như được giảng dạy trong giáo lý Thắng Pháp (*Abhidhamma*), là rất dày đặc và vững chắc đến mức hàng tỷ những sát-na tâm sanh lên và diệt đi trong vòng một tích tắc. Nó được so sánh với cây đèn cầy và dòng chảy của con sông. Cây đèn cầy dường như tồn tại trong suốt khoảng một giờ đồng hồ, nhưng thật ra nếu chúng ta quan sát một cách cẩn thận, chúng ta có thể thấy rằng nó đang bị thay thế từng thời điểm một với một ngọn lửa mới. Điều này cũng đúng cho dòng chảy của con sông. Có câu nói rằng: “Bạn không thể tắm trên cùng một dòng sông hai lần.” Dòng sông có thể dường như chỉ là một quanh năm, nhưng thật ra nó khác đi ở từng mỗi thời điểm. Do đó, chẳng có gì lạ việc tại sao một khối khổng lồ của những ý nghĩ như vậy lại được nhận dạng

với một ai đó tồn tại lâu dài¹. Kết quả là một triết gia nổi tiếng đã nói: “Tôi suy nghĩ, cho nên tôi hiện hữu.” Chính cái mật độ các tiến trình của các pháp (santati) làm cho mọi thứ cũng như tất cả chúng ta dường như là đang tồn tại lâu dài.

Làm Thế Nào Để Trở Nên Trưởng Thành, Chín Chắn

Ở đây có một câu hỏi được đặt ra như sau: “Nếu chúng ta được tạo lập bởi tiến trình của những hiện tượng danh sắc vốn đang thay đổi tại từng thời điểm, vậy thì làm sao chúng ta trở nên trưởng thành, chín chắn và hiểu biết?” Chúng ta trở nên trưởng thành và hiểu biết do bởi sáu loại năng lượng tinh thần vốn nằm ẩn tàng trong tiến trình tâm thức và được gửi truyền từ mỗi sát-na tâm đi trước sang mỗi sát-na tâm theo sau do năng lực của Vô Giác Duyên.

Sáu Loại Di Sản Tinh Thần

Những trạng thái tinh thần và những hoạt động thân xác theo sau đó của chúng ta sanh lên và diệt đi từng thời điểm. Tuy nhiên, như đã được nhắc đến ở trước, những pháp đi trước rời bỏ vị trí của mình cho những pháp đi theo sau vào chiếm chỗ, và trong quá trình đó, gửi truyền những di sản tinh thần sau:

¹ Theo Vô Giác Duyên này thì không có đời sống chuyển tiếp giữa kiếp sống quá khứ và kiếp sống hiện tại vì tâm tử (cuti) của kiếp sống quá khứ được đi theo sau ngay lập tức bởi tâm tục sinh (paṭisandhi) của kiếp sống hiện tại do bởi năng lực của Vô Giác Duyên.

1. Nghiệp (kamma): Di sản tinh thần này được để lại bởi sự chủ ý (tâm sở tư) mà có liên quan trong các hành động tốt hay xấu chúng ta đã thực hiện trong những kiếp sống quá khứ.

2. Tiềm miên (anusaya): Di sản tinh thần này được để lại bởi những trạng thái tinh thần bất thiện như tham, sân, vô minh, mà thúc đẩy những hành động bất thiện như sát sanh, trộm cướp, vô minh, trong những kiếp sống quá khứ của chúng ta.

3. Ba-la-mật (pāramī): Di sản tinh thần này được để lại bởi những trạng thái tinh thần thiện có liên quan đến trong các việc bố thí (dāna), trì giới (sīla), vô minh, mà chúng ta đã thực hiện trong những kiếp sống quá khứ.

4. Chủ tâm (ajjhāsa): Sự yêu thích và sự ghét bỏ mà có liên quan đến những sự trải nghiệm của chúng ta trong những kiếp sống quá khứ.

5. Khuynh hướng (vāsanā): Những khuynh hướng mà có liên hệ đến những thói quen của chúng ta trong những kiếp sống quá khứ.

6. Nết hạnh hay cơ tánh (carita): Tâm tánh, đặc tính mà chúng ta đã vun bồi hay tạo dựng trong những kiếp sống quá khứ.

Bảy Loại Tiềm Miên (Anusaya)

Trong số sáu loại di sản tinh thần, loại thứ nhất, tức là nghiệp (kamma), sẽ được thảo luận đến sau trong phần duyên thứ mười ba, được gọi là nghiệp duyên (kamma-paccayo). Loại di sản tinh thần thứ hai là loại di sản tinh thần bất thiện, tức là tiềm miên (anusaya). Tiềm miên thì có bảy loại như sau:

1. Dục ái tiềm miên (kāma-rāgā-nusayo), tức là sự dính mắc vào dục lạc.
2. Hữu ái tiềm miên (bhava-rāgā-nusayo), tức là sự dính mắc vào đời sống hay sự hiện hữu.
3. Sân tiềm miên (paṭighā-nusayo).
4. Mạn tiềm miên (mānā-nusayo), tức là ngã mạn.
5. Kiến tiềm miên (diṭṭhā-nusayo), tức là tà kiến.
6. Hoài nghi tiềm miên (vicikicchā-nusayo).
7. Vô minh tiềm miên (avijjā-nusayo).

Năng Lượng Ẩn Tàng Của Tham Ái: Khi chúng ta tận hưởng dục lạc, sự thích thú và những hành động kế tiếp sau đó sanh lên và diệt đi từng thời điểm, nhưng chúng lại truyền gửi cái phẩm chất của chúng hay một dạng năng lượng tiềm ẩn của chúng đến những hành động kế tiếp. Đó là cái chúng ta gọi là dục ái tiềm miên (kāma-rāgā-nusaya). Nó là một cái gì đó giống như “ký ức”. Một vài cảnh đẹp, những âm thanh ngọt ngào, thực phẩm thượng vị, vân vân, tạo nên dấu ấn vào ký ức của chúng ta, và hiệu quả của việc này kéo dài trong nhiều năm. Giả sử một ai đó đã từng lãng mạn ôm lấy chúng ta. Sau một thời gian, chúng ta có thể quên nó đi, nhưng nó có khuynh hướng quay lại với chúng ta thậm chí nhiều thập niên sau đó khi các điều kiện thích hợp được hội đủ.

Vượt Lên Trên Não Bộ: Quan điểm khoa học và cơ học cho rằng ký ức của chúng ta là hoàn toàn được dựa trên não bộ của mình. Tuy nhiên, không phải là chuyện quá bất thường khi mà một vài người có thể nhớ nhiều điều có liên quan đến kiếp sống trong quá khứ của họ, tức là chẳng có gì liên hệ với não bộ hiện tại của họ

cả. Một người bạn của tôi (bà May Lwin ở Los Angeles) có kể cho tôi nghe về việc cháu của bà đã chỉ cho bà địa điểm đào lên chiếc nhẫn kim cương, đồng hồ bằng vàng, và vòng đeo cổ mà ông ta đã chôn giấu dưới đất từ kiếp sống trước. Những dấu vết bẩm sinh của một vài người có thể được cho là có liên quan đến những sự kiện trong kiếp sống quá khứ của họ. Ví dụ, một trong những người bạn thân của tôi, tức là vị trụ trì của thiền viện tại Manchester Anh quốc, có ba cái bớt trên ngực của ngài. Ngài nói rằng chúng là những vết sẹo do đạn bắn từ kiếp sống trước của ngài trong thời Thế Chiến Thứ Hai ở Miến Điện. Điều này đã được xác nhận, bởi vào lúc thiếu thời, ngài đã dẫn cha mẹ của ngài đến một ngôi làng khác và giới thiệu cha mẹ của ngài với bốn người phụ nữ vốn đã là vợ và ba người con gái của ngài trong kiếp sống quá khứ và ngài đã ôn lại với họ việc ngài đã bị giết như thế nào. Theo loại Vô Giác Duyên này, những vết bớt của ngài có thể được cho là do ký ức quá khứ của ngài mà những vết thương do đạn bắn đã hằn sâu vào đó. Như vậy, ký ức hay những dạng năng lượng tinh thần tiềm ẩn khác đôi lúc có thể dường như là vượt ra ngoài hay vượt lên trên não bộ của chúng ta trong kiếp sống này.

Những Năng Lượng Bất Thiện Tiềm Ẩn Khác: Những tiềm miên khác là sân (paṭigha), mạn (māna), kiến (diṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā) và vô minh (moha). Ví dụ, giả sử chúng ta đã có lần giận dữ với một ai đó và quát mắng hay đánh đập người đó. Sự giận dữ và những hành động có liên quan với giận dữ đã sanh lên và diệt đi tại lúc đó. Chúng ta thậm chí có thể quên đi sự kiện đó theo thời gian. Tuy nhiên, ký ức đó có thể quay lại với chúng ta nhiều năm sau này. Điều đó có nghĩa là dạng tiềm ẩn của sự giận dữ của chúng ta đã được lưu giữ lại bên trong chúng ta. Như là kết quả của

năng lượng tiềm ẩn bất thiện như vậy, chúng ta có thể tái sanh làm người có tính cách dễ nóng giận và có thói quen xấu là hay la hét. Dạng sân tiềm miên (paṭighānusaya) này được truyền gửi từ sát-na tâm này sang sát-na tâm khác, từ kiếp sống này sang kiếp sống khác do bởi năng lực của Vô Giác Duyên. Điều này cũng được áp dụng, tức là cũng đúng cho những năng lượng bất thiện tiềm ẩn còn lại.

Mười Loại Ba-la-mật (Pāramī)

Loại di sản tinh thần thứ ba được gọi là ba-la-mật (pāramī), tức là sự hoàn hảo, có nghĩa đen là “hành động của các bậc thượng nhân” hay là “hành động cao thượng” (paramāṇaṃ kammaṃ pāramī). Khi chúng ta thực hiện những hành động cao thượng như bố thí, trì giới, vân vân, những tâm thiện và các hành động thiện của chúng ta sanh lên và diệt đi từng thời điểm. Tuy nhiên, năng lượng tinh thần thiện của chúng ở dạng tiềm ẩn được truyền gửi từ sát-na tâm này đến sát-na tâm khác và từ kiếp sống này đến kiếp sống khác do bởi năng lực của Vô Giác Duyên. Những năng lượng tinh thần thiện ở dạng tiềm ẩn như vậy được gọi là ba-la-mật (pāramī), và có mười loại như sau:

1. Các hoạt động bố thí (dāna-pāramī)
2. Các hoạt động trì giới (sīla-pāramī)
3. Các hoạt động xuất ly (nikkamma-pāramī)
4. Các hoạt động trí tuệ (paññā-pāramī)
5. Các hoạt động tinh cần (vīriya-pāramī)
6. Các hoạt động kham nhẫn (khantī-pāramī)
7. Các hoạt động chân thật (saccā-pāramī)

8. Các hoạt động quyết định (adhiṭṭhāna-pāramī)
9. Các hoạt động từ ái (mettā-pāramī)
10. Các hoạt động hành xả (upekkhā-pāramī).

Giả sử chúng ta thực hiện các hành động bố thí. Chú ý và các hoạt động nhân đạo của chúng ta mà có liên quan trong hành động đó sanh lên và diệt đi từng thời điểm. Nhưng các dạng năng lượng tiềm ẩn của chúng được truyền dẫn từ sát-na này đến sát-na khác, từ kiếp sống này sang kiếp sống khác, do bởi năng lực của Vô Giác Duyên này. Kết quả của nó là, chúng ta sẽ tái sanh làm người có tính cách nhân đạo; đây là những tình huống hay những trường hợp rất may mắn khó có thể có được. Đối với trì giới ba-la-mật (sīla-pāramī), chúng ta có thể ngăn lại việc giết một con muỗi chẳng hạn thay vì là giết hay đập chết nó. Sự ngăn tránh như vậy được gọi là giới (sīla) vốn sẽ biến mất ngay tại thời điểm đó, nhưng nó gửi truyền đi một dạng đạo đức tiềm ẩn từ sát-na tâm này đến sát-na tâm khác và từ kiếp sống này sang kiếp sống khác một cách không gián đoạn. Đối với xuất ly, thì xuất gia thành tu sĩ và tu nữ, hay tham dự một khóa thiền có nghĩa là từ giã những dục lạc trần tục của chúng ta, ít nhất là trong một khoảng thời gian có giới hạn. Cái tinh thần xuất ly này dưới dạng tiềm ẩn (nikkamma) của nó được gửi truyền từ sát-na tâm này đến sát-na tâm khác, từ kiếp sống này đến kiếp sống khác một cách liên tục.

Đối với những pháp ba-la-mật (pāramī) còn lại như trí tuệ (paññā), tinh tấn (vīriya), nhẫn nại (khantī), chân thật (saccā), quyết định (adhiṭṭhāna), từ (mettā) và xả (upekkhā), các trạng thái tinh thần có liên quan trong những hành động này sanh lên và diệt đi từng thời điểm, nhưng các dạng năng lượng tinh thần tiềm ẩn của chúng

sẽ được truyền dẫn từ sát-na này đến sát-na khác, từ kiếp sống này đến kiếp sống khác một cách liên tục. Đó là cách những sát-na tâm đi trước làm duyên cho những sát-na tâm đi sau do bởi năng lực của Vô Giác Duyên.

Chủ Tâm, Khuynh Hướng Và Cơ Tánh

Cùng với nghiệp (kamma), tiềm miên (anusaya) và ba-la-mật (pāramī), còn có thêm ba loại di sản tinh thần được truyền lại do bởi những trạng thái tinh thần của chúng ta từ những kiếp sống trước. Chủ tâm (ajjhāsaya), khuynh hướng (vāsanā) và cơ tánh (carita)¹ của chúng ta thường khác với anh chị em của chúng ta. Trong nhiều trường hợp, những điều này có thể được quy kết cho kiếp sống quá khứ của chúng ta. Ví dụ, có nhiều người đàn ông với nữ tính. Về bề ngoài của họ giống như phụ nữ, họ ăn nói như phụ nữ, họ hành xử như phụ nữ, họ có cảm nhận và suy nghĩ như phụ nữ. Điều đó thì hầu như là do họ đã là một phụ nữ trong kiếp sống quá khứ. Dưới cái nhìn của Thắng Pháp (Abhidhamma), những tính cách phụ nữ trong quá khứ của họ bao gồm chủ tâm, thói quen và cơ tánh được cho là đã được truyền dẫn từ những sát-na tâm đi trước đến những sát-na tâm theo sau và từ kiếp sống quá khứ cho đến kiếp sống hiện tại thông qua năng lực của Vô Giác Duyên cũng như Nghiệp (Kamma) Duyên. Điều này cũng đúng cho trường hợp của những phụ nữ có nam tính.

Những chức năng đặc biệt hay duy nhất này được thực hiện do tâm ý thông qua năng lực của Vô Giác

¹ Nói chung là có sáu loại cơ tánh: tham, sân, si, tâm, tín, giác. Những người có cơ tánh tham thường mơ tưởng về đời sống lãng mạn tình cảm, những người có cơ tánh sân có khuynh hướng trở nên giận dữ rất dễ dàng và vân vân.

Duyên, chứ không phải do não bộ của chúng ta mà vốn là sẽ ngưng toàn bộ những chức năng của nó ngay và mãi mãi khi chúng ta chết. Do bởi dữ kiện này, chúng ta rõ ràng có thể định hình lại được đời sống của mình theo phương cách tốt hơn thông qua việc hướng dẫn hay điều ngự tâm trí của chúng ta và những hành động do tâm khởi sinh theo chiều hướng hay phương thức thiện lành hơn. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy như sau:

“Này các tỳ-kheo, ta không thể tìm thấy loài giống nào mà có thể tuyệt diệu hơn chúng sanh hữu tình. Chính tâm trí là cái làm cho chúng tuyệt diệu. Do đó, tâm trí thì tuyệt diệu hơn những chúng sanh hữu tình đó. Như vậy, các người nên luôn luôn suy niệm rằng tâm trí đã bị cấu nhiễm từ lâu với tham (lobha), sân (dosa) và si (moha). Với tâm trí bị cấu nhiễm, những chúng sanh hữu tình trở nên uế trước. Với tâm trí được thanh lọc, những chúng sanh hữu tình trở nên trong sạch.” (Khandha-vagga, Saṃyutta, Trang 123)

Sự Thảo Luận Dựa Trên Quan Điểm Khoa Học

Theo khoa thần kinh học, não bộ của chúng ta được cho là điều khiển toàn bộ hệ thống thần kinh, chỉ đạo và điều hành thân tâm của chúng ta. Điều hiển nhiên là những loại thay đổi hóa chất nhất định thì dẫn đến những khuôn mẫu suy tư nhất định. Ví dụ một viên thuốc an thần thì làm cho tâm trí của chúng ta được yên tĩnh; một loại thuốc kích thích nhất định nào đó làm khơi lên cảm giác tình cảm trong chúng ta. Với sự kiện này, những người am hiểu khoa học cho rằng tâm trí của chúng ta thì chẳng là gì khác hơn một dạng cụ thể nào đó của xác thân vật lý, hay nói cách khác, trạng thái tinh

thần thì chẳng là gì khác hơn một hệ thống cụ thể gồm những trạng thái vật lý.

Tuy nhiên, theo Thắng Pháp (Abhidhamma), tâm trí là một loại hiện tượng đặc biệt, mà cơ bản khác hoàn toàn với thân xác vật chất mặc dầu chúng có liên quan hỗ tương với nhau một cách chặt chẽ và gần gũi. Sự phân tích của Thắng Pháp (Abhidhamma) chủ trương rằng những thân xác không hồn trở thành có sức sống do sự kết hợp với tâm trí (ít nhất là ở dạng tiềm thức). Trong vấn đề này, các giáo thọ sư Thắng Pháp (Abhidhamma) đưa ra một sự tương đồng giữa tâm trí và dòng điện. Tâm trí của chúng ta được cho là cung cấp năng lượng và điều hành cơ thể của chúng ta nương dựa vào hệ thống thần kinh cũng giống như cách dòng điện cung cấp năng lượng và điều hành máy tính theo những chương trình phần cứng và phần mềm được lắp đặt. Cho nên, Đức Phật đã dạy:

“Một chúng sanh hữu tình thì được điều hành và quản chế bởi tâm trí. Tất cả các pháp (mà thiết lập nên một chúng sanh hữu tình) thì đi theo ước muốn của một pháp duy nhất, đó là tâm trí.” (Devatā Saṃyutta, 36)

Để ghi nhận vai trò quan trọng của tâm trí trong cuộc sống của chúng ta thì việc chấp nhận sự hiện hữu của việc tái sanh là rất quan trọng. Tuy nhiên, nhìn từ quan điểm khoa học, chúng ta hiện tại có thể cảm thấy khó chấp nhận sự hiện hữu của việc tái sanh cho đến khi nào nó có thể được miêu tả một cách trọn vẹn theo các thuật ngữ phân tử. Thắng Pháp (Abhidhamma) miêu tả sự tái sanh dưới dạng sự diên tiến của tiến trình tâm thức, tức là tiến trình mang theo hay gửi truyền những dạng năng lượng tiềm ẩn (như thói quen, trí nhớ, vân vân) từ thời điểm này đến thời điểm kế tiếp, từ đời sống này đến đời sống kế tiếp thông qua phương thức của Vô

Giác Duyên. Sự việc này thì có khả năng chấp nhận được dựa trên những trải nghiệm của một vài người mà có liên quan đến kiếp sống quá khứ vốn không thể chối bỏ được như đã được trình bày ở trước. Việc giải thích sự tái sinh dưới dạng những phân tử não bộ thì không khả thi bởi vì những phân tử não bộ rõ ràng là chấm dứt tất cả những chức năng của chúng khi chúng ta chết mặc dầu chúng điều khiển toàn bộ hệ thống thần kinh của chúng ta khi chúng ta còn sống. Nếu chúng ta có niềm tin đúng đắn vào sự hiện hữu của việc tái sinh thì thật ra không cần thiết cho chúng ta phải thảo luận về việc sự tiếp diễn hay tính liên tục của những thói quen, những ký ức, vân vân giữa những kiếp sống có phải là sự tiếp diễn hay tính liên tục của những khuôn mẫu về nhân quả mang tính vật chất ở tầm mức cao.

Năm Loại Duyên Khác Được Bao Gồm Trong Loại Duyên Đây

1. Loại duyên thứ năm, tức là Đăng Vô Giác Duyên (samanantara-paccayo), giống y hệt với loại Vô Giác Duyên này. Hai loại được nhắc đến riêng biệt chỉ để nhấn mạnh việc các tiến trình tâm thức của chúng ta dày đặc như thế nào.

2. Loại duyên thứ mười hai, tức là Trùng Dục Duyên (āsevana-paccayo), liên quan đến tâm hoàn toàn năng động, tức là đồng lực (javana), mà thường lặp lại sáu hay bảy lần ở trong một lộ tâm đơn lẻ. Những sát-na tâm năng động như vậy được gọi là đồng lực (javana), vì chúng đủ năng lực để trải nghiệm một cách đầy đủ những cảnh giác quan và để lại đằng sau những năng lượng của chúng ở dạng tiềm ẩn. Như vậy, loại duyên thứ mười hai này được bao hàm trong loại Vô Giác Duyên này.

3. Loại duyên thứ 22, tức là Vô Hữu Duyên (natthipaccayo), cũng được bao gồm trong loại Vô Giác Duyên này. Tâm (citta) xảy ra từng cái một tại mỗi thời điểm, hai hay nhiều hơn những sát-na tâm không bao giờ xảy ra cùng một lúc mặc dầu mỗi tâm được đi kèm theo bởi nhiều tâm sở (cetasika). Như vậy, những sát-na tâm đi trước không còn tồn tại nữa khi những sát-na tâm theo sau sanh lên. Nhường lại vị trí của nó cho sát-na tâm đi theo sau là cách sát-na đi trước làm duyên cho sát-na tâm theo sau đó. Do đó, Vô Hữu Duyên và Vô Giác Duyên thì giống nhau hoàn toàn theo bản chất cốt yếu mặc dầu chúng được định nghĩa khác nhau.

4. Loại duyên thứ 23, tức là Lý Khứ Duyên (vigatapaccayo), cũng được bao hàm trong loại duyên này do cùng nguyên nhân.

5. Loại duyên thứ chín, tức là Cận Y Duyên, một phần được bao hàm trong loại Vô Giác Duyên này thông qua tên gọi Vô Giác Cận Y Duyên (Anantarūpanissayo).

Ghi chú: Như vậy, năm loại duyên Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên, Lý Khứ Duyên, Cận Y Duyên luôn luôn đi cùng với nhau. Trùng Dục Duyên được cộng thêm vào với chúng trong trường hợp của đồng lực (javana), và do đó, sáu loại duyên này đi cùng với nhau.

Câu Sanh Duyên (Sahajāta-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 5)

1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ sahajāta-paccayena paccayo.

2. Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ sahajāta-paccayena paccayo.

3. Okkantikkhaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ sahajāta-paccayena paccayo.

4. Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rupānaṃ sahajāta-paccayena paccayo.

5. Mahābhūtā upādārūpānaṃ sahajāta-paccayena paccayo.

6. Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ kiñci kale sahajāta-paccayena paccayo, kiñci kāle na sahajāta-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Bốn danh uẩn như làm hỗ tương duyên cho nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

2. Tứ đại (tức là đất, gió, lửa và nước) làm hỗ tương duyên cho nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

3. Tại thời điểm tục sinh hay thụ thai, danh và sắc làm hỗ tương duyên đối với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

4. Các tâm và những tâm sở đi cùng với chúng làm duyên hay là điều kiện cho sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

5. Các sắc tứ đại làm duyên cho các sắc y sinh¹ thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

6. Các trạng thái vật chất (sắc ý vật) làm duyên cho các trạng thái phi vật chất (các tâm hữu phần) thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên tại một lần (tức là tại thời điểm tục sinh hay thụ thai), và không phải thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên tại những lần khác (tức là trong suốt đời sống của một chúng sanh).

Giải Thích

1. Không có linh hồn (jīva-atta) hay thượng đế hay đấng tạo chủ (parama-atta) nào kiểm soát và điều khiển chúng ta; thay vào đó, chúng ta chỉ là sự hợp thành của năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Trong số này, bốn uẩn sau cùng là những danh uẩn và có liên hệ hỗ tương với nhau theo phương thức là mỗi uẩn làm duyên cho ba uẩn còn lại; ba uẩn làm duyên cho một uẩn còn lại, và bất kỳ hai uẩn nào làm duyên cho hai uẩn còn lại.

2. Có bốn sắc tứ đại: đất, lửa, nước và gió. Chúng luôn luôn sanh lên cùng với nhau và có liên hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

3. Tại thời điểm tục sinh hay thụ thai của những chúng sanh ngũ uẩn, tâm hữu phần và những tâm sở đi cùng của nó và các sắc pháp có liên hệ đến trái tim cùng

¹ Tất cả các sắc pháp, ngoại trừ bốn sắc tứ đại, được xem là “sắc y sinh”.

sanh lên, và có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

4. Các tâm và những tâm sở đi cùng của chúng làm duyên cho sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (không có tính hỗ tương).

5. Bốn sắc tứ đại: đất, lửa, nước và gió, làm duyên cho sắc y sinh của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (không có tính hỗ tương).

6. Chỉ tại thời điểm tục sinh hay thụ thai, chứ không phải trong suốt đời sống, loại tâm thức cụ thể nào đó (trong trường hợp này là tâm hữu phần) và sắc pháp (trong trường hợp này là sắc ý vật) có quan hệ hỗ tương thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên.

Câu Sanh Duyên Có Nghĩa Là Gì

Bất kỳ một hiện tượng danh hay sắc nào không bao giờ sanh lên một mình, mà chúng luôn luôn được đi kèm theo bởi những trạng thái tinh thần và các sắc pháp đi cùng với chúng. Chúng hỗ trợ lẫn nhau dựa vào việc cùng tồn tại. Các bạn hãy hình dung các sợi chỉ đơn lẻ, vốn mảnh mai và mềm yếu khi đứng rời ra, nhưng sẽ trở nên rất mạnh mẽ khi được bện lại cùng với nhau thành một sợi dây thừng. Cũng theo cách này, các hiện tượng danh và sắc, sanh lên cùng nhau và tương trợ lẫn nhau, sẽ trở nên mạnh mẽ do bởi việc cùng tồn tại.

Một phi hành gia người Mỹ trong một lần trả lời phỏng vấn trên truyền hình đã nhắc lại việc ông đã trải nghiệm giây phút hạnh phúc nhất của mình khi trở lại trái đất và nhìn thấy những người khác sau khi đã du hành lên mặt trăng nơi mà không có ai cả. Ở bên cạnh một người khác có ý nghĩa rất nhiều đối với chúng ta về mặt tâm lý và tình cảm cho dầu chúng ta có thể không

luôn luôn cần sự giúp đỡ của người đó. Thậm chí nếu chúng ta không hài lòng với những người láng giềng của mình, nhưng một tư gia sau một thời gian bị cô lập khỏi những láng giềng của họ cũng có thể trở nên rất trầm cảm. Do đó, theo một mặt nào đó, ở cùng với một người khác là một điều kiện cần thiết để chúng ta sống được lành mạnh. Cùng theo cách này, các hiện tượng danh và sắc sanh lên cùng với nhau thì đóng góp vào nhau hay hỗ trợ lẫn nhau thông qua việc cùng tồn tại.

Hơn nữa, sự tương tác giữa tâm trí và thân xác có thể là tràn đầy hạnh phúc hoặc toàn là đau khổ phụ thuộc vào thiên hướng của chúng ta là thiện hay bất thiện. Ví dụ, vui cười được y học chỉ ra là giúp làm giảm huyết áp, tăng sức đề kháng, và thậm chí tiết ra những hóa chất tự nhiên để chữa trị đau nhức (endorphin). Điều này có thể giúp làm giảm thiểu sự căng thẳng, làm gia tăng hạnh phúc và làm tiến triển sức khỏe nói chung. Rõ ràng rằng một nụ cười chân thật thì được tạo ra bởi những trạng thái tinh thần thiện mà được đi theo trước đó bởi lòng từ. Cho nên, những trạng thái tinh thần thiện và việc vui cười được cho là làm việc cùng với nhau để mang lại những kết quả tràn đầy hạnh phúc thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên. Tương tự, hành vi tiêu cực như những cái nhìn không thiện cảm, những lời la hét giận dữ, vân vân, có liên quan đến những trạng thái tinh thần bất thiện, và hai yếu tố này được cho là làm việc cùng nhau để mang lại cho chúng ta những kết quả không lành mạnh. Như vậy, tâm trí và thân xác của chúng ta (tức là những thay đổi hóa chất trong cơ thể của chúng ta) mà sanh lên cùng với nhau thì đang làm việc cùng nhau thông qua Câu Sanh Duyên.

Ngũ Uẩn

Bây giờ, ở đây chúng ta cần phải lưu ý đến ngũ uẩn (khandha) vì danh và sắc được miêu tả thông qua tên gọi của các uẩn (khandha) trong loại duyên (Paṭṭhāna) này. Chúng là như sau:

1. Sắc uẩn (rūpa-kkhandha) bao gồm 28 loại sắc pháp (như được nhắc đến trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thẳng Pháp).

2. Thọ uẩn (vedanā-kkhandha) bao gồm năm loại thọ: lạc, khổ, hỷ, ưu và xả.

3. Tưởng uẩn (saññā-kkhandha) bao gồm một tâm sở đơn lẻ được gọi là tưởng (saññā), mà thường có liên quan đến ký ức và sự hiểu biết mang tính tri thức.

4. Hành uẩn (saṅkhāra-kkhandha) bao gồm 50 tâm sở (cetasika) còn lại, tức là loại trừ hai tâm sở đã được nhắc đến ở trên.

5. Thức uẩn (viññāṇa-kkhandha) bao gồm 89 tâm.

Ghi Chú: Trong số năm uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn được tạo thành bởi chỉ một tâm sở đơn lẻ vì hai tâm sở này đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống của chúng ta.

Hành Uẩn

Hành uẩn (saṅkhāra-kkhandha) được tạo thành bởi 50 tâm sở. Thuật ngữ “saṅkhāra-kkhandha” được dịch là hành uẩn với từ “saṅkhāra” có nghĩa đen là “làm việc” (saṅkhatam’abhisankharonti’ti saṅkhāraṃ - Khandhavagga Saṃyutta 72). Ví dụ, một chiếc xe ô-tô là cái thật sự chạy trên đường, nhưng người lái lại là người có trách nhiệm về việc đó. Cũng theo cách này, khi

chúng ta đang thật sự hành động, 50 tâm sở mà được dẫn đầu bởi tâm sở tư (cetanā) thì luôn luôn có ở đằng sau tất cả những hành động của chúng ta. Cho nên, chúng được gọi là “hành uẩn”.

89 Loại Tâm

Ở đây trong loại câu sanh duyên này, chúng ta cần phải tìm hiểu cách các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) của chúng cùng xảy ra và có liên quan hỗ tương với nhau và hỗ trợ những sắc pháp cùng sanh lên như thế nào. Như đã được nhắc đến trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thặng Pháp, về cốt lõi thì tâm chỉ có một mà thôi, nhưng những tâm sở đi cùng với nó phân chia nó thành 89¹ loại tâm như sau:

- Tám tâm tham (lobha-mūla)
- Hai tâm sân (dosa-mūla)
- Hai tâm si (moha-mūla)
- Mười tám tâm vô nhân (a-hetuka)
- Tám tâm đại thiện (mahā-kusala)
- Tám tâm đại quả (mahā-vipāka)
- Tám tâm đại duy tác (mahā-kriyā)
- Năm tâm thiện sắc giới (rūpāvacara kusala)
- Năm tâm quả sắc giới (rūpāvacara vipāka)
- Năm tâm duy tác sắc giới (rūpāvacara kriyā)

¹ Bảng liệt kê chi tiết 89 tâm có thể được xem tại phần Phụ Lục 1.

- Bốn tâm thiện vô sắc (arūpāvacara kusala)
- Bốn tâm quả vô sắc (arūpāvacara vipāka)
- Bốn tâm duy tác vô sắc (arūpāvacara kriyā)
- Bốn tâm thiện siêu thế (lokuttara kusala)
- Bốn tâm quả siêu thế (lokuttara vipāka)

Ghi Chú: Mỗi sát-na tâm được đi kèm theo bởi những tâm sở tương ứng của nó. Thật vậy, tâm được phân chia thành 89 loại dựa vào những tâm sở cụ thể đi kèm với mỗi tâm. Ở bất kỳ thời điểm nào, chỉ có một tâm trong những tâm này, cùng với những tâm sở có liên quan với nó, là có thể sanh lên.

Tám Tâm Tham: Giống như điện cung cấp năng lượng cho một cỗ máy, chính một trong tám tâm tham cung cấp năng lượng cho những hoạt động bất thiện của chúng ta như trộm cướp, lường gạt, tà dâm, ngoại tình, tiêu thụ các chất say và các chất kích thích, và vân vân. Ví dụ, tại thời điểm trộm cướp, một trong tám tâm tham và các tâm sở của nó cùng với các sắc pháp do tâm tạo sanh lên. Tâm đó và các tâm sở của nó có quan hệ hỗ tương với nhau do bởi năng lực của Câu Sanh Duyên (1), và hỗ trợ cho các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (4). Các sắc pháp do tâm tạo cũng có quan hệ với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Ghi Chú: Những con số trong ngoặc là những con số trong Phần Chuyển Ngữ của mục Pāli Trích Dẫn.

Hai Tâm Sân: Một trong hai tâm sân luôn luôn đi theo sau các hành động bất thiện như sát sanh, đánh đập, chửi rủa, nói sau lưng, nói chia rẽ, nói xấu người khác và vân vân. Ví dụ, bị thúc đẩy bởi sự tức giận hay

sân hận, chúng ta có khuynh hướng giết chết một con muỗi đã chích chúng ta, hoặc thậm chí tàn sát hàng ngàn người trong một cuộc chiến. Tâm sân đó và các tâm sở của chúng có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1), và hỗ trợ các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (4). Các sắc pháp do tâm tạo làm duyên cho nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Hai Tâm Si: “Moha” trong Pāli có hai nghĩa: sự thiếu hiểu biết (apaṭipatti avijjā) và ảo tưởng tức là sự hiểu sai lầm (micchā-paṭipatti avijjā). Tâm si (thiếu hiểu biết hoặc hiểu sai lầm) thì luôn luôn được đi kèm theo bởi hoài nghi (vicikicchā) hoặc bởi những suy nghĩ mông lung và lo lắng (uddhacca-kukkucca). Những trạng thái tinh thần này đang thị hiện ra khi chúng ta đang suy nghĩ ngớ ngẩn (uddhacca), trò chuyện vô ích và hành động rồ dại. Ví dụ, theo truyền thống cổ xưa tại Ấn Độ, người vợ được xem là có nghĩa vụ phải nhảy vào đống lửa mà xác người chồng đang được hỏa táng trong đó để chúng tỏ lòng trung thành của bà. Những hành động ngu dốt hay những phong tục điên rồ như vậy có gốc rễ trong tâm si và những tâm sở của nó. Cũng với tâm si này mà chúng ta cảm nhận và ứng xử giống như là chúng ta sẽ chẳng bao giờ chết đi. Nói một cách khác, những suy nghĩ và hành vi của chúng ta được chi đạo bởi cảm nhận lầm lạc về “cái tôi” hay “của tôi”, hay về sự thường hằng, sự an lạc và bản ngã. Tâm và những tâm sở liên quan trong những hành động, lời nói và suy nghĩ ngu dốt như vậy có quan hệ hỗ tương với nhau và hỗ trợ những sắc pháp đi cùng với chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4 tương ứng). Những sắc pháp do tâm tạo cũng có liên quan với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Mười Tám Tâm Vô Nhân: Có những loại tâm cụ thể không có kết hợp với bất kỳ một nhân nào trong sáu nhân, tức là tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si. Chúng bao gồm mười tám tâm: bảy tâm quả bất thiện, tám tâm quả thiện vô nhân và ba tâm duy tác vô nhân.

- Bảy tâm quả bất thiện bao gồm năm tâm giác quan (thấy, nghe, vân vân), tâm tiếp xúc và tâm quan sát. Đây là những kết quả của các nghiệp bất thiện (được tạo thành do bởi mười hai tâm bất thiện) mà chúng ta đã thực hiện trong những kiếp sống quá khứ. Do đó, như là một kết quả của các nghiệp xấu, các điều kiện hội đủ cho chúng ta thấy những đối tượng không được khao khát, nghe những ngôn từ nặng nề, và vân vân. Trong số bảy tâm này, tâm quan sát là tâm duy nhất làm chức năng của tâm tục sinh cho những chúng sanh đau khổ như là chúng sanh trong địa ngục, các thú vật và các hạng ma quỷ.

- Tám tâm quả thiện vô nhân là như trên, cộng thêm một tâm quan sát nữa được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Tám tâm này là những kết quả của các nghiệp thiện (được tạo thành do tám tâm đại thiện) mà chúng ta đã thực thiện trong những kiếp sống quá khứ. Do đó, như là một kết quả của các nghiệp tốt, chúng ta có cơ hội để thấy, nghe hay trải nghiệm những cảnh giác quan hài lòng và đáng được khao khát. Trong số tám tâm này, tâm quan sát (thọ xả) thực hiện chức năng của tâm tục sinh cho những người nhân loại bị khuyết tật bẩm sinh. Những chúng sanh như vậy được gọi là những người lạc vô nhân hay những người thiện vô nhân, trong khi những thú vật, các hạng ma quỷ và chúng sanh trong địa ngục là những người khổ hay những người bất thiện vô nhân.

• Ba tâm duy tác vô nhân là: tâm hướng ngũ môn (pañca-dvārāvajjana), tâm hướng ý môn (mano-dvārāvajjana), và tâm tiểu sinh (hasituppāda) của vị A-la-hán (Arahatta).

Mỗi một trong số mười tám tâm vô nhân này có quan hệ hỗ tương với những tâm sở của nó. Đặc biệt, mỗi một trong số hai tâm hữu phần (tục sinh) vô nhân sanh lên cùng với những tâm sở tương ứng và sắc pháp do nghiệp tạo của nó. Chúng có quan hệ hỗ tương với nhau tại thời điểm thụ thai (tức là thời điểm tục sinh) thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (3). Trong suốt đời sống bình nhật, tâm và các tâm sở có quan hệ hỗ tương, và cũng hỗ trợ cho các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4 tương ứng). Các sắc pháp do tâm tạo đi cùng với chúng cũng có liên quan lẫn nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5 tương ứng). Mỗi một trong những tâm vô nhân còn lại cùng sanh lên với những tâm sở đi cùng với nó. Chúng có quan hệ hỗ tương với nhau và hỗ trợ các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4 tương ứng).

Tám Tâm Đại Thiện: Có tám tâm đại thiện (xin hãy xem Phụ Lục 1). Thông qua một trong số chúng, chúng ta thực hiện những hành động thiện như bố thí (dāna), trì giới (sīla), cung kính (apacāyana), phục vụ (veyyāvacca), hồi hướng phước (patti-dāna), hoan hỷ phước (pattānumodana), học Pháp (Dhamma-savana), dạy Pháp (Dhamma-desanā), phát triển thiền chỉ (samatha-bhāvanā) và phát triển thiền minh sát (vipassanā-bhāvanā). Như vậy, một trong tám tâm này và các tâm sở của nó cùng sanh lên và có quan hệ hỗ tương với nhau và hỗ trợ các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4

tương ứng). Những sắc pháp do tâm tạo cũng có quan hệ lẫn nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Tám Tâm Đại Quả: Tám tâm đại quả (cùng với tám tâm quả thiện vô nhân) là những kết quả của những nghiệp thiện (được tạo thành do bởi tám tâm đại thiện) mà chúng ta đã thực hiện trong những kiếp sống quá khứ. Một trong tám tâm quả này làm chức năng của tâm tục sinh cho những người nhân loại bình thường (tức là người không có khuyết tật bẩm sinh) và tất cả các hạng thiên nhân. Trong số tám tâm này, bốn tâm được kết hợp với hai nhân, đó là vô tham (tức là không ích kỷ) và vô sân (tức là lòng từ), mà không có vô si (tức là trí tuệ), và những tâm còn lại thì có tất cả ba nhân. Như vậy, những người với tâm tục sinh hai nhân được gọi là người nhị nhân; họ có thể có học vấn cao, nhưng không đủ sáng suốt để giác ngộ, trong khi có những người tam nhân mặc dầu không có học vấn nhưng lại đủ sáng suốt để giác ngộ hoàn toàn. Tại thời điểm thụ thai (hay tục sinh) của họ, một trong tám tâm này, các tâm sở của nó và sắc pháp do nghiệp tạo cùng sanh lên và có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (3). Cùng loại tâm này, mà được nhắc đến là tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử (cuti) hay tâm na cảnh (tadārammaṇa) trong những ngữ cảnh khác, cùng sanh lên với những tâm sở của nó. Tâm này và những tâm sở của nó có quan hệ hỗ tương với nhau và tạo nên điều kiện hay duyên cho các sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4 tương ứng). Các sắc pháp do tâm tạo cũng có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Tám Tâm Đại Duy Tác: Tám tâm đại duy tác (mahā-kriyā) này thì giống như tám tâm đại thiện

(mahā-kusala) trong việc tạo lập nên các hành động tốt đẹp như bố thí, trì giới, vân vân. Một trong tám tâm đại duy tác và các tâm sở của nó hiển thị khi một vị A-la-hán (Arahat) (tức là một vị đã giác ngộ hoàn toàn) thực hiện những hành động tốt đẹp. Chúng cùng sanh lên và có quan hệ hỗ tương với nhau và hỗ trợ các sắc pháp do tâm tạo của chúng thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (1 & 4 tương ứng). Các sắc pháp do tâm tạo cũng có quan hệ với nhau thông qua năng lực của Câu Sanh Duyên (2 & 5).

Các Tâm Sắc Giới, Vô Sắc Giới Và Siêu Thế:

Những tâm này sẽ được thảo luận sau trong phần Thiên Na Duyên và Đồ Đạo Duyên một cách tương ứng.

Hỗ Tương Duyên (Aññamañña-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 5)

1. Cattāro khandhā arūpino aññamañña-paccayena paccayo.
2. Cattāro mahā-bhūtā aññamañña-paccayena paccayo.
3. Okkantikkhaṇe nāma-rūpaṃ aññamañña-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Bốn danh uẩn có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Hỗ Tương Duyên.
2. Bốn sắc tứ đại có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Hỗ Tương Duyên.
3. Tại thời điểm tục sinh (thụ thai), danh pháp và sắc pháp (vật chất) có quan hệ hỗ tương với nhau thông qua năng lực của Hỗ Tương Duyên.

Ghi chú: Loại Hỗ Tương Duyên (aññamañña-paccayena paccayo) này thì tương đương với các chi 1-3 của Câu Sanh Duyên (sahajāta-paccayo).

Y Chỉ Duyên (Nissaya-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 5)

1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo.

2. Cattāro mahā-bhūtā aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo.

3. Okkantikkhaṇe nāma-rūpaṃ aññamaññaṃ nissaya-paccayena paccayo.

4. Citta-cetasikā dhammā citta-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo.

5. Mahābhūtā upādā-rūpānaṃ nissaya-paccayena paccayo.

6. Cakkhāyatanaṃ cakkhu-viññāḍadhātuyā taṃsampayuttānañca dhammānaṃ nissaya-paccayena paccayo. (Điều này cũng như vậy cho sota, ghāna, jivhā, và kāya)

7. Yaṃ rūpaṃ nissaya mano-dhātu ca manoviññāḍa-dhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā ca mano-viññāḍa-dhātuyā ca taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissaya-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Bốn danh uẩn làm duyên hỗ trợ lẫn nhau thông qua năng lực của Y Chỉ Duyên.

2. Bốn sắc tứ đại (tức là đất, gió, lửa và nước) làm duyên hỗ trợ lẫn nhau thông qua năng lực của Y Chi Duyên.

3. Tại thời điểm tục sinh (thụ thai), danh và sắc làm duyên hỗ trợ lẫn nhau thông qua năng lực của Y Chi Duyên.

4. Các tâm và những tâm sở đi cùng của chúng làm duyên hay điều kiện cho sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Y Chi Duyên.

5. Các sắc tứ đại làm duyên hay điều kiện cho sắc y sinh¹ thông qua năng lực của Y Chi Duyên.

6. Nhãn vật làm duyên cho nhãn thức giới và các tâm sở đi cùng của nó thông qua năng lực của Y Chi Duyên. (Điều này cũng tương tự cho các tâm giác quan còn lại)

7. Phụ thuộc vào sắc pháp nào đó, ý giới và ý thức giới sanh lên. Sắc pháp đó làm duyên cho những ý giới, ý thức giới và các tâm sở đi cùng với chúng thông qua năng lực của Y Chi Duyên.

Ghi Chú: Các mục 1 cho đến 5 thì giống như các điều mục của Câu Sanh Duyên, trong khi mục 6 và 7 thì giống với các điều mục của Tiên Sanh Duyên mà sẽ được giải thích sau này.

¹ Tất cả các sắc pháp, ngoại trừ bốn sắc tứ đại, được xem là “sắc y sinh”.

Cận Y Duyên (Upanissaya-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 5-6)

1. Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

2. Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo.

3. Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

4. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

5. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissaya-paccayena paccayo.

6. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

7. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

8. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissaya-paccayena paccayo.

9. Purimā purimā abyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ
upanissaya-paccayena paccayo.

10. Utu-bhojanampi upanissaya-paccayena
paccayo; puggalopi upanissaya-paccayena paccayo;
senāsanampi upanissaya-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

1. Những pháp thiện đi trước làm duyên cho những pháp thiện đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

2. Những pháp thiện đi trước làm duyên cho những pháp bất thiện đi sau không phải ngay lập tức thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

3. Những pháp thiện đi trước làm duyên cho những pháp vô ký đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

4. Những pháp bất thiện đi trước làm duyên cho những pháp bất thiện đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

5. Những pháp bất thiện đi trước làm duyên cho những pháp thiện đi sau không phải ngay lập tức thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

6. Những pháp bất thiện đi trước làm duyên cho những pháp vô ký đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

7. Những pháp vô ký đi trước làm duyên cho những pháp vô ký đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

8. Những pháp vô ký đi trước làm duyên cho những pháp thiện đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

9. Những pháp vô ký đi trước làm duyên cho những pháp bất thiện đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

10. Thời tiết, vật thực, (và vân vân) làm duyên hay điều kiện thông qua năng lực của Cận Y Duyên; một con người cũng là duyên hay điều kiện thông qua năng lực của Cận Y Duyên; nơi trú ngụ cũng là duyên hay điều kiện thông qua năng lực của Cận Y Duyên.

Ba Loại Cận Y Duyên

Loại Cận Y Duyên này gồm có ba như sau:

1. Cảnh Cận Y Duyên (*Ārammaṅ'ūpanissaya*).
2. Vô Giáן Cận Y Duyên (*Anantar'ūpanissaya*).
3. Thường Cận Y Duyên (*Pakat'ūpanissaya*).

Loại thứ nhất thì giống với Cảnh Duyên-2 và loại thứ hai thì giống với Vô Giáן Duyên. Như vậy, chỉ có loại thứ ba sẽ được giải thích ở đây.

Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya)

Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala) (Pakatūpanissaya-1)

Như đã được nhắc đến ở trên, loại duyên (Paṭṭhāna) thứ chín này có mười phần. Phần thứ nhất nói rằng: “Những pháp thiện đi trước làm duyên cho những pháp thiện đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.”

Bố Thí Và Trì Giới (Dāna, Sīla)

Những tâm sở thiện (kusala cetasika) bao gồm tín (saddha), niệm (sati), tầm (hiri) và úy (ottappa), vô tham (alobha), vô sân (adosa), vô si (amoha) và vô mạn. Những tâm sở thiện này khuyến khích chúng ta làm các việc thiện như bố thí, trì giới và tham thiền. Thêm nữa, khi chúng ta thấy những lợi ích của những việc thiện này, niềm tin của chúng ta vào chúng tăng lên, sự hiểu biết (paññā) về chúng trở nên sâu sắc hơn, và tâm từ ái của chúng ta với mọi người trở nên mạnh mẽ hơn. Như vậy, pháp thiện (kusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho pháp thiện (kusala) đi sau. Hơn nữa, các hành động bố thí và trì giới của chúng ta dẫn đến một đời sống sung túc đầy đủ, mang lại cho chúng ta những cơ hội thực hành nhiều thiện pháp hơn. Có nhiều người giàu dùng tài sản của mình phục vụ cho những người thiếu kém và có nhu cầu, thay vì để thỏa mãn những khoái lạc của chính mình. Như vậy, những pháp thiện (kusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những

pháp thiện (kusala) đi sau thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên¹.

Tham Thiên (Bhāvanā)

Sự phát triển thiền chi (samatha) và thiền quán (vipassanā) là những hành động thiện mà được gọi là Đại Thiện. Theo cách tự nhiên, chúng sẽ dẫn đến những trạng thái thiện cao hơn như là an trú định (mahaggata-kusala), các tuệ minh sát (vipassana-kusala) và sự giác ngộ (magga-kusala). Hơn nữa, chúng là ba-la-mật (pāramī) của chúng ta (tức là phước báu chúng ta tích trữ trong suốt vòng luân hồi) mà sẽ mang đến sự giác ngộ (magga-kusala) cho chúng ta trong một kiếp sống tương lai nào đó. Như vậy, những pháp thiện (kusala) đi trước là duyên hay điều kiện cho những pháp thiện đi sau thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên (pakatūpanissaya).

Để phát triển thiền chi (samatha), chúng ta phải tập trung tâm trí của mình vào một đối tượng duy nhất như là hơi thở ra vào hay một đề mục hành thiền như là cái đĩa bằng đất (pathavī-kasiṇa), ngọn lửa không chuyển động của một cây đèn cây (tejo-kasiṇa), nước trong sạch trong một ly nước (āpo-kasiṇa) và vân vân.

¹ Bồ thí (dāna) và trì giới (sīla) theo nghĩa chân đế là một trong tám tâm đại thiện. Khi làm việc đồng lực (javana), một trong tám tâm này thông thường lặp lại bảy lần trong một lộ tâm đơn lẻ. Và hàng triệu những lộ tâm như vậy tạo lập nên các hành động bồ thí (dāna) và trì giới (sīla) của chúng ta. Trong vòng mỗi một lộ tâm, đồng lực thiện (kusala javana) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho đồng lực thiện (kusala javana) đi sau thông qua năng lực của Vô Gian Duyên (anantara), Đẳng Vô Gian Duyên (samanantara), Trùng Dụng Duyên (āsevana), Vô Hữu Duyên (natthi), Lý Khứ Duyên (vigata) cùng với loại Thường Cận Y Duyên (pakatūpanissaya) này.

Sau một khoảng thời gian nào đó, tâm trí của chúng ta trở nên tập trung một cách hoàn toàn trên hay an trú một cách trọn vẹn trong đề mục thiền đó. Sự tập trung hay sự thấm thấu mạnh mẽ như vậy được gọi là thiền (jhāna). Trong tiến trình này, sự tập trung (kusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho sự tập trung đi sau một cách liên tiếp cho đến lúc có sự chứng đắc thiền (jhāna) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên (pakatūpanissaya).

Để phát triển trí tuệ minh sát (vipassanā), chúng ta phải thực hành thiền minh sát (vipassanā) cho đến khi có sự giác ngộ đạo (magga) bằng cách quán sát bốn pháp như là thân (kāya), thọ (vedanā), tâm (citta) và pháp (dhamma). Về thân, chúng ta phải quan sát tất cả các hoạt động của cơ thể như đi, đứng, ngồi, nghiêng, cúi hay co duỗi chân tay, nhắm mở mắt, sự phồng xẹp của bụng và vân vân. Cũng theo cách này, chúng ta phải ghi nhận những cảm thọ hài lòng hoặc không hài lòng (vedanā), các suy nghĩ tốt hay xấu (citta) và các đối tượng chung như thấy, nghe, vân vân (dhamma). Chúng ta phải quan sát chúng một cách bị động ngay thời điểm chúng trở nên rõ ràng đối với chúng ta theo phương cách không phân tích, không biện giải hay không đánh giá, và không mong đợi bất cứ cái gì xảy ra hoặc không xảy ra.

Tuy nhiên, lúc ban đầu, để phát triển định hay sự tập trung, chúng ta được khuyến khích là nên tập trung vào một đối tượng cố định chẳng hạn như sự phồng xẹp của bụng trong suốt quá trình ngồi thiền, và tập trung vào bàn chân trong suốt quá trình kinh hành. Khi đã có sự chú tâm và quen thuộc với những đề mục này rồi, thì chúng ta cần quan sát bất kỳ một trong bốn hiện tượng ngay thời điểm chúng trở nên hiện rõ để rồi chúng ta có

thể thấy chúng như chúng thật là. Nếu chúng ta muốn thấy tia chớp chẳng hạn, chúng ta cần phải thấy nó ngay thời điểm nó xẹt ra. Cũng theo cách này, nếu chúng ta muốn thấy các pháp thật vượt ra ngoài những ảo giác, chúng ta phải thấy chúng ngay thời điểm chúng hiển thị. Cho nên, tuệ minh sát dần dần và từng bước chín muồi cho đến khi chúng ta trở nên giác ngộ. Do đó, sự tập trung và các tuệ minh sát (kusala) đi trước là duyên hay điều kiện cho những pháp cùng loại đi sau cho đến tận lúc chúng đạt đạo (magga) giác ngộ (kusala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên (pakatūpanissaya).

Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala) (Pakatūpanissaya-2)

Trong loại duyên (Paṭṭhāna) thứ chín này, phần thứ hai có nói: “Thiện đi trước làm duyên cho bất thiện đi sau không phải ngay lập tức thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.”

Các pháp thiện của chúng ta (ngoại trừ sự giác ngộ đạo (magga)¹) thông thường thì khuyến khích chúng ta làm các điều thiện. Tuy nhiên, đôi lúc, nếu chúng ta mất niệm hay mất sự chú tâm, chúng dẫn chúng ta đến những pháp bất thiện như tà kiến (diṭṭhi), ngã mạn (māna), si mê (moha), ganh tỵ (issā) và vân vân. Ví dụ, khi chúng ta rộng lượng, chúng ta có thể trở nên tự hào về nó và xem những người không rộng lượng như mình là thấp kém. Loại ngã mạn này cũng có thể xảy ra khi

¹ Các pháp thiện trong phần duyên (paṭṭhāna) này không bao gồm sự giác ngộ đạo (magga) vì không có cách nào mà nó có thể làm duyên cho pháp bất thiện.

chúng ta hành trì giới luật. Như vậy, sự rộng lượng hay việc hành trì giới luật có thể dẫn đến pháp bất thiện. Thêm vào đó, sự rộng lượng hay việc trì hành giới luật của chúng ta luôn luôn cho kết quả là sự giàu sang, nhưng chúng ta có thể sử dụng sự giàu sang đó không đúng cách thông qua những hành động bất thiện như đàng điếm hay hút sách.

Đối với thiện chí tịnh (samatha), sự an trú định luôn luôn làm cho chúng ta định tĩnh và an lạc vì nó giữ cho tâm trí của chúng ta khỏi những phiền não tinh thần. Như vậy, chúng ta có thể trở nên dính mắc vào nó, tự hào về nó và xem những người chưa phát triển được cấp độ định cao như vậy là thấp kém. Trong lịch sử, đã có những hành giả với thiền định thể hiện năng lực thần thông để hại hay thậm chí giết chết những người khác. Ví dụ, Devadatta đã thể hiện thần thông và thuyết phục hoàng tử Ajātasattu giết chết vua cha của mình. Trong trường hợp của minh sát (vipassanā), chúng ta có khuynh hướng dính mắc vào sự an vui và tĩnh lặng tuyệt diệu mà có thể xảy ra tại tầng tuệ sanh diệt (udayabbaya-nāṇa). Và kết quả là tiến độ phát triển tâm linh của chúng ta bị ngưng trệ tại đó trừ phi chúng ta có kiến thức hiểu biết hay có sự hướng dẫn thích ứng từ một vị thầy. Như vậy, thiện (kusala) có thể làm duyên hay điều kiện cho bất thiện (akusala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Ghi Chú: Trong phần này, cụm từ “không phải ngay lập tức” có nghĩa là thiện (kusala) có thể dẫn đến hay đưa đến bất thiện (akusala) nhưng không phải tức thì như trong trường hợp của Vô Gian Duyên (anantara-paccayo).

Thiện (Kusala) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata) (Pakatūpanissaya-3)

Phần thứ ba nói như sau: “Thiện (kusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho vô ký (abyākata) đi sau.”

Chính sự can đảm về mặt tinh thần của chúng ta (tức là một loại thiện (kusala)) làm cho chúng ta đủ mạnh để chịu đựng hay hứng chịu các sự đau đớn cùng cực (mà là một dạng vô ký (abyākata)) để tránh tội lỗi và để làm thiện. Chính sự rộng lượng của chúng ta (kusala) làm cho chúng ta có thể hy sinh tài sản và sự an lạc (mà là một dạng vô ký (abyākata)). Chính sự tốt bụng và sự hiểu biết của chúng ta (kusala) làm cho chúng ta có thể hứng chịu hay chịu đựng những đau khổ (abyākata) để giúp những người khác. Chính sự nỗ lực khôn ngoan (kusala) giúp tạo nên sự an lạc và dung hòa (abyākata) trong xã hội nhân loại của chúng ta. Trên hành tinh này, luật rừng liên tục thống trị trong đời sống của các thú vật. Những thú vật lớn hơn và mạnh hơn ăn những thú vật nhỏ hơn và yếu hơn trên mặt đất cũng như trong đại dương. Thậm chí trong xã hội được gọi là văn minh của chúng ta, có nhiều người đã lợi dụng sự yếu đuối của người khác và tận hưởng thành công trên mồ hôi và nước mắt của những người khác. Theo nghĩa này, nhiều người trong số chúng ta thật ra chẳng khác gì nhiều với các thú vật. Tuy nhiên, may mắn thay, những trạng thái tinh thần thiện của chúng ta như sự tốt bụng và sự hiểu biết (kusala) luôn mang lại cho chúng ta sự an lạc, hòa bình và sự dung hòa (mà là một dạng vô ký (abyākata)) trong xã hội của chúng ta. Đó là cách thiện (kusala) làm duyên hay là điều kiện cho vô ký (abyākata) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Thêm vào đó, những nghiệp thiện (kusala kamma) của chúng ta mang lại những kết quả tốt đẹp tương ứng (abyākata). Ví dụ, là kết quả của bố thí (dāna) và trì giới (sīla), chúng ta sẽ đạt được sự tục sinh đầy an lạc trong cảnh giới nhân loại và các thiên giới; là kết quả của thiền (jhāna), chúng ta sẽ tái sinh vào các cõi Phạm thiên (Brahma). Như vậy, các trạng thái tinh thần thiện (kusala) của chúng ta mang lại các pháp vô ký (abyākata) tốt đẹp mà bao gồm những tâm tục sinh tốt đẹp, cơ thể xinh đẹp và mạnh khỏe cùng với các giác quan lành mạnh. Điểm này sẽ được giải thích chi tiết sau này trong phần Nghiệp (Kamma) Duyên. Hơn nữa, những trạng thái thiện của những đạo giác ngộ (magga-kusala) thì lập tức đưa đến những quả giác ngộ (phala-abyākata) tương ứng. Như vậy, thiện (kusala) làm duyên hay là điều kiện cho vô ký (abyākata) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala) (Pakatūpanissaya-4)

Phần thứ tư nói như sau: “Những pháp bất thiện (akusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những pháp bất thiện (akusala) đi sau thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.”

Những pháp bất thiện (akusala) như tham lam, ích kỷ, tức giận, sân hận, si mê, ngã mạn hay sự phân biệt, tà kiến, vân vân, luôn luôn dẫn dắt chúng ta đến việc thực hành những hành động bất thiện (akusala) như sát sanh, trộm cướp, vân vân. Chính những người tham lam và ích kỷ là những người tham dự vào những hành động trái pháp luật như buôn bán thuốc nghiện ngập hay buôn

người. Trong lịch sử, việc ham muốn quyền lực đã làm cho người lãnh đạo sát hại hàng ngàn người đồng loại cũng là một chuyện không quá bất thường. Chính do sân hận hay sự phân biệt mà loài người phạm vào các hành động tội lỗi như triệt sát một chủng tộc. Những người thiếu hiểu biết thường làm những việc rồ dại và vớ vẩn mà có hại cho cả chính họ và những người khác. Vào những ngày xa xưa đã có nhiều người bám giữ tà kiến cho rằng chính các vị thần thánh đã tạo ra những thiên tai như giông bão, động đất, cháy rừng, vân vân. Cho nên, để làm hài lòng những vị thần thánh này, họ đã sát hại các thú vật hay thậm chí nhiều người để dâng hiến cho những vị đó. Như vậy, bất thiện (akusala) như tham (lobha), sân (dosa), si (moha), tà kiến (micchā-ditṭhi), vân vân, làm duyên hay là điều kiện cho bất thiện (akusala) theo sau như sát sanh, trộm cướp, vân vân, thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala) (Pakatūpanissaya-5)

Phần thứ năm nói rằng: “Pháp bất thiện (akusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho pháp thiện (kusala) đi sau không phải ngay lập tức thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.”

Thông thường, những trạng thái tinh thần bất thiện của chúng ta thúc đẩy chúng ta thực hiện những hành động tội lỗi như sát sanh, trộm cướp, vân vân. Tuy nhiên, đôi lúc, những pháp bất thiện lại dẫn chúng ta đến việc thực hiện những hành động tốt đẹp như bố thí (dāna), trì giới (sīla), vân vân. Do bởi việc khao khát có được sự tái sanh vào thiên giới chẳng hạn, một người có thể làm những việc thiện như bố thí (dāna), trì giới

(sīla), vân vân. Sự tự cao tự đại của chúng ta (akusala) có thể khuyến khích chúng ta thực hiện những việc thiện để vượt trội những đối thủ của mình. Ân hận về tội lỗi của mình (akusala) có thể khuyến khích chúng ta làm những việc tốt (kusala). Vua Asoka của Ấn Độ đã trở thành một đế vương rất có quyền lực vào thời đó sau khi đã sát hại hàng trăm ngàn người trong một cuộc chiến tại khu vực Kalinga, một trong những cuộc chiến đẫm máu nhất trong lịch sử Ấn Độ. Tuy nhiên, cuộc chiến đó đã là điểm quay đầu cho ông trở thành một vị vua chính trực (dhammāsoka) mà sau này đã thực hiện một vài trong số những thiện pháp vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo. Thậm chí chính Đức Phật đã dạy trong Tayo Dhamma Sutta¹, Aṅguttara-nikāya, rằng nếu không phải do tham, sân và si, thì thậm chí chính Đức Phật cũng đã không xuất hiện trên thế gian này. Như vậy, các pháp bất thiện (akusala) có thể làm duyên hay là điều kiện cho các pháp thiện (kusala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Bất Thiện (Akusala) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata) (Pakatūpanissaya-6)

Phần thứ sáu nói rằng: “Những pháp bất thiện (akusala) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những pháp vô ký (abyākata) đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.”

¹ ND: Xin độc giả hãy xem Kinh Không Thể Tăng Trưởng, Tăng Chi Bộ do Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Những trạng thái tinh thần bất thiện (akusala) như tham lam, ham muốn, ích kỷ, sự giận dữ, sân hận, si mê, vân vân, làm duyên hay là điều kiện cho những pháp vô ký (abyākata) như sự thoả mái thân xác, sự khó chịu thân xác, và sự nhập thiên quả (phala). Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), sự đau nhức của chúng ta là kết quả tự nhiên của những hành động bất thiện (akusala). Ví dụ, những hình phạt đau đớn (abyākata) là kết quả của những hoạt động phi pháp. Sự khao khát hay dính mắc dục trần (akusala) của chúng ta vào những vật sở hữu và thân quyến của mình thường mang lại cho chúng ta những nỗi đau cực lớn (abyākata). Thậm chí những thứ vật như chim chóc cũng phải trải qua nhiều sự khó khăn và đau đớn chỉ để được mang lại thực phẩm cho con của chúng. Chính sự ích kỷ, sân hận và ngã mạn (akusala) của chúng ta tạo nên những thứ vật chất nguy hại nhất trên thế giới này như các đầu đạn hạt nhân và những quả bom hydrogen (abyākata). Thêm vào đó, nghiệp bất thiện (akusala kamma) mạnh thì cho quả trực tiếp vào khổ cảnh (abyākata) do năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Theo lời dạy của Đức Phật, ham muốn vào sự sống và sự thiếu hiểu biết về những khiếm khuyết của nó là những điều chính yếu dẫn đến việc luân hồi không có điểm dừng của chúng ta, và tạo nên chúng ta là ai trong hiện tại. Như vậy, nó không phải là vô lý nếu chúng ta giả định rằng một con chim lấy mật (honey bird) chẳng hạn được sinh ra với mỏ đủ dài để thu nhặt phấn hoa chỉ vì do tổ tiên của nó đã khao khát được như vậy. Trong trường hợp này, sự khao khát (tức là pháp bất thiện đi trước) làm duyên hay là điều kiện cho cái mỏ dài của nó (các pháp vô ký đi sau) thông qua năng lực của Thường

Cận Y Duyên. Điều này cũng đúng trong trường hợp của con rùa có cái mai đủ cứng để che chở cho nó khỏi bị tấn công bởi những kẻ thù của nó; một con gấu Bắc cực có lông trắng là sự nguy trang mang tính tự nhiên cho việc săn mồi trên tuyết, và vân vân.

Về mặt tích cực, các pháp bất thiện (akusala) có thể mang lại cho chúng ta những kết quả tốt đẹp (abyākata) theo cách nhất định nào đó. Ví dụ, để tẩy trừ những pháp bất thiện, một hành giả sẽ nỗ lực vượt bậc trong việc thực hành thiền minh sát (vipassanā) cho đến khi hành giả có thể an trú vào thiền quả (phala-samāpatti), tức là kết quả tốt đẹp của sự chứng đắc đạo (magga-kusala). Theo cách này, những pháp bất thiện, nếu được xử lý một cách khôn khéo, thì thậm chí có thể dẫn đến thiền quả (phala-samāpatti) (tức là vô ký (abyākata)) giống như lửa có thể mang lại vô số những lợi ích cho chúng ta nếu được sử dụng một cách khôn khéo. Như vậy, những pháp bất thiện (akusala) làm duyên hay là điều kiện cho những pháp vô ký (abyākata) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên. Đó là lý do tại sao trong Kusala-tika, Pañhavāra có giảng như sau:

“Tham, sân, si, mạn, kiến và dục (sự khao khát) làm duyên hay là điều kiện cho sự đau đớn xác thân, sự khoái lạc xác thân và sự an trú trong thiền quả (phala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên. Các hành động tội lỗi làm duyên hay là điều kiện cho những kết quả tương ứng của chúng thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.”

Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Vô Ký (Abyākata) (Pakatūpanissaya-7)

Phần thứ bảy nói rằng: “Những pháp vô ký (abyākata) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp vô ký (abyākata) đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.”

Như đã được đề cập đến ở trước, các pháp vô ký bao gồm các tâm quả, các tâm duy tác, các tâm sở đi cùng của chúng và tất cả các sắc pháp. Các pháp vô ký như sự đau đớn thể xác hay sự khoái lạc thể xác làm duyên hay là điều kiện cho những pháp thích ứng đi sau của chúng. Thêm vào đó, những sắc pháp như thời tiết, vật thực, trú xứ, vân vân cũng là các pháp vô ký (abyākata), làm duyên hay là điều kiện cho những pháp vô ký (abyākata) đi sau. Ví dụ, Đức Phật (ND: Bồ-tát) đã thực hành thiền trọn đêm với nỗ lực tuyệt đỉnh dưới cội cây Bồ-đề (Bodhi) vào ngày trăng tròn của tháng Năm sau khi đã thọ dụng cháo sữa do tín nữ Sujātā dâng cúng. Vào rạng sáng, Ngài đã chứng đạt sự giác ngộ đạo quả (magga-phala) và an trú trong thiền quả (phala-samāpatti) cả một tuần dưới cội cây đó. Trong trường hợp này, trú xứ (tức là cội cây Bồ-đề) và thực phẩm (cháo sữa) là những pháp vô ký (abyākata) mà hiển nhiên đã góp phần vào việc an trú vào thiền quả (phala-samāpatti) của Ngài (thiền quả là pháp vô ký (abyākata)) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Hơn nữa, như đã được đề cập đến trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp, các hiện tượng vô thức trong thế gian đều được bao gồm trong các pháp vô ký. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), tất cả chúng đều được

sanh ra từ nhiệt lượng (utu), tức là yếu tố lửa theo nghĩa chân đế. Do đó, với sự kiện này, không phải là không hợp lý khi chúng ta giả định rằng tất cả các pháp vô tri, vô giác trên thế gian được khởi tạo từ mặt trời, mà là đại diện cho yếu tố lửa, và dần dần biến chuyển thành vô số vật thể khác nhau mà chúng ta thấy ngày nay. Tất cả các hiện tượng vật chất được bao gồm trong pháp vô ký (abyākata). Do đó, chính là do năng lực của Thường Cận Y Duyên số 7 mà các pháp vô ký đi trước dần dần chuyển đổi thành những pháp đi sau cho đến khi chúng trở thành như chúng ngày nay.

Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Thiện (Kusala) (Pakatūpanissaya-8)

Phần thứ tám nói như sau: “Các pháp vô ký (abyākata) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những pháp thiện (kusala) đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.”

Các hiện tượng mang tính kết quả như là sự đau khổ và sự an lạc, và các hiện tượng vật chất như là thời tiết, vật thực, trú xứ, vân vân là các pháp vô ký (abyākata) mà làm duyên hay là điều kiện cho các pháp thiện (kusala) như là bố thí (dāna), trì giới (sīla), sự chứng đắc thiên chi (jhāna), tuệ minh sát (vipassanā), sự giác ngộ đạo (magga), và vân vân.

Một vài người có từ tâm và thông hiểu đến mức họ có thể chuyển sự đau khổ của mình thành những pháp thiện. Ví dụ, nếu họ bị ung thư và có chủ ý mãnh liệt muốn giúp những người cùng mang bệnh tật như vậy thoát khỏi căn bệnh quái ác như vậy, họ cống hiến tài sản của họ cho các nơi làm từ thiện và các tổ chức đang

ngiên cứu tìm giải pháp chữa trị bệnh ung thư. Như vậy, sự đau khổ của họ, tức là một pháp vô ký, làm duyên hay là điều kiện cho những pháp thiện của họ. Khi họ có sự an lạc sau khi được điều trị khỏi căn bệnh trầm kha như vậy, họ bố thí hay đóng góp từ thiện với mục đích mang lại cùng sự an lạc đó đến cho những bệnh nhân tương tự. Như vậy, sự đau khổ và sự an lạc (abyākata) của một người có thể làm duyên hay là điều kiện cho những pháp thiện (kusala).

Theo cách này, những hiện tượng vật chất như thời tiết, vật thực, trú xứ, vân vân (tức là những pháp vô ký (abyākata)) cũng là một lực đẩy ở phía sau cho những pháp thiện (kusala) của những người khôn ngoan và từ ái như bố thí (dāna), trì giới (sīla), thiền định (jhāna), tuệ minh sát (vipassanā), sự chứng ngộ đạo (magga). Ví dụ, có một vài hành giả trải qua nhiều năm sống cô lập để hành thiền tích cực trong rừng. Đối với họ, hoa và lá rơi rớt trên mặt đất thường được xem như là một sự nhắc nhở rằng mọi thứ là vô thường. Loại môi trường này mang lại cho họ cái cảm giác khẩn cấp mà khiến cho họ phải tinh cần nhiều hơn trong việc hành thiền. Như vậy, các hiện tượng vật chất như hoa lá (tức là vô ký (abyākata)) làm duyên hay là điều kiện cho những pháp thiện (kusala) của những hành giả thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên.

Vô Ký (Abyākata) Làm Duyên Cho Bất Thiện (Akusala) (Pakatūpanissaya-9)

Phần thứ chín nói rằng: “Các pháp vô ký (abyākata) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp bất thiện (akusala) đi sau thông qua năng lực của Cận Y Duyên.”

Các pháp vô ký (abyākata) bao gồm những hiện tượng mang tính kết quả như sự đau đớn, sự an lạc, và các hiện tượng vật chất như thời tiết, thực phẩm, trú xứ, vân vân, làm duyên hay là điều kiện cho những pháp bất thiện (akusala) như sát sanh, trộm cướp, vân vân.

Khi chúng ta đang ở trong đau khổ, chúng ta có xu hướng trở nên giận dữ và đôi lúc ganh tỵ với những người đang tự tại không có bệnh hoạn. Lịch sử đã có nhiều sự kiện trong đó con người đã quá đói khát đến mức họ đã giết chết đồng loại để ăn thịt. Ở đây, sự đau khổ có liên quan đến việc đói khát (abyākata) của họ hiển nhiên đã đóng góp vào những pháp bất thiện (akusala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên. Ở mặt khác, những khoái lạc dục trần (abyākata) gián tiếp làm một lực đẩy đằng sau những tệ nạn như trộm cướp hay sát hại (tức là các pháp bất thiện (akusala)). Như vậy, sự an lạc (abyākata) rõ ràng làm duyên hay là điều kiện cho những pháp bất thiện (akusala) thông qua năng lực của Thường Cận Y Duyên. Thật ra, tất cả mọi thứ xung quanh chúng ta là vô ký (abyākata) và có thể làm kích khởi những pháp bất thiện (akusala) nếu chúng ta không có chánh niệm.

Ví dụ, một bức hình có thể làm sanh khởi lên cảm giác dục vọng, hay sân hận, hay ít nhất là si mê. Mặt trăng (tức là pháp vô ký (abyākata)) được cho là làm khởi gợi những cảm giác bất thiện như giận dữ hay tình cảm lăng mạn (akusala). Theo các khảo sát khoa học, con người có khuynh hướng bị kích động quá mức vào những ngày trăng tròn, mà dẫn đến việc gia tăng các tệ nạn như cưỡng ép tình dục và chém giết. Như vậy, các hiện tượng vật chất như thời tiết, trú xứ, vật thực, vân vân (tức là những pháp vô ký (abyākata)) làm duyên hay là điều kiện cho những pháp bất thiện (akusala) do năng lực của Thường Cận Y Duyên. Do đó, trong Kusala-tika, Pañha-vāra có giảng rằng:

“Sự đau khổ và sự an lạc xác thân, thời tiết, vật thực và trú xứ dẫn đến sát sanh, trộm cướp, nói dối, và vân vân.”

Tiên Sanh Duyên (Purejāta-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 6-7)

Purejāta-paccayo'ti

1. Cakkhāyatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ purejāta-paccayena paccayo. (Sotāyatanaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā; Ghānāyatanaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā; Jivhāyatanaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā; Kāyāyatanaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā)

2. Rūpāyatanaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ purejāta-paccayena paccayo. (Saddāyatanaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā; gandhāyatanaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā; rasāyatanaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā; phoṭṭhabbāyatanaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā)

3. Rūpāyatanaṃ, saddāyatanaṃ, gandhāyatanaṃ, rasāyatanaṃ, phoṭṭhabbāyatanaṃ mano-dhātuya taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ purejāta-paccayena paccayo.

4. Yaṃ rūpaṃ nissaya mano-dhātu ca mano-viññāṇa-dhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ mano-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ purejāta-paccayena paccayo; mano-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ kiñci-kāle purejāta-paccayena paccayo, kiñci-kāle na purejāta-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

Tiền Sanh Duyên là:

1. Nhãn xứ làm duyên hay là điều kiện cho nhãn thức giới và các tâm sở kết hợp của nó thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. (Nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ¹ làm duyên hay là điều kiện cho nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức, một cách tương ứng.)

2. Sắc xứ làm duyên hay là điều kiện cho nhãn thức giới và các tâm sở kết hợp của nó thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. (Thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên hay là điều kiện cho nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới và thân thức giới, một cách tương ứng.)

3. Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên hay là điều kiện cho ý giới và các tâm sở kết hợp của nó thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên.

4. Phụ thuộc vào một dạng sắc pháp cố định nào đó, ý giới và ý thức giới sanh lên. Sắc pháp này làm

¹ Nhãn xứ có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong con mắt nơi mà hình ảnh phản chiếu lên và rồi giúp chúng ta thấy được. Nhĩ xứ có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong lỗ tai nơi mà âm thanh tác động lên và rồi chúng ta nghe được. Tỷ xứ có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong lỗ mũi. Thiệt xứ có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trên cái lưỡi, và thân xứ có nghĩa là phần vật chất nhạy cảm trong cơ thể ngoại trừ đầu của những móng tay móng chân và phần ngoài của tóc.

Về sắc ý vật, thì thật ra nó không phải là trái tim, mà chỉ là phần máu trong trái tim. Chính xác hơn thì nó là phần vật chất sanh lên trong máu ở bên trong trái tim. Nó được gọi là sắc ý vật vì nó hoạt động như là chỗ dựa hay nơi nương tựa cho những suy nghĩ của chúng ta (trích từ Giáo Lý Duyên Khởi (Dependent Origination) của Sayadaw U Silānanda).

duyên hay là điều kiện cho ý giới đó và các tâm sở kết hợp với nó thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. Nó cũng làm duyên hay là điều kiện cho ý thức giới đó và các tâm sở kết hợp với nó một lần (có nghĩa là trong suốt đời sống, tức là trong thời bình nhật) thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên, và ở một lần khác (có nghĩa là tại thời điểm của tâm tục sinh) không thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên.

Ba Thời Điểm

Nội xứ hay vật là điều kiện tiên quyết cho tất cả các loại tâm và tâm sở (ngoại trừ bốn tâm tục sinh của các Phạm thiên vô sắc (Arūpa brāhma), tức là những vị không có thân xác vật lý). Như đã được nhắc đến trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp, tất cả danh và sắc pháp sanh lên và diệt đi và được thay thế bởi những pháp mới hơn tại từng thời điểm. Nếu những (ND: sắc) pháp mới là nhiều hơn về dung lượng và tốt hơn về chất lượng, thì chúng ta nhìn trẻ hơn và đẹp hơn trước, còn với dung lượng ít hơn và chất lượng kém hơn của những (ND: sắc) pháp mới, thì chúng ta sẽ trông già hơn và kém quyến rũ hơn. Đời sống của sắc pháp bằng mười bảy lần một sát-na tâm. Theo ý nghĩa này, các sắc pháp được nói là tồn tại mười bảy sát-na. Trong số những sát-na này, sát-na thứ nhất là sát-na sanh (uppādakkhana), và sát-na cuối cùng là sát-na diệt (bhaṅgakkhana), và thời gian của mười lăm sát-na ở giữa được gọi là những sát-na trụ (ṭhitikkhana).

Phần 1

Chỉ tại thời điểm trụ của chúng, năm nội xứ hay năm vật mới trở nên đủ mạnh để làm những nơi nương giác quan cho những tâm và các tâm sở tương ứng của

chúng, vì chúng quá yếu tại thời điểm sanh và không còn đủ mạnh nữa tại thời điểm diệt. Do đó, các tâm giác quan phải phụ thuộc hay nương tựa vào những nội xứ hay những vật mà đã sanh lên trước chúng từ một cho đến mười sáu sát-na. Như vậy, các nội xứ làm duyên hay là điều kiện cho tâm và các tâm sở tương ứng của chúng thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. Theo ngài Ledi Sayadaw (một trong những học giả vĩ đại nhất về Thắng Pháp (Abhidhamma) vào đầu thế kỷ thứ mười chín), các tâm trải đều ra xuyên suốt các sắc pháp của các nội xứ giống như phương thức của dòng điện chạy xuyên suốt qua một cỗ máy. Do đó, đối với thân xứ, ngài Ledi Sayadaw đã dạy rằng, khi chúng ta có sự đau nhức trong ngón chân cái chẳng hạn, thì tâm thân thức thọ khổ sẽ sanh lên vô số lần xuyên suốt cơ thịt của ngón chân cái.

Phần 2

Phần này thì giống như Cảnh Duyên. Tuy nhiên, các đối tượng giác quan như là các cảnh sắc (hình ảnh), cảnh thính (âm thanh), cảnh khí (khí mùi), vân vân, được gọi là “xứ” ở đây trong loại duyên này vì chúng phục vụ những tâm và những tâm sở tương ứng của chúng theo cùng phương thức. Thông qua tâm nhãn thức của mình, chúng ta có thể thấy cảnh sắc hiện tại mà đã sanh lên ít nhất là bốn sát-na tâm phía trước (xin hãy xem phần lộ trình tâm (vīthi) trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp). Như vậy, cảnh sắc (tức là sắc xứ) làm duyên hay là điều kiện cho tâm nhãn thức thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. Điều này cũng đúng cho cảnh thính (thính xứ), cảnh khí (khí xứ), cảnh vị (vị xứ) và cảnh xúc (xúc xứ).

Phân 3

Lộ tâm thấy (cakkhu-dvārika-vīthi) bao gồm cái chúng ta gọi là “ý giới”, tức là chỉ cho hai loại tâm: hướng ngũ môn (pañca-dvārā-vajjana) và một trong hai tâm tiếp thân (sampaṭicchana), mà đi trước và theo sau tâm giác quan (tâm nhãn thức, vân vân) một cách tương ứng trong lộ trình tâm. Như vậy, các ý giới (tâm hướng ngũ môn và tâm tiếp thân) được duyên lên bởi cảnh sắc mà đã sanh lên ít nhất là ba và năm sát-na tâm một cách tương ứng trước hai giới này thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên. Điều này cũng đúng cho những đối tượng còn lại, tức là những ngoại xứ còn lại. Để hiểu rõ hơn, chúng ta có thể xem hay kiểm tra lại với những lộ trình tâm được nhắc đến trong phân Kiến Thức Cơ Bản Về Thăng Pháp.

Ghi Chú: Một cảnh sắc quá khứ, vị lai hay được tưởng tượng ra thì có thể được thấy chỉ thông qua ý thức giới (tức hầu như là thứ mà chúng ta gọi là “các ý nghĩ”). Như vậy, chính thông qua các ý nghĩ của mình mà chúng ta nhớ lại rằng là có thấy cái gì đó hay ai đó mà đã xảy ra trong quá khứ, hoặc chúng ta tưởng tượng hay hình dung ra cái gì có thể xảy ra trong tương lai. Thông qua tâm tục sinh của mình, chúng ta có thể thấy một cảnh sắc mà chúng ta đã bắt trong lộ tâm cuối cùng trên giường bệnh (lúc tử) trong kiếp sống quá khứ của mình. Thông qua tâm trí được phát triển cao độ, tức là với năng lực của thiền, chúng ta có thể thậm chí thấy hầu như bất cứ cái gì của bất kỳ thời đại nào, nhỏ hay to, gần hay xa, tế hay thô.

Điều này cũng đúng cho những cảnh giác quan còn lại, tức là cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc trong quá khứ, trong tương lai hay được tưởng tượng ra.

Phần 4

Phần này liên quan đến và xử lý về vật nương của ý giới (mano-dhātu) và ý thức giới (mano-viññāṇa-dhātu). Ý giới nên được hiểu như đã được nhắc đến ở trên. Ý thức giới chỉ cho tất cả các tâm ngoại trừ ngũ song thức và ý giới. Đối với vật nương của ý giới và ý thức giới, phần Pāli trích dẫn như được nhắc đến ở trên chỉ đơn giản nói là: “Phụ thuộc vào một dạng sắc pháp nhất định, ý giới và ý thức giới sanh lên.” Nó không nhắc đến chính xác loại sắc pháp đó là gì.

Sớ giải giảng rằng đoạn văn trên chỉ cho các sắc pháp trong tim của chúng ta. Tuy nhiên, như đã được nhắc đến ở trước, trong thời đại này với việc thay tim thành công và với kiến thức hiểu biết sâu sắc hơn về các hoạt động của não bộ, một vài học giả Pāli có khuynh hướng hay thiên về việc chấp nhận não bộ làm vật nương (tức là sắc ý vật) cho các suy nghĩ của chúng ta cũng như cho tâm tục sinh và những tâm được phát triển cao độ. Cho dầu đó là trường hợp nào thì, theo sớ giải, sắc ý vật mà đã sanh lên từ một cho đến mười sáu sát-na tâm về trước sẽ làm duyên hay là điều kiện cho hai loại giới, tức là ý giới và ý thức giới, thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên.

Điều ngoại lệ ở đây là không có vật nào có thể làm duyên hay là điều kiện cho các tâm tục sinh (paṭisandhi) thông qua năng lực của Tiền Sanh Duyên, đơn giản vì không có vật nào có thể sanh lên trước tâm tục sinh, tức là sát-na tâm đầu tiên nhất trong đời sống của một chúng sanh.

Hậu Sanh Duyên (Pacchājāta-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7)

Pacchājāta-paccayo'ti pacchājātā citta-cetasikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājāta-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

Hậu Sanh Duyên là: Tâm và các tâm sở đi sau làm duyên hay là điều kiện cho thân xác đi trước thông qua năng lực của Hậu Sanh Duyên.

Ba Yếu Tố

a. Các yếu tố làm duyên: Bốn danh pháp đi sau (85 tâm và 52 tâm sở) đối với những chúng sanh ngũ uẩn trong thời bình sinh.

b. Các yếu tố được/bị duyên: Sắc pháp được tạo ra bởi một, hai, ba hay bốn nhân (tức là nghiệp (kamma), tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố), mà đã sanh lên cùng với tâm đi trước và đã đạt đến giai đoạn trụ, tức là thời điểm trụ.

c. Chế độ duyên: “a” duyên “b” thông qua năng lực của Hậu Sanh Duyên.

Thân xác của chúng ta bắt đầu tan rã tại lúc tử bởi vì lúc đó nó không còn được kết hợp với một tâm nào cả. Cho nên điều rõ ràng và hiển nhiên là thân xác này được duy trì và được hỗ trợ bởi tâm trí của chúng ta. Những trạng thái tinh thần tiêu cực như giận dữ, buồn phiền, lo âu, trầm cảm, vân vân, làm duyên cho những sắc pháp không lành mạnh, trong khi những trạng thái tinh thần

tích cực như tình thương và lòng từ ái thì làm duyên cho những sắc pháp lành mạnh. Điều không thể chối bỏ được là tâm trí của chúng ta có một tác động rất lớn vào thân xác của chúng ta. Theo Hậu Sanh Duyên, các sắc pháp trong cơ thể của chúng ta được duyên hay được duy trì bởi tâm trí của chúng ta mà sanh lên từ một cho đến mười bảy sát-na sau những sắc pháp đó.

Bốn Nhân Tạo Ra Sắc Pháp

Đối với hầu hết mọi người trong chúng ta, thân thể của chúng ta dường như là rắn chắc đến mức nó được nhận dạng một cách khẳng khít với chính bản thân mình. Chúng ta dành nhiều thời gian đứng trước gương để đoan chắc là thân thể của mình nhìn đẹp đẽ từ mọi góc cạnh. Kinh điển Pāli có dạy, giống như một cỗ xe ngựa được tạo thành từ nhiều bộ phận riêng lẻ, cơ thể của chúng ta cũng được tạo thành từ những phần riêng lẻ như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương và vân vân. Theo nghĩa chân đế, mỗi một phần của cơ thể được tạo thành từ nhiều sắc pháp mà được thay thế bởi những thành phần mới tại từng thời điểm. Những sự thay thế liên tục của chúng (ghana), tương tự như một ánh lửa của một cây đèn cây hay dòng chảy của một con sông, làm cho chúng có vẻ như là rắn chắc và thường hằng. Câu hỏi ở đây là: Cái gì tạo ra sự thay thế liên tục này? Có bốn nguyên nhân tạo ra sự thay thế, được thực hiện một cách liên tục và vô cùng tuyệt diệu: nghiệp (kamma), tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố.

Trong số bốn nguyên nhân này, nghiệp (kamma) sẽ được giải thích sau trong phần về loại duyên thứ mười một. Đối với loại nguyên nhân thứ hai, tức là tâm, chúng ta có thể trải nghiệm những hiện tượng vật chất và những thay đổi hóa học khác nhau được tạo ra do những

trạng thái tinh thần khác nhau. Ví dụ, một tâm trí buồn rầu tạo ra nước mắt trong mắt của chúng ta; một tâm trí vui vẻ tạo ra một nụ cười hạnh phúc; một tâm trí đói khát thì làm sanh ra nước bọt; và một tâm trí kích dục thì tạo ra những thay đổi khác về xác thân. Như vậy, tâm trí của chúng ta liên tục tạo ra những sắc pháp mới trong thân xác của chúng ta. Đối với thời tiết (tức là nhiệt lượng), thời tiết tốt rõ ràng đóng góp vào việc tạo nên một thân xác lành mạnh, và thời tiết xấu thì tương ứng làm cho thân xác không được lành mạnh. Trong trường hợp của dưỡng tố, có câu nói truyền miệng như sau: “Chúng ta ăn cái gì thì chúng ta thành cái đó”, ý muốn nói rằng thực phẩm hay dưỡng tố có trong nó sẽ quyết định chúng ta là ai. Tóm lại, thân xác của chúng ta tồn tại và diễn tiến do bởi bốn nguyên nhân này.

Đơn Nhân Và Đa Nhân

1. Các sắc pháp tạo lập nên sắc ý vật, năm giác quan, hai sắc giới tính, và sắc mạng quyền là sản phẩm của nghiệp (kamma) mà thôi. Các sắc biểu tri, tức là thân và ngũ biểu tri, được tạo ra do tâm mà thôi. Do đó, chúng được gọi là thực thể đơn nhân (ekaja-kāya).

2. Tiếng nói hay âm thanh được tạo ra do tâm và nhiệt lượng, và do đó được gọi là thực thể nhị nhân (dvija-kāya).

3. Sự nhẹ nhàng (khinh), nhu nhuyễn (nhu) và thích ứng (thích nghiệp) của cơ thể được tạo ra do ba nguyên nhân: nhiệt lượng, tâm và dưỡng tố, và do đó, được gọi là thực thể tam nhân (tija-kāya).

4. Tám sắc bất ly và không gian là thực thể bốn nhân (catuja-kāya).

Ba Tầng Hay Ba Cõi

Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), có ba tầng hay ba cõi: các tầng nhất uẩn, các tầng tứ uẩn và các tầng ngũ uẩn. Có những loại chúng sanh chỉ có thân xác mà không có danh uẩn nào cả. Những chúng sanh như vậy được gọi là Phạm thiên vô tướng (*asañña-satta*) và cõi hiện hữu hay cõi tồn tại của họ được gọi là cõi nhất uẩn. Một loại chúng sanh khác chỉ có bốn danh uẩn mà không có thân xác vật lý. Họ được gọi là Phạm thiên vô sắc (*arūpa*) và các cõi hiện hữu của họ là các cõi tứ uẩn. Tất cả những chúng sanh còn lại bao gồm người nhân loại, thú vật, thiên chúng (*deva*) và người địa ngục thì có năm uẩn và các cõi tồn tại của họ được gọi là các cõi ngũ uẩn (*pañcavokāra*). Loại duyên này chẳng có liên quan gì đến bất kỳ loại danh pháp nào thuộc vào bốn loại Phạm thiên vô sắc. Các tâm tham, chẳng hạn, chẳng có gì liên quan đến loại duyên này nếu chúng thuộc vào họ. Hơn thế nữa, bốn loại tâm tục sinh của họ chỉ là duy nhất đối với họ, và chẳng có gì liên quan đến loại duyên này. Do đó, nói chung, trong số 89 tâm, chỉ có 85 tâm là thuộc vào loại duyên này.

Phương Cách Duyên

Như vậy, các sắc pháp được tạo ra một cách tương ứng bởi một, hai, ba hay bốn nguyên nhân. Và chúng được làm tươi mới và được duy trì tại thời điểm trụ của chúng do bởi tâm và các tâm thức đi sau, vốn sanh lên từ một đến mười sáu sát-na tâm sau đó, thông qua năng lực của Hậu Sanh Duyên.

Trùng Dục Duyên (Āsevana-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7)

Āsevana-paccayo'ti

1. purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ
pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ
āsevanapaccayena paccayo

2. purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ
pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ
āsevanapaccayena paccayo

3. purimā purimā kiriyā-byākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyā-byākatānaṃ
dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo

Phân Chuyên Ngữ

Trùng Dục Duyên là:

1. Các pháp thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp thiện đi sau thông qua năng lực của Trùng Dục Duyên.

2. Các pháp bất thiện đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp bất thiện đi sau thông qua năng lực của Trùng Dục Duyên.

3. Các pháp vô ký duy tác đi trước làm duyên hay là điều kiện cho các pháp vô ký duy tác đi sau thông qua năng lực của Trùng Dục Duyên.

Tâm Thức Đầy Đủ Mà Được Gọi Là “Đồng Lực” (Javana)

Loại duyên này thật ra bao gồm Vô Gian Duyên, nhưng ở đây, chúng ta đặc biệt xử lý hay bàn về đồng lực (javana), tức là tâm năng động một cách hoàn toàn. Chúng là những tâm có trách nhiệm hoàn toàn cho tất cả những hành động của chúng ta đâu đó là thiện hay bất thiện, và cho toàn bộ di sản tinh thần của chúng ta như là nghiệp (kamma), ba-la-mật (pāramī), tiềm miên (anusaya), vân vân, vốn đã được nhắc đến trong Vô Gian Duyên. Các trạng thái tinh thần của một vị A-la-hán (tức là bậc đã giác ngộ hoàn toàn), mặc dầu luôn luôn là tốt đẹp, nhưng lại được gọi là duy tác (kriyā) vì chúng không để lại bất kỳ di sản tinh thần nào ở sau do bởi vị A-la-hán không còn sự tái sanh nào nữa.

Chính thông qua những đồng lực này chúng ta thực hiện đủ loại hành động. Ví dụ, giả sử chúng ta đang lái xe đi đâu đó để làm một cái gì đó hay để gặp một ai đó. Việc lái xe của chúng ta là thiện ở thời điểm tâm đồng lực được kết hợp với vô tham, vô sân và vô si, nhưng nó lại là bất thiện ở thời điểm tâm đồng lực được kết hợp với ham muốn, ích kỷ, sân hận (giận dữ, ganh tỵ, ác tâm) và si mê. Nói một cách khác, tại mỗi thời điểm có sự sanh lên của các trạng thái tinh thần khác nhau, và việc lái xe của chúng ta có thể là thiện tại một thời điểm và là bất thiện ở thời điểm kế tiếp. Cho đâu nó là gì đi nữa thì các tâm đồng lực (javana) là những lực đẩy thật sự đằng sau tất cả các hành động của chúng ta, mà luôn luôn để lại một di sản tinh thần ở phía sau.

Đồng lực (javana) mà có liên quan trong các hoạt động hằng ngày của chúng ta thì hầu hết lặp lại sáu hay bảy lần trong một lộ tâm (citta vīthi). Một lộ tâm như

vậy có thể lặp lại một ngàn lần trong vòng một giây đồng hồ ngắn ngủi. Cho nên, một số lượng vô kể những lộ tâm có liên quan trong từng hành động mà chúng ta thực hiện. Được hỗ trợ bởi đồng lực (javana) đi trước, các đồng lực đi sau trở nên mạnh hơn và mạnh hơn. Cho nên, trong số bảy sát-na đồng lực (javana) của một lộ tâm, sát-na cuối cùng được hỗ trợ nhiều nhất và có năng lực đến mức nó có thể cho quả thành tâm tục sinh trong kiếp sống kế liền sau khi chết trừ phi nó bị lấn áp bởi bất kỳ yếu tố tương ứng nào mạnh hơn. Do không nhận được sự hỗ trợ từ bất kỳ đồng lực (javana) nào đi trước, đồng lực đầu tiên yếu đến mức nó không cho quả tái sinh nào, nhưng nó vẫn có thể hỗ trợ cho sự may mắn hay bất hạnh của chúng ta trong kiếp sống này; tuy nhiên, (hầu như là) nó sẽ bị lấn áp bởi những đồng lực (javana) mạnh hơn. Năm đồng lực (javana) ở giữa được lưu giữ cho đến khi chúng có cơ hội cho quả tương ứng của chúng, hoặc chúng sẽ trở nên vô hiệu khi chúng ta trở thành bậc A-la-hán. Như vậy, những đồng lực (javana) đi trước làm duyên hay là điều kiện cho những đồng lực đi sau thông qua năng lực của Trùng Dụng Duyên.

Ba Yếu Tố Của Trùng Dụng Duyên

a. Các yếu tố làm duyên: Những đồng lực (javana) đi trước và những tâm sở kết hợp với chúng.

b. Các yếu tố được/bị duyên: Những đồng lực (javana) đi sau và những tâm sở của chúng.

c. Chế độ duyên: “a” làm duyên hay là điều kiện cho “b” thông qua năng lực của Trùng Dụng Duyên.

Nghiệp Duyên (Kamma-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7)

Kamma-paccayo'ti

• Kusalākusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kamma-paccayena paccayo

• Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ kamma-paccayena paccayo

Phần Chuyển Ngữ

Nghiệp Duyên là:

• Các nghiệp (kamma) thiện và bất thiện làm duyên hay là điều kiện cho các uẩn quả và sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo thông qua năng lực của Nghiệp Duyên.

• Tâm sở tư làm duyên hay là điều kiện cho các tâm sở được kết hợp với nó và sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Nghiệp Duyên.

Có hai loại nghiệp (kamma):

1. Dị thời nghiệp (nānakkaṇṭhika kamma), tức là tâm sở tư trong quá khứ tiềm ẩn cho đến lúc các điều kiện thuận lợi được hội đủ cho nó sản sinh ra kết quả của nó.

2. Câu sanh nghiệp (sahajāta kamma), tức là tâm sở đương thời làm duyên hay là điều kiện cho tâm đi cùng của nó và các tâm sở sanh lên cùng với nó.

Chúng ta sẽ giải thích ở đây loại thứ nhất mà thôi vì loại thứ hai cơ bản là giống như Câu Sanh Duyên (tức là loại duyên thứ sáu).

Nghiệp (Kamma) Là Gì

Nghiệp (kamma) có nghĩa đen là hành động. Nhưng cái chủ ý đằng sau một hành động mà được miêu tả là nghiệp (kamma) thì giống như người tài xế, tức được xem là chịu trách nhiệm hoàn toàn về bất cứ điều gì được thực hiện trong quá trình lái xe của mình. Luôn luôn có những chủ ý thiện đằng sau tất cả những hành động thiện của chúng ta như các hoạt động bố thí, trì giới, vân vân. Nói một cách khác, một hành động được xem là thiện nếu nó có liên quan đến chủ ý thiện được liên kết với những tâm sở thiện như vô tham, vô sân, vô si, vân vân. Ví dụ, giả sử chúng ta muốn đóng góp vào một nhóm làm từ thiện do hiểu biết được những việc tốt nó thực hiện cho mọi người. Với mục đích này, chúng ta làm việc chăm chỉ và để dành đủ tiền để đóng góp làm từ thiện. Sau cùng, chúng ta viết ngân phiếu và gửi cho nhóm từ thiện đó. Trong trường hợp này, có vô số chủ ý thiện được liên quan trong mỗi hành động chúng ta đã làm từ việc lái xe đi làm cho đến việc gửi ngân phiếu đến cho tổ chức làm từ thiện. Tất cả những chủ ý (những tâm sở tư) này, giống như những tâm sở khác, sẽ sanh lên và diệt đi cùng với những hành động của chúng ta. Nhưng mỗi một trong số chúng sẽ để lại một dạng năng lượng nào đó ở phía sau mà sẽ tiềm ẩn trong tiến trình tâm thức của chúng ta và được gửi truyền từ sát-na tâm này đến sát-na tâm khác và từ kiếp sống này đến kiếp sống khác. Chúng có thể cho kết quả của chúng khi các điều kiện được hội đủ hoặc trở nên vô hiệu khi chúng ta trở

thành bậc A-la-hán và không còn sự tái sanh nào khác nữa.

Điều này cũng đúng cho những chủ ý bất thiện mà luôn luôn có liên kết với những trạng thái tinh thần bất thiện như ích kỷ, giận dữ, sân hận, ganh tỵ, si mê, vâng vâng, và luôn luôn dẫn đến những hành động bất thiện như sát sanh, trộm cướp, và vâng vâng. Khi chúng biến mất, những năng lượng của chúng tiềm ẩn trong tiến trình tâm thức của chúng ta và làm sanh lên những kết quả bất thiện khi các điều kiện được hội đủ. Đó là lý do tại sao trong phụ số giải của Thắng Pháp (Abhidhamma), tức là tài liệu Saṅgaha Bhāsāṭīkā, có dạy như sau:

Santānetam kammaṃ nāma, na nirujjhati sabbaso
Savisesaṃ nidhetvāna, samayamhi vipaccitum

Cái được gọi là nghiệp (kamma) không bao giờ biến mất hoàn toàn khỏi từ bên trong chúng ta.

Khi nó biết mất, nó để lại ở sau năng lượng đặc biệt của nó mà sẽ chín muồi khi các điều kiện hội đủ.

Tuy nhiên, nghiệp (kamma) không thể được tìm thấy ở một nơi nào cả như trong trường hợp của sắc pháp, nhưng nó tự thể hiện ra khi các điều kiện hội đủ để nó cho quả. Đó là lý do tại sao trong Milinda-pañhā có ghi lại rằng:

Vua Milinda đã hỏi ngài Nāgasena: “Bạch ngài, nghiệp (kamma) thì ở đâu?”

“Thưa bệ hạ,” ngài Nāgasena đã trả lời, “nghiệp (kamma) không được tồn trữ ở một nơi nào cả trong dòng tâm thức hoại diệt một cách nhanh chóng này cũng như trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể. Nhưng phụ

thuộc vào danh và sắc, nó tiềm ẩn và rồi tự thể hiện ra tại thời điểm thuận lợi hay thích hợp, giống như những trái xoài không được nói là được tồn trữ ở một nơi nào đó trong cây xoài, nhưng phụ thuộc vào cây xoài, chúng sẽ nảy sinh ra vào đúng mùa vụ.”

Nghiệp (Kamma) Mang Lại Cho Chúng Ta Tài Sản Và Sức Khỏe Như Thế Nào

Khi bàn về các quy luật vật lý, Newton đã phát biểu rằng: “Mọi lực đều có một phản lực ngược chiều và bằng với nó.” Lý thuyết này có thể được áp dụng trong lãnh vực đạo đức. Ví dụ, giả sử chúng ta giúp đỡ một ai đó với chủ ý của lòng từ, hoặc làm tổn thương người đó với một chủ ý độc ác. Hệ quả tất yếu của bất kỳ một trong hai hành động này là có một phản lực khác mang tính nghiệp lực tương đương như vậy, tức là một nghiệp quả. Điều đã được ghi nhận từ lâu là, cách tốt nhất để giúp đỡ chính bản thân là giúp đỡ những người khác. Có câu nói truyền miệng rằng: “Chúng ta gặt cái chúng ta gieo.” Theo quy luật tự nhiên, các hành động tốt đẹp sẽ mang lại các kết quả tốt đẹp và các hành động ác xấu sẽ mang lại kết quả ác xấu. Tuy nhiên, nghiệp (kamma) thì không phải là một thứ gì đó có thể nhìn thấy được hoặc đụng chạm được như là một vật thể. Cách thức mà nghiệp (kamma) của chúng ta mang lại tài sản và sức khỏe cho chúng ta thì không nên được hình dung theo kiểu như chúng ta được ban tặng một thau đầy những đồng tiền vàng từ tay một vị thiên thần xinh đẹp. Tuy nhiên, là kết quả của nghiệp (kamma) tốt, chúng ta có thể có được những ý tưởng tốt đẹp mà có thể mang lại cho chúng ta một cái gì đó thậm chí có giá trị hơn cả hàng ngàn đồng tiền vàng; hoặc chúng ta “tình cờ” gặp một ai đó có thể

giúp chúng ta hoàn thành những ước muốn của mình. Mặt khác, là kết quả của nghiệp (kamma) xấu, chúng ta “tình cờ” có những ý tưởng sai lầm và đưa ra những quyết định tai hại, hoặc gặp một người không thành thật, hoặc bỏ lỡ những cơ hội tốt đẹp. Do đó, về điểm này, trong kinh văn Pāli (Vajīra-buddhi 69) có ghi nhận:

Kammaparādha-sattānaṃ, vināse paccupaṭṭhite
Anayo naya-rūpen, buddhiṃ akkamma tiṭṭhati.

Khi thời điểm đến để làm cho một người có nghiệp ác xấu bị suy hại,

Các ý tưởng sai lầm sẽ dường như là đúng đối với ông ta hay bà ta, tức là đi ngược lại với kiến thức hiểu biết của ông ta hay của bà ta.

Thông thường, chính do nghiệp (kamma) tốt mà một người được sanh ra thông minh và có cuộc sống sung túc và được giáo dục tốt và cao. Theo thời gian, ông ta có thể có được một công việc với lương bổng cao, một sự nghiệp thành công hay một địa vị cao trọng. Như vậy, ông ta hay bà ta có khả năng tận hưởng hay trải nghiệm những hình ảnh xinh đẹp, những âm thanh dịu dàng, những khí mùi ngát hương, những thực phẩm ngon ngọt, những sự đụng chạm êm dịu và bất cứ cái gì tốt đẹp khác. Trong trường hợp này, nghiệp (kamma) được xem là mang lại cho chúng ta tài sản và sức khỏe dưới hình thức của một dòng dõi thiện lành và một môi trường lành mạnh. Tất cả những điều này là do năng lực của nghiệp (kamma) duyên. (Theo nghĩa chân đế, sự tục sinh làm nhân loại là một trong tám tâm quả đại thiện và thấy cảnh đẹp, vân vân, thì chỉ cho tám tâm quả thiện vô nhân.)

Sự tục sanh làm người nhân loại được xem là kết quả của các hành động thiện lành. Tuy nhiên, tất cả chúng ta sinh ra với những điều kiện về dòng giống khác nhau và trưởng thành trong những xã hội và môi trường khác nhau. Cho nên, chẳng có gì lạ rằng mỗi chúng ta có những tính cách khác nhau và có những tài năng riêng biệt. Một vài trong số chúng ta thì may mắn hơn những người còn lại. Một vài trong số chúng ta có tài năng, trong khi những người còn lại thì không có. Một vài người thì may mắn có được những thứ như sự giáo dục, công ăn việc làm, thực phẩm, nơi trú ngụ, quần áo, bạn bè, bạn khác giới, thân quyến, sư thầy, chủ tớ và vân vân. Ví dụ, trong trường hợp của công ăn việc làm, một vài trong số chúng ta có thể thành đạt làm chủ nơi buôn bán xe, những người khác làm môi giới buôn bán đất đai nhà cửa, và vân vân. Các tiểu sử và sử liệu về loài người thường chỉ ra rằng, thông qua nhiều đường lối hay những phương cách khác nhau, chúng ta được định đặt để trở thành cái chúng ta ngày nay. Tóm lại, nghiệp (kamma) của chúng ta được cho là có trách nhiệm hoàn toàn về sự kế thừa của chúng ta và có trách nhiệm một phần về môi trường sống và hoạt động của chúng ta (tức là những điều sau có thể được cải thiện thông qua kiến thức và sự nỗ lực của chúng ta).

Nghiệp (Kamma) Và Sự Tái Sanh

Để hiểu được quy luật của nghiệp (kamma), điều quan trọng là chúng ta phải tin vào việc có sự sống sau khi chết. Có khá nhiều nghiên cứu khoa học chứng minh khả năng tồn tại của sự tái sanh. Việc tìm thấy một người nào đó nhớ lại được kiếp sống quá khứ của họ một cách không chối cãi được là một chuyện bình thường.

Tuy nhiên, hiểu biết về một câu chuyện đáng ghi nhận có liên quan đến Đức Phật mà đã xảy ra vào thời Ngài còn tại tiền thì rất có lợi ích. Một buổi sáng nọ, Đức Phật dùng chân để nhận đồ khất thực tại nhà của một gia đình giàu có ở Sāvatti trong lúc chủ nhà, có tên là Bà-la-môn Subha, đi vắng. Một con chó lớn đã chạy ra và sủa một cách giận dữ đến Đức Phật. Đức Phật đã nói với nó như sau: “Todeyya, nhà ngươi vẫn hung hăng đối với ta như trước đây.” Con chó lập tức ngừng sủa và chạy lại vào nhà một cách xấu hổ. Rồi nó nằm bẹp cả ngày trong góc bếp với một gương mặt buồn thảm. Khi Bà-la-môn Subha quay về và được thuật lại sự việc đó, ông đã rất giận dữ với Đức Phật đến mức ông đã đi đến tự viện ngay và chỉ trích Đức Phật đã gọi con chó là Todeyya, tức là tên của cha của ông. Ông nói rằng cha của ông đã tái sanh vào cõi Phạm thiên (Brahma) ngay sau khi chết. Nhưng Đức Phật đã khẳng định rằng con chó đó là cha của ông trong kiếp sống trước của nó.

Để chứng minh điều đó, Đức Phật đã hỏi Subha là ông có đang lạc mất thứ gì mà ông đứng ra là được kế thừa từ cha của mình không. Subha thừa nhận là ông đã lạc mất một bông hoa vàng, một đôi giày vàng, một cái lọ vàng và một trăm ngàn đồng tiền vàng. Đức Phật đã khuyên ông nên cho con chó ăn cháo sữa và để cho nó buồn ngủ, rồi hãy hỏi nó vị trí mà nó cất giấu những thứ Subha đã lạc mất. Khi ông Bà-la-môn làm theo như được chỉ dạy, con chó đã lên tiếng ra dấu hiệu cho ông đi theo nó đến nơi dưới một gốc cây và ông đã đào bới được mọi thứ mà ông đã bị mất. Bất ngờ và bị thuyết phục bởi sự kiện này, ông đã quy y Đức Phật và đã hỏi về việc tại sao mọi người khác nhau trong mười bốn khía cạnh (Upari-panṇāsa Aṭṭhakathā 175-6). Các câu giải đáp cho những câu hỏi của ông được tóm lược như sau:

1. Do sát sanh mà một người có đời sống yếu thọ.
2. Do kiêng tránh việc sát sanh mà một người có đời sống trường thọ.
3. Do đánh đập người khác mà một người ốm yếu.
4. Do kiêng tránh việc đánh đập người khác mà một người mạnh khỏe.
5. Do giận dữ mà một người xấu xí.
6. Do kiên nhẫn mà một người đẹp đẽ.
7. Do ganh tỵ mà một người sống cô độc.
8. Do không ganh tỵ mà một người có nhiều bạn bè và thân quyến.
9. Do keo kiệt mà một người nghèo khó.
10. Do phóng khoáng mà một người giàu có.
11. Do ngạo mạn mà một người sanh vào dòng dõi thấp kém.
12. Do khiêm tốn mà một người sanh vào dòng dõi cao sang.
13. Do biết lắng nghe và ham học mà một người hiểu biết và khôn ngoan.
14. Do thiếu lắng nghe và thiếu ham học mà một người thiếu hiểu biết.

(Upari-paṭṭāsa Pāli 243-9)

Các Sự Phân Loại Nghiệp (Kamma)

Để hiểu được những vai trò khác nhau mà các loại nghiệp khác nhau thể hiện trong đời sống của mình,

chúng ta cần phải học một vài sự phân loại nghiệp (kamma).

Ở đây, chúng ta sẽ lấy câu chuyện về Vua Asoka¹ làm ví dụ. Asoka là một trong những vị vua vĩ đại nhất trong lịch sử của Ấn Độ và của thế giới. Ông đã thống trị toàn bộ Ấn Độ sau khi sát hại các anh em kình địch của mình và hàng trăm ngàn người trong cuộc chiến cuối cùng của mình để chiếm lấy địa phận Kalinga. Tuy nhiên, sau này, ông đã thay đổi và trở thành một vị trợ Pháp đặc lực không ai bằng của giáo hội Tăng-già và Giáo pháp (sāsana) của Đức Phật. Ông cũng được biết đến là một vị vua của Công Lý và là một vị trợ giúp cực kỳ tốt bụng cho dân chúng trong vương quốc của ông. Tuy nhiên, vào những ngày cuối đời của ông, sự tranh giành quyền lực giữa những người sẽ thừa nhiệm ông đạt đến đỉnh điểm, và ông đã bị bỏ rơi trên giường bệnh với chỉ một nữ thị giả và trong tay chỉ có một nửa trái cây thuốc để chữa bệnh. Vốn đã từng được kính cẩn và tôn sùng là một đế vương, lúc bấy giờ ông mới đau đớn nhận ra rằng một nửa trái cây thuốc là tất cả những gì ông sở hữu tại thời điểm sau cùng đó. Điều được ghi nhận lại là ông đã qua đời trong sự uất hận và đau khổ và đã tái sanh làm một con rắn. Tuy nhiên, sau một tuần, con rắn đó đã chết đi và tái sanh trở lại vào cõi trời Tam Thập

¹ Ashoka (304 BCE – 232 BCE) là một vị vua người Ấn Độ của triều đại Maurya, thống trị từ năm 273 trước Tây lịch cho đến năm 232 trước Tây lịch. Thường được ghi nhận là một trong những vị vua vĩ đại nhất của Ấn Độ cũng như trên toàn thế giới, Ashoka đã thống trị hầu như toàn bộ nước Ấn Độ (như ngày nay) sau một vài cuộc chinh phạt. Vương quốc của ông kéo dài từ Pakistan (như ngày nay), Afghanistan ở phía Tây cho đến Bangladesh (như ngày nay) và các địa phận Assam của Ấn Độ ở phía Đông, và xuống tận phía Nam tại khu vực Brahmagiri ở Karnataka. (Wikipedia, Google)

Tam (Tāvatisā). Liên quan đến câu chuyện này, chúng ta có thể đặt ra những câu hỏi như sau:

- Nghiệp (kamma) gì đã làm cho ông được sanh vào một gia đình cao quý như vậy và rồi trở thành một vị đế vương hùng mạnh nhất của Ấn Độ?

- Tại sao ông lại kết thúc cuộc đời trong một hoàn cảnh đầy đau khổ như vậy trong khi ông đã tích trữ được rất nhiều phước báu từ việc phục vụ và hỗ trợ cho Tăng chúng của Đức Phật?

- Tại sao một nghiệp bất thiện nhỏ như sự uất hận của ông lại chiếm ưu thế trên những nghiệp thiện và bất thiện rất lớn khác để dẫn ông đi tái sanh làm một con rắn?

- Nghiệp bất thiện cực kỳ lớn của ông đã đi đâu khi mà ông đã được tái sanh lên cõi trời?

Bốn Chức Năng Của Nghiệp (Kamma)

Một nghiệp có thể thực hiện bốn chức năng, tức là sản sanh, hỗ trợ, chống phá và đoạn diệt (ND: tức là sanh nghiệp, trì nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp). Nghiệp (kamma) thiện và bất thiện cho ra những sự tái sanh hạnh phúc và đau khổ, một cách tương ứng. Chúng cũng hỗ trợ cho nghiệp (kamma) cùng loại, và chống phá và đoạn diệt nghiệp đối nghịch.

Cơ bản là vua Asoka, giống như mọi người khác, đã có tích trữ vô số loại nghiệp thiện cũng như bất thiện trong vòng luân hồi của ông. Do đó, để tạo ra một sự tục sinh hoàn mỹ như của ông, một trong những nghiệp (kamma) thiện của ông đã phải chiếm được ưu thế so với nhiều nghiệp (kamma) bất thiện của ông. Đây được gọi

là sanh nghiệp (janaka kamma). Bên cạnh đó, ông cũng đã phải có nhiều nghiệp (kamma) thiện khác hỗ trợ (upa-thambhaka) cho sanh nghiệp (kamma) thiện này, chống phá (upa-pīlaka) và đoạn diệt (upa-ghāta) những nghiệp (kamma) bất thiện của ông bằng việc bảo vệ ông một cách tốt đẹp khỏi nhiều loại hiểm nguy và kẻ thù, làm cho ông trở thành một trong những vị vua vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới. Tuy nhiên, tại thời điểm cuối cùng của cuộc đời, ông đã trở nên vô lực và tất cả những gì ông sở hữu lúc đó chỉ là một nửa trái cây thuốc trong tay của ông. Điều này có nghĩa là các nghiệp (kamma) bất thiện của ông đã can thiệp vào để chống phá và đoạn diệt sanh nghiệp (kamma) thiện của ông. Dĩ nhiên, việc tái sanh làm con rắn phải được quy kết cho nghiệp (kamma) bất thiện, tức là sự uất hận của ông trên giường bệnh. Những điều này là cách thức nghiệp (kamma) thiện đã làm cho ông trở thành một vị đại đế như thế nào, và cách thức các nghiệp bất thiện đã can thiệp vào để tạo ra cho ông một cái chết đau đớn và một sự tái sanh vào khổ cảnh như thế nào.

Bốn Loại Nghiệp (Kamma) Theo Thứ Cấp Về Hiệu Lực

Có bốn loại nghiệp (kamma) được sắp xếp thứ cấp dựa trên hiệu quả của chúng tại thời điểm tử của một chúng sanh.

- Loại có hiệu lực trước nhất là Trọng Nghiệp (garuka), chỉ cho những nghiệp thiện định (jhanic kamma), và năm nghịch đại tội trong trường hợp của các nghiệp (kamma) bất thiện, tức là giết mẹ, giết cha, giết vị A-la-hán, làm tổn thương Đức Phật và chia rẽ Tăng chúng (Saṅgha).

- Loại có hiệu lực kế tiếp là Cận Tử Nghiệp (āsanna), tức là nghiệp (kamma) mà một người thực hiện ngay trước khi chết. Nó có khuynh hướng cho quả khi có sự vắng mặt của trọng nghiệp để làm duyên hay tạo điều kiện cho kiếp sống kế tiếp sau khi chết.

- Loại có hiệu lực tiếp theo là Thường Nghiệp (āciṇṇaka). Đây là nghiệp (kamma) mà một người thực hiện như một thói quen hay có tính lặp lại. Nó có thể mang lại sự tái sinh khi vắng mặt hai loại nghiệp trên.

- Loại thứ tư là Khinh Thiểu Nghiệp (kaṭattā), tức là chỉ cho tất cả các nghiệp còn lại không được bao gồm trong ba loại nghiệp trên. Cái này thì giống như là một quỹ lưu trữ của từng mỗi chúng sanh.

Tính theo sự phân loại này thì nghiệp (kamma) có liên quan đến sự uất hận là Cận Tử Nghiệp mà vua Asoka đã có trên giường bệnh của mình. Mặc dầu yếu hơn những nghiệp (kamma) khác rất nhiều, nhưng nó đã có hiệu lực trong việc đưa ông đi tục sinh làm rắn sau khi chết. Việc tái sinh vào thiên giới sau cái chết của con rắn thì hiển nhiên là do nghiệp (kamma) thiện của ông, tức là những phước thiện ông đã làm rất nhiều đến Tăng chúng và cũng như cho thần dân của ông. Câu hỏi ở đây là: Những việc bất thiện ông đã làm trước đó thì đi đâu khi mà ông đã tái sinh vào thiên giới? Câu trả lời là: Những nghiệp (kamma) đó được xếp loại vào Hậu Báo Nghiệp hay là nghiệp tồn trữ; nó sẽ cho quả khi các điều kiện được hội đủ trước khi ông trở thành bậc A-la-hán. Thậm chí Đức Phật cũng đã phải trả giá cho những việc bất thiện mà Ngài đã thực hiện trong những kiếp sống quá khứ.

Vị đại đế đã biến chuyển thành con rắn như thế nào? Không phải linh hồn của vị đại đế hay một cái gì đó

được chuyển đời từ thân xác con người vào thân xác con rắn. Vị đại đế và con rắn không phải là giống nhau nhưng cũng không phải là khác nhau. Như đã được nhắc đến ở trước, ví dụ, chúng ta chỉ nặng có vài pound¹ khi chúng ta mới chào đời, nhưng bây giờ chúng ta có thể là nặng hơn 100 pound. Chúng ta không thể nào là cùng một người như khi chúng ta mới sinh ra vì chúng ta đã thay đổi hoàn toàn trong mọi khía cạnh từ lúc chào đời. Nhưng chúng ta cũng không thể được xem là một người hoàn toàn khác biệt vì cái chúng ta lúc đó đã tiếp tục thay đổi và diễn tiến theo dòng nghiệp lực để thành cái chúng ta ngày nay.

Trong Visuddha-magga-2, 188 có nói, đời sống sau khi chết thì được so sánh với mối quan hệ giữa cây và hạt giống mà nó mọc ra từ đó. Cây thì không khác với hạt giống vì nó thuộc vào tiến trình phát triển của hạt giống, và cũng không giống với hạt giống vì hoàn toàn khác với hạt giống về mặt màu sắc, kích thước, hình thể, trọng lượng và vân vân. Trong vấn đề liên quan đến các sắc pháp này, vô số các nhân tố dự phần vào tiến trình biến đổi này. Hơn nữa, nếu hạt giống hoặc cái cây đó được/bị chỉnh sửa về mặt di truyền học, thì chúng sẽ trở nên khác đi trong nhiều mặt so với cái mà chúng đã là trước đây. Cũng theo cách này, vị đại đế và con rắn thì không là một vì không có sự tồn tại của một linh hồn trường cửu di chuyển từ đời sống này sang đời sống khác, và cũng không là khác nhau vì cả hai (tức là vị đại đế và con rắn) thuộc vào cùng một tiến trình danh sắc. Khi tiến trình danh sắc của chúng sanh này được/bị chuyển đổi do nghiệp, vị vua đã bị chuyển đổi từ một người nhân loại thành một con rắn do nghiệp (kamma)

¹ ND: 1 pound = 0.45 kg

xấu của ông, và từ một con rắn thành một thiên nhân do bởi nghiệp (kamma) tốt của ông.

Nghiệp (Kamma) Có Thể Được Chuyên Đổi

Tuy nhiên, theo lời dạy của Đức Phật, số phận của chúng ta thì không phải hoàn toàn được định đặt bởi nghiệp (kamma) của mình vì nó có thể được chuyển đổi do bởi sự hiểu biết và nỗ lực của chúng ta (cả hai được gọi chung là “payoga”). Như đã được nhắc đến ở trước, hạt giống có thể được chỉnh sửa về mặt di truyền học trong quá trình mọc lên phụ thuộc vào các điều kiện như là đất, nước, ánh sáng mặt trời, vân vân. Cũng theo cách này, thông qua “payoga” của mình, chúng ta có thể chỉnh sửa được nghiệp (kamma) của mình. Nói một cách khác, chúng ta có thể cải thiện được sự may mắn của mình với nỗ lực khôn khéo. Đó là lý do tại sao trong số giải có ghi lại rằng:

Nghiệp (kamma) được Chư Phật miêu tả như là một nền móng. Để đạt được sự thịnh vượng và sức khỏe trong cánh giới nhân loại, kiến thức và sự nỗ lực cũng được đòi hỏi.

Có một câu chuyện bốn sanh (Jātaka) về ba con cá để minh họa cho việc nghiệp (kamma) của một người cùng vận hành với nỗ lực và sự hiểu biết của người đó như thế nào. Một ngày nọ, một ngư dân bắt được ba con cá. Một trong số những con cá tin vào nghiệp (kamma). Nó không cố gắng nỗ lực để thoát chết mà chỉ nằm đó trên chiếc tàu vì nó tin rằng, nếu nó may mắn, nó sẽ thoát chết mà không cần thiết phải làm gì khác. Con cá thứ hai tin vào việc nỗ lực cố gắng. Nó tin rằng, nếu nó nỗ lực cố gắng đúng mức, nó sẽ thoát chết. Cho nên, nó

cố gắng hết sức để thoát chết bằng cách nhảy lên nhiều lần. Người ngư dân trở nên bực mình (vì chuyện đó) đến mức ông đập nó chết. “Kẻ chỉ tin vào sự nỗ lực vượt bực” tội nghiệp đó đã bị giết chết tại chỗ. Con cá thứ ba thì rất thông minh. Nó tin rằng sự hiểu biết và nỗ lực thì cần thiết cho sự thành công. Nó đã đợi cho đến thời điểm đúng đắn để nhảy khỏi tàu. Ngay lúc con tàu nghiêng sang một bên, nó bung người ra và tranh thủ thoát được. “Kẻ chỉ tin vào nghiệp lực” (theo quan điểm số phận) đã bị nấu chín làm thức ăn cho người vợ của người ngư dân.

Như vậy, nghiệp (kamma) quá khứ có thể được cải thiện bằng nghiệp (kamma) hiện tại. Khi nghiệp (kamma) tốt trong quá khứ của chúng ta trở nên yếu đi, chúng ta thường có cảm nhận rằng chúng ta hay mắc lỗi này đến lỗi khác, hay chúng ta có thể mắc bệnh thường xuyên hơn trước đây, hoặc chúng ta có thể bị đuổi việc, hay trở thành nạn nhân của trộm cướp, và vân vân. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể xoay sở để hỗ trợ hay tăng cường nghiệp (kamma) tốt trong quá khứ của mình bằng cách thực hiện những nghiệp tốt mới, như thực hành bố thí (dāna), phát triển tâm từ (mettā), xuất gia gieo duyên, tham dự khóa thiền và vân vân. Phật tử tại Miến Điện, khi bị bệnh thường xuyên hơn và nghiêm trọng hơn trước đây, thì họ làm những việc thiện như cúng dường vitamin và thuốc men đến các tu sĩ và người bệnh hay người già, và chăm sóc họ, và vân vân. Nếu họ gặp nguy hiểm, thì họ phóng sanh chim hoặc mua bò trong các nhà mổ và thả chúng được tự do và vân vân. Chúng ta chắc chắn đã tích trữ nhiều loại nghiệp trong vòng luân hồi của mình. Do đó, bằng cách làm những việc tốt và đúng đắn trong kiếp sống này, chúng ta có thể giúp cho các nghiệp (kamma) tốt trong quá khứ của mình trở nên có lợi thế hơn đối với những việc không may mắn trong hiện tại.

Sayadaw U Setṭhila (Thittila) là một tu sĩ Phật giáo đã gặp khá nhiều khó khăn để hoàn thành việc truyền bá giáo pháp tại Anh quốc (từ 1938 đến 1952). Nhiều người đã nhắc đến ngài về việc ngài đã áp dụng quy luật nghiệp báo này trong việc cố gắng hoàn thành những ước muốn của mình như thế nào. Ngài đã biên soạn và tụng niệm câu kệ Pāli dưới đây để kích hoạt năng lực của những nghiệp thiện (kusala-kamma) của mình để giúp hoàn thành những mục đích do Ngài đề ra:

Atīte vattamāne ca, yaṃ puññaṃ pakataṃ mayā

Idheva tassa paccakkhe, vipāko me vipaccatu.

Bất kỳ phước thiện nào tôi đã làm trong quá khứ và trong hiện tại,

Nguyện cho chúng mang lại kết quả cho tôi tại đây và ngay bây giờ!

Phần Dành Cho Việc Nghiên Cứu Thêm

Việc các nghiệp (kamma) thiện và bất thiện làm duyên hay là điều kiện cho các uẩn quả và sắc pháp do nghiệp tạo thông qua năng lực của nghiệp duyên như thế nào thì được trình bày như sau:

Tâm sở tư được kết hợp với một trong mười hai tâm bất thiện tạo ra bảy tâm quả bất thiện (vô nhân¹) và các sắc pháp do nghiệp tạo.

¹ ND: Như chúng ta biết, các tâm quả bất thiện thì hiển nhiên là vô nhân; do đó, chúng ta không cần nói chúng là vô nhân. Ở đây nguyên bản tiếng Anh vẫn ghi nhận điều này; nên chúng tôi bỏ chúng vào ngoặc.

- Tâm sở tư được kết hợp với một trong tám tâm đại thiện tạo ra mười sáu tâm quả thiện (tám vô nhân và tám hữu nhân), và các sắc pháp do nghiệp tạo.

- Tâm sở tư được kết hợp với năm tâm thiện sắc giới và bốn tâm thiện vô sắc làm duyên cho tâm quả tương ứng của chúng (và các sắc pháp do nghiệp tạo đối với những Phạm thiên (Brahma) sắc giới).

Chính thông qua tâm sở tư được kết hợp với một trong tám tâm tham mà chúng ta thực hiện những hành động bất thiện như trộm cướp, tà dâm và vyan vyan. Những loại hành động bất thiện khác bao gồm sát sanh, tra tấn, nói đâm thọc, nói sau lưng, nói lời độc ác, chửi rủa thì được thực hiện với tâm sở tư được kết hợp với hai tâm sân. Nói vô ích (samphappalāpa), mơ ước viễn vông, phóng dật (uddhacca), ân hận, hối hận (kukkucca)¹, hoài nghi (vicikicchā) thì có liên quan đến một trong hai tâm si.

Mười hai tâm bất thiện này hay tâm sở tư được kết hợp với chúng thì sản sinh ra bảy tâm quả bất thiện (vô nhân). Trong số bảy tâm này, tâm được gọi là tâm quan sát (santīraṇa) thì làm chức năng tục sinh cho thú vật, ma đói và chúng sanh trong địa ngục. Những tâm quả bất thiện còn lại như là nhãn thức, nhĩ thức, vyan vyan xảy ra với tư cách là kết quả của nghiệp (kamma) bất thiện khi một người thấy, nghe hay trải nghiệm một cái gì đó hay một ai đó không được êm dịu. Hơn nữa, các sắc pháp do nghiệp tạo bao gồm ngũ căn, giới tính, vyan vyan

¹ ND: Theo sự hiểu biết của chúng tôi thì ân hận, hối hận (kukkucca) thuộc vào sân phần, tức là được kết hợp với các tâm sân. Độc giả có thể tham khảo ở các tài liệu khác, chẳng hạn như bộ sách Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp của U Silānanda.

mà thuộc vào thú vật, các loại ma quỷ và những chúng sanh địa ngục thì cũng là sản phẩm của mười hai tâm bất thiện này.

Tâm sở tư được kết hợp với một trong tám tâm đại thiện thì có trách nhiệm cho các hành động thiện như bố thí (dāna), trì giới (sīla), vân vân. Tâm sở tư này cho kết quả là tám tâm đại quả mà tạo lập nên những tâm tục sinh của nhân loại và các thiên nhân (deva). Nó cũng cho kết quả thành tám tâm quả thiện vô nhân như nhãn thức, nhĩ thức, vân vân, mà xảy ra khi một người thấy, nghe hay trải nghiệm một cái gì đó hay một ai đó êm dịu. Các sắc pháp tốt đẹp do nghiệp tạo cũng được bao gồm trong những kết quả của tám tâm thiện này.

Tâm sở tư được kết hợp với thiền sắc giới (rūpa jhāna) và thiền vô sắc giới (arūpa jhāna) cho kết quả làm tâm tục sinh của các Phạm thiên (Brahma) sắc giới và Phạm thiên vô sắc tùy thuộc vào tầng thiền (jhāna) mà họ đã chứng đắc.

Dị Thục Duyên (Vipāka-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7)

Vipākapaccayo'ti

Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ
vipāka-paccayena paccayo

Phân Chuyên Ngữ

Dị Thục Duyên là:

Bốn danh uẩn quả có liên quan lẫn nhau thông qua năng lực của dị thục duyên.

Loại duyên này về bản chất thì giống với Câu Sanh Duyên, nhưng nó chỉ liên quan đến bốn danh uẩn quả (36 tâm quả và các tâm sở đi cùng). Như được nhắc đến ở trên, tâm luôn luôn sanh lên một cái mỗi thời điểm, không bao giờ hai hay nhiều tâm sanh lên cùng một lần. Nhưng từng tâm một trong số chúng lại được đi kèm theo bởi những tâm sở đi cùng với chúng, vốn cùng sanh lên một lần và có liên quan tương hỗ lẫn nhau theo phương cách: một uẩn làm duyên hay là điều kiện cho ba uẩn còn lại, ba uẩn cho một uẩn còn lại, hai uẩn cho hai uẩn còn lại thông qua năng lực của Dị Thục Duyên.

Vật Thực Duyên (Āhāra-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7)

Āhāra-paccayo'ti

• Kabaḷikāro āhāro imassa kāyassa āhāra-paccayena paccayo

• Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañca rūpānaṃ āhāra paccayena paccayo

Phân Chuyển Ngữ

Vật Thực Duyên là:

• Dưỡng tố làm duyên hay là điều kiện cho xác thân này thông qua năng lực của Vật Thực Duyên.

• Dưỡng tố tinh thần làm duyên hay điều kiện cho những tâm sở có liên quan với chúng và sắc pháp được tạo ra từ đó thông qua năng lực của Vật Thực Duyên.

Sắc Vật Thực

Āhāra (ā + hāra) có nghĩa đen là cái gì đó giữ cho chúng ta tiếp tục tiến đến hay tồn tại, vốn chỉ cho hai loại thực phẩm, sắc vật thực và danh vật thực. Loại thứ nhất chỉ cho các chất vitamin và khoáng chất vốn được tinh chiết từ thực phẩm chúng ta ăn thông qua bộ phận tiêu hóa. Như chúng ta biết, những loại dinh dưỡng cụ

thể có những hiệu quả cụ thể lên cơ thể của chúng ta. Ví dụ, vitamin A thì cần thiết cho mắt của chúng ta, và vân vân. Câu nói “chúng ta là cái chúng ta ăn” đã được chứng minh là đúng thông qua nhiều chứng cứ mang tính khoa học. Sắc vật thực như vậy giữ cho chúng ta tiếp tục tồn tại và làm duyên hay là điều kiện cho tất cả mọi sắc pháp trong cơ thể của chúng ta (như sắc pháp do nghiệp tạo, do tâm tạo, do nhiệt lượng tạo và do dưỡng tố tạo) thông qua năng lực của Vật Thực Duyên. Thật ra, chính dưỡng tố thì không phải chỉ được tạo ra do bởi vật thực chúng ta ăn, mà còn do nghiệp (kamma) của chúng ta, tâm và nhiệt lượng nữa.

Danh Vật Thực

Danh vật thực thì bao gồm ba loại yếu tố tinh thần, đó là tâm sở xúc (phassa), tâm sở tư (cetanā) và tâm (viññāṇa). Ngài Ledi Sayadaw có nói trong tài liệu bằng Pāli “An Introduction to Paṭṭhāna” rằng, cũng giống như việc thân xác của chúng ta được nuôi dưỡng bởi thực phẩm chúng ta ăn, tâm ý của chúng ta cũng được nuôi dưỡng bởi tâm sở xúc (phassa) vốn giúp chúng xúc chạm với các cảnh trần, bởi tâm sở tư (cetanā) vốn làm cho chúng năng động với những chức năng riêng của chúng, và bởi tâm thức (viññāṇa) vốn để cho chúng ghi nhận các cảnh giác quan một cách đầy đủ trọn vẹn. Như vậy, ba yếu tố tinh thần này làm duyên hay là điều kiện cho các tâm và các tâm sở cũng như tất cả những sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm tục sinh thông qua năng lực của Vật Thực Duyên. Loại duyên này của danh vật thực thì thuộc vào nhóm Câu Sanh Duyên. Nói chung, ba yếu tố của nó là như sau:

a. Các yếu tố làm duyên: tâm sở xúc (phassa), tâm sở tư (cetanā) và tâm (viññāṇa).

b. Các yếu tố được/bị duyên: 89 tâm và 52 tâm sở, và sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo tại thời điểm của tâm tục sinh.

c. Chế độ duyên: Các yếu tố trong “a” làm duyên hay là điều kiện cho các yếu tố trong “b” thông qua năng lực của Vật Thực Duyên.

Quyền Duyên (Indriya-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 7-8)

Indriya-paccayo'ti

1. Cakkhundriyaṃ cakkhu-viññāṇa-dhātuyā taṃ-sampayuttakānañca dhammānaṃ indriya-paccayena paccayo. (Sotindriyaṃ sota-viññāṇa-dhātuyā; Ghānindriyaṃ ghāna-viññāṇa-dhātuyā; Jivhindriyaṃ jivhā-viññāṇa-dhātuyā; Kāyindriyaṃ kāya-viññāṇa-dhātuyā)

2. Rūpa-jīvitindriyaṃ kaṭattā-rūpānaṃ indriya-paccayena paccayo.

3. Arūpino indriyā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānañca rūpānaṃ indriya-paccayena paccayo.

Phân Chuyên Ngữ

Quyền Duyên là:

1. Nhân quyền làm duyên hay là điều kiện cho nhân thức giới và các tâm sở kết hợp với nó thông qua năng lực của Quyền Duyên. (Nhĩ quyền cho nhĩ thức giới; Tỷ quyền cho tỷ thức giới; Thiệt quyền cho thiệt thức giới; Thân quyền cho thân thức giới)

2. Sắc mạng quyền làm duyên hay là điều kiện cho sắc pháp do nghiệp tạo thông qua năng lực của Quyền Duyên.

3. Các danh quyền làm duyên hay là điều kiện cho các tâm sở được kết hợp với chúng và sắc pháp được tạo ra từ đó thông qua năng lực của Quyền Duyên.

Quyền Duyên có ba phần: Vật Tiền Sanh Quyền, Sắc Mạng Quyền, và Danh Quyền. Trong số chúng, loại thứ nhất chỉ cho năm giác quan mà thuộc vào Vật Tiền Sanh Duyên. Loại thứ hai là một nhóm riêng biệt. Loại thứ ba có liên quan đến tám danh quyền và thuộc vào Câu Sanh Duyên.

Năm Giác Quan

Có năm giác quan: thần kinh thị giác, thần kinh thính giác, thần kinh khứu giác, thần kinh vị giác và thần kinh xúc giác. Chỉ thông qua thần kinh thị giác tâm nhãn thức của chúng ta mới sanh lên khi một cảnh sắc tác động vào mắt của chúng ta hay thu hút sự chú ý của chúng ta (manasi-kāra). Đó là lý do tại sao thần kinh thị giác được gọi là “nhãn quyền”. Cũng vậy, chỉ thông qua thần kinh thính giác chúng ta mới có thể nghe được âm thanh khi chúng ta bị cuốn hút đến nó. Điều này cũng đúng cho các giác quan còn lại. Như vậy, năm giác quan làm duyên hay là điều kiện cho những tâm tương ứng của chúng và những tâm sở thông qua năng lực của Quyền Duyên. Các thành phần vật chất kết tạo nên thần kinh thị giác thì được sanh ra bởi nghiệp (kamma) của chúng ta từng thời điểm một. Giống như các sắc pháp khác, chúng chỉ có thể tồn tại trong mười bảy sát-na tâm. Tâm nhãn thức có thể xảy ra phụ thuộc vào các sắc pháp liên quan đến con mắt mà đã sanh lên từ một cho đến mười sáu sát-na tâm đi trước và đã đạt đến giai đoạn trụ như đã được trình bày ở trước. Đó là lý do tại sao phần này của Quyền Duyên thì thuộc vào Tiền Sanh Duyên.

Sắc Mạng Quyền

Cái mà chúng ta gọi là “sự sống” hay “linh hồn” thì không có hiện hữu trong các thuật ngữ Thắng pháp (Abhidhamma). Cái thật sự tồn tại thì chỉ là sự tương tác giữa tâm trí và cơ thể, tương tự như sự tương tác giữa một cỗ máy và năng lượng điện vận hành nó. Tuy nhiên, có một dạng sắc pháp được gọi là “sắc mạng quyền” vốn duy trì xác thân của chúng ta theo cách mà thông qua đó xác thân của chúng ta có thể được xem là đang tồn tại hay có sức sống. Như đã được nhắc đến nhiều lần từ trước, các phần tử vật chất tạo lập nên cơ thể của chúng ta đã đang sanh lên tại từng thời điểm kể từ lúc chúng ta được thụ thai. Nhưng mỗi một phần tử vật chất chỉ có thể tồn tại mười bảy sát-na tâm và rồi diệt đi. Tuy nhiên, do bởi những sự thay thế liên tục, chúng ta mới có thể tồn tại và hiện hữu lâu dài trong nhiều năm. Chính nghiệp lực của chúng ta tạo ra một tiến trình liên tục như vậy gồm những sắc pháp mang tính di truyền (kammaja-rūpa) nhằm mục đích để chỉ định ra chúng ta là gì. Những sắc pháp mang tính di truyền (kammaja-rūpa) này được bảo tồn và duy trì bởi loại sắc pháp đặc biệt này mà được gọi là “sắc mạng quyền” thông qua năng lực của Quyền Duyên.

Danh Quyền

Hai phần trên đề cập đến các sắc quyền, và phần này đề cập đến danh quyền. Có tám loại danh quyền, muốn nói đến những tâm sở sau đây:

1. Danh mạng quyền (jīvitindriya)
2. Ý quyền (manindriya)

3. Thọ quyền (lạc quyền (sukhindriya), khổ quyền (dukkhindriya), hỷ quyền (somanassindriya), ưu quyền (domanassindriya), xả quyền (upekkhindriya))

4. Tín quyền (saddhindriya)

5. Tấn quyền (vīriyindriya)

6. Niệm quyền (satindriya)

7. Định quyền (samādhindriya)

8. Tuệ quyền (paññindriya)

Thật ra, loại duyên này về bản chất thì giống với Câu Sanh Duyên. Tám quyền này làm duyên hay là điều kiện cho tâm kết hợp của chúng và các tâm sở thông qua năng lực của Quyền Duyên.

Ba yếu tố là:

a. Các yếu tố làm duyên: tám danh quyền.

b. Các yếu tố được duyên: 89 tâm và 52 tâm sở, sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm tục sinh.

c. Chế độ duyên: các yếu tố trong “a” làm duyên hay là điều kiện cho các yếu tố trong “b” thông qua năng lực của Quyền Duyên.

Thiền-Na Duyên (Jhāna-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 8)

Jhāna-paccayo'ti

Jhānaṅgāni jhāna-sampayuttakānaṃ dhammānaṃ
taṃ-samuṭṭhānānañca rūpānaṃ jhāna-paccayena
paccayo

Phân Chuyên Ngữ

Thiền-na duyên là:

Các chi thiền làm duyên hay là điều kiện cho những tâm có liên quan đến thiền và các tâm sở, và sắc pháp được tạo ra từ đó thông qua năng lực của Thiền-na Duyên.

Thiền (Jhāna)

Thiền (Jhāna) có nghĩa là sự an trú hay sự thấm thấu, tức là một dạng tập trung cao độ. Có năm chi thiền: tầm (vitakka), tứ (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā). Năm chi thiền này làm duyên hay là điều kiện cho những tâm kết hợp và các tâm sở và sắc pháp do tâm tạo thông qua năng lực của Thiền-na Duyên. Như vậy, loại duyên này về bản chất là giống như Câu Sanh Duyên. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta nên học về cách phát triển hay tu tập thiền (jhāna).

Ba Dạng Ấn Tượng (Nimitta) Của Thiền

Để phát triển sự tập trung cao độ mà được gọi là thiền (jhāna), chúng ta phải tập trung tâm trí của chúng ta vào một đối tượng hành thiền như là hơi thở ra vào,

hoặc một thiết bị hay công cụ dùng cho việc hành thiền như một cái đĩa bằng đất, một ly nước trong, một ngọn lửa không dao động của cây đèn cầy, và vân vân. Lúc ban đầu, khi chúng ta mới bắt đầu tập trung vào một đề mục thiền, chúng ta không thể trụ lâu trên đề mục hay trên đối tượng được vì tâm trí của chúng ta có bản chất tự nhiên là phóng dật rất nhiều. Tuy nhiên, chúng ta không nên bỏ cuộc một cách dễ dàng, mà phải kéo tâm lại về trên đối tượng mỗi khi chúng ta ghi nhận sự xuất hiện lại của đối tượng. Cố gắng theo cách này nhiều lần, cuối cùng đối tượng sẽ trở nên đủ rõ ràng để chúng ta tập trung vào nó. Cái này được gọi là chuẩn (bị) tướng (parikamma-nimitta) của đề mục. Sau này, chúng ta sẽ càng có ít hơn những suy nghĩ phóng dật (tức là các triền cái) khi sự tập trung hay định của chúng ta mạnh hơn. Về sau, đối tượng sẽ trở nên rõ ràng đến mức dường như chúng ta đang nhìn thấy nó trực tiếp bằng mắt trần của mình. Đó được gọi là học tướng hay thủ tướng (uggaha-nimitta) của đề mục. Đến thời điểm chín muồi, chúng ta sẽ nhận thấy đối tượng trở nên trong sáng hơn và vi tế hơn, và chuyển từ hình dạng ban đầu sang một vật thể khác giống như là một bức hình ba chiều. Đó được gọi là quang tướng (paṭibhāga-nimitta) của đề mục.

Sơ Thiền

Quang tướng của đề mục thì rất có năng lực. Chúng ta sẽ có thể chú tâm hoàn toàn và giữ được sự chú tâm trên quan tướng như vậy trong một thời gian dài mà không có sự khó khăn gì. Sau đó, tâm trí của chúng ta sẽ tập trung hoàn toàn trên đối tượng và kết quả là hỷ (pīti) và lạc (sukha) sẽ sanh lên một cách tự nhiên. Giai đoạn này được ghi nhận là Sơ Thiền, bao gồm năm chi thiền: tâm (vitakka), tứ (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā).

Các triền cái (nīvaraṇa) và hỷ lạc (pīti-sukha) thì đối nghịch hoàn toàn với nhau như ánh sáng và bóng tối. Ví dụ, khi chúng ta giận dữ thì không có chỗ cho hạnh phúc trong tim của chúng ta. Cũng theo cách này, khi chúng ta cảm thấy ganh tỵ hay đay đụa vọng thì hạnh phúc không thể có trong lúc đó. Trái lại, khi không có những triền cái nào cả do bởi năng lực của định mạnh thì hỷ (pīti) và lạc (sukha) tự nhiên sẽ sanh lên.

Nhị Thiền

Ở giai đoạn thứ hai, sự tập trung hay định mạnh đến mức tâm trí có thể tập trung vào đối tượng một cách tự phát mà không cần phải nỗ lực nhiều để chú ý đến đối tượng. Do đó, nhị thiền không đòi hỏi tầm (vitakka) và tứ (vicāra), và được tạo lập nên bởi chỉ ba chi thiền: hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā).

Tam Thiền

Ở giai đoạn thứ ba, sự tập trung hay định còn mạnh hơn và chín muồi hơn nhiều so với hai tầng thiền (jhāna) trước. Nó chỉ được đi kèm theo với hạnh phúc vi tế mà không còn hỷ nữa. Như vậy, tam thiền chỉ còn hai chi thiền: lạc (sukha) và định (ekaggatā).

Tứ Thiền

Ở giai đoạn thứ tư và cao nhất này, sự tập trung hay định thì chín muồi đến mức nó không cần được hỗ trợ bởi tầm (vitakka) và tứ (vicāra) và không còn được đi kèm theo bởi hỷ (pīti) và lạc (sukha). Tại giai đoạn này, chỉ có xả (upekkhā) là chiếm ưu thế. Như vậy, mức độ tập trung cao nhất này hay tứ thiền chỉ bao gồm hai chi thiền: xả (upekkhā) và định (ekaggatā). Ở giai đoạn này, tâm trí thanh tịnh đến mức, với sự tu luyện thêm, hành giả có thể phát triển được các năng lực thần thông. Về

loại thần thông mà có thể nâng bổng cơ thể của chúng ta lên khỏi mặt đất, khi được thỉnh bạch bởi ngài Ānanda, Đức Phật đã giải thích việc thân thể của Ngài đã được nhắc bổng lên trên không như thế nào:

“Rồi (tại thời điểm của thiền (jhāna)), này Ānanda, ta hòa nhập cơ thể của ta vào tâm trí (đã được phát triển với thiền (jhāna)), và tâm trí vào cơ thể, và có sự hỷ lạc và khinh an (được tạo ra do bởi thiền (jhāna)) thấm thấu vào trong cơ thể. Tại thời điểm đó, này Ānanda, cơ thể của ta trở nên nhẹ nhàng hơn, vi tế hơn, trong sáng hơn và uyển chuyển hơn giống như một thanh sắc được nung nóng trở nên nhẹ nhàng hơn, vi tế hơn, trong sáng hơn và uyển chuyển hơn. Rồi, này Ānanda, cơ thể của ta được nhắc bổng lên khỏi mặt đất bay lên không mà không có sự khó khăn gì cả giống như một miếng bông gòn được gió thổi lên phía trên.” (Saṃyutta-3, Trang 246)

Như vậy, các chi thiền làm duyên hay là điều kiện cho các tâm có liên quan đến thiền và các tâm sở, cùng với sắc pháp được tạo ra từ đó thông qua năng lực của Thiền-na Duyên như sau:

a. Yếu tố làm duyên: Năm chi thiền: tâm (vitakka), tứ (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā).

b. Yếu tố được/bị duyên: Tâm và các tâm sở đi cùng với chúng.

c. Chế độ duyên: Các yếu tố trong “a” làm duyên hay là điều kiện cho các yếu tố trong “b” thông qua năng lực của Thiền-na Duyên.

Đồ Đạo Duyên (Magga-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 8)

Magga-paccayo'ti

Maggaṅgāni magga-sampayuttakānaṃ
dhammānaṃ taṃ-samuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ magga-
paccayena paccayo.

Phần Chuyên Ngữ

Đồ Đạo Duyên là:

Các chi đạo làm duyên hay là điều kiện cho tâm kết hợp với đạo và các tâm sở và sắc pháp được tạo ra bởi đạo thông qua năng lực của Đồ Đạo Duyên.

Đạo Và Các Yếu Tố Của Nó (Tức Là Các Chi Đạo)

Đạo (Magga) có nghĩa đen là con đường hay con lộ dẫn đến một nơi nào đó. Trong trường hợp của thiện, thuật ngữ “Đạo” chỉ cho sự thực hành cao thượng và việc vun bồi sự giác ngộ để dẫn đến sự giải thoát khỏi vòng sanh tử. Đạo này có tám yếu tố:

1. Chánh kiến (sammā-diṭṭhi), tức là tuệ quyền (paññindriya)
2. Chánh tư duy (sammā-saṅkappa), tức là tâm (vitakka)
3. Chánh ngữ (sammā-vācā)
4. Chánh nghiệp (sammā-kammanta)

5. Chánh mạng (sammā-ājīva)
6. Chánh tinh tấn (sammā-vāyāma), tức là cần (vīriya)
7. Chánh niệm (sammā-sati), tức là niệm (sati)
8. Chánh định (sammā-samādhi), tức là nhất tâm (ekaggatā).

Trong số tám yếu tố này, hai yếu tố đầu tiên được gom vào nhóm tuệ, ba yếu tố ở giữa vào nhóm giới, và ba yếu tố cuối vào nhóm định.

Trong trường hợp của bất thiện, “Đạo” chỉ cho sự thực hành sai trái mà dẫn đến vòng luân hồi vào các cõi khổ. Đạo bất thiện này bao gồm bốn yếu tố:

1. Tà kiến (micchā-diṭṭhi), tức là kiến (diṭṭhi)
2. Tà tư duy (micchā-saṅkappa), tức là tâm (vitakka)
3. Tà tinh tấn (micchā-vāyāma), tức là cần (vīriya)
4. Tà định (micchā-samādhi), tức là nhất tâm (ekaggatā).

Một vài chi đạo có các tên gọi khác trong Thắng Pháp (Abhidhamma) thì được ghi nhận thêm như ở trên, nhưng ba yếu tố ở giữa trong trường hợp của thiện thì có cùng thuật ngữ. Như vậy, các chi đạo ở đây đơn giản là chỉ cho chín tâm sở trong Thắng Pháp (Abhidhamma). Đối với các pháp thiện, quả và duy tác, có tám tâm sở (cetasika) mang tên của các chi đạo. Trong số bốn yếu tố bất thiện, tà kiến (diṭṭhi) là yếu tố duy nhất khác với tám yếu tố ở trên (tức là trong trường hợp của thiện) theo các thuật ngữ Thắng Pháp (Abhidhamma) hay nói cách khác là trong giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma). Do đó, các chi đạo thì chỉ có chín khi tính tất cả. Chúng làm duyên hay là điều kiện cho tâm và các tâm sở đi cùng với chúng

cũng như sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm tục sinh thông qua năng lực của Đồ Đạo Duyên. Như vậy, ba yếu tố nói chung (của loại duyên này) sẽ là như sau:

a. Các yếu tố làm duyên: chín chi đạo.

b. Các yếu tố được/bị duyên: 71 tâm có nhân, 52 tâm sở, và sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm tục sinh.

c. Chế độ duyên: Các yếu tố trong “a” làm duyên hay là điều kiện cho các yếu tố trong “b” thông qua năng lực của Đồ Đạo Duyên.

Ba Giai Đoạn Của Đạo

Loại duyên này thuộc vào nhóm Câu Sanh Duyên, nhưng nó đặc biệt xử lý và bàn về các chi đạo được nhắc đến ở trên. Chúng ta phải tìm hiểu thêm về Bát Thánh Đạo (ariya-magga) vì nó quan trọng và biểu thị cho sự chứng ngộ đạo (magga). Để hoàn thành hay chứng đạt Thánh Đạo, chúng ta cần phải phát triển các tuệ minh sát (vipassanā) mà được gọi là Chuẩn Đạo hay Tiên Đạo (pubba-bhāga-magga), bao gồm năm yếu tố làm việc (do đó, cũng được gọi là “hành đạo” (kāraṇa-magga)). Để phát triển thiền minh sát (vipassanā), chúng ta cần phải hội đủ hay hoàn thành Căn Bản Đạo (mūla-magga) mà bao gồm hay được tạo thành bởi tám yếu tố.

Căn Bản Đạo

“Căn Bản Đạo” được dẫn đầu bởi “chánh kiến” tức là nhìn thấy được rằng nghiệp (kamma) là tài sản của chính mình. Một ngày nào đó, tất cả chúng ta sẽ chết đi bỏ lại tất cả mọi thứ và mọi người ở phía sau cho đâu chúng ta có quyền lực đến mức nào. Khi chúng ta sanh

vào cuộc đời này, chúng ta chẳng mang vào cái gì với chúng ta cả ngoại trừ nghiệp (kamma) của mình. Khi chúng ta chết đi, chúng ta không thể mang theo cái gì cả ngoại trừ nghiệp (kamma) của mình. Như vậy, tất cả những gì chúng ta thật sự sở hữu chỉ là nghiệp (kamma), không có gì khác. Nhìn thấy được sự thật đó là cái chúng ta gọi là “chánh kiến” (sammā-diṭṭhi) ở giai đoạn này. Dựa trên quan điểm này, chúng ta hạn chế ba loại suy nghĩ hay tư duy tai hại¹, và vun bồi ba loại suy nghĩ hay tư duy thiện lành² (sammā-saṅkappa); chúng ta ngăn tránh bốn loại tà ngữ³, và chỉ nói những gì thật và thiện (sammā-vācā); chúng ta tránh thực hiện ba loại hành động bất thiện⁴, và chỉ làm những gì đúng và thiện (sammā-kammanta); chúng ta mưu sinh theo cách thiện lành, tức là không có liên quan đến ba loại hành động sai trái và bốn loại tà ngữ (sammā-ājīva); chúng ta nỗ lực thực hành các việc thiện (sammā-vāyāma); chúng ta tụng niệm những điều thanh cao (sammā-sati); chúng ta chú tâm hay tập trung vào những điều thiện lành (sammā-samādhi). Đây là cách vun bồi tám chi phần của Căn Bản Đạo nói chung.

Tuy nhiên, theo thủ tục hay tiến trình của sự thanh lọc tâm trí (visuddhi) thì các điều kiện tiên quyết của các tuệ minh sát (vipassanā) gồm có năm thành phần. Thứ nhất là nhìn nhận rằng nghiệp (kamma) là tài sản của chính mình. Đây được gọi là kiến thanh tịnh (diṭṭhi-

¹ Ba tư duy tai hại: dục tâm, sân tâm và hại tâm

² Ba tư duy thiện lành: ly dục tâm (xả bỏ), ly sân tâm (tâm từ), ly hại tâm (bí mãn)

³ Bốn loại tà ngữ: nói dối, nói chia rẽ, nói độc ác, nói vô ích

⁴ Ba loại hành động bất thiện: sát sanh, trộm cướp, tà dâm

visuddhi). Và rồi là đến ba yếu tố của giới thanh tịnh (sīla-visuddhi): chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng là sự tập trung, tức là điều cần thiết cho tâm thanh tịnh (citta-visuddhi). Do đó, để hoàn thành hay hội đủ yếu tố thứ năm này, chúng ta cần phải thực hành thiền chỉ tịnh (samatha) để phát triển sự tập trung hay định, làm trong sạch hay lắng đọng những triền cái trong tâm trí của chúng ta.

Bằng cách thực hành thiền chỉ tịnh (samatha) với đề mục tâm từ chẳng hạn, chúng ta có thể làm lắng dịu đi những triền cái như sự giận dữ, sân hận, ác tâm, sự ganh tỵ, ngã mạn và vân vân. Bằng cách thực hành những đề mục thiền chỉ tịnh (samatha) khác như quán tưởng 32 thể trước của cơ thể hay tưởng niệm về sự chết, vân vân, chúng ta có thể làm giảm thiểu đi cái tự ngã của mình cũng như tính không khoan dung, tính ích kỷ, lòng ham muốn và vân vân. Bằng cách thực hành thiền niệm hơi thở ra vào, chúng ta có thể giữ cho tâm trí của chúng ta khỏi lo sợ, lo âu, trầm cảm, suy nghĩ lung tung và vân vân. Do đó, thiền chỉ tịnh (samatha) được ghi nhận và được xưng danh là sự thanh lọc tinh thần. Chúng ta thậm chí còn được khuyến khích là nên thực hành thiền chỉ tịnh (samatha) cho đến khi chúng đắc được các tầng thiền định (jhāna) hoặc đạt đến cận định. Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ thực hành thiền minh sát (vipassanā) thôi, thì chúng ta có thể phát triển sự tập trung của minh sát (vipassanā) thay thế cho thiền chỉ (samatha) bằng cách ghi nhận các hiện tượng trong hiện tại từng thời điểm một. Tất cả năm yếu tố này là những điều thiết yếu để phát triển các tuệ minh sát (vipassanā).

Chuẩn Đạo Hay Tiên Đạo (Vipassanā)

Sau khi đã hoàn thành các yếu tố thiết yếu, chúng ta có thể phát triển các tuệ minh sát (vipassanā) mà được gọi là Chuẩn Đạo hay Tiên Đạo bằng cách ghi nhận thân và tâm của chúng ta như chúng thật sự là. Ở đây, để nhìn thấy thân và tâm của chúng ta như chúng thật sự là có nghĩa là nhìn thấy chúng là các hiện tượng danh và sắc mà đang thay đổi từng thời điểm một. Như đã được nhắc đến ở trước nhiều lần, khi chúng ta sanh ra, chúng ta chỉ cân nặng một vài pound, nhưng bây giờ chúng ta cân nặng hơn rất nhiều. Chúng ta hoàn toàn khác hẳn trong mọi khía cạnh với lúc chúng ta sanh ra. Sự thay đổi to lớn này đã xảy ra không phải đột ngột cũng không phải ngay lập tức, mà là từ từ dần dần, theo năm, theo tháng, theo tuần, theo ngày, theo giờ, theo phút, theo giây. Như vậy, điều không thể chối cãi được là thân và tâm của chúng ta đang thay đổi từng thời điểm, và chúng ta là một con người khác ở từng thời điểm. Do đó, nhìn nhận một ai đó hay một cái gì đó là vững chãi hay tồn tại lâu dài, đẹp hay xấu thì chỉ là một ảo tưởng. Thấy được dòng chảy của thân và tâm vượt trên cái ảo tưởng như vậy có nghĩa là thấy thân và tâm như chúng thật là. Đó là cái được gọi là “tuệ minh sát (vipassanā)”.

Làm Thế Nào Để Phát Triển Chuẩn Đạo (Hay Tiên Đạo)

Để phát triển những tuệ minh sát (vipassanā) như vậy, chúng ta cần phải quan sát bốn loại đối tượng theo như trong Kinh Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna Sutta): thân, thọ, tâm và pháp. Để phát triển sự ghi nhận về thân, chúng ta phải ghi nhận tất cả các hoạt động và cử chỉ thuộc về thân xác như đi, đứng, ngồi, nhìn thẳng hay nhìn nghiêng, mở hay đóng cửa, thậm chí các hoạt động trong

phòng vệ sinh. Đối với sự ghi nhận về thọ, chúng ta phải ghi nhận ba loại thọ: lạc, khổ và xả. Đối với sự ghi nhận về tâm, chúng ta phải ghi nhận một vài loại tâm, như tâm có tham, tâm có sân, tâm có sự lo lắng và vân vân. Còn đối với sự ghi nhận chung, tức là về pháp, chúng ta phải chú ý các giác quan của mình, như thấy, nghe, vân vân.

Liên quan đến vấn đề này, ngài Trưởng lão Mahasi Sayadaw người Miến Điện đã hướng dẫn cho chúng ta cách phát triển sự ghi nhận của thân bằng việc lưu ý đến sự chuyển động phòng và xẹp của bụng trong lúc ngồi thiền, và bằng việc lưu ý đến các bước chân của chúng ta trong khi đi kinh hành. Đó là vì, để thỏa mãn hay hoàn thành điều kiện tất yếu cho các tuệ minh sát khởi sanh, chúng ta cần phải phát triển định bằng cách tập trung vào một đối tượng vững chắc hay cố định như sự phòng xẹp hay vào các bước chân của chúng ta thay vì vào bất kỳ đối tượng nào. Thật ra, chúng ta được hướng dẫn là ghi nhận bất kỳ cái gì mà là hiển nhiên hay rõ ràng nhất trong số bốn loại đối tượng đó: thân, thọ, tâm và pháp. Giống như con nhện ở ngay giữa cái mạng của nó và do đó dễ dàng bắt lấy bất kỳ những con côn trùng nào vướng vào mạng, chúng ta cũng chỉ trú với những đối tượng chính yếu. Rồi thì chúng ta có thể ghi nhận bất kỳ đối tượng gì khác mà trở nên hiện rõ. Tuy nhiên, vào lúc ban đầu, một vài loại tư tưởng sẽ chen vào một cách liên tục. Tất cả những gì chúng ta cần phải làm là chỉ ghi nhận chúng ngay lúc chúng trở nên hiện rõ. Theo cách này, chúng ta có thể phát triển sự tỉnh thức của tâm trí, và cùng lúc có thể làm giảm bớt đi sự phân tán tư tưởng. Như vậy, chúng ta nên tập trung vào đề mục chính khi mà không có gì khác hiện rõ. Do đó, khi sự tập trung của chúng ta được mạnh mẽ, thì những tư tưởng làm phân tán tâm trí của chúng ta sẽ ít dần đi. Rồi thì tâm trí của

chúng ta trở nên trong sáng hơn và không chứa đựng những suy nghĩ bất thiện và có hại mà được gọi là các triền cái (nīvaraṇa).

Sự Trải Nghiệm Thiên Minh Sát (Vipassanā)

Vào giai đoạn đầu của sự thực hành, khi mà chúng ta chú ý ghi nhận các đối tượng vật chất như sự nhấc lên và sự hạ xuống, những bước chân, vân vân, thì hình dạng (saṅṭhāna) của chân tay hoặc các lối cách của chúng trong quá trình chuyển động (ākāra) là có khuynh hướng biểu hiện ra nhiều nhất. Khi chúng ta ghi nhận các cảm giác và những ý nghĩ, chúng ta thường có khuynh hướng nhận dạng chúng với chân tay hoặc thân thể của chúng ta, tức là nơi mà chúng được biểu hiện ra. Do đó, vào lúc ban đầu, chúng ta chỉ có thể nhìn thấy được hình dạng của cơ thể của mình. Tuy nhiên, khi sự tập trung và niệm đủ mạnh, chúng ta sẽ trải nghiệm những danh pháp và sắc pháp (sabhāva) và dòng chảy của chúng (sāmañña) vượt lên trên hay vượt ra ngoài các hình thể và tính cách chuyển động:

1. Khi chúng ta ghi nhận những đối tượng sắc pháp như các chuyển động nâng lên và hạ xuống và các bước chân, chúng ta chủ yếu có thể trải nghiệm bốn yếu tố về sắc pháp: sự cứng hay sự nặng mà đại diện cho yếu tố đất; lạnh, ấm hay nóng mà đại diện cho yếu tố lửa; sự chặt cứng, căng phồng, di chuyển hay đè nén mà đại diện cho yếu tố gió và vân vân.

2. Khi chúng ta ghi nhận các cảm giác như êm dịu hay đau đớn, chúng ta có thể khám phá ra rằng các cảm giác là riêng biệt hay tách rời khỏi cơ thể và tay chân của chúng ta. Thường thường, chúng ta nghĩ rằng tôi đang cảm giác đau đớn. Bây giờ, với niệm mạnh, chúng ta có

thể thấy đau là đau mà không nhận dạng hay quy kết nó với cơ thể và chân tay của mình, hay với “tôi” và “của tôi”.

3. Khi chúng ta ghi nhận các ý nghĩ, như các suy nghĩ dục vọng, các suy nghĩ tức giận, các suy nghĩ lo âu, những suy nghĩ vớ vẩn và vân vân, chúng ta có thể thấy rằng các suy nghĩ là riêng biệt hay tách rời khỏi cơ thể của chúng ta. Và chúng ta có thể nhận ra rằng các suy nghĩ là những danh pháp thay đổi từng giây phút một như nước chảy của một dòng sông. Không có “tôi” hay “của tôi” liên quan trong đó.

4. Khi chúng ta ghi nhận các cảnh giác quan như sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, và sự đụng, chúng ta có thể nhận ra chúng đơn giản là các tiến trình tâm thức mà không nhận dạng chúng với “tôi” hay “của tôi”.

Để ghi nhận thân và tâm theo đặc tính hay tính cách của chính chúng như được nhắc đến ở trên, chúng ta phải quan sát chúng ngay thời điểm chúng biểu hiện ra, giống như quan sát tia chớp vốn chỉ được nhìn thấy tại thời điểm nó xẹt ra mà thôi. Sự ghi nhận này là thiết yếu trong việc thực hành thiền minh sát (*vipassanā*) vì tất cả những tuệ minh sát (*vipassanā*) còn lại thì hoàn toàn dựa trên nó. Mặc dầu mọi các đều liên quan đến thiền minh sát (*vipassanā*), nhưng có những giai đoạn cố định mà tại lúc đó chúng ta có những sự trải nghiệm đặc biệt. Ví dụ, tại giai đoạn thứ tư, cơ thể của chúng ta có thể có cảm giác rất nhẹ dường như nó đang bay lơ lửng trên không. Hoặc chúng ta có thể thấy ánh sáng chiếu, xẹt qua hay nhấp nháy. Hoặc chúng ta có thể nhận thấy tâm trí của mình trở nên hạnh phúc và bay bổng. Ở giai đoạn thứ mười một, chúng ta có thể có cảm giác an tịnh một cách lạ thường đến mức chúng ta chỉ có một chút ít cảm giác phản ứng hoặc chẳng có gì cả.

Ngoại trừ những sự trải nghiệm đặc biệt cụ thể này, tất cả những gì chúng ta trải nghiệm xuyên suốt quá trình thực hành thiền minh sát (vipassanā) là các danh pháp và sắc pháp, mà hầu hết mọi người trong chúng ta đã phớt lờ, không chú ý ngó ngang đến; do đó, chúng ta có khuynh hướng nghĩ rằng chúng ta chẳng phải đang trải nghiệm cái gì đặc biệt cả trong quá trình thực hành thiền minh sát (vipassanā) của mình.

Các Yếu Tố Của Chuẩn Đạo (Hay Tiên Đạo)

Như vậy, các tuệ minh sát (vipassanā) diễn ra để nhìn quán thân và tâm theo bản chất hay đặc tính vốn có của chúng, tức là vượt ra ngoài hay vượt lên trên cái ảo giác về thường hằng, an lạc và tự ngã. Những sự hiểu biết thấu suốt này được tạo lập bởi năm yếu tố của Hành Đạo. Chánh Tinh Tấn, Chánh Định và Chánh Niệm sanh lên khi chúng ta tinh cần nỗ lực tập trung vào các hiện tượng danh sắc trong hiện tại và ghi nhận chúng. Chánh Tư Duy xảy ra khi chúng ta chú ý vào các đề mục thiền định. Chánh Kiến là hiểu thân và tâm như chúng thật sự là. Năm yếu tố này được gọi là các yếu tố của hành đạo (kāraṇa-maggaṅga) vì chúng đang cùng làm việc với nhau để phát triển các tuệ minh sát (vipassanā) cho đến khi chúng được viên mãn với sự trưởng thành của Bát Thánh Đạo. Cùng với ba yếu tố trong giới phần (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), vốn thường được thực hiện viên mãn trước khi thực hành thiền, hoặc có thể được thực hiện viên mãn trong quá trình thực hành thiền, chúng ta được xem là phát triển tất cả tám chi đạo mỗi khi chúng ta thấy được thân và tâm hay danh và sắc như chúng thực sự là. Như vậy, tám yếu tố của Chuẩn Đạo hay Tiên Đạo làm duyên hay là điều kiện cho các

tâm đi cùng và các tâm sở và các sắc pháp được tạo ra từ đó thông qua năng lực của Đồ Đạo Duyên.

Thánh Đạo (Chánh Đạo)

Như vậy, các tuệ minh sát tiến triển dần dần cho đến khi chúng được viên mãn trong sự giác ngộ của đạo (magga), mà bao gồm tám chi phần được gọi là Bát Thánh Đạo. Ở đây, ngài Mahasi Sayadaw so sánh Chuẩn Đạo (hay Tiền Đạo), tức là các tuệ minh sát (vipassanā) và Thánh Đạo, tức là sự giác ngộ đạo (magga), như là nhảy qua một con kênh và đáp xuống bờ bên kia, một cách tương ứng. Có bốn nhiệm vụ được hoàn thành tại thời điểm của sự giác ngộ: thứ nhất, nhìn thấy được thân và tâm đang bị tra tấn một cách liên tục bởi sự vô thường; thứ hai, đoạn diệt sự dính mắc vào chúng, tức là yếu tố có trách nhiệm cho sự luân hồi; thứ ba, trải nghiệm sự đoạn diệt của chúng, tức là Níp-bàn (Nibbāna); và cuối cùng, phát triển tám chi đạo, tức là đạt đến sự chín muồi của chúng tại thời điểm này. Như vậy, tám chi đạo làm duyên hay là điều kiện cho các tâm đi cùng với chúng và các tâm sở và sắc pháp được tạo ra tại lúc đó thông qua năng lực của Đồ Đạo Duyên.

Tương Ưng Duyên (Sampayutta-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 8)

Sampayutta-paccayo'ti:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ
sampayutta-paccayena paccayo

Phân Chuyên Ngữ

Tương ưng duyên là:

Bốn danh uẩn (tức là vô sắc) làm duyên hay là điều kiện hỗ tương cho nhau.

(Loại duyên này thì hoàn toàn giống với phần đầu của Câu Sanh Duyên.)

Lý Giải Của Ngài Ledi Sayadaw

Có ba cặp duyên: Tương Ưng và Bất Tương Ưng, Hiện Hữu và Vô Hữu, Lý Khứ và Bất Ly, vốn không phải riêng biệt, mà lại được bao gồm một cách thích hợp trong những loại duyên đã được đề cập ở trước. Chúng được lập lại với mục đích chỉ ra rằng một vài yếu tố làm duyên là điều kiện cho những yếu tố được duyên của chúng thông qua năng lực của sự tương ưng, một vài thông qua năng lực của sự bất tương ưng, một vài thông qua năng lực của sự hiện hữu, một vài thông qua năng lực của sự vắng mặt, một vài thông qua năng lực của sự biến mất, và một vài thông qua năng lực của sự không biến mất.

Đối với hai cặp cuối cùng, thuật ngữ “hiện hữu và vô hữu” (atthi và natthi) trong một vài trường hợp chỉ

cho hai loại tà kiến mà trong đó “hiện hữu” có nghĩa là sự hiện hữu của một linh hồn trường cửu (sassata-diṭṭhi) và “vô hữu” có nghĩa là sự hủy diệt của nó (uccheda-diṭṭhi). Để không bị nhầm lẫn hai loại Hiện Hữu Duyên và Vô Hữu Duyên với các loại tà kiến như vậy, chúng ta có thêm một loại cặp duyên nữa, tức là Lý Khứ Duyên và Bất Ly Duyên, mặc dầu hai cặp này là hoàn toàn giống nhau về bản chất.

Đối với Tương Ứng Duyên, tất cả tâm và các tâm sở đi cùng thì luôn luôn làm duyên cho nhau. Sự liên kết của chúng có nghĩa là tính cùng chung của chúng thì xảy ra theo phương thức mà thông qua đó chúng cùng sanh lên, cùng diệt đi, bắt cùng đối tượng giác quan, và phụ thuộc vào cùng một vật.

Ở đây, tính cùng chung có nghĩa là sự liên kết. Ví dụ, sự thấy thì được tạo thành bởi tám yếu tố như là tâm nhãn thức và bảy tâm sở bao gồm xúc (phassa), vân vân. Tất cả tám yếu tố này được gọi chung là “sự thấy”. Để miêu tả sự thấy bằng tên của mỗi một tâm sở có liên quan là điều không thể thực hiện được. Điều này cũng đúng cho các tâm sở còn lại. Đây là ý nghĩa cùng chung nhau của các yếu tố tinh thần mà sự liên kết hay sự kết hợp muốn nói đến.

Bất Tương Ứng Duyên (Vippayutta-paccayo)

Pāli Trích Dẫn (Paṭṭhāna-1, Trang 8)

Vippayutta-paccayo'ti:

• Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ
vippayutta-paccayena paccayo.

• Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ
vippayutta-paccayena paccayo.

Phần Chuyển Ngữ

Bất Tương Ứng Duyên là:

• Các sắc pháp làm duyên hay là điều kiện cho các danh pháp thông qua năng lực của Bất Tương Ứng Duyên.

• Các danh pháp làm duyên hay là điều kiện cho các sắc pháp thông qua năng lực của Bất Tương Ứng Duyên.

Bất Tương Ứng Duyên này có hai phần như sau:

Vật chất (thân xác) làm duyên hay là điều kiện cho tâm trí thông qua hai loại duyên: Câu Sanh Duyên và Tiền Sanh Duyên.

Tâm trí làm duyên hay là điều kiện cho vật chất (thân xác) thông qua hai loại duyên: Câu Sanh Duyên và Hậu Sanh Duyên.

Vật Chất Duyên Tâm Trí

Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên

Tại thời điểm tục sinh (paṭisandhi), chúng ta chỉ là một khối kết hợp rất nhỏ bé của các hiện tượng danh và sắc được gọi là “phôi thai kalala” vốn được tạo thành bởi tâm tục sinh và các tâm sở của nó, và trái tim (ND: nhóm sắc ý vật), thần kinh xúc giác (ND: nhóm thân) và giới tính (ND: nhóm giới tính). Khối kết hợp này được ghi nhận là nhỏ bé đến mức nó là vô hình đối với mắt trần, tức là không nhìn thấy được bằng mắt trần. Tại thời điểm này, các yếu tố tinh thần của chúng ta phải phụ thuộc vào sắc ý vật (tức là các sắc pháp tạo nên trái tim). Hai yếu tố này cùng sanh lên, nhưng bất tương ứng với nhau, do chúng là những hiện tượng hoàn toàn khác biệt. Như vậy, nhóm sắc ý vật làm duyên hay là điều kiện cho tâm tục sinh của chúng ta và các tâm sở thông qua năng lực của Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Tiền Sanh Bất Tương Ứng Duyên

Sáu vật giác quan, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và trái tim – xảy ra từ một cho đến mười sáu sát-na tâm trước các yếu tố tinh thần mà được duyên lên từ đó trong suốt đời sống của các chúng sanh ngũ uẩn – làm duyên hay là điều kiện cho 85 tâm (tức là loại trừ bốn tâm quả vô sắc) và các tâm sở đi cùng của chúng thông qua năng lực của Tiền Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Tâm Trí Duyên Vật Chất

Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên

Bảy mươi lăm tâm (tức là loại trừ bốn tâm quả vô sắc và ngũ song thức) và 52 tâm sở - mà sanh lên trong các chúng sanh ngũ uẩn tại thời điểm tục sinh của họ và rồi cũng như trong thời bình sinh của họ - làm duyên hay là điều kiện cho sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm tục sinh (vốn sanh lên cùng với tâm được nhắc đến ở trên) thông qua năng lực của Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên

Bốn danh uẩn đi sau làm duyên hay là điều kiện cho các sắc pháp thông qua năng lực của Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên. (Ở đây, bốn danh uẩn đi sau bao gồm 85 tâm và 52 tâm sở sanh lên từ một cho đến mười sáu sát-na tâm theo sau sắc pháp mà được tạo ra bởi chúng trong thời bình sinh của các chúng sanh ngũ uẩn. Và các sắc pháp có liên quan ở đây là chỉ cho các sắc pháp đã được tạo ra và đã đạt đến giai đoạn trụ, bởi một trong bốn nguyên nhân, ở trước thời các danh uẩn được nhắc đến ở trên.

Hãy Nhớ Rằng Tâm Và Vật Chất Là Có Liên Hệ Lẫn Nhau

Loại duyên này trình bày một rõ ràng và minh bạch rằng thân và tâm của chúng ta thì luôn luôn đang cùng hoạt động với nhau. Khoa học cũng đã chứng minh từ lâu rằng điều này là đúng. Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng các thay đổi hóa học trong cơ thể của chúng ta có một tác động cực lớn lên tâm trí của chúng ta, và

rằng tâm trí của chúng ta cũng thường chịu trách nhiệm cho những sự thay đổi hóa chất trong cơ thể của chúng ta. Họ thậm chí đã xác nhận những phát hiện về sự đàn hồi và giãn nở của bộ óc, cho thấy rằng bộ óc có thể chuyển biến hoặc thay đổi hình dạng do bởi tâm trí của chúng ta (tức là các suy nghĩ và các cảm giác). Vì thái độ và cách suy nghĩ của chúng ta xác định nên chúng ta là ai và là gì, cho nên chúng ta được khuyên dạy là hãy nên tận lực chăm sóc tâm trí của mình để cho nó được tốt đẹp (giống như cách chúng ta chăm sóc thân xác của chúng ta vậy).

Những trạng thái tinh thần tiêu cực như lo lắng, lo âu, cô đơn, căng thẳng, trầm cảm, vân vân, hiển nhiên có những tác động tiêu cực lên thân xác của chúng ta. Bất chấp tuổi tác, tôn giáo, trình độ giáo dục hay địa vị xã hội của mình, chúng ta không thể tránh được việc có những lúc phải cam chịu những vấn đề khó khăn về tinh thần hay tâm lý do bởi nguyên nhân này hay nguyên nhân khác đưa đến. Để hóa giải những loại vấn đề này, chúng ta thường được khuyên là nên uống thuốc, tận hưởng một kỳ nghỉ dài, ngủ thêm cho đủ sức, tập thể dục thường xuyên hơn, ăn uống đủ chất dinh dưỡng và điều độ và vân vân. Tuy nhiên, chỉ lời khuyên như vậy thôi không thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề này triệt để vì chúng sẽ tiếp tục xảy ra lại do những khao khát hay ước muốn không thể nào thỏa mãn được của chúng ta. Chúng ta luôn luôn muốn nhiều hơn, đẹp hơn hay mới hơn. Thậm chí với những công nghệ đương thời, vốn thường mang lại cho chúng ta nhiều hơn là chúng ta đã từng có thể tưởng tượng đến, cũng không thể điền đầy hay làm thỏa mãn trọn vẹn sự ham muốn có thêm nữa liên tục của chúng ta. Cho đâu công nghệ có là tiên tiến như thế nào đi chăng nữa, nó cũng không thể giúp chúng ta chữa trị được những mối lo âu và e ngại

của chúng ta. Do đó, chúng ta nên nghĩ về việc thử tập phương cách của Đức Phật, tức là hành thiền, vốn là duy nhất có khả năng thoát bỏ hoàn toàn những căn bệnh tinh thần đó khỏi chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng hành thiền là một dạng huấn luyện tinh thần mà chúng ta cần phải thực hành một cách tận tâm và kiên nhẫn trước khi nó thật sự tạo ra những hiệu quả tốt trong đời sống bình nhật của chúng ta.

Hành Thiền

Thiền Niệm 32 Thể Trước Của Cơ Thể

Đây là một trong những đề mục thiền được Đức Phật khuyến khích thực hành để vượt qua những trạng thái tinh thần tiêu cực. Đức Phật đã so sánh thân xác của chúng ta với cỗ xe bò, tức là cái tên được đặt cho cái tổ hợp gồm những thành phần như bánh xe, cái ách, vân vân. Nói một cách khác, không có cỗ xe bò riêng biệt nào từ những bộ phận đó. Cũng theo cách này, không có “tôi” hay “của tôi” ở bên ngoài 32 thể trước của cơ thể như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương và vân vân. Ví dụ, chúng ta có nhiều hơn 300 cái xương đơn lẻ. Thật là nực cười nếu lấy từng bộ phận đơn lẻ và cho là “tôi” hay “của tôi”. Bằng cách quán tưởng về những bộ phận đó, chúng ta có thể nhận thấy được thực chất chúng ta là cái gì vượt lên trên những ảo giác về “tôi” hay “của tôi”, và cùng lúc có thể làm giảm thiểu đi sự dính mắc vào xác thân của chúng ta. Khi sự dính mắc của chúng ta được giảm thiểu thì tự nhiên, sự lo lắng và lo âu cũng sẽ giảm bớt.

Thiền Niệm Sự Chết

Một đề mục hành thiền khác tốt cho mục đích này là niệm về việc tất yếu của sự chết. Chính bản năng tự

nhiên làm cho chúng ta có cảm giác dường như chúng ta là bất tử. Cho đâu chúng ta có được giáo dục tốt đến cỡ nào, chúng ta vẫn liên tục có ảo tưởng rằng mình sẽ không chết mặc dầu chúng ta thấy và nghe nhiều người chết mọi lúc xung quanh chúng ta. Áo giáp này đang luôn luôn nuôi sống sự ham muốn của chúng ta, vốn có trách nhiệm chính yếu cho sự đau khổ về tinh thần của chúng ta. Nhìn thấy rõ ràng sự thật này của cuộc đời sẽ giúp chúng ta có được sự tự tại, không lo âu và làm cho chúng ta có thể từ bỏ đi những sự dính mắc. Chúng ta có thể thực hành loại thiền này bằng cách suy niệm như sau:

“Tôi không biết tôi sẽ chết như thế nào: lúc bao nhiêu tuổi, ở nơi nào, vào ngày nào và do bệnh tật gì. Cũng như kiếp sống kế tiếp mà tôi sẽ có sau khi chết.”

“Chết là điều hiển nhiên. Cuộc sống thì bấp bênh. Tôi có thể chết bất cứ lúc nào, tại bất cứ nơi nào.”

Thiền Niệm Hơi Thở Ra Vào

Một loại đề mục thiền khác là quán tưởng trên hơi thở ra vào. Chúng ta chỉ nên tập trung vào hơi thở mà không nên để tâm trí của mình phân tán nơi nào khác, bằng cách lưu ý từng hơi thở vào và từng hơi thở ra. Ban đầu, giống như bất kỳ loại tập luyện nào, chúng ta sẽ cảm thấy rất khó khăn vì tâm trí của chúng ta luôn luôn suy nghĩ lung tung. Đó thật ra chỉ là cách lối vốn có của nó. Khi chúng ta nhận thấy rằng tâm trí của mình đi lang thang, chúng ta chỉ cần kéo nó lại với đề mục thiền (tức là hơi thở). Đó là tất cả những gì chúng ta cần làm khi thực hành thiền chỉ tịnh (samatha). Nhưng nó cũng có ích lợi khi quan sát một tâm trí đi lang thang theo cùng phương thức chúng ta thực hành trong thiền minh sát (vipassanā). “Thực hành dẫn đến hoàn thiện,” như

người ta thường nói. Nếu chúng ta cứ kéo tâm trí lại trên đề mục nhiều lần với sự kiên nhẫn và sự bền chí, thì cuối cùng nó sẽ tập trung vào đối tượng trong những khoảng thời gian dài hơn. Tại lúc đó, chúng ta có thể dẫn dắt nó đến nơi mà chúng ta muốn, và do đó sẽ ngăn chặn không cho nó đến nơi mà chúng ta không muốn. Theo cách này, chúng ta có thể tránh được sự lo âu và lo lắng. Loại thiền này giúp tạo nên một giấc ngủ say nếu chúng ta thực hành nó trên giường ngủ trước khi ngủ.

Tuy nhiên, nếu tâm trí quá cứng nhắc và quá phóng dật để có thể tập trung vào đề mục thiền, chúng ta được khuyên là nên đếm hơi thở trong tâm trí. Khi làm việc này, chúng ta không nên đếm ít hơn năm và nhiều hơn mười. Và không nên có sự gián đoạn trong chuỗi đếm. Nếu dừng trước năm, tâm trí của chúng ta không có đủ thời gian để tập trung. Nếu đếm nhiều hơn mười, tâm trí của chúng ta sẽ lấy số đếm thay vì hơi thở làm đề mục. Khi đếm, chúng ta nên bắt đầu đếm lúc hơi thở vào hay hơi thở ra kết thúc, chứ không phải lúc nó bắt đầu. Như vậy, hít vào trước, rồi chúng ta niệm thầm trong đầu “một” khi hơi thở vào kết thúc. Điều này cũng đúng cho hơi thở ra. Rồi bắt đầu lại đếm “hai” và tiếp tục theo phương thức này. Nếu chúng ta gộp chung cả hơi thở vào và hơi thở ra là một, thì tốt hơn chỉ đếm nhiều nhất tới năm.

Thiền Minh Sát (Vipassanā)

Thiền minh sát (vipassanā) có thể là cực kỳ có ích lợi trong trường hợp khẩn cấp mặc dầu mục đích chính của nó là giải thoát hoàn toàn khỏi vòng sanh tử luân hồi. Ở Miến Điện, có một lần tôi bị tai nạn xe cộ, các kinh nghiệm hành thiền về sự chết và niệm hơi thở chẳng giúp gì cho tôi cả, thậm chí là tôi đã được huấn luyện và thực hành khá thuần thục về chúng. Tim của tôi

đập quá nhanh và tôi trở nên lo lắng đến mức tôi thậm chí quên đi những số điện thoại cần thiết để gọi lại về trung tâm nhờ cứu trợ. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, thiền minh sát (vipassanā) đã làm việc rất tốt đẹp cho tôi. Tôi nhận thấy rằng sự tỉnh thức hay chánh niệm đã giúp tôi xả bỏ được những lo âu về mặt tinh thần tại địa điểm đó. Rất dễ dàng cho chúng ta ghi nhận được sự lo lắng mãnh liệt như tôi đã trải nghiệm vì nó là một đối tượng vô cùng rõ ràng và hiển nhiên. Thiền minh sát (vipassanā) là khả năng tập trung vào các hiện tượng trong hiện tại, bất cứ cái gì hiện rõ, thuộc về tinh thần, thuộc về vật chất hay là cảm giác. Sống trong hiện tại là cách sống tốt đẹp nhất vì khi một vật ở trong hiện tại, nó là một cái gì đó có thật và trở thành một cái gì đó có thể dễ điều khiển được nhất. Bất cứ cái gì đã xảy ra trong quá khứ thì đã qua; tương lai thì bất định. Nhiều việc tốt và xấu thường xảy ra ngoài sự mong đợi của chúng ta. Bằng cách thực hành thiền minh sát (vipassanā), chúng ta tiếp nhận được sự huấn luyện tốt nhất trong việc sống như nào trong hiện tại và làm sao vượt được qua những trạng thái tinh thần tiêu cực như lo lắng và lo âu.

Trong một câu chuyện Bốn Sanh (Jātaka), đức Bồ-tát là một vị hoàng tử có tên là Temiya. Ngài sợ sau này sẽ thành vua vì nếu thành vua, Ngài sẽ phải làm nhiều việc bất thiện. Do đó, Ngài đã giả vờ bị khuyết tật để rồi Ngài sẽ bị từ bỏ và không bị đề cử làm vua. Như vậy, Ngài đã xoay sở sống phần còn lại của đời mình trong rừng chỉ ăn lá và rễ cây. Tuy nhiên, vị vua cha sau đó đã tìm ra Ngài và thấy rằng da dẻ của Ngài trong sáng hơn rất nhiều so với lúc Ngài còn sống trong cung điện. Vị vua cha đã hỏi Ngài tại sao điều này có thể xảy ra. Câu trả lời của Ngài đã khẳng định rằng cách sống tốt nhất là sống trong hiện tại:

Tôi không có những hối tiếc về quá khứ. Tôi cũng không hy vọng gì cho tương lai.

Tôi chỉ hạnh phúc với hiện tại. Đó là điều làm cho da dẻ của tôi trong sáng như vậy.

(Mūgapakkha Jātaka)

Vượt Lên Trên Hạnh Phúc

Chúng ta thích tận hưởng cuộc sống của mình trong khi phớt lờ đi những sự thật về cuộc sống như là sự hiển nhiên của cái chết hoặc dòng chảy và tính không có thực chất của thân và tâm của mình. “Sự dốt nát là hạnh phúc” ngụ ý nói rằng “Sự hiểu biết là thống khổ.” Tuy nhiên, trong dòng chảy ào ạt của các hiện tượng danh sắc, hạnh phúc và thống khổ chỉ là những ảo giác giống như loại hạnh phúc và đau khổ mà chúng ta trải nghiệm trong một giấc mơ. Ví dụ, trong một giấc mơ, giả sử chúng ta trở nên rất đau khổ vì một người thân yêu của chúng ta bị tai nạn. Thức dậy từ giấc mơ đó sẽ rất là hạnh phúc. Cũng theo cách này, nó sẽ thậm chí hạnh phúc nhiều hơn khi thấy được sự thật, tức là thức giấc từ những ảo giác về “tôi” và “của tôi”. Bằng cách ghi nhận các hiện tượng rõ ràng ở hiện tại bên trong chúng ta, chúng ta có thể thấy được sự thật vượt lên trên ảo giác. Nếu chúng ta nghĩ về quá khứ hay tương lai nhiều hơn mức cần thiết, chúng ta thậm chí không thể ăn ngon hay ngủ yên được, và không có cách nào để chúng ta có thể thấy được sự thật. Cho nên, sống trong hiện tại là để tận hưởng cuộc sống của chúng ta và điều quan trọng hơn là nó cho chúng ta cơ hội thật sự trải nghiệm sự thật.

Hai Cặp Duyên Cuối Cùng (Chỉ Dành Cho Nghiên Cứu Chuyên Sâu)

Hai cặp duyên cuối sẽ cung cấp cho chúng ta thêm một vài thông tin cần thiết cho nghiên cứu đào sâu. Như được giải thích bởi ngài Ledi Sayadaw ở trong phần Tương Ứng Duyên, hai cặp duyên này (tức là cặp Hiện Hữu Duyên và Vô Hữu Duyên, và cặp Lý Khứ Duyên và Bất Ly Duyên) không phải là riêng biệt, mà lại là được bao gồm một cách thích hợp trong những loại duyên ở trước. Hơn nữa, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên là giống nhau về bản chất và luôn đi cùng với nhau. Điều này cũng đúng cho Vô Hữu Duyên và Lý Khứ Duyên. Dưới đây là cách chúng được bao hàm một cách thích hợp trong những loại duyên ở trước như thế nào.

Hiện Hữu Duyên Và Bất Ly Duyên

Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên được bao hàm trong mười tám duyên. Trong mười tám duyên này, các pháp làm duyên thì hiện hữu và chưa biến mất khi chúng góp phần vào những hiện tượng tương ứng của chúng. Trong số mười tám duyên này, mười lăm duyên thuộc vào Câu Sanh Duyên vì các pháp làm duyên và các pháp được duyên xảy ra cùng với nhau tại cùng một lúc trong mười lăm duyên này; hai duyên thuộc vào Tiền Sanh Duyên vì các pháp làm duyên xảy ra trước các pháp được duyên trong hai loại duyên này; một duyên thuộc vào Hậu Sanh Duyên vì các pháp làm duyên xảy ra sau các pháp được duyên.

Dưới đây là mười lăm loại duyên thuộc vào Câu Sanh Duyên:

1. Nhân Duyên (hetu-paccayo)
2. Trưởng Duyên (adhipati-paccayo)
3. (Câu Sanh) Nghiệp Duyên (kamma-paccayo)
4. Vật Thực Duyên (āhāra-paccayo)
5. Quyền Duyên (indriya-paccayo)
6. Thiên-na Duyên (jhāna-paccayo)
7. Đồ Đạo Duyên (magga-paccayo)
8. Hỗ Tương Duyên (aññamañña-paccayo)
9. Dị Thực Duyên (vipāka-paccayo)
10. Tương Ứng Duyên (sampayutta-paccayo)
11. Bất Tương Ứng Duyên (vippayutta-paccayo)
12. Câu Sanh Duyên (sahajāta-paccayo)
13. Y Chi Duyên (nissaya-paccayo)
14. Hiện Hữu Duyên (atthi-paccayo)
15. Bất Ly Duyên (avigata-paccayo)

Hai loại duyên dưới đây thuộc vào Tiền Sanh Duyên:

- Cảnh Duyên
- Vật Duyên

Trong hai loại duyên này, các pháp làm duyên sanh lên trước các pháp được duyên, nhưng vẫn còn hiện hữu và chưa biến mất khi chúng góp phần vào cho các pháp được duyên lên.

Chỉ có một loại Hậu Sanh Duyên, mà trong đó, các pháp làm duyên (chỉ cho các yếu tố tinh thần trong trường hợp này) sanh lên sau các pháp được duyên (chỉ cho sắc pháp trong trường hợp này). Tuy nhiên, các pháp làm duyên thì hiện hữu và chưa biến mất khi chúng góp phần vào các pháp được duyên lên.

Ở bất kỳ trường hợp nào, trong mười tám loại duyên này, các pháp làm duyên là hiện hữu và chưa biến mất khi chúng góp phần vào các hiện tượng tương ứng của chúng. Như vậy, hai loại duyên có tên là Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thì luôn luôn được nhập vào hay được tính chung vào mười tám loại duyên này.

Vô Hữu Duyên Và Lý Khứ Duyên

Vô Hữu Duyên và Lý Khứ Duyên là hoàn toàn giống nhau. Trong hai loại duyên này, các pháp làm duyên là vắng mặt hay biến mất khi các pháp được duyên có mặt. Như vậy, hai loại duyên này thì luôn luôn được nhập vào hay được tính chung vào bốn loại duyên khác có tên là Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Trùng Dụng Duyên và Cận Ý Duyên. Do đó, có sáu loại duyên mà trong đó các pháp làm duyên thì vắng mặt hay biến mất khi chúng góp phần vào các hiện tượng tương ứng của chúng.

Những Duyên Khác Nhau Đi Cùng Nhau Tại Thời Điểm Khác Nhau

Tùy thuộc vào các pháp gì làm duyên và các pháp gì được duyên, số lượng các duyên đi cùng với nhau sẽ khác nhau. Ví dụ:

a. Khi sáu nhân làm duyên cho tâm đi cùng với chúng và các tâm sở, sắc pháp do tâm tạo, và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì năm loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Y Chi Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

b. Khi sáu nhân làm duyên cho tâm đi cùng với chúng và các tâm sở và sắc ý vật tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì sáu loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

c. Khi sáu nhân làm duyên cho tâm đi cùng với chúng và các tâm sở, thì bảy loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

d. Khi ba nhân quả (tức là ba nhân trong các tâm quả) làm duyên cho tâm đi cùng và các tâm sở, sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì sáu loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

e. Khi ba nhân quả làm duyên cho tâm đi cùng và các tâm sở và sắc ý vật tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì bảy loại duyên đi cùng với nhau: Nhân

Duyên, Câu Sanh Duyên, Hố Tương Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên.

f. Khi ba nhân quả làm duyên cho tâm đi cùng và các tâm sở, thì tám loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Hố Tương Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

g. Khi các nhân quả làm duyên cho sắc pháp do tâm tạo và sắc pháp do nghiệp tạo của chúng tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì bảy loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

h. Khi ba nhân quả làm duyên cho sắc ý vật đi cùng của chúng tại thời điểm thụ thai (tức là lúc tục sinh), thì tám loại duyên đi cùng với nhau: Nhân Duyên, Câu Sanh Duyên, Hố Tương Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Kết Luận

Sự Ảnh Hưởng Thứ Ba Hay Thế Lực Thứ Ba

Trong khoa học, nếu gene của chúng ta có tính di truyền thì việc tại sao các cặp song sinh lại có những tính cách khác nhau và thậm chí có những dấu vân tay khác nhau vẫn là một vấn đề nan giải. Các song sinh có bộ gene như đúc và sự nuôi dạy là gần giống hết nhau, nhưng bằng cách nào đó, hướng phát triển sinh học của họ vẫn tách rời ra khỏi nhau khi họ phát triển trong suốt thuở ấu thời. Một vài người cho rằng các nhà sinh vật học đã bỏ lỡ đi sự ảnh hưởng thứ ba hay thế lực thứ ba. Mặc dầu họ đã có suy tư về sự ảnh hưởng tương hỗ giữa yếu tố tự nhiên (tạo hóa) và sự dạy dỗ (giáo dục) từ lâu trước khi cấu trúc cơ bản của DNA được khám phá ra vào năm 1953, nhưng họ đã bỏ qua yếu tố cơ hội thuần túy. Chủ thuyết duy thần của tư tưởng khoa học thường nghĩ rằng tính ngẫu nhiên có đóng một vai trò trong đời sống của một tế bào.

Thắng Pháp (Abhidhamma) sẽ quy kết sự ảnh hưởng thứ ba hay thế lực thứ ba cho năm loại năng lực tinh thần tiềm ẩn (đã được nhắc đến trong phần Vô Gian Duyên). Thậm chí nếu được xem chỉ là “cơ hội thuần túy”, chúng vẫn sẽ có liên quan đến các năng lượng tiềm ẩn này theo cách này hay cách khác. Chúng ta đã thảo luận về việc tính di truyền (gene) và môi trường sống (sự dạy dỗ) có thể được duyên như thế nào bởi các năng lực tinh thần tiềm ẩn, bởi năng lực của Vô Gian Duyên, Thường Cận Y Duyên, Nghiệp Duyên và vân vân.

Điều không thể tranh cãi được là bộ não của chúng ta chỉ chết có một lần và mãi mãi tại lúc chúng ta chết. Tái sinh là một việc có thật, chứ không phải ảo tưởng. Sự tồn tại của sự ảnh hưởng thứ ba hay thế lực thứ ba trong cuộc sống của chúng ta bên cạnh sự di truyền và môi trường sống là một điều không thể chối cãi. Bằng việc nghiên cứu và xem xét kỹ lưỡng các yếu tố tinh thần, các chức năng và sự tương tác của chúng theo một phương thức đặc biệt, giáo lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) đã kiến nghị sự ảnh hưởng thứ ba hay thế lực thứ ba là cái gì. Thật ra, chỉ có cách thông qua sự phát triển chánh niệm (satipaṭṭhāna vipassanā) chúng ta mới thật sự có thể hiểu được giáo lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna) từ khía cạnh thực tế của nó, và cách nó áp dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta như thế nào.

Khoa Học Ủng Hộ Chánh Niệm

Các nhà khoa học cũng thừa nhận sự quan trọng của chánh niệm trong hệ thống sinh học của chúng ta. Họ nói rằng não bộ của người trưởng thành có thể định dạng lại các kết nối của nó trên diện rộng thông qua những sự tập luyện tinh thần, và rằng hầu hết mọi chúng ta có những phần của não bộ tương đối bị bỏ quên. Chúng ta có thể kích hoạt chúng trở lại bằng những phương cách như chú ý vào những tín hiệu không lời khi đối thoại với những người khác, lưu ý nhiều hơn đến những gì chúng ta đang suy nghĩ, và giảm bớt việc làm quá nhiều thứ cùng một lần. Như đã được nhắc đến nhiều lần từ trước, có bốn loại đối tượng để chúng ta ghi nhận: thân (hay là các hoạt động thân xác), thọ, tâm và pháp. Nếu chúng ta ghi nhận chúng, các phản ứng của chúng ta đối với các đối tượng giác quan sẽ là thiện cho đâu các đối tượng đó là êm dịu hay bất nhã. Các phản

ứng thiện lành chắc chắn sẽ luôn luôn tạo nên một tác động lành mạnh lên hệ thống sinh học của chúng ta.

Mặc dầu sự nhấn mạnh thì được đặt trên vai trò quan trọng của các yếu tố tinh thần và những năng lực tiềm tàng của chúng trong đời sống của chúng ta, nhưng Thắng Pháp (Abhidhamma) luôn luôn thừa nhận những tương tác danh sắc dưới một vài loại duyên trong giáo lý Duyên Hệ (Paṭṭhāna). Như vậy, Thắng Pháp (Abhidhamma) không mâu thuẫn với các khám phá khoa học về những ảnh hưởng vật chất lên trên tâm trí của chúng ta. Nó tương tự như việc khám phá về một loại thuốc đặc biệt có thể hồi phục lại và làm sắc bén tâm trí bằng cách giúp lựa chọn tẩy xóa đi những suy nghĩ làm rối trí và gây đau khổ.

Giáo Lý Của Đức Phật Rất Cụ Thể Và Rõ Ràng

Đức Phật đã dạy một cách rõ ràng rằng giáo lý của Ngài được giới hạn trong Bốn Sự Thật Cao Thượng, tức là Tứ Diệu Đế. Một lần nọ, Ngài nhặt lên một nắm lá tại một khu rừng gần thành phố Kosambi, và đã hỏi chư Tỷ-kheo rằng lá trong tay Ngài và lá của toàn bộ khu rừng, cái nào nhiều hơn. Dĩ nhiên, câu trả lời là lá trong tay của Ngài ít hơn rất nhiều so với lá của toàn bộ khu rừng. Dùng ví dụ này, Đức Phật nói rằng những gì Ngài dạy cho đệ tử của Ngài ít hơn rất nhiều so với những gì Ngài không dạy. Ngài nói rằng Ngài đã không dạy những gì không thật sự mang lại lợi ích, không hướng đến con đường cao thượng, không dẫn đến sự xả ly, không hướng đến sự đoạn diệt khổ đau, không dẫn đến sự an lạc tối hậu, không dẫn đến sự hiểu biết thâm sâu, không dẫn đến sự giác ngộ và không dẫn đến Níp-bàn (Nibbāna). Ngài đã nói một cách rành mạch rằng giáo lý của Ngài

được giới hạn trong Bốn Sự Thật Cao Thượng, vốn mang lại lợi ích, hướng đến con đường cao thượng, và dẫn đến sự xả ly và vãn vãn. (Mahā-vagga Saṃyutta, 383)

Bốn Sự Thật Cao Thượng (Tứ Diệu Đế)

1. Sự Thật Về Khổ (Khổ Đế): Thân và tâm của chúng ta được xem là khổ đế do bởi sự dính mắc của chúng ta vào chúng. Vốn là vô thường, chúng không bao giờ đi theo hướng chúng ta muốn. Với ý nghĩa này, Đức Phật đã nêu ra câu hỏi mang tính khai sáng trong bài giảng thứ hai của mình (Anatta-lakkhaṇa Sutta) như sau: “Nếu một cái gì đó là vô thường, thì nó là an lạc hay đau khổ?”

2. Sự Thật Về Nguyên Nhân Của Khổ (Tập Đế): Sự dính mắc vào thân và tâm (vốn tạo lập nên đời sống của chúng ta) là tập đế. Do bởi sự dính mắc vào đời sống, chúng ta đấu tranh để sinh tồn trong khi hứng chịu rất nhiều đau khổ để rồi cũng phải kết thúc với già, bệnh và chết.

3. Sự Thật Về Sự Đoạn Diệt Khổ (Diệt Đế): Khi sự dính mắc vào thân và tâm (vốn tạo lập nên đời sống của chúng ta) được đoạn diệt, thì sẽ không còn đau khổ nào liên quan đến sự sống. Do đó, diệt đế là chỉ cho sự đoạn diệt cái dính mắc. Để hiểu thêm, xin hãy xem phần về Níp-bàn (Nibbāna) trong phần Kiến Thức Cơ Bản Về Thắng Pháp.

4. Sự Thật Về Con Đường Dẫn Đến Sự Đoạn Diệt Khổ (Đạo Đế): Bằng cách thực hành thiên minh sát mà bao gồm Bát Chánh Đạo, chúng ta có thể nhìn thấy được thân và tâm như chúng thật sự là. Rồi thì sẽ không còn có chỗ nào cho sự dính mắc và kết quả đau

khổ của nó. Để hiểu thêm, xin hãy xem phần Đờ Đạo Duyên.

Như vậy, Đức Phật đã kết thúc bài kinh này với việc khuyến khích chúng ta nên thực hành Bát Chánh Đạo dẫn đến sự an lạc tuyệt đối của Níp-bàn (Nibbāna). Nói một cách khác, Ngài chỉ dẫn chúng ta thực hành thiền minh sát để giúp cho chúng ta có thể thấy được các hiện tượng danh và sắc như chúng thật sự là: vô thường, khổ và vô ngã, để rồi chúng ta có thể tẩy trừ được sự dính mắc, tức là gốc rễ của sự đau khổ.

Vượt Ra Ngoài Hay Vượt Lên Trên Quy Luật Nhân Duyên

Chúng ta sống dưới (hay bị chi phối bởi) vô số những nhân duyên giống như các bông hoa mọc trước nhà của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải sống dưới sự điều khiển của những nhân duyên này như các bông hoa. Thông qua nỗ lực khôn khéo (payoga) của mình, chúng ta có thể tìm cách tạo ra những nhân duyên hay điều kiện thuận lợi cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Chúng ta thậm chí có thể tìm cách vượt lên trên quy luật của nhân duyên. Khi chúng ta có được sự chẩn đoán đúng đắn chẳng hạn, thì chúng ta đã đi được nửa đường trong việc tìm kiếm phương pháp chữa trị đúng đắn. Cũng theo cách này, nếu chúng ta có thể học và hiểu về quy luật nhân duyên, thì chúng ta cũng có thể học cách vượt lên trên nó. Dĩ nhiên, chỉ bằng cách thông qua việc thực hành thiền minh sát (vipassanā) chúng ta mới có thể học và hiểu về quy luật nhân duyên (paṭṭhāna) dựa trên các kinh nghiệm thực chứng và rồi mới có thể vượt lên trên nó.

Do đó, để kết luận, chúng ta hãy ước nguyện như sau: “Nguyện cho chúng tôi có thể thực hành thiền minh sát (vipassanā) cho đến khi chúng tôi có thể thấy được quy luật nhân quả từ chính sự trải nghiệm của mình và có thể vượt lên trên pháp hữu vi để đến pháp vô vi (tức là Níp-bàn (Nibbāna)).”

Với tâm từ (mettā),

U Hla Myint

San Jose, ngày 03 tháng 03 năm 2010

Phụ Lục

--ooOoo--

Phụ Lục 1

89 Tâm

- 12 tâm bất thiện
- 18 tâm vô nhân
- 24 tâm tịnh hảo dục giới
- 27 tâm đáo đại
- 8 tâm siêu thế

12 Tâm Bất Thiện

Tám Tâm Tham

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ
2. Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
3. Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
4. Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
5. Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
6. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
7. Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
8. Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

Hai Tâm Sân

1. Tâm sân thọ ưu hợp phần vô trợ
2. Tâm sân thọ ưu hợp phần hữu trợ

Hai Tâm Si

1. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi
2. Tâm si thọ xả hợp phóng dật

18 Tâm Vô Nhân

Bảy Tâm Quả Bất Thiện

1. Nhãn thức thọ xả
2. Nhĩ thức thọ xả
3. Tỷ thức thọ xả
4. Thiệt thức thọ xả
5. Thân thức thọ khổ
6. Tâm tiếp đầu thọ xả
7. Tâm quan sát thọ xả

Tám Tâm Quả Thiện Vô Nhân

1. Nhãn thức thọ xả
2. Nhĩ thức thọ xả
3. Tỷ thức thọ xả
4. Thiệt thức thọ xả
5. Thân thức thọ lạc
6. Tâm tiếp đầu thọ xả
7. Tâm quan sát thọ hỷ
8. Tâm quan sát thọ xả

Ba Tâm Duy Tác Vô Nhân

1. Tâm hướng ngũ môn thọ xả
2. Tâm hướng ý môn thọ xả
3. Tâm tiểu sinh thọ hỷ của bậc A-la-hán

24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới

Tám Tâm Đại Thiện

1. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
2. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ
3. Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
4. Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ
5. Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
6. Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ
7. Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
8. Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

Tám Tâm Đại Quả

(Sự liệt kê thì giống hết với tám tâm đại thiện, chỉ thay “thiện” bằng “quả”)

Tám Tâm Đại Duy Tác

(Sự liệt kê thì giống hết với tám tâm đại thiện, chỉ thay “thiện” bằng “duy tác”)

27 Tâm Đáo Đại

Năm Tâm Thiện Sắc Giới

1. Tâm thiện sơ thiên cùng với tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (tức là định)
2. Tâm thiện nhị thiên cùng với tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (tức là định)
3. Tâm thiện tam thiên cùng với hỷ, lạc và nhất tâm (tức là định)
4. Tâm thiện tứ thiên cùng với lạc và nhất tâm (tức là định)
5. Tâm thiện ngũ thiên cùng với xả và nhất tâm (tức là định)

Năm Tâm Quả Sắc Giới

(Sự liệt kê thì giống hệt với năm tâm thiện sắc giới, chỉ thay “thiện” bằng “quả”)

Năm Tâm Duy Tác Sắc Giới

(Sự liệt kê thì giống hệt với năm tâm thiện sắc giới, chỉ thay “thiện” bằng “duy tác”)

Bốn Tâm Thiện Vô Sắc

1. Tâm thiện thiên an trú trên “Không Vô Biên”
2. Tâm thiện thiên an trú trên “Thức Vô Biên”
3. Tâm thiện thiên an trú trên “Vô Sở Hữu”
4. Tâm thiện thiên an trú trên “Phi Tướng Phi Phi Tướng”

Bốn Tâm Quả Vô Sắc

(Sự liệt kê thì giống hệt với bốn tâm thiện vô sắc, chỉ thay “thiện” bằng “quả”)

Bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc

(Sự liệt kê thì giống hệt với bốn tâm thiện vô sắc, chỉ thay “thiện” bằng “duy tác”)

8 Tâm Siêu Thế

Bốn Tâm Thiện Siêu Thế

1. Tâm Nhập Lưu (Sotāpatti) Đạo, tẩy trừ tất cả những trạng thái bất thiện mà đủ mạnh để dẫn đến sự tái sinh vào một cảnh giới đau khổ, và cụ thể là tẩy trừ thân kiến và hoài nghi.
2. Tâm Nhất Lai (Sakadāgāmi) Đạo, làm giảm yếu đi tiềm năng của dục ái và sân.
3. Tâm Bất Lai (Anāgāmi) Đạo, tẩy trừ dục ái và sân.
4. Tâm A-la-hán Đạo, tẩy trừ hoàn toàn tất cả những trạng thái bất thiện còn lại như sự dính mắc vào sắc giới và vô sắc giới, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Bốn Tâm Quả Siêu Thế

(Sự liệt kê thì giống hệt với bốn tâm thiện siêu thế, chỉ thay “Đạo” bằng “Quả”)

Phụ Lục 2

89 tâm được phân loại thành bốn nhóm, có tên gọi là bất thiện (akusala), thiện (kusala), quả (vipāka) và duy tác (kriyā).

12 Bất Thiện (Akusala)

- Tám tâm tham
- Hai tâm sân
- Hai tâm si

21 Thiện (Kusala)

- Tám đại thiện
- Năm thiện sắc giới
- Bốn thiện vô sắc
- Bốn thiện siêu thế

36 Quả (Vipāka)

- Bảy quả bất thiện
- Tám¹ quả thiện vô nhân
- Tám đại quả
- Năm quả sắc giới
- Bốn quả vô sắc

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là bảy.

- Bốn quả siêu thế

20 Duy Tác (Kriyā)

- Ba duy tác vô nhân
- Tám đại duy tác
- Năm duy tác sắc giới
- Bốn duy tác vô sắc

Phụ Lục 3

BẢNG LIỆT KÊ THUẬT NGỮ PĀLI – VIỆT

--ooOoo--

A

Abbuda: Bong bóng	Ajātasattu: vua
Abhidhamma: Thắng Pháp	Ajātasattu, vua A-xà-thế
Abhidhamma: Tạng Thắng Pháp	Ajjhāsaya: Chủ tâm
Abyākata: Vô ký, pháp vô ký	Ākāra: Hành tướng, cử chỉ, trạng thái, hình dáng, phong thái
Āciṇṇaka: Thường (Nghịch)	Ākāsa: Sắc giao giới
Adhimokkha: Thắng giải	Ākāsa-paññatti: Hư không chế định
Adhipati-paccayo: Trưởng Duyên	Akusala: Bất thiện
Adhiṭṭhāna: Quyết định	Akusala kamma: Nghiệp bất thiện
Adhiṭṭhāna-pāramī: Quyết định Ba-la-mật	Alobha: Vô tham, sự không ích kỷ
Adosa: Tâm từ hay vô sân	Amoha: Vô si, sáng suốt, khôn ngoan
Āhāra: Dưỡng tố	Anāgāmi: (Tâm) Bất Lai
Āhāra-paccayo: Vật Thực Duyên	Ānanda: Ngài Ānanda
A-hetuka: (Tâm) vô nhân	Anantar'ūpanissaya: Vô Giác Cận Y Duyên
Ahirika: Vô tà	

Anantara: Vô gián, kế tiếp

Anantara-paccayo: Vô Gián Duyên

Anantarūpanissayo: Vô Gián Cận Y Duyên

Anāthapiṇḍika: Trưởng giả Cấp Cô Độc

Anatta-lakkhaṇa Sutta: Kinh Vô Ngã Tướng

Anavajja: Tinh khiết, vô tội, trong sạch, không lỗi lầm

Anguttara Nikāya: Tăng Chi Bộ Kinh

Anindriya-baddharūpa: Các vật vô tri

Aññamañña-paccayo: Hồ Tương Duyên

Anottappa: Vô úy

Anupālaka: Gìn giữ, bảo hộ, duy trì

Anusaya: Tiềm miên

Apacāyana: Cung kính

Apaṭipatti avijjā: Sự thiếu hiểu biết

Āpo: Yếu tố nước

Āpo-kasiṇa: Đền mục kasiṇa về nước

Arahant: Vị A-la-hán

Arahat: Vị A-la-hán

Arahatta: Vị A-la-hán

Ārammaṇ'ūpanissaya: Cảnh Cận Y Duyên

Ārammaṇa: Cảnh

Ārammaṇa paccayo: Cảnh Duyên

Ārammaṇādhipati: Cảnh Trưởng Duyên

Ārammana-ghana: Mật độ của những cảnh giác quan

Ārammaṇānusaya: Cảnh tiềm miên

Ariṭṭha-janako: Một vị vua, cha của bồ tát Mahā-janako trong truyện Bốn Sanh

Ariya-magga: Thánh Đạo, Bát Chánh Đạo

Arūpa: Vô sắc

Arūpa brāhma: Phạm thiên vô sắc

Arūpa jhāna: Thiên vô sắc giới

Arūpāvacara kriyā: (Tâm) duy tác vô sắc	Atimahanta-ārammaṇa: Cảnh rõ ràng, minh bạch
Arūpāvacara kusala: (Tâm) thiện vô sắc	Atīta-bhavaṅga: Tâm hữu phần vừa qua
Arūpāvacara vipāka: (Tâm) quả vô sắc	Aṭṭhaṅguttara: Tăng Chi Bộ Kinh - Chương Tám Pháp
Āsanna: Cận Tử (Nghịệp)	Atthi: Hữu
Asañña-satta: Chúng sinh vô tướng, Phạm thiên vô tướng	Atthi-paccayo: Hiện hữu duyên
Āsayā-nusaya: Cơ tánh, căn cơ và tâm mức trí tuệ của thánh chúng	Āvajjana-kicca: Chức năng hướng môn
Āsevana-paccayo: Trùng Dục Duyên	Avigata-paccayo: Bất Ly Duyên
Asoka: Vua A Dục	Avijjā-nusayo: Vô minh tiền miên
Ati-dhāvana: Cực đoan	Avinibbhoga: Sắc bất ly

B

Bandhula: Một vị tướng quân của vua xứ Kosala	sự ngắt dòng chảy của tiềm thức
Bhaṅgakkhaṇa: Sát-na diệt	Bhavaṅga: Tâm hữu phần
Bhāvanā: Tham Thiền	Bhavaṅga'upaccheda: Tâm hữu phần dứt dòng
Bhāvanā-maya ñaṇa: Trí tu	Bhavaṅga-calana: Tâm hữu phần rung động, sự rung động của tiềm thức
Bhavaṅ'upaccheda: Tâm hữu phần dứt dòng ,	

Bhavaṅga-santati: Dòng chảy tiềm thức

Bhava-rāgā-nusayo: Hữu ái tiềm miên

Bodhi: Cây Bồ-đề

Bodhisatva: Bồ-tát

Brahma: Phạm thiên, cõi Phạm thiên

C

Cakkhu-dvārika-vīthi: Lộ tâm thấy

Cakkhu-pasāda: Thần kinh thị giác

Cakkhu-viññāṇa: Tâm nhãn thức, nhãn thức

Carita: Cơ tánh

Catuja-kāya: Thực thể bốn nhân

Cetanā: Tâm sở tư, tư

Cetasika: Tâm sở

Chanda: Dục

Cintā-maya: Năng lực suy tư, năng lực tư duy

Cintā-maya ñāṇa: Trí tư

Citta: Tâm, tâm thức

Citta vīthi: Lộ tâm

Citta-kammaññatā: Thích tâm

Citta-lahutā: Khinh tâm

Citta-mudutā: Nhu tâm

Citta-niyāma: Quy luật tâm thức

Citta-pāguññatā: Thuần tâm

Citta-passaddhi: Tĩnh tâm

Citta-visuddhi: Tâm thanh tịnh

Cittujukatā: Chánh tâm

Cūlavagga: Tiểu Phẩm

Cuti: Tâm tử

D

Dāna: Bố thí, cúng dường

Dāna-cetanā: Chủ ý rộng lượng

Dāna-pāramī: Bố thí Ba-la-mật

Dassana-kicca: Chúc
năng thấy

Desa-paññatti: Địa phận
chế định

Deva: Thiên nhân

Devadatta: Đê-bà-đạt-đa

Devatā Saṃyutta:
Tương Ứng Chư thiên

Devī: Nữ thần, nữ thiên
nhân

Dhamma: Pháp

Dhamma-desanā: Dạy
Pháp, thuyết pháp

Dhammapada: Pháp Cú
Kinh

Dhammārammaṇa:
Cảnh ý môn, cảnh pháp

Dhammasaṅgani: Pháp
Tụ

Dhamma-savana: Học
Pháp

Dhammāsoka: Danh
hiệu tốt đẹp của vua A dục

Dhātu-kathā: Chất Ngữ

Dhipati chanda: Dục
trường

Dīga-kārāyana: Một vị
tướng quân của vua xứ
Kosala

Diṭṭhā-nusayo: Kiến
tiềm miên

Diṭṭhi: (Tà) kiến

Diṭṭhi-visuddhi: Kiến
thanh tịnh

Domanassa: Bất mãn,
thọ ưu

Domanassindriya: Ưu
thọ quyền

Dosa: Sân

Dosa-mūla: Căn sân

Dukkha-vipāka: Quả
đau khổ, quả xấu

Dukkhindriya: Khổ thọ
quyền

Dvi-hetuka omaka:
Chất lượng nghèo nàn

Dvija-kāya: Thực thể nhị
nhân

E

Ekaggatā: Định, nhất
tâm

Ekaja-kāya: Thực thể
đơn nhân

G**Gandha:** Khí mùi**Garuka:** Trọng Nghiệp**Ghana:** Dày đặc, cường độ dày đặc, mật độ cao**Ghāna:** Mũi, ty**Ghāna-pasāda:** Thần kinh khúu giác**Gijjakuta:** Núi Linh Thúu**H****Hadaya-vatthu:** Sắc ý vật**Hasana:** Nụ cười, cách cười**Hasituppāda:** Tâm tiểu sinh**Hetu-paccayo:** Nhân Duyên**Hiri:** Tàm**I****Iddhi-pāda:** (bốn) pháp làm nên sự thành tựu, (tứ) thần túc**Indriya-paccayo:** Quyền Duyên**Iriyāpatha:** Các oai nghi - tức là đi, đứng, nằm, ngồi**Issā:** Tật, tật đổ, ganh ty**Itthi-bhāva:** Sắc tố nữ**J****Janaka:** Sản sinh ra**Janaka kamma:** Sanh nghiệp**Jātaka:** Kinh Bốn Sanh**Jātaka aṭṭhakathā:** Chú giải kinh Bốn sanh**Javana:** Tâm đầy đủ, tâm đồng lực**Jhāna:** Thiền**Jhāna-paccayo:** Thiền-na Duyên**Jhanic kamma:** Nghiệp thiền định

Jīva-atta: Không có linh hồn

Jīvaka: lương y Jīvaka

Jivhā: lưỡi, thiệt

Jivhā-pasāda: Thần kinh vị giác

Jīvitindriya: Mạng quyền

K

Kāla Paññatti: Thời Gian Chế Định

Kāla-campa: một địa danh

Kalala: Phôi thai

Kāla-paññatti: Thời gian chế định

Kalinga: Xứ Kalinga

Kāma-rāgā-nusaya: Dục tiềm miên

Kamma: Nghiệp, hành động

Kammaja-rūpa: Sắc pháp mang tính di truyền

Kammaññatā: Sắc thích nghiệp

Kamma-paccayo: Nghiệp Duyên

Kamma-satti: Năng lực nghiệp, nghiệp lực

Kāraka-magga: Hành đạo

Kāraka-maggaṅga: Các yếu tố của hành đạo

Karunā: Bi mẫn, lòng bi mẫn

Kaṭattā: Khinh Thiểu Nghiệp

Kathā-vatthu: Ngữ Tông

Kāya: Thân

Kāya-kammaññatā: Thích tánh

Kāya-lahutā: Khinh tánh

Kāya-mudutā: Nhu tánh

Kāya-pāguññatā: Thuần tánh

Kāya-pasāda: Thần kinh xúc giác

Kāya-passaddhi: Tĩnh tánh

Kāya-viññatti: Thân biểu tri

Kāyujukatā: Chánh tánh

Khandha: Uẩn

Khandha-vagga: Phẩm Uẩn

Khantī: Nhẫn nại

Khantī-pāramī: Nhẫn nại Ba-la-mật

Khattiya: dòng tộc Khattiya, dòng tộc Sát-đế-ly

Kicca-ghana: Mật độ của các phận sự hay những chức năng tinh thần khác nhau

Kosala: Xứ Kosala

Kosambi: Quốc độ Kosambi

Kriyā: (Tâm) duy tác

Kriyā-byākata: Duy tác

Kukkucca: Hối, ân hận, hối hận

Kusala: Thiện

Kusala cetasika: Tâm sở thiện

Kusala kamma: Nghiệp thiện

Kusala-kamma: Nghiệp thiện

L

Lahutā: Sắc khinh

Lobha: Tham, sự khao khát dục lạc

Lobha-mūla: Căn tham

Loka: Thế gian

Lokuttara kusala: Tâm thiện siêu thế

Lokuttara vipāka: Tâm quả siêu thế

M

Macchariya: Lận, xan lận

Māgaṇḍiya: Tên của một du sĩ

Magga: Đạo

Magga-kusala: Tính chất/trạng thái thiện của đạo

Magga-paccayo: Đồ Đạo Duyên

Magga-phala: Đạo quả

Mahaggata-kusala: An trú định	Mano-dhātu: Ý giới
Mahājanaka Jātaka: Chuyện Bốn Sinh Mahājanaka	Mano-dvār'āvajjana: Tâm hướng ý môn
Mahā-janako: Đức Bồ-tát, tiền thân của Đức Phật, trong chuyện bốn sinh Mahājanaka Jātaka	Mano-dvāra: Ý môn
Mahā-kriyā: (Tâm) đại duy tác	Mano-dvārā-vajjana: Tâm hướng ý môn
Mahā-kusala: Đại thiện	Mano-dvāra-vīthi: Lộ Tâm Ý Môn, Lộ ý môn
Mahānāmo: Tên một vị vua	Mano-dvārika vīthi: Lộ Tâm Ý Môn, Lộ ý môn
Mahā-vagga Saṃyutta: Thiên Đại Phẩm, Tương Ưng Bộ Kinh	Mano-dvārika-javana: Đồng lực ý môn
Mahā-vipāka: Đại quả	Mano-viññāṇa-dhātu: Ý thức giới
Majjhima-pannāsa: Tên tập 2 của Trung Bộ Kinh	Mettā: Từ, tâm từ
Māna: Mạn, ngã mạn	Mettā-pāramī: Từ Ba-la-mật
Mānā-nusayo: Mạn tiềm miên	Micchā-ditṭhi: Tà kiến
Manasi-kāra: Tác ý, sự tác ý	Micchā-paṭipatti avijjā: Sự hiểu sai lầm
Maṅgala Sutta: Hạnh Phúc Kinh	Micchā-samādhi: Tà định
Manindriya: Ý quyền	Micchā-saṅkappa: Tà tư duy
	Micchā-vāyāma: Tà tinh tấn
	Middha: Thụy miên

Milinda: Vua Milinda

Mudutā: Sắc nhu

Milinda-pañhā: Milinda
Vấn Đạo

Mūgapakkha Jātaka:
Chuyện Bốn Sanh
Mūgapakkha

Mithila: Thành phố
Mithila

Mūla-magga: Căn Bản
Đạo

Moha: Si mê

Mūlaṭīkā: Phụ số giải

Moha-mūla: Căn si

Muditā: Tùy hỷ, lòng tùy
hỷ

N

Nāgasena: Ngài
Nāgasena, Ngài Na-tiên

Natthi-paccayo: Vô Hữu
Duyên

Nāma: Danh, danh pháp

Nibbāna: Níp-bàn

Nānākkhaṇṇika: Dị thời
(nghịệp)

Nikkhamma: Xuất ly

**Nānākkhaṇṇika
kamma:** Dị thời nghịệp

Nikkhamma-pāramī:
Xuất ly Ba-la-mật

**Ñāna-vippayutta-
kusala:** Thiện bất tương
ưng trí

Nimitta: Ấn Tướng

Natthi: Vô hữu

Nirodha-sacca: Diệt Đế

Nissaya-paccayo: Y Chi
Duyên

Nīvaraṇa: Triền cái

O

Oja: Tinh chất của thực
phẩm, dưỡng tố

Ottappa: Ủy

P

Paccaya: Duyên, yếu tố làm duyên

Paccaya-satti: Chế Độ Duyên, Phương Thức Duyên

Paccayuppanna: Các pháp được/bị duyên

Pacchājāta: Hậu sanh

Pacchājāta-paccayo: Hậu sanh duyên

Pakat'ūpanissaya: Thường Cận Y Duyên

Pakatūpanissaya-paccayo: Thường Cận Y Duyên

Pakudha Kaccāyana: Tên giáo chủ của một giáo phái

Pāli: Ngôn ngữ Pāli, tiếng Pāli

Pañca-dvār'āvajjana: Hướng ngũ môn, tâm hướng ngũ môn

Pañca-dvārika vīthi: Lộ tâm ngũ môn

Pañca-dvārika-javana: Đồng lực ngũ môn

Pañcavokāra: Cõi ngũ uẩn

Pañha-vāra: Phần Yếu Tri (Bộ Vị Trí)

Paññā: Trí tuệ

Paññā-pāramī: Trí tuệ Ba-la-mật

Paññatti: Khái Niệm, Chế Định, pháp chế định

Paññindriya: Tuệ quyền

Parama-atta: Thượng đế, đấng tạo chủ

Paramānaṃ kammaṃ pāramī: Hành động của các bậc thượng nhân, hành động cao thượng

Paramattha: Pháp chân đế

Paramattha-sacca: Sự thật chân đế

Pāramī: Ba-la-mật

Parikamma-nimitta: Chuẩn (bị) tướng

Pathavī: Yếu tố đất

Pathavī-kasiṇa: Đề mục kasiṇa về đất

Paṭibhāga-nimitta:

Quang tướng

Paṭicca-samuppāda:

Giáo Lý Duyên Khởi

Paṭigha: Sân

Paṭighā-nusaya: Sân
tiềm miên

Paṭisandhi: Sự tục sinh,
tâm tục sinh

Pattānumodana: Hoan
hỷ phước

Paṭṭhāna: Những điều
kiện khác nhau, duyên,
Duyên Hệ, Giáo lý Duyên
Hệ

Patti-dāna: hồi hương
phước

Payoga: Hành động một
cách khôn khéo

Pesi: Vật chất nhỏ bé

Peta: Ma đói, ngựa quỷ

Phala: Quả

Phala-abyākata: Quả
giác ngộ

Phala-samāpatti: An trú
vào thiền quả

Phassa: Xúc, tâm sở xúc

Pīti: Hỷ

Pīti-sukha: Hỷ lạc

Pola-janako: Vua Pola-
janako, cậu của Bồ-tát
Mahā-janako

Pubba-bhāga-magga:
Chuẩn Đạo, Tiền Đạo

Pubbanha Sutta: Kinh
Buổi Sáng Tốt Lành

Puggala-paññatti: Nhân
Chế Định

Puṇ-bhāva: Sắc tố nam

Purejāta: Tiền Sanh

Purejāta-paccayo: Tiền
Sanh Duyên

R

Rasa: Vị chất

Rohitassa: Tên của một
thiên nhân

Rūpa: Sắc, sắc Pháp

Rūpa jhāna: Thiền sắc
giới

Rūpajīvita: Thuộc về
sắc mạng (quyền)

Rupa-kkhandha: Sắc
uẩn

Rūpāvacara kriyā:
Tâm duy tác sắc giới

Rūpāvacara kusala:
Tâm thiện sắc giới

Rūpāvacara vipāka:
Tâm quả sắc giới

S

Sabhāva: Bản chất, tự
tánh, thiên nhiên

Sacca: Chân thật, sự Thật

Saccā-pāramī: Chân thật
Ba la mật

Sadda: Giọng nói, âm
giọng, âm thanh

Saddha: Tín

Saddhā: Tín, niềm tin

Saddhindriya: Tín
quyền

Sahajāta: Câu sanh

Sahajāta kamma: Câu
sanh nghiệp

Sahajāta-paccayo: Câu
Sanh Duyên

Sakadāgāmi: (Tâm)
Nhất Lai

Samādāna-sīla: Giới thọ
trì

Samādhindriya: Định
quyền

Samanantara-paccayo:
Đẳng Vô Giác Duyên

Sāmañña: Sự phù hợp
với thực chất

Samatha: Thiền chỉ tịnh

Samatha-bhāvanā: Phát
triển thiền chỉ

Sammā-ājīva: Chánh
mạng

Sammā-diṭṭhi: Chánh
kiến

Sammā-kammanta:
Chánh nghiệp

Sammā-kammanta:
Chánh nghiệp

Sammā-samādhi:
Chánh định

Sammā-saṅkappa:
Chánh tư duy

Sammā-sati: Chánh
niệm

Sammā-vācā: Chánh ngữ

Sammā-vāyāma: Chánh tinh tấn	Santānānusaya: Vô gián tiềm miên
Sammuti-sacca: Sự thật chế định	Santati: Tiến trình
Sampañicchana: (tâm) tiếp thân	Santati-ghana: Mật độ sanh lên không có sự ngắt quãng ở giữa của những lộ tâm
Sampañicchāna: Tiếp thân	Sañṭhāna: Hình dạng
Sampayutta-paccayo: Tương Ứng Duyên	Sañṭhāna Paññatti: Hình Thức Chế Định
Samphappalāpa: Nói vô ích	Sañṭhāna-paññatti: Hình thức chế định
Saṃsāra: Vòng luân hồi	Santīraṇa: Quan sát, tâm quan sát
Samūha-ghana: Mật độ thay thế không ngừng nghỉ của các sát-na tâm	Sassata-diṭṭhi: Thường kiến
Saṃyutta: (Kinh) Tương Ứng	Sati: Sự ghi nhận, niệm
Saṅgaha Bhāsāṭikā: Phụ số giải của Thắng Pháp	Satindriya: Niệm quyền
Saṅgha: Tăng chúng	Satipaṭṭhāna Sutta: Kinh Niệm Xứ
Saṅkhāra: Làm việc	Satipaṭṭhāna vipassanā: Thiên quán niệm xứ
Saṅkhāra-kkhandha: Hành uẩn	Sa-upādisesa nibbāna: Hữu Dư Níp-bàn
Saññā: Tưởng	Sāvajja: Đáng quở trách, lầm lỗi, không trong sạch, vô đạo đức
Saññā-kkhandha: Tưởng uẩn	

Sāvatti: Kinh đô Sāvatti, thành Xá-vệ	Subha: Tên của một người Bà-la-môn
Sīla: Giới, giới hạnh, trì giới	Sujātā: Tín nữ Sujātā
Sīla-pāramī: Trì giới ba- la-mật	Sukha: Lạc
Sīla-visuddhi: Giới thanh tịnh	Sukha-vipāka: Quả hạnh phúc, quả được mong muốn
Somanassa: Hạnh phúc	Sukhindriya: Lạc thọ quyền
Somanassa-vedanā: Sự hài lòng, thọ hỷ	Suta-maya ñāṇa: Trí văn
Somanassindriya: Hỷ thọ quyền	Suttanta : Tạng Kinh
Sota: Tai, nhĩ, thần kinh thính giác; dòng chảy	Suttanta Mahāvagga: Kinh Tạng, Thiên Đại Phẩm
Sota-pasāda: Thần kinh thính giác	Suvaṇṇa-bhūmi: Tên một vùng đất
Sotāpatti: (Tâm) Nhập Lưu	

T

Tadanuvattika- manodvāra-vīthi: Lộ tâm ý môn nhớ lại những ký ức quá khứ	Tatra-majjhataṭṭā: Hành xả, sự ổn định tinh thần
Tadārammaṇa: Na cảnh, ghi nhận	Tāvatiṃsa: Cõi trời Tam Thập Tam
	Tayo Dhamma Sutta: Kinh có ba chi Pháp (trong Tăng Chi Bộ Kinh)

Tejo: Yếu tố lửa

Tejo-kasiṇa: Đè mục kasiṇa về lửa

Temiya: Hoàng tử Temiya, là đức Bồ-tát trong một kiếp quá khứ

Thina: Hôn trầm

Thina-middha: Hôn trầm và thụy miên

ṭhitikkhaṇa: Sát-na trụ

Tija-kāya: Thực thể tam nhân

Ti-piṭaka: Tam Tạng

Todeyya: Tên của một người Bà-la-môn, cha của Subha

U

Uccheda-diṭṭhi: Đoạn kiến

Udayabbaya-ñāṇa: Sanh-Diệt Tuệ

Uddhacca: Phóng dật

Uddhacca-kukkucca: Nghĩ mông lung và lo lắng

Uggaha-nimitta: Học tướng, thủ tướng

Upa-ghāṭaka: Đoạn diệt

Upanissaya-paccayo: Cận Y Duyên

Upa-pīlaka: Chống phá, chướng (nghịch)

Upari-paṇṇāsa

Aṭṭhakathā: Một bộ chú giải của Trung Bộ Kinh

Upari-paṭṭāsa Pāli: Tập ba của Trung Bộ Kinh

Upa-thambhaka: Hỗ trợ

Upatthambhaka: Hỗ trợ

Upekkhā: Trung tính, xả

Upekkhā-pāramī: Xả Ba-la-mật

Upekkhindriya: Xả thọ quyền

Uppādakkhaṇa: Sát-na sanh

Uruveḷa: Thành phố Uruveḷa

Utena: Tên của một vị vua, trị vì vương quốc Kosambi

Utu: Nhiệt lượng, thời tiết

Utu-ja: Yếu tố lửa

V

Vacī-viññatti: Ngũ biểu tri

Vajīra-buddhi: Một bộ số giải cho tạng Luật

Vānato nikkhantaṃ nibbānaṃ: Sự tẩy trừ hay sự nhổ tận gốc rễ tham ái, dính mắc

Vaṇṇa: Màu sắc

Vārāṇasī: Thành phố Vārāṇasī, thành Ba-la-nại

Vāsabhakhattiyā: hoàng hậu Vāsabhakhattiyā, mẹ của Viḍaḍūbha

Vāsanā: Khuynh hướng

Vatthu: Vật

Vatthu-purejāta: vật tiên sanh

Vatthu-purejāta nissaya-paccayo: Vật Tiên Sanh Y Chỉ Duyên

Vāyo: Yếu tố gió

Vedanā: Thọ

Vedanā-kkhandha: Thọ uẩn

Veyyāvacca: Phục vụ

Vicāra: Tứ

Vicikicchā: Hoài nghi

Vicikicchā-nusayo: Hoài nghi tiềm miên

Viḍaḍūbha: Tên của một vị hoàng tử

Vigata-paccayo: Lý Khứ Duyên

Vīmaṃsa: Thăm

Vinaya: Tạng Luật

Vinaya Mahāvagga: Đại Phẩm, Tạng Luật

Viññāṇa: Tâm, tâm thức

Viññāṇa-kkhandha: Thức uẩn

Viññāṇa-satti: Năng lượng tinh thần

Vipāka: Quả, tâm quả

Vipāka-paccayo: Dị Thục Duyên

Vipallāsa: ảo tưởng

Vipallāsa Sutta: Kinh Tưởng Diên Đảo

Vipallāsa	Sutta	Virati sīla: Giới kiêng tránh
Anguttara: Kinh Điên Đảo trong Tăng Chi Bộ Kinh		Vīriya: Cần, tinh tấn
Vipassanā: Minh sát, thiền minh sát		Vīriyindriya: Tấn quyền
Vipassanā-bhāvanā: Phát triển thiền minh sát		Vīriy-pāramī: Tinh cần Ba-la-mật
Vipassana-kusala: Tuệ minh sát		Visuddha-magga: Thanh Tịnh Đạo
Vippayutta-paccayo: Bất Tương Ứng Duyên		Visuddhi: Thanh tịnh
Virati: Sự kiêng tránh, ngăn tránh		Vitakka: Tâm
		Vīthi: Tiến trình tâm, lộ trình tâm
		Vuṭṭhabbana: Đoán định, tâm đoán định

Y

Yamaka: Song Đối

TÀI LIỆU THAM KHẢO

--ooOoo--

1. “Paṭṭhāna in Daily Life” by U Hla Myint
2. “Handbook of Abhidhamma Studies, First Edition” by Venerable Sayādaw U Sīlānanda
3. “A Comprehensive Manual of Abhidhamma, First BPS Pariyatti Edition” by Bhikkhu Bodhi
4. Digital Pāḷi Reader (DPR) by Venerable Yuttadhammo
5. www.tipitaka.org
6. “Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một” của Pháp Triều
7. “Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Ba” của Pháp Triều

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ

--ooOoo--

Phật tử hải ngoại

Gia đình Tô Mỹ Hương, Úc Châu	Gia đình Huỳnh Văn Dũng
Phật tử ẩn danh	Gia đình Nông Văn Hằng
Gia đình Oanh Trần	Gia đình Trần Thị Quế Anh
Gia đình Ngọc Quách	Gia đình Nông Đình Hoàng
Gia đình Huỳnh Thị Bé	Gia đình Nông Đình Hải
Gia đình Huỳnh Văn Ngự	Gia đình Nông Thị Mai Trâm
Gia đình Huỳnh Thị Thúy Vân	Gia đình Nông Thị Mai Thoa
Gia đình Huỳnh Văn Thanh	Gia đình Nông Đình Hùng

Phật tử tại Việt Nam

Sư Phước Hỷ	Gia đình Đặng Quỳnh Chi
Sư cô Viên Thuần	Gia đình Lê Ngọc Lương
Tu nữ Phước Thủy	Gia đình Đoàn Bảo Dương
Tu nữ Phước Trang	Gia đình Kim Nga
Tu nữ Diệu Hạnh	Gia đình Nguyễn Gia Thiện
Tu nữ Phước Ni	Gia đình Đồng Thị Thiên Hương
Tu nữ Phước Bái	Gia đình Nguyễn Phương Chi
Tu nữ Quang Thảo	Gia đình Trần Thị Hoàng Hoa
Sư cô Như Phúc	Gia đình Nguyễn Ngọc Sang
Nhóm Phật tử Phan Rang	Gia đình Hồ Văn Trường
Nhóm Phật tử Tâm Hỷ, Chùa	Gia đình Đoàn Mạnh Cường
Phước Sơn, Đông Nai	Gia đình Nguyễn Văn Thuận
Gia đình Saddha Diệu Tín	Gia đình Nguyễn Hoàng Văn
Gia đình Nguyễn Quý Khoáng	Gia đình Trần Thanh Huyền
Gia đình Nghi Trần	Gia đình Trần Thị Ngọc Mai
Gia đình Nguyễn Anh Thơ	Gia đình Trương Thị Ngọc
Gia đình Nguyễn Văn Minh	Hương
Gia đình Phạm Hữu Hồng	Gia đình Lê Bích Phương Chi
Gia đình Nguyễn Anh Sơn	Gia đình Citta Pali
Gia đình Nguyễn Lê Hoài Thu	Gia đình Nguyễn Thị Chi (Diệu
Gia đình Nguyễn Lê Hoa Hiền	Từ)
Gia đình Trịnh Thúy Vi	Gia đình Hoàng Đình An
Gia đình Nguyễn Thị Giang Uyên	Gia đình Tạ Thanh Thiện
Gia đình Vũ Minh Phương	Gia đình Tô Võ Thành
Gia đình Nguyễn Mạnh Tú	

Gia đình Hiền – Huỳnh Văn
Bánh
Gia đình Thúy Nga – Paris
Gia đình Nguyễn Thị Lý
Gia đình Tạ Minh Trang
Gia đình Duy Linh
Gia đình Chiêu
Gia đình Lý Mỹ Phúc
Gia đình Minh Trí
Gia đình Trịnh Ngọc Trác
Các Phật tử ẩn danh
Gia đình chị Đoạt, anh Lộc
Gia đình chị Hào
Gia đình o Khứu
Gia đình chị Thương
Gia đình cô Loan
Gia đình Nguyễn Thị Hồng Nga
Gia đình Võ Văn Linh
Gia đình Lê Văn Dũng
Gia đình Ryan Huỳnh
Gia đình Nguyễn Thanh Minh
Gia đình anh Đại Đà Nẵng
Gia đình Nguyễn Văn Thuận
Gia đình Lê Thị Vy
Gia đình Lê Hạ Nha Trang
Gia đình Phạm Thùy Cương
Gia đình Mi Yoen Nguyen
Gia đình Trần Cúc (cô Thi)
Gia đình chị Lanh Danh
Gia đình Phát Nhuận Chow
Gia đình Trần Đức Thuần
Gia đình cô Hựu Huyền

Gia đình Võ Trọng Phi
Gia đình Cher Nguyen
Gia đình Lê Thúy Quỳnh Trang
Gia đình Phan Quốc Cường, Hà
Nội
Gia đình Lê Uy Vũ, Lương Thị
Mỹ Dung
Gia đình Lê Hoàng Vân
Gia đình Lê Thị Hồng Trâm
Gia đình Huỳnh Nguyễn Thùy
Trang
Gia đình bác Khả bác Sâm
Gia đình Trịnh Đức Vinh, Hà Nội
Gia đình Nguyễn Thị Phương Chi
Gia đình Vũ Thị Châu Giang
Gia đình Trịnh Công Thành
Gia đình Nguyễn Văn Trọng
Gia đình Phạm Thà
Gia đình Bùi Thị Nguyên
(Nguyễn) Hà
Gia đình Lê Thị Thanh Vân
Gia đình Nguyễn Thị Chính
Nghĩa
Gia đình Nguyễn Thị Diễm
Phước
Gia đình Lý Mỹ Phúc
Gia đình Đỗ Thị Lan
Gia đình Hoàng Thị Bé
Gia đình Lê Thị Tuyết
Gia đình Nguyễn Thị Thế
Phượng

ĐỊA CHỈ PHÂN PHỐI

❖ TP. Hồ Chí Minh

1 - Tu nữ Phước Thủy

Chùa Bửu Quang

171/10 - Quốc lộ 1A

P. Bình Chiểu - Q. Thủ Đức

ĐT: 0919763531

2 - Vũ Thị Châu Giang

511/9 Huỳnh Văn Bánh

P. 14, Q. Phú Nhuận

ĐT: 0909129098 – 0903129098

❖ Đà Nẵng

Nguyễn Thị Chính Nghĩa

16 Hoàng Văn Thụ - Q. Hải Châu

ĐT: 0905688670

❖ Huế

Võ Trọng Phi

151 Bà Triệu

ĐT: 0979165701

DUYÊN HỆ TRONG ĐỜI SỐNG BÌNH NHẬT

Tác giả: **U Hla Myint**

Dịch giả: **Pháp Triều**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 - Fax: (04) 37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc – Tổng biên tập
Nguyễn Công Oánh

Biên tập:
Lê Hồng Sơn – Nguyễn Thị Huệ

Bìa & Trình bày: **Thiện Tuệ**
Sửa bản in: **Pháp Triều**

Đơn vị liên kết:

Ông VÕ TRỌNG PHI

Địa chỉ: 40 Bà Triệu, Thành Phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Số lượng in: 1500 bản, khổ 14 x 20 cm. In tại Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng, 420 Lê Duẩn, Đà Nẵng. Số ĐKXB: 3038-2016/CXBIPH/02-165/TG. Mã ISBN: 978-604-61-4018-4.QĐXB: 624/QĐ-NXBTG ngày 20 tháng 9 năm 2016. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2016.